

PHẠM ĐẠN QUẾ

Bình Kiều Vinh Kiều Bói Kiều



VHSC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

Bình Kiều
Vịnh Kiều
Bói Kiều

PHẠM ĐAN QUẾ

Bình Kiều
Vịnh Kiều
Bói Kiều

(In lần thứ năm, bản mới nhất có bổ sung)

VHSG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI NÓI ĐẦU

(Bản in lần thứ tư – NXB Thanh niên 2002)

Năm 1990, cùng với việc viết quyển *Truyện Kiều đối chiếu*, chúng tôi đã hoàn thành một chuyên luận khác về *Truyện Kiều: TRONG NỀN VĂN HÓA KIỀU*. Đó là tập sách dày khoảng 700 trang đề cập đến các hình thức văn hóa mà kiệt tác đã đóng góp vào nếp sinh hoạt tinh thần của nhân dân ta.

Trong dự định cho xuất bản toàn bộ tập sách, đầu năm 1991, chúng tôi đã nhờ giáo sư Phan Ngọc viết *LỜI GIỚI THIỆU* vẫn thường được in vào đầu cuốn sách này. Nhưng do những khó khăn khách quan trong thời kỳ đó và trong việc xuất bản, chỉ chọn in một ít trong phần đầu của chuyên luận và cuốn *Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều* được ra đời, do Nhà xuất bản Hà Nội ấn hành năm 1991.

Nay toàn bộ chuyên luận sau gần 10 năm đã ra mắt thành ba tập:

Năm 1991 là tập thứ nhất: *Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều*.

Năm 1994, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin cho in tập thứ hai: *Tập Kiều – một thú chơi tao nhã*.

Đầu năm 2000, tập thứ ba được Nhà xuất bản Văn học cho ấn hành dưới nhan đề *Từ lấy Kiều, đổ Kiều... đến các giai thoại về Truyện Kiều*.

Sau đó, tập I đã được Nhà xuất bản Hải Phòng tái bản vào các năm 1998, 2000 – tập II được Nhà xuất bản Văn nghệ TP

Hồ Chí Minh tái bản năm 1999, nhưng chưa được sửa chữa vẫn giữ nguyên nên còn nhiều sai sót. Năm nay, chúng tôi chỉnh lý lại tập I và tập III để Nhà xuất bản Thanh niên cho ra mắt cùng với tập II được Nhà xuất bản Văn học in lại dưới nhan đề mới: *Thú Chơi Tập Kiều*.

Bình Kiều, vịnh Kiều là những nội dung rất phong phú và đa dạng bởi cho đến nay đã có mấy trăm bài bình Kiều và hàng ngàn bài vịnh Kiều được đăng tải trên sách vở báo chí đủ loại. Nên về tư liệu chúng tôi chỉ giới thiệu những bài viết quan trọng nhất để giúp quý vị độc giả có một cái nhìn toàn cục về những vấn đề trên. Trong điều kiện chưa in được toàn bộ chuyên luận thành một quyển, chúng tôi cố gắng bổ sung để quyển sách này bớt được phần sơ lược.

Trong hơn chục năm qua, với niềm vô cùng kính trọng thi hào Nguyễn Du và say mê *cuốn sách mỏng manh nhưng kỳ diệu của ông*, với tham vọng nhỏ bé là được đóng góp phần nào vào việc tìm hiểu tác phẩm, chúng tôi đã viết được một số sách về *Truyện Kiều* nhưng do những hạn chế nhất định, chắc vẫn còn thiếu sót, kính mong quý vị độc giả lượng thứ và chỉ giáo.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Thanh niên đã giúp đỡ để sách được kịp thời ra mắt quý vị độc giả cùng với mấy quyển khác trong tập chuyên luận được tái bản trong năm nay.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 9 năm 2002
PHẠM ĐAN QUẾ

LỜI GIỚI THIỆU

(Viết cho tập chuyên luận *Trong nền văn hoá Kiều*)

Khi một tác phẩm văn học đã vào sâu trong lòng người, nó sống một cuộc sống riêng ngoài ý muốn tác giả. Nó có thể đạt đến cái mức cao nhất là tạo nên những hoạt động thuộc văn hóa, phong tục, nghi lễ cực kỳ đa dạng, thu hút một số người đông đảo bất chấp ngôn ngữ, quốc gia, tôn giáo hay tín ngưỡng. *Ramayana* đối với Đông Nam Á lục địa, *Mahabharata* đối với Đông Nam Á hải đảo là những tác phẩm như vậy. Con người có một say mê, nó thêm vươn tới cái tận thiện, tận mỹ. Khi nó không tìm thấy cái tận thiện, tận mỹ trong thế giới thực tế, thì nó tìm trong thế giới biểu tượng, đặc biệt trong thi ca là hình thức nghệ thuật chỉ dựa vào trí nhớ không cần đến một sự tập dượt nào, một phương tiện nào nữa. Nỗi say mê ấy làm vinh dự cho con người và vinh quang lớn nhất mà một tác phẩm thơ đạt được là nó sống một cuộc sống độc lập, di chu du trong cõi đời qua bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu lớp người dưới vô vàn hình thức. Dù xã hội có dựng lên những hàng rào tôn ty, giai cấp, quyền lợi, thành kiến thì mọi thứ chia cắt kia chẳng cách nào chặn được nỗi khao khát của kiếp người là nhìn thấy hạnh phúc, đau khổ, vui buồn, mong nhớ của mình chấp đôi cánh của thi ca.

Việt Nam có một tác phẩm như vậy: Nó chỉ có 3.254 câu thơ nhưng lại là quyển *bách khoa toàn thư* của một vạn tâm hồn mang hình thức diễn đạt tới hạn. Từ khi ra đời, chung quanh tác

phẩm diễn ra những hoạt động văn hóa đặc sắc lôi cuốn tất cả mọi người từ những ông vua nổi tiếng khe khát, say mê Không giáo như Minh Mệnh, Tự Đức đến các quan, các nhà nho, lớp tân học, dân thường. Thực tế trong lịch sử văn học một nước ít có tác phẩm lôi cuốn mọi người đến thế. Con người là con người trước khi là vua chúa hay dân đen. Nhưng khả năng anh ta nhỏ bé. Con mắt anh ta nhìn sự vật rất hời hợt. Tâm hồn anh ta lẫn tránh anh ta, anh ta không hiểu được chính mình. Chính nhờ *Truyện Kiều* mà ta hiểu được chính mình. Ta bắt gặp tình yêu, mong nhớ, vui sướng, đau khổ và vô vàn cảm xúc của mình. Ta ngạc nhiên thấy mắt mình tinh vi, tai mình tế nhị, tim mình bỗng bật đến thế. Ta sung sướng thấy mình có một kho tàng vô giá, toàn loại ngọc bích liên thành¹. Nó là của riêng ta đến mức trở thành một thứ ám ảnh lấn át mọi tác phẩm, mọi câu thơ khác.

Đó là nguyên nhân của những hoạt động văn hóa liên tục sôi nổi, tự nguyện lôi cuốn mọi người từ khi tác phẩm ra đời đến nay. Không thể kể hết các bài nghiên cứu về *Truyện Kiều*. Hầu như người nào nghiên cứu văn học Việt Nam cũng có một bài, một công trình về Kiều đã công bố hay chưa công bố, thuộc loại đặc ý nhất của đời mình. Lại còn kịch, cải lương, tuồng, họa,

(1) *Liên Thành bích*. Chữ này đã được Chu Mạnh Trinh dùng trong *Bài Tựa Truyện Kiều* nổi tiếng trong đó có câu: *Ngọc kia không vết, giá liên thành khôn xiết so bì, nước đã trôi xuôi, hồn cứu mạng vẫn còn vơ vẩn*.

Lấy ở tích: Vua Huệ Văn Vương nước Triệu ngày xưa mua được viên ngọc bích của họ Hòa người nước Sở. Viên ngọc ấy có đặc điểm là trong lúc đêm tối phóng ra tia sáng soi thấu năm cỗ xe di sau. Vì thế vua Chiêu Vương nước Tần nghe tiếng sai sứ sang nói với vua Triệu xin đổi lấy 15 thành liên. Viên ngọc được gọi là ngọc bích liên thành là vì thế.

thơ... Hình như mỗi người Việt Nam đều có một duyên nợ với tác phẩm.

Ông Phạm Đan Quế là một giáo viên toán, nhưng cũng như tôi lại là một "Kim Vân Kiều nhân". Ông sưu tập các biểu hiện văn hóa chung quanh các tác phẩm quen thuộc "Lấy Kiều, Đố, Câu đối, Tập Kiều, Vịnh Kiều, Phú Kiều, Bình Kiều..." Vì số trang có hạn, ông chỉ có thể giới thiệu một số bài tiêu biểu nhất. Nhân có một cơ sở toán học, ông cố gắng tìm hiểu *cách bó Kiều, các văn trong Kiều* để cung cấp một cái nhìn khách quan. Công trình này là bổ ích cho bất cứ ai nghiên cứu Kiều không những như một hiện tượng văn học mà còn như một hiện tượng văn hóa, xã hội học, tâm lý học và phong tục học. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi tình hình nghiên cứu các khoa học nhân văn có bước đổi mới, chấp nhận cách nhìn đa ngành và liên ngành không đơn thuần lấy giáo dục tư tưởng làm mục tiêu, một tài liệu như thế này tự nó có một giá trị riêng đối với những người của nó.

Tôi chỉ là một trong vô số người tìm ở Kiều một "*hồng nhan tri kỷ*". Tôi nghiên cứu *Truyện Kiều* với một tham vọng nhỏ bé: Tìm hiểu chính mình và lo xây dựng một phong cách cấu trúc có khả năng lý giải một phần các mỹ cảm trước hết là của tôi, sau đó là của mọi người. Tôi xuất phát từ tiêu đề: *Con người về nguyên tắc là như nhau, nó say mê cái tận thiện, tận mỹ*. Tôi có nghiên cứu một vài tác giả cụ thể, chẳng qua chỉ nhằm mục đích xây dựng một lý thuyết chung cho phép lý giải cái nhất trí ấy. Tôi rất sung sướng mặc dầu những công trình tôi viết có nhiều điểm "khó nghe", chính nhờ uy tín của Nguyễn Du mà một số

điểm khó nghe ấy không gây phản ứng bất lợi trong hoàn cảnh chưa có điều kiện công bố một phong cách học cấu trúc. Ông Phạm Đan Quế, do cơ sở đào tạo là một nhà toán học, cố đi tìm những bằng chứng khách quan của cái tận thiện, tận mỹ, có nhờ tôi giới thiệu công trình này. Tôi không dám tự xem mình là *nhà Nguyễn Du học*. Tôi hy vọng bạn đọc thấy ở đây những bằng chứng khách quan có ích cho việc tìm hiểu cái đẹp, trước hết là cái đẹp trong tâm hồn chúng ta. Mỗi người Việt Nam đều có một kho tàng vô giá. Đường đi đến kho tàng rất vất vả, nhưng thực tế Nguyễn Du đã bước vào kho tàng và con đường để bước vào kho tàng Nguyễn Du đã tìm được. Đây là bằng chứng cho phép chúng ta yên tâm, không phải lo ngại gì về nhân dân, chỉ nên lo ngại làm sao cho xứng với nhân dân mà thôi.

Tôi xin kết thúc bằng vài câu thơ bộ lọc cảm nghĩ của mình khi đọc quyển sách:

*Lúc sống chỉ mong người sẽ khóc,
Bây giờ bốn biển rạn uy danh,
Chỉ nên lo nỗi mình vô dụng,
Đừng ngại nhân dân thiếu nhiệt tình!*

Hà Nội ngày 10 tháng 4 năm 1991
Giáo sư PHAN NGỌC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN TRONG LẦN IN ĐẦU TIÊN

CÙNG BẠN ĐỌC

Từ khi ra đời chưa đầy hai trăm năm, *Truyện Kiều* của thi hào Nguyễn Du đã làm rung động trái tim của hàng bao thế hệ thuộc mọi tầng lớp nhân dân. Người ta đã *bình Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều*. Rồi *lấy Kiều, đố Kiều*, làm *câu đối Kiều*... Các bậc văn nhân đã sáng tác các tập *Án Kim Vân Kiều*, *phủ*, *văn tế*, *hát nói* cho đến *phỏng Kiều* và còn cả *bói Kiều* nữa. Chuyên luận "*TRONG NỀN VĂN HÓA KIỀU*" của ông Phạm Đan Quế đã đề cập một cách khái quát nhưng hệ thống về tất cả các khía cạnh trên với phần Tư liệu khá phong phú.

Do những khó khăn ngoài ý muốn, cuốn sách phải chia thành nhiều tập. Cụ thể là:

- *Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều*,
- *Tập Kiều* - một thú chơi tao nhã,
- *Kiều* - *xương họa* và các bài thơ *vịnh* theo chủ đề,
- *Từ lấy Kiều, đố Kiều*... đến các giai thoại về *Truyện Kiều*.

Kính mong các vị độc giả thông cảm và đón đọc các tập tiếp theo.

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
Tháng 4-1991

Phần thứ nhất

BÌNH KIỀU

I. BÌNH KIỀU

Truyện Kiều là quyển sách của muôn vàn tâm trạng. Thực vậy, trong *Truyện Kiều*, ngoài cảnh "*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*", cuộc đời của Thuý Kiều tài sắc đã trải qua biết bao đau khổ: *hai lần đi trốn, ba lần định tự tử, ba lần đi tu, bốn lần bị đòn, sáu lần lấy chồng và mấy lần bị Hoạn Thư hành hạ...*

Trên hai chục biến cố ấy đã được Nguyễn Du mô tả một cách tài tình sống động. Mà đâu chỉ có thế, ông còn vẽ ra trước mắt ta biết bao cảnh ngộ của đời Kiều: ba lần chia tay với người tình, ba lần mơ thấy Đạm Tiên, ba lần gặp Giác Duyên, ba lần tâm sự thúc giục Thúc Sinh giải quyết cho êm đẹp chuyện gia đình, năm lần Kiều nhớ nhà, năm lần đánh đàn, hai mươi một lần tả tâm sự của Kiều trước hoặc sau mỗi biến cố của cuộc đời...

Tất cả đều được Nguyễn Du trình bày chỉ trong khoảng một trăm trang sách đầy ắp sự kiện. Mà tất cả đều được vẽ ra một cách sống động, hoàn hảo tuyệt vời.

Nếu đem so với các đôi tình nhân trong các bộ tiểu thuyết lớn trên thế giới: Cô dẻt – Mariuýt, Anna Karênina – Vrônski, Scáclét – Rét Bắtlơ... thì hai nhân vật chính của Nguyễn Du có đặc sắc riêng của mình: Đó là một tình yêu đã trở thành lý tưởng "*giương trong chầng chút bụi trần*". Kim Trọng – Thuý Kiều đã là người yêu đầu tiên của nhau và ở tuổi ngoài ba mươi, họ đã trở thành vợ chồng để chung

sống với nhau đến trọn đời, vậy mà mãi mãi không một lần chung đụng trong khi nàng Kiều đã qua tay biết bao người trong hai lần ở lầu xanh.

Vịch-To Huy-Gô khi viết xong bộ "Những người khốn khổ" một nghìn năm trăm trang đã phải thốt lên: "Quả thực đây là một trái núi", thì với một trăm trang *Truyện Kiều*, chúng ta cũng không khỏi tự hào: "Đây cũng là một hòn núi nhỏ bằng kim cương". Có lẽ trước và sau Nguyễn Du khó tìm được một tác phẩm văn học nào khiêm nhường mà lại vĩ đại như *Truyện Kiều*.

Chính vì vậy, từ khi ra đời, tác phẩm đã được nhân dân yêu chuộng và đã thu hút biết bao tâm huyết, trí tuệ của các bậc văn nhân, thức giả. Biết bao nhiêu suy tư cảm xúc, bao nhiêu lời phẩm bình, bao nhiêu thế hệ nối tiếp nhau đi sâu mong tiếp cận với thế giới tiềm ẩn trong tác phẩm để tìm ra vì sao *Truyện Kiều* lại có sức sống mãnh liệt và sức hấp dẫn đến kỳ lạ như vậy. Trước hết xin được nói về hiện tượng bình Kiều.

Ngày xưa bình thơ có nghĩa là đọc bài thơ với giọng trầm bổng ngân nga có âm điệu, rồi bao gồm cả đọc nghệ thuật và nhận xét, những lời nhận xét có khi khái quát mà nêu được cái thần của bài thơ ấy là những lời bình. Truyền thống phê văn bình thơ được lưu lại trong di sản quý giá của ông cha ta là: *những lời đề tựa, đề từ, đề bút, những đoạn điểm bình trên các tập sách đã đọc đến thư từ, những cuộc xướng họa, bình văn...* Lối phê bình nặng về cảm thụ, chỉ dừng ở chỗ thưởng thức mang tính cảm hứng, ngâm vịnh. Tuy ít tính khoa học của lý luận nghiên cứu phê bình văn

học những quan niệm của các cụ về văn chương lại rất rõ: *Văn dĩ tải đạo*, văn chương là để giúp đời.

Nay phê bình đã phát triển và có nhiều dạng có thể là: *biên luận, biên giảng, biên nghị, biên chú, biên giải...* khi kết hợp việc biên với một nội dung nữa mà cái chính là *biên*. Nhưng khi biên chỉ là phụ thì ta lại để *biên* ở sau mà có: *luận biên, giảng biên, phẩm biên...* rồi *làm biên, phê biên...* *Biên thơ* theo Hoài Thanh là "*từ chỗ mình cảm thấy hay, làm thế nào cho người khác cũng cảm thấy hay*". Nhưng trước hết là mình phải cảm thấy hay rồi cái chính của *biên thơ* lại là ở ý thứ hai: làm cho người khác cũng cảm thấy hay.

Trước một khối tài liệu dồi dào với mấy ngàn bài biên Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều... có trong kho sách báo từ thế kỷ 19 đến nay, chúng tôi xin cố gắng lựa chọn, giới thiệu với bạn đọc một cái nhìn khái quát với một số bài cụ thể về sự hiện diện của *Truyện Kiều* trong đời sống tinh thần của các giai tầng xã hội nước ta.

II. BÌNH LUẬN CỦA CÁC VỊ ĐỒNG THỜI VỚI NGUYỄN DU

Chúng tôi xin bắt đầu bằng việc giới thiệu vấn đề biên Kiều và xin nêu những nhận định, đánh giá của những vị sống cùng thời với Nguyễn Du.

Biên Kiều đã có một lịch sử lâu dài. Có tài liệu nói rằng khi viết xong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã đưa bản thảo cho Phạm Quý Thích xem để viết bài tựa đề cho bản khắc in đầu tiên của quyển: *Kim Vân Kiều tân truyện*.

Ngay từ khi ra đời, tác phẩm đã được mọi người yêu thích. Và chắc chắn bạn bè tác giả đã có trao đổi, biên luận

mà có thể những độc giả đầu tiên thuộc hai họ Nguyễn ở Tiên Điền và ở Trảng Lớn (Nguyễn Huy). Những đoạn bình Kiều theo lối bình điểm đầu tiên còn lại đến nay là của anh rể Nguyễn Du là Vũ Trinh, người Bắc Ninh và Nguyễn Lượng (con thứ 9 của Nguyễn Nghiễm), em khác mẹ của Nguyễn Du và là tri phủ Thiên Trường.

Rồi từ đó *Truyện Kiều* được truyền đến các nhà nho mà đến với mọi người. Đến khi Phạm Quý Thích đưa khắc ván để in ở phố Hàng Gai, Hà Nội thì *Truyện Kiều* nhanh chóng chuyển đến khắp nước và mới được phổ biến sâu rộng.

* Đọc đến hai câu viết về Hoạn Thư:

1533. Ở ăn thì nét cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.

Vũ Trinh phê:

Chân chính nhứt vị đường gia mệnh phụ. Ngã dữ quân, sinh bất đồng thời, cư bất đồng địa, chí kim độc chi, do giác bất hàn nhi lật.

Thật đúng là một vị mệnh phụ đảm đương việc nhà. Ta với nàng sinh không cùng thời, ở không cùng chỗ mà nay đọc đến hai câu này như cảm thấy không rét mà run.

* Đến câu tả Kiều đánh đàn hầu rượu Hồ Tôn Hiến:

2569. Một cung gió thấm mưa sâu
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay.

Nguyễn Lượng phê:

Chỉ thử nhứt cú vô hạn thương cảm, tưởng đương nhứt Thúy Kiều ngũ chỉ thượng huyết thanh đô từng tác giả nhứt chi bút đầu tâm huyết trung xuất lai.

Chỉ một câu thơ này mà lòng thương cảm vô hạn, tưởng như ngày ấy những tiếng đàn đầm máu trên năm đầu ngón tay của Thúy Kiều đều do từ tâm huyết của tác giả mà trào ra đầu ngọn bút.

Đây là những đoạn bình Kiều mang tính chất điểm xuyết, đọc đến đâu thấy cái hay ghi ngay ra lề trang giấy hoặc những chỗ còn trắng và để phân biệt người ghi bằng mực đen (gọi là *mặc bình* như của Vũ Trinh), người ghi bằng mực đỏ (gọi là *chu bình* như của Nguyễn Lượng). Lối phê này khá tự do và linh hoạt không phải viết thành bài nên nhiều khi gặp những ý hay là ghi ra không cần mở bài hay kết luận dài dòng mà cũng không câu nệ về mặt nào dù chính trị, đạo đức hay văn chương. Những lời bình điểm như thế này nhiều nhà văn vẫn làm nhưng không đưa ra công luận. Theo tài liệu hiện còn, trong bản Kiều mà Đào Nguyên Phổ giao cho Kiều Oánh Mậu có 48 đoạn bình điểm. Trong bản Đoạn Trường Tân Thanh -1902, Kiều Oánh Mậu chỉ chọn 15 chỗ với 17 lời bình (trong đó 6 chỗ của Nguyễn Lượng). Ngoài ra trên *Văn hóa nguyệt san*, số tháng 10-11 năm 1965 có nêu thêm 34 lời bình nữa của Vũ Trinh do cụ Ứng Gia chép tặng Viện khảo cổ với lời dịch của Bửu Cầm và Tạ Quang Phát - trong đó có ba chỗ đã nêu trong bản Kiều Oánh Mậu. Như vậy đến nay ta có 48 lời bình cho 45 đoạn Kiều (trong đó có 6 lời bình của Nguyễn lượng còn 42 lời bình của Vũ Trinh) mà trong quyển *Truyện Kiều và các nhà Nho thế kỷ XIX* chúng tôi đã giới thiệu 42 đoạn với 43 lời bình. Trong lần tái bản này, chúng tôi cho in thêm những lời bình còn lại. Những lời bình của Vũ

Trình, Nguyễn Lượng đều khá tinh tế sắc sảo nên ngày nay đã được mọi người xác nhận và trích dẫn.

* Cùng một đoạn Thúc Sinh từ biệt Thúy Kiều nhưng sau đoạn:

1515. *Thương nhau xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.*
1517. *Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày năm sau!*

Vũ Trinh phê:

Sở bôi biệt tầu, sở cú biệt tình, tổng thị biệt lệ nhiễm thành, biệt trường tả xuất, nhất thiên biệt phú, nhất bức biệt đồ, bất khả phân biện

– Mấy chén rượu biệt ly, mấy câu tình biệt ly, đều là những giọt lệ biệt ly nhuộm thành, những khúc ruột biệt ly tả nên một thiên phú biệt ly, một bức họa biệt ly, không thể nào chia ra mà xét được.

Và ngay hai câu thơ tiếp:

1525. *Vòng trăng ai xẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!*

Ông lại phê: *Khả để nhất thiên biệt phú*

– Ngang giá với một thiên phú biệt ly.

* Với câu 723: *Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân, cả hai người cùng bình.*

Nguyễn phê: *Phụ tù, tử mại, chỉ quản hôn thụy. Thúy Vân nhị kiến thân phận tự biệt*

- Cha bị tù, chị phải bán mình mà vẫn cứ ngủ say. Đến đây Thúy Vân hai lần xuất hiện mà xem thân phận của nàng đã khác với Thúy Kiều rồi!

Vũ phê: *Thúy Vân tam kiến câu tự nhất khối ngoan thạch. Đoạn trường hội thượng na đắc hữu thủ xuân hóa? Đạm Tiên kỳ nại tha hà? Chỉ hợp tùy phú quý tố mệnh phụ nhi*

- Thúy Vân xuất hiện ba lần mà lần nào cũng tro ly như hòn đá. Trong hội Đoạn trường làm gì có người ngu xuẩn như vậy được? Nàng Đạm Tiên còn làm gì được cô ấy nữa! Cô chỉ hợp với cảnh giàu sang để làm mệnh phụ phu nhân là phải...

Ngay khi sinh thời tác giả, nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc sử dụng ngôn ngữ và mô tả nhân vật trong *Truyện Kiều* đã được đánh giá rất cao. *Bài Tựa Truyện Kiều* của Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân viết cho bản Kiều năm 1820 là bài bình Kiều hoàn chỉnh đầu tiên còn lại đến nay, trong đó có đoạn:

"Trong một tập thủy chung lấy bốn chữ "tạo vật đổ tài" tóm cả một đời Thúy Kiều: khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc, khi nỉ non tiếng nguyệt, khách dưới đèn dấm khúc tiêu tao; khi duyên ủa kim cỏi, non bể thể bồi; khi đất nổi ba đào, cửa nhà tan tác, khi lầu xanh, khi rừng tía, côi đi về nghĩ cũng chồn chân, khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ mà tê lưỡi. Vui, buồn, tan, hợp, mười mấy năm trời, trong cuốn văn tả ra như hệt, không khác gì một bức tranh vậy. Xem đến chỗ giấc mộng Đoạn trường tỉnh dậy mà căn duyên vẫn gỡ chưa rồi; khúc đàn Bạc mệnh gãy xong, mà oán hận vẫn còn chưa hả, thì dấu đời xa người khuất, không được mục kích tận nơi nhưng lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút,

nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột. Thế thì gọi tên là Đoạn Trường Tân Thanh cũng phải.

"Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tổ Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết Bài Tựa này..."

(Theo bản dịch của Bùi Kỳ – Trần Trọng Kim)

Và càng ngày Truyện Kiều càng chinh phục được trái tim của mọi người.

III. THẾ KỶ 19 SAU KHI NGUYỄN DU QUA ĐỜI

Tháng hai năm Mậu Tý, niên hiệu Minh Mệnh (1828), tại Cẩm Đàm Trang Thứ, Phong tuyết chủ nhân Thập thanh thị trong Bài Tựa viết cho Truyện Kiều có nêu:

"... Kiều ngẫu nhiên mà sinh ra, mà có sắc đẹp, mà lại đa tình, cho đến khi đi Thanh minh, khi gặp Kim Trọng, khi bán mình chuộc cha, đều là ngẫu nhiên cả; cả đến lúc bị hãm ở thanh lâu, lúc đổi chất ở phủ diêm, lúc đã dâm đầu xuống Tiền Đường, lúc lại đoàn viên với Kim Trọng, cũng đều là ngẫu nhiên cả. Dem bút mực tả lên trên tờ giấy nào những câu vừa lâm ly, vừa ủy mị, vừa đốn tởa, vừa giải thú, vẽ hết ra một người tài mệnh trong mười mấy năm trời, cũng là vì cái lịch duyệt của người ấy có lâm ly, ủy mị, đốn tởa, giải thú, thì mới có cái văn tả hết ra như vậy. Thế thì Thúy Kiều không cần phải có người thực mới có truyện song cũng phải có như thế mới có truyện vậy."

(Theo bản dịch của Bùi Kỳ – Trần Trọng Kim)

Dợt bình Kiều có quy mô lớn đầu tiên là do vua Minh Mệnh (thông minh hiếu học, tinh thông Nho học và sùng đạo Khổng, yêu thích văn chương và say mê *Truyện Kiều*, trị vì từ năm 1820 đến 1840) đứng ra chủ trì là vào năm 1830, mở văn đàn ngâm vịnh và sai các quan ở Hàn Lâm Viện chép lại để cho đời sau. Nhà vua viết bài *Tổng Thuyết* bằng chữ Hán với nhan đề:

THÀNH TÔNG NHÂN HOÀNG ĐẾ NGŨ CHẾ TỔNG THUYẾT

Đây là một bài bình Kiều quan trọng cho ta thấy cách đánh giá của nhà vua đối với cuốn truyện. Sau đó các quan thừa chỉ ở Viện Hàn lâm đã được lệnh chép lại thành một tập thơ văn vào trung tuần tháng 8 năm canh thìn (1830). Đó là một tài liệu rất quý cho chúng ta và còn được chép lại trong tập *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đề tập biên* (Bản chép những bài của các vua hiền tôi giỏi xưa nay đề vịnh *Truyện Kiều*)

Đầu quyển là bài *Tổng Thuyết* của nhà vua. Đó là một bài văn chữ Hán làm theo thể phú cho ta biết cách nhìn nhận của nhà vua đối với *Truyện Kiều*. Mở đầu có đoạn:

*Nếu không một phen bình phẩm, khóc cổ nhân mà tặng hậu nhân;
Thì sao rõ được ánh sáng bổ khuyết sử mà thành tín sử...*

... Nên chi:

Khách bút nghiên hồi ấy; bạn tao đàn đời sau.

Thương chí nàng cho là hiếu trung; xét lòng nàng cho là trinh tiết...

Trong tập văn thơ này còn có các bài vịnh Kiều của Hà Tôn Quyền và một số bài khác nữa. Để độc giả có tư

liệu tham khảo, chúng tôi xin giới thiệu bài Tổng Thuyết này với bản dịch của Võ Khắc Triễn và Lê Thuốc.

Cũng như Minh Mệnh, Tự Đức thường triệu tập các nhà khoa bảng trong triều để bình vịnh Kiều. Vào đầu năm Tân Mùi (1871), nhà vua đã mở một văn đàn tại *Phủ Văn Lâu*¹ (Lầu *Phủ Văn* trên tả ngạn sông Hương trước kỳ đài ở Huế).

Tại đây nhà vua đã ngự đề bài Tổng Từ nhan đề:

DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ
NGŨ CHẾ TỔNG TỪ

Đây là một bài vịnh Kiều gồm 140 câu thơ *thất ngôn cổ phong* bằng chữ Hán do nhà vua làm ra. Bài thơ độc đáo ở chỗ chỉ dùng một vần bằng là: *yên, uyên*. Như thế rất khó làm vì phải dùng tới 71 chữ Hán có nghĩa khác nhau có cùng một vần như trên là vần bằng: *yên, uyên*.

Nhà Vua cũng sắc cho các quan Viện Hàn Lâm tòa Nội các chép lại bài Tổng Từ cùng với các bài bình, vịnh *Truyện Kiều* vào thành một văn tập tên là: *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đề tập biên*. Một trong các bản chép lại sau này còn lưu ở Thư Viện Quốc gia, Hà Nội có ký hiệu VNV 240.

Trong bài tựa viết cho truyện *Hoa Tiên*, Cao Bá Quát cũng đánh giá: *Kim Vân Kiều đạt thế ngữ* (*Truyện Kiều* là tiếng nói hiểu đời).

(1) Theo lệ thường nhà vua chỉ ngự lên *Phủ Văn Lâu* để ban bố những văn kiện có tính chất quốc gia đại sự như *Chiếu lên, ngời, Dụ chiếu an...* Nhà vua ban bố bài Tổng Từ ở đây là muốn nói lên tầm quan trọng của nó đối với Triều đình.

Năm 1898, trong *Bài tựa Đoạn Trường Tân Thanh* (tức *Truyện Kiều*) viết cho Kiều Oánh Mậu – sách xuất bản vào năm 1902 – Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ có nhận xét:

"Lời lẽ xinh xắn mà văn hoa, âm điệu ngân vang mà tròn trịa, tài liệu chọn rất rộng, sự việc kể rất tường, lược lặt những điểm khúc tình từ của cổ nhân; lại góp đến cả phương ngôn ngạn ngữ nước nhà, mặn mà vụn vặt không sót, quê mùa tao nhã đều thu. Nói tình thì vẽ được hình trạng hợp lý cam khổ, mà tình không rời cảnh, tả cảnh thì bày hết thú vị tuyết nguyệt phong hoa, mà cảnh tự vướng tình, mực muốn múa mà bút muốn bay, chữ hay phô mà câu hay nói, khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vui, khiến người buồn, khiến người giở đi giở lại ngàn lần, càng đọc thuộc lại càng không biết chán, thật là một khúc Nam âm tuyệt xứng, một điệu tình phổ bậc đầu vậy..."

(Theo bản dịch của Trần Lê Nhân)

Năm 1905, để thưởng xuân Ất Ty, Tổng đốc Hưng Yên Lê Hoan đã có cái cao hứng triệu tập một số những danh sĩ đương thời tới họp cùng dự hội Tao Đàn, thi văn chương về *Truyện Kiều*. Nhà thơ Chu Mạnh Trinh được mời vào Tao Đàn ấy cùng với các ông Nguyễn Tấn Cảnh, Nguyễn Chí Đạo, Chu Thấp Hi, Nguyễn Kỳ Nam, tú tài Phan Thạch Sơ... Hai nhà thơ lão thành là Văn Đình Dương Lâm và Yên Đỗ Nguyễn Khuyến sung vào ban duyệt khảo.

Kết quả được bảy, tám quyển trúng cách, trong số đó quyển của Chu Mạnh Trinh được nhất về thơ Nôm và quyển của Chu Thấp Hi được nhất về thơ chữ Hán. Ngoài 21 bài vịnh Kiều, Chu Mạnh Trinh còn có bài bình Kiều nổi tiếng:

THANH TÂM TÀI NHÂN THI TẬP TỰ

Bài tựa này đã có tới 7 bản dịch khác nhau (2 bản bằng văn xuôi, 5 bản theo thể phú). Bản dịch của Đoàn Tư Thuật kết thúc như sau:

*Ta cũng nôi tình, thương người đồng điệu
Cái kiếp hoa không lắm cảm, con hồn xuân mộng băng khuâng
Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc;
Lại muốn mượn chùm phượng thảo, hú vía thuyền quyền
Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi; đem sự tích tóm làm một tựa.
Bây giờ kể lại còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh thót mưa thu.
Hỡi ôi! Hồn có biết chăng?
Bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc phố!*

Và như vậy ở thế kỷ 19, *Truyện Kiều* đã được nhân dân ta yêu chuộng đến mức nhiều người đã mê *Kiều* mà Chu Mạnh Trinh có thể được nêu như điển hình của một trang văn nhân tài tử say mê *Truyện Kiều*. Những bài bình *Kiều*, vịnh *Kiều* thế kỷ XIX chứng tỏ hai xu hướng tiếp nhận *Truyện Kiều*: cách đọc ký thác với tâm đón nhận cũ (hoặc khen hoặc chê) – xem tác phẩm như nơi gửi gắm tư tưởng, tình cảm của mình – và cách đọc tri âm với tâm đón nhận mới thể hiện mối đồng cảm sâu sắc với Nguyễn Du về số phận con người tài sắc bị vùi dập. Nhưng tất cả đều muốn được gửi gắm tâm sự của mình trong việc cảm nhận và thưởng thức *Truyện Kiều*.

IV. ĐẦU THẾ KỶ 20

Sang đầu thế kỷ thứ 20 khi chữ Quốc Ngữ dần dần chiếm lĩnh vị trí độc tôn trên văn đàn Việt Nam thì việc phê bình *Truyện Kiều* đã có cơ hội mở rộng đi sâu vào quần chúng. Cách thức phê bình cũng có sự thay đổi về chất.

Cùng với việc thu nhập sách báo, đặc biệt là các bài dịch thuật về văn chương của phương Tây, các bài thuyết lý phê bình theo lối mới cũng phát huy tác dụng. Tiếp thu quan điểm mới này, phương pháp phân tích phê bình đã được mở rộng ra nhiều khía cạnh khác nhau phong phú, đa dạng.

Phan Kế Bính (Trong *Việt Hán Văn Khảo*) đã phân tích cái hay của văn chương *Truyện Kiều* trong tả người, tả cảnh đến cách dùng từ...

Tháng 12-1919, Phạm Quỳnh, chủ bút *Tạp chí Nam Phong* cho ra mắt một bài dài nhan đề "*Khảo luận Truyện Kiều*" với bút danh Thượng Chi mở đầu cho việc đánh giá tác phẩm theo lối phê bình phương Tây.

Tạp chí Nam Phong vào những năm này đã đăng một loạt bài nghiên cứu ca ngợi *Truyện Kiều* về nhiều khía cạnh, ta có thể kể những bài hay được nhắc đến như:

Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục: *Văn chương và nhân vật trong Truyện Thúy Kiều* – NP (Số 58, tháng 4-1922)

Vũ Đình Long: *Nhân vật Truyện Kiều* – NP (Số 68, 69, 70 – 1923) – *Triết lý và luân lý Truyện Kiều* – NP (Số 71 – 1924) – *Văn chương Truyện Kiều* – NP (Số 81, 83, 87 – 1924)

Nguyễn Tường Tam: *Mấy lời bình luận về văn chương Truyện Kiều* – NP (số 79, tháng 1-1924)

Trần Trọng Kim: *Bài diễn thuyết về lịch sử cụ Nguyễn Du và văn chương Truyện Kiều* – đọc trong lễ kỷ niệm Nguyễn Du – NP (Số 86-1924)...

Trong *Bài diễn thuyết bằng quốc văn* đọc tại Lễ kỷ niệm Nguyễn Du, được đăng trên *Tạp chí Nam Phong*, số 86, tháng 8-1924, Phạm Quỳnh đề cao *Truyện Kiều* đến hết mức:

"Văn chương người ta thiên kinh vạn quyển, dẫu có thiếu mất một quyển cũng chẳng hại gì. Văn chương mình chỉ độc có một quyển, vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là Thánh thư Phúc âm của cả một dân tộc, ví lại khuyết nốt thì dân tộc ấy đến thế nào?

Than ôi! Mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rùng mình, chột dạ, sững sốt, rụng rời, tưởng như hòn ngọc ở trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan tành vạ. Rồi mới tỉnh ra, sức nhớ đến mấy câu Kiều, vỗ bàn đập ghế, gõ díp rung đùi, lên giọng cao ngâm:

*Lơ thơ tờ liễu buông màn,
Con oanh học nói trên cành mũa mai.*

hay là:

*Phong trần mài một lưỡi gươm,
Những phường giá áo túi cơm sá gì!*

bỗng thấy trong lòng vui vẻ, trong dạ vững vàng, muốn nhảy muốn múa, muốn reo muốn hò, muốn ngao nghễ với non sông mà tự phụ với người đời rằng: *Truyện Kiều* còn, *tiếng ta* còn, *tiếng ta* còn, *nước ta* còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ!...

Có nghĩ cho xa xôi, cho thăm thía, mới hiểu rằng *Truyện Kiều* đối với vận mệnh nước ta có một cái quý giá vô ngần.

Một nước không thể không có quốc hoa, *Truyện Kiều* là quốc hoa của ta; một nước không thể không có quốc túy, *Truyện Kiều* là quốc túy của ta, một nước không thể không có quốc hồn, *Truyện Kiều* là quốc hồn của ta. *Truyện Kiều* là cái văn tự của giống Việt Nam ta đã "trước bạ" với non sông đất nước này. Trong mấy nghìn năm ta chôn rau cắt

rốn, gửi thịt gửi xương ở cội đất này, mà ta vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ, đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một cái văn tự văn khế phân minh, chứng nhận cho ta có cái quyền sở hữu chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một đấng quốc sĩ, vì nòi giống, vì đồng bào, vì tổ tiên, vì hậu thế, rỏ máu làm mực, "tá tả" một thiên văn khế tuyệt bút, khiến cho giống An Nam được công nhiên, nghiêm nhiên, rõ ràng, đích đáng làm chủ nhân một cội sơn hà gấm vóc...".

Dịch giả người Pháp René Crayssac khi dịch *Truyện Kiều* ra thơ Pháp 12 chân (en alexandrins) đã viết một bài nghiên cứu dài tới 86 trang tiếng Pháp mà Phạm Quỳnh có trích dịch một phần trên Tạp chí Nam Phong số 111-112, năm 1926 với nhan đề *Truyện Kiều và xã hội Á Đông*.

Nêu giá trị của quyển Đoạn Trường Tân Thanh, René Crayssac đã viết: *Le Chef d'oeuvre de Nguyễn Du peut subir, sans désavantage, la comparaison avec ceux de n'importe quel temps, de n'importe quel lieu* (Kiệt tác của Nguyễn Du có thể so sánh, một cách xứng đáng với kiệt tác của bất kỳ nước nào, trong bất kỳ thời đại nào).

Il n'y a pas dans toute notre littérature, une oeuvre qui soit aussi répandue, qui ait trouvé dans le peuple un accueil d'une telle ferveur (Trong tất cả nền văn chương của Pháp không có một tác phẩm nào được phổ thông, được toàn dân sùng kính và yêu chuộng bằng quyển truyện này ở Việt Nam).

Heureux l'écrivain qui a pu atteindre dans un seul poème, faire vibrer et chanter toute l'âme de sa race (Và sung sướng thay bậc thi sĩ với một tác phẩm độc nhất vô nhị đã làm rung động và ca vang tất cả tâm hồn của một dân tộc)...

Vào rằm tháng hai năm Kỷ Ty (1929), Hội Khai Trí Tiến Đức lại tổ chức và dựng bia kỷ niệm Nguyễn Du. Phạm Quỳnh qua Tạp chí Nam Phong đã đề cao *Truyện Kiều* một cách có dụng ý nên mới nổ ra cuộc bút chiến quanh *Truyện Kiều* và cụ Huỳnh Thúc Kháng đã phải công kích lại để chiêu tuyết cho cụ Ngô Đức Kế như sẽ nói ở sau.

Dịp kỷ niệm ngày huý Nguyễn Du, mồng 10 tháng 8 năm Nhâm Ngọ (19/9/1942), Hội Quảng Trị – Huế cho xuất bản TẬP VĂN HOẠ KỶ NIỆM NGUYỄN DU. Trên sách báo cũng xuất hiện rất nhiều bài viết về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*.

Năm 1943, học giả Đào Duy Anh cho ra mắt quyển *Khảo luận về Kim Vân Kiều* đánh dấu chặng đường đầu nghiên cứu *Truyện Kiều* của các nhà tân học. Ông đã viết một chương để nói đến những ý kiến bình luận *Truyện Kiều* và khẳng định vị trí của tác phẩm trong văn học sử nước nhà và trong lòng người đọc: *Địa vị sách Đoạn Trường Tân Thanh trong tư tưởng và văn học Việt Nam*. Với cách phê bình khoa học, ông đã so sánh *Truyện Kiều* với nguyên gốc của Trung Hoa để đi đến kết luận:

"Nguyễn Du đã hoán cốt đoạt thai Kim Vân Kiều Truyện mà tạo thành một tác phẩm hoàn toàn mới."

Năm 1958, sách được chỉnh lý và tái bản với nhan đề *"Khảo luận về Truyện Kiều"* và những ý kiến bình luận của các tác giả trước được nêu thành: *Truyện Kiều được tất cả các tầng lớp xã hội Việt Nam thưởng thức và hâm mộ*.

Cùng với bình Kiều là việc kết hợp chú giải và bình luận *Truyện Kiều*. Ngay khi cho xuất bản quyển *Đoạn Trường*

Tân Thanh đầu thế kỷ 20, Kiều Oánh Mậu đã giới thiệu những lời bình Kiều của Vũ Trinh – Nguyễn Lượng kết hợp với những nhận xét bình luận của ông. Sau đó là Bùi Kỳ – Trần Trọng Kim, Bùi Khánh Diễm, Hồ Đắc Hàm... Những quyển kết hợp chú giải và bình luận tương đối rõ nét là của Tản Đà và Lê Văn Hòe. Các vị nhận xét những cái hay của từng từ ngữ, nghĩa lý của từng câu thơ và trên cơ sở đó về sau các nhà biên khảo có thể cân nhắc lựa chọn.

V. NHỮNG CUỘC BÚT CHIẾN ĐẦU THẾ KỶ 20

1. Để phục vụ cho thực dân, Phạm Quỳnh đã đề cao *Truyện Kiều* một cách có dụng ý nên cụ Ngô Đức Kế phải viết bài *Luận về chánh học cùng tà thuyết* đăng trên tạp chí Hữu Thanh ngày 21-9-1924 để phản bác. Cụ mả mai Phạm Quỳnh: "Cứ như ý họ thì nước ta ở thế kỷ này mà muốn chế cái tệ thuốc *thập toàn đại bổ* cho dân cho nước thì không chỉ bằng quyển sách *Trăm năm trong cõi người ta*". Cụ mạnh mẽ tố cáo động cơ của Phạm Quỳnh đến nỗi Phạm Quỳnh phải im hơi lặng tiếng và Tạp chí Nam Phong phải một thời gian sau mới đăng mấy bài và cũng không còn quá say sưa tán dương *Truyện Kiều* như trước nữa. Đến khi nhà chí sĩ họ Ngô qua đời, nhân trả lời bài *Cảnh cáo các nhà học phiệt* của Phan Khôi, Phạm Quỳnh lại cố đánh lạc hướng cuộc đấu tranh nhằm hạ uy tín người đã khuất. Không thể đứng được, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã công kích lại để chiêu tuyết cho cụ Ngô. Việc đề cao *Truyện Kiều* có quan hệ đến vận mệnh dân tộc mà đối với hai cụ thì "Chánh học" là vấn đề hàng đầu nên không thể nhượng bộ. Đồng thời cụ Huỳnh cũng tranh biện với Phan Khôi, Lưu Trọng Lư, Võ

Liêm Sơn về *Truyện Kiều* qua các bài đăng trong báo *Tiếng Dân* trong đó phải kể đến các bài:

– Chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không (17-9-1930).

– Lại vấn đề Chánh học cùng tà thuyết (18-10-1930)

– Mê người trong tiểu thuyết cùng mê người trong tuồng hát (24-10-1943)

Thái độ của cụ Huỳnh cũng có phần gay gắt khi cụ ví *Truyện Kiều* như một chiếc hộp sơn son thiếp vàng "về mặt mỹ thuật rõ là cực tốt mà ở trong đựng những vật có chất độc", cụ gọi Thúy Kiều là "con dī Kiều" rồi "cái giống độc con dī Kiều"... nhưng đều là xuất phát từ lòng yêu nước sâu sắc và thái độ dũng cảm của các cụ trong đấu tranh.

Tuy nhiên, nếu về mặt nội dung có nhiều vấn đề bàn cãi thì riêng về mặt nghệ thuật, mọi người dù đồng tình hay không về mặt này, mặt khác của *Truyện Kiều*, tất cả đều khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm, đóng góp vô cùng to lớn của Nguyễn Du vào kho tàng ngôn ngữ cũng như kho tàng văn học Việt Nam. Ai cũng thấy thực là khó mà khám phá hết cái hay, cái đẹp trong *Truyện Kiều*, một kho báu gần như vô tận khai thác mãi không cạn.

2. Vào khoảng 1939-1945, cuộc tranh luận nghệ thuật vị nghệ thuật – nghệ thuật vị nhân sinh bắt đầu với những bài viết về quan niệm văn học. Hoài Thanh như đại diện cho phái vị nghệ thuật đã hết lời ca ngợi vẻ đẹp hình thức: "Văn chương *Truyện Kiều* chính là nội dung *Truyện Kiều* vì nó là phần cốt yếu và vĩnh viễn. Thiếu phần ấy đi *Truyện Kiều* sẽ chỉ là một cái xác chết...". Ông cho rằng cái đẹp của *Truyện*

Kiều là không thể phân tích được: "Cứ phân tích, cứ giảng giải nó sẽ tan đi..."

Xuất phát từ quan điểm giai cấp tiến bộ, phái nhân sinh cho rằng văn chương là một mặt trận và lý tưởng xã hội mới là tiêu chuẩn hàng đầu. *Truyện Kiều* là một áng văn chương đẹp nhưng là "cái đẹp buồn bã, êm thấm, yếu ớt, suy đồi" (Cao Văn Chánh), *Truyện Kiều* "có một sự cố động có hại cho quần chúng", "*Truyện Kiều* làm cho ta tin ở số mệnh và văn Kiều xin cho quần chúng hàng phục đối với cái thế giới bị áp bức" (Khương Hữu Tài), nên "sẽ có ảnh hưởng xấu đến người đọc" (Cao Văn Chánh)... Hải Triều cho rằng: "*Cụ Nguyễn Du* trong khi khóc thân thế *Kiều* ở bên *Trung Quốc*, chẳng qua là để giải tỏa cái thân éo le của mình cùng bao nỗi đắng cay về thời đại *Hậu Lê*..." Tuy thiếu cái nhìn lịch sử cụ thể và có phần cực đoan nhưng các vị đã nêu bật được những điểm hạn chế trong *Truyện Kiều*.

3. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Bách Khoa lại áp dụng thuyết phân tâm học của Freud vào việc nghiên cứu *Truyện Kiều* với hai quyển *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1942) và *Văn chương Truyện Kiều* (1944) đều in trên tờ *Văn mới*. Nguyễn Bách Khoa xem *Truyện Kiều* biểu hiện cá tính và đẳng cấp của Nguyễn Du, ông cho rằng Nguyễn Du là người "cơ thể ốm yếu và thần kinh hoảng hốt" rồi "trong cơn khủng hoảng thần kinh, thi sĩ Nguyễn Du chỉ còn là một khí cụ ngoan ngoãn trong tay khiêu ảo giác..." Ông miêu tả Thúy Kiều là một con bệnh thần kinh với một tâm hồn ốm yếu bi sầu còn *Truyện Kiều* "chỉ là một thứ văn chương đã ở một vị trí phản tiến hóa lúc đương thời của Nguyễn Du... Cái đẹp của *Truyện Kiều* ngày nay chỉ những tâm hồn muốn thụt lùi mới có

thể thường ngoạn được". Qua hai quyển sách, ông tiếp cận *Truyện Kiều* dưới góc độ xã hội học dung tục mang tính khoa học máy móc và gây chấn động dư luận bởi những nhận định kỳ quặc. Đinh Gia Trinh, Nguyễn Văn Tố, Hoài Thanh đều phê phán những luận giải sai lạc đó trong các bài:

Hoài Thanh: *Một vài ý kiến về quyển Nguyễn Du và Truyện Kiều của ông Nguyễn Bách Khoa (Vì chúa nguyệt san, 1943)*

Đinh Gia Trinh: *Nghiên cứu về Nguyễn Du và Truyện Kiều* (Nhân đọc một cuốn sách mới của Nguyễn Bách Khoa), đăng trong 7 số liên tiếp của *Tạp chí Thanh Nghị*, 1944.

Phê bình quyển *Nguyễn Du và Truyện Kiều*, nhà văn Hoài Thanh viết:

"Cái đẹp của Đoạn Trường Tân Thanh, cái chất thơ bàng bạc trong cả quyển truyện cũng cần phải được cảm thấy một cách hồn nhiên. Cứ phân tích, cứ giảng giải, nó sẽ tan đi. Đến đây phải im hơi, phải nhẹ nhàng mới hòng nhận thấy cái đẹp khi dịu dàng, thủy mị, khi tráng lệ huy hoàng..."

Thế là khi phê phán cái máy móc dung tục trong quyển sách, nhưng thuộc phái nghệ thuật vị nghệ thuật nên Hoài Thanh lại rơi vào cái chủ quan, siêu thực trong đánh giá *Truyện Kiều*.

VI. TRUYỆN KIỀU TRONG CHIẾN TRANH 1945-1975

Nhà phê bình Hoài Thanh trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đã viết một tác phẩm nhìn nhận *Truyện Kiều* dưới một góc độ mới và cho ra mắt vào năm 1949: *"Quyển sống con người trong Truyện Kiều"*. Ông cũng

điểm lại cách luận bình của các lớp độc giả đối với *Truyện Kiều* qua từng thời kỳ.

Truyện Kiều được đưa vào sách giáo khoa trung học đầu tiên do giáo sư Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* (1941). Đến thập niên 50-70 là các sách giáo khoa trung học, ở miền Nam là Hà Như Chi, Phạm Văn Diêu...

Năm 1955, kỷ niệm 135 ngày Nguyễn Du từ trần, báo *Nhân dân* có đăng bài Xã luận: *Bảo vệ giá trị chân chính của Truyện Kiều* mở đầu cho việc nghiên cứu kiệt tác sau ngày hòa bình lập lại. Tập trung vào nội dung xã hội của tác phẩm là:

Đặng Thai Mai: *Đặc sắc của văn học cổ điển Việt Nam qua nội dung Truyện Kiều* – Tập san Đại học Sư phạm (số 3, Tháng 8, 9, 10-1955)

Hoàng Xuân Nhị: *Căn bản của chủ nghĩa nhân đạo chống phong kiến trong Truyện Thúy Kiều* – Tập san ĐHSP (số 3, tháng 8, 9, 10-1955)

Đặng Thai Mai: *Vấn đề hiện thực của Truyện Kiều* – Tập san ĐHSP (số 3, tháng 8, 9, 10-1955)

Đào Duy Anh: *Truyện Kiều – tác phẩm cổ điển tiêu biểu của văn học Việt Nam* – Tập san ĐHSP (Số 1, 1955)

Hoài Thanh: *Sức cảm thông lạ lùng của nhà thi hào dân tộc* – Báo Nhân Dân 9-9-1957

Các tác giả Hoài Thanh, Lê Trí Viễn, Hoàng Hữu Yên... trong những sách Văn học sử đều có những chương riêng viết về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* theo quan điểm mới.

Trong giai đoạn này cũng có một số tác giả viết về *Truyện Kiều* theo một cái nhìn máy móc thô thiển như Trần Đức Thảo, Minh Tranh trong một số bài báo rồi Trương Tửu trong quyển: *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du* – Hà Nội 1956 (NXB Xây dựng).

Đặc biệt năm 1965 theo quyết định của Hội Đồng Hòa Bình thế giới kỷ niệm Nguyễn Du, Ủy Ban Khoa Học Xã hội và Viện Văn học đã tổ chức tiến hành những đợt nghiên cứu, hội thảo để làm sáng tỏ nhiều vấn đề trên quan điểm mới. Tập kỷ yếu KỶ NIỆM 200 NĂM NĂM SINH NGUYỄN DU ra đời năm 1966 đã tổng hợp nhiều bài viết quan trọng trong dịp này gồm:

- Các văn kiện và tài liệu
- Các tiểu luận nghiên cứu về Nguyễn Du
- Các diễn văn, tiểu luận nghiên cứu về Nguyễn Du ở nước ngoài.

Đây là một tài liệu quý giúp chúng ta một số nhận định mới về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Những bài quan trọng là:

Hoài Thanh: *Nguyễn Du, một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn* – VH (Số 11-65)

Trường Chinh: *Nói về Nguyễn Du và Truyện Kiều* – VH (Số 11-65)

Nguyễn Lộc: *Về ngôn ngữ nhân vật trong Truyện Kiều* – VH (Số 11-65)

Xuân Diệu: *Bản cáo trạng cuối cùng trong Truyện Kiều* – VN (Số 135, 26-11-1965)

Nguyễn Khánh Toàn: *Nguyễn Du, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam* – VH (Số 12-65)...

Trong thời gian này, Xuân Diệu, Lê Đình Kỳ, Đào Duy Anh đi sâu vào nghiên cứu với các tác phẩm:

Thi hào dân tộc Nguyễn Du – Xuân Diệu – NXB Văn học – Hà Nội 1966.

Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du – Lê Đình Kỳ – NXB Khoa học xã hội – Hà Nội 1970.

Và đặc biệt năm 1974, học giả Đào Duy Anh đã cho ra mắt quyển *Từ điển Truyện Kiều* – Nhà xuất bản Khoa học xã hội – Hà Nội 1974 – đánh dấu một cột mốc quan trọng trong việc nghiên cứu *Truyện Kiều*. Cho đến nay đây là quyển từ điển về một tác phẩm được nhiều người sử dụng nhất ở nước ta đã được tái bản đến bốn lần. Trên thế giới, ở các nước có nền văn học vĩ đại như Trung Quốc, Nga, Pháp... theo tìm hiểu của chúng tôi hiện cũng chưa biết được có quyển từ điển nào về một tác phẩm được sử dụng và in lại nhiều như vậy mà nếu có cũng thường là những cuốn từ điển về nhiều tác phẩm hay từ điển về một tác giả.

Ở Sài Gòn có *Chân dung Nguyễn Du* – do Nam Sơn xuất bản, 1960 – tập hợp những bài viết về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* và sau đó là mấy số Đặc san kỷ niệm Nguyễn Du vào năm 1965.

Cũng trong dịp này có một số sách viết về *Truyện Kiều* được ra mắt như:

Thư mục về Nguyễn Du – Lê Ngọc Trụ và Bửu Cầm Sài Gòn. 1965 (Viện khảo cổ – Bộ Giáo dục).

Ý niệm bạc mệnh trong đời Thúy Kiều – Đàm Quang Thiện – Sài Gòn 1965 (Nam Chi tùng thư).

Đọc lại Truyện Kiều – Vũ Hạnh – Sài Gòn 1966 (Cảo Thơm, TB: Nghĩa Bình 1987).

Thế giới thơ ca Nguyễn Du – Nguyễn Đăng Thục – Sài Gòn – Kinh thi xuất bản, 1971...

Nhà văn Vũ Hạnh đã góp thêm những bài bình luận độc đáo và cho ta thấy rõ thêm giá trị đặc sắc của *Truyện Kiều*. Nguyễn Văn Trung muốn nêu lại bằng bài "Đặt lại vấn đề *Truyện Kiều* hay phê bình phê bình văn học", trong đó ông phủ nhận hướng phê bình luân lý *Truyện Kiều* với những đánh giá được ghi nhận là tiến bộ.

Bên cạnh đó là những nhận định kỳ quặc của Nguyên Sa Trần Bích Lan và Thanh Lăng. Trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* (1967), Thanh Lăng tổng kết đời sống của *Truyện Kiều* theo 7 số phận mà ông đặt tên là: *Kiều hài nhi* – *Kiều, con bé ranh mãnh hỗn xược* – *Kiều, con bé tội nghiệp đáng thương* – *Kiều thần tượng*, *Kiều minh tinh* – *Kiều bà già hết duyên* – *Kiều bị dấn tố, bị hỏa táng* – *Kiều dẫu thai*. Với thi hào Nguyễn Du, ông cũng đưa ra 12 tiêu đề đầy ý vị hiện sinh cũng kỳ quặc như: *Nguyễn Du một hiện hữu quái gở* – *Nguyễn Du, thi sĩ kiêu hùng trong bi đát* – *Nguyễn Du, thi sĩ của mồ mả, tha ma, nghĩa địa* – *Nguyễn Du, thi sĩ của tan rã, điêu tàn, huỷ diệt...*

VII. TRUYỆN KIỀU TỪ SAU 1975

Trong gần hai thế kỷ qua, việc bình Kiều đã thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Trước hết phải nói đến văn chương *Truyện Kiều*. Người ta đã bàn nhiều về ngôn ngữ,

cách sử dụng vốn từ, văn miêu tả, tự sự, tả cảnh ngụ tình... cùng với các bài viết về văn chương *Truyện Kiều*.

Trong khi các nhà cựu học được đào luyện theo lối học khoa cử theo con đường từ chương cổ Trung Hoa, suy nghĩ nghiền ngẫm từng chữ, từng câu thì về sau người ta bàn đến cách xây dựng nhân vật, cách miêu tả tâm lý, văn đối thoại, cách chuyển đoạn, chuyển ý trong *Truyện Kiều*.

Về nội dung tư tưởng cũng biết bao vấn đề được đặt ra: luân lý trong *Truyện Kiều*, đạo đức các nhân vật, tính cách, lối ứng xử. Những vấn đề triết lý: tư tưởng Khổng giáo, tư tưởng Phật giáo...

Từ 1975 đến nay, các nhà nghiên cứu *Truyện Kiều* đi sâu vào mấy hướng tiếp cận sau đây:

1. *Dưới góc độ phương pháp sáng tác*, năm 1970, Lê Đình Ky đã có một công trình nghiên cứu công phu và nghiêm túc: *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du*. Trong đó tác giả bằng những phân tích sắc sảo đã có những phát hiện mới có sức thuyết phục về lý tưởng thẩm mỹ của Nguyễn Du, về triết lý cũng như về các nhân vật trong *Truyện Kiều*. Tuy nhiên ông cũng dè dặt đề cập đến *chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du* khi ông viết: "Chủ nghĩa hiện thực của *Truyện Kiều* là chủ nghĩa hiện thực trong hình thức phát triển của nó". Vì vậy đến năm 1986, ông cho ra mắt *Hiểu đúng đắn Truyện Kiều* (Hội Văn nghệ Đồng Tháp). Năm 1992, ông lại viết gọn quyển sách của mình với nhan đề *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực*. Tác phẩm của Lê Đình Ky mở ra một hướng nghiên cứu mới. Năm 1989, trong quyển *Về chủ nghĩa hiện thực thời đại Nguyễn Du* (NXB Văn học) Đỗ Đức Dục viết: "Có thể xem Nguyễn Du như người

mở đầu cho chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam.....Cho nên có thể gọi đó là chủ nghĩa hiện thực trữ tình tạo nên cái âm hưởng cho cả nền văn học đương thời."...

2. *Nghiên cứu thể loại của tác phẩm*: Năm 1979, Đặng Thanh Lê đi vào thể loại với *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội). Tác giả cho rằng Nguyễn Du chưa thể hoàn toàn vượt mới trên những điều kiện xã hội và văn học thời ấy để mô tả một cách "hiện thực" trong tác phẩm của mình. Nghiên cứu *Truyện Kiều* như một cột mốc trên con đường phát triển của *thể loại truyện Nôm*, quyển sách đã góp phần nêu bật được giá trị của tác phẩm và giải thích được những thành tựu mang tính chủng loại trong tương quan giữa Nguyễn Du và các tác giả cùng thời cũng như giữa *Truyện Kiều* và các truyện Nôm khác.

3. *Nghiên cứu phong cách tác giả*: Năm 1985, Phan Ngọc cho ra mắt quyển *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội). Tác giả đã cố gắng vận dụng phong cách học để tìm những cống hiến riêng tạo thành phong cách Nguyễn Du. Tác giả đã tiếp cận *Truyện Kiều* bằng "thao tác luận" với cách nhìn mới và những kiến giải đặc sắc. Ông đối lập *Truyện Kiều* với Kim Vân Kiều Truyện để chứng minh rằng "Nguyễn Du đã áp dụng những thao tác kỹ thuật rất công phu để biến câu chuyện nhất thời thành câu chuyện muôn đời, đã nâng câu chuyện tạo vật đổ tãi lên thành mức thang nhân loại". Tác giả còn chú ý đến tính hiện đại của Nguyễn Du trong việc "xây dựng được một loại hình tiểu thuyết thực sự mới mẻ: loại hình tiểu thuyết phân tích tâm lý". Lần đầu tiên, nhiều

vấn đề mới được trình bày cặn kẽ và hấp dẫn như: *phương pháp tự sự của Nguyễn Du, Truyện Kiều – tiểu thuyết phân tích tâm lý, cách bố cục Truyện Kiều theo yêu cầu của kịch rồi câu thơ, ngôn ngữ, ngữ pháp trong Truyện Kiều...*

4. *Nghiên cứu thi pháp Truyện Kiều trong quyển Những thế giới nghệ thuật thơ* (NXB Giáo dục, 1995), Trần Đình Sử đã bước đầu đề cập đến trong phần thứ tư: *Mấy khía cạnh thi pháp Truyện Kiều của Nguyễn Du*. Rồi năm 2002 hoàn chỉnh thành một tác phẩm riêng *Thi pháp Truyện Kiều* (NXB Giáo dục). Tác giả đã trình bày những chặng đường nghiên cứu thi pháp *Truyện Kiều* – Quan hệ giữa *Truyện Kiều* với văn hóa, văn học Trung Quốc rồi với văn hóa, văn học Việt Nam. Trong chương *Truyện Kiều – thế giới nghệ thuật của Nguyễn Du*, ông nêu rõ điều sáng tạo mới mẻ của Nguyễn Du là biến nhân vật chính từ *con người đạo lý thành con người tâm lý*. Từ những chữ lòng, chữ thân, chữ ai... được Nguyễn Du lặp lại nhiều lần có dụng ý trong *Truyện Kiều*, ông cho rằng: Tài mệnh là trường hợp riêng của thân mệnh (nghiep) muốn vượt lên con người chỉ có thể dựa vào chữ tâm và ta có thể nói chủ đề cơ bản của *Truyện Kiều* là "*thân mệnh tương đối*"... Để chứng minh Nguyễn Du là nghệ sĩ của ngôn từ, Trần Đình Sử viết: "... Nguyễn Du đã "đập vỡ" cấu trúc ngôn ngữ hàng ngày để tạo thành ngôn từ nghệ thuật... Ông cũng đã "đập vỡ" cú pháp thông thường để tạo ra những câu thơ "trốn" chủ từ như nhiều người nhận xét và làm cho ý nghĩa của câu thơ trở nên mơ hồ mệnh mang..."

5. *Hướng văn học so sánh: Phạm Đan Quế với Truyện Kiều đối chiếu* – NXB Hà Nội, 1991 – giới thiệu một cách nhìn đối chiếu giữa *Truyện Kiều* và *Kim Vân Kiều Truyện*

để người đọc tự đánh giá "tự mình xác định những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai tác phẩm nhằm qui định xem phần nào là của Nguyễn Du, phần nào là của Thanh Tâm Tài Tử để thanh toán quan điểm cho rằng *Truyện Kiều* chẳng qua chỉ là sách dịch".



Ngoài ra còn có một số sách như:

Chữ nghĩa Truyện Kiều – Nguyễn Quảng Tuân – Hà Nội. 1990 (KHXH).

Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều – Đỗ Minh Tuấn – Hà Nội, 1995 (VHTT).

Nhật Ký đọc Kiều – Lưu Trọng Lư – Hà Nội, 1995 (Hội Nhà văn).

Giảng văn Truyện Kiều – Đặng Thanh Lê – Hà Nội, 1999 (Giáo dục).

Nguyễn Du, con người và cuộc đời – Nguyễn Lộc – Đà Nẵng (1985-TB: Đà Nẵng 1990)....

Có những tác giả còn đi sâu nghiên cứu *Truyện Kiều* về ngôn ngữ (Lê Xuân Lít), về văn bản học (Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Bảo, Thế Anh, Đào Thái Tôn...). Chưa kể mấy chục bản *Kiều* của nhiều nhà biên soạn khác nhau được in ra cả chữ Nôm và chữ Quốc ngữ lẫn các bản dịch ra Pháp, Anh, Hán văn được in lại và dịch lại trong đó có những đoạn bình *Kiều*.

Về văn bản *Truyện Kiều* các loại tới năm 1965 đã có tới 23 lần xuất bản bằng chữ Nôm và 71 lần xuất bản bằng chữ Quốc ngữ với các bản *Kiều* có chú thích, dẫn giải của

các học giả như Nguyễn Văn Vĩnh, Bùi Khánh Diễm, Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim, Tản Đà đến Lê Văn Hòe, Đào Duy Anh... Từ năm 1965 đến nay đặc biệt là những năm cuối thế kỷ 20 thì số bản in Truyện Kiều của các nhà xuất bản khác nhau mà thống kê nổi, nhiều bản Kiều nôm cũ cũng như mới tìm thấy đã được in lại.

Các bản dịch Truyện Kiều ra tiếng nước ngoài cũng nhiều nhưng bản dịch ra tiếng Pháp là phong phú hơn cả. Hiện đã có tới 10 bản dịch khác nhau ra tiếng Pháp, dịch toàn bộ 3.254 câu Kiều ra văn xuôi hoặc thơ – thơ tự do (En vers libres) hoặc thơ 12 chân (En alexandrins).

*Nhưng ngoài các văn bản Truyện Kiều (chữ nôm, chữ quốc ngữ và các bản dịch ra ngoại ngữ) kể trên, sách quốc ngữ trong thế kỷ 20 viết riêng về Nguyễn Du và Truyện Kiều đã có trên một trăm cuốn và sang đầu thế kỷ 21 chỉ trong 4 năm đã có thêm 18 quyển nữa được xuất bản. Như vậy chúng ta thấy quả là trên văn đàn Việt Nam thế kỷ 20, Truyện Kiều có một vị trí cực kỳ đặc biệt: *Thì treo giải nhất chỉ nhường cho ai!**

Trong phần tư liệu, chúng tôi không chỉ giới hạn ở các bài bình Kiều của các nhà cựu học¹. Ở lần tái bản này, trong mong muốn đưa đến quý vị độc giả một cái nhìn tương đối toàn diện về việc bình Kiều, chúng tôi xin trích thêm một số ý kiến của các nhà phê bình nửa sau thế kỷ 20.

(1) Những bài bình luận về *Truyện Kiều* của các nhà nghiên cứu lớp sau trên báo chí trong thế kỷ 20 sẽ được giới thiệu trong quyển *Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX*.

TƯ LIỆU BÌNH KIỀU

A. THẾ KỶ 19

I. LỜI BÌNH

của Vũ Trinh, Nguyễn Lượm

Những lời bình mà chúng tôi trích giới thiệu sau đây chủ yếu dựa theo bản Kiều chữ Nôm chép tay mà cụ Ứng Gia tặng Viện Khảo cổ Sài Gòn (số thư mục VNT4) do Bửu Cầm và Tạ Quang Phát dịch¹. Trong bản Kiều này có lời *mặc bình* (lời phê bình mực đen) của Vũ Trinh và lời *chu bình* (lời phê bình bằng mực đỏ) của Nguyễn Lượm. Lời *mặc bình* nhiều hơn và hay hơn lời *chu bình*. Vì vậy những lời bình trích sau đây đa số là của Vũ Trinh, lời bình nào của Nguyễn Lượm thì chúng tôi đều có ghi rõ.

*481. *Trong như tiếng hạc bay qua*
 Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

Chẳng nói là về sau còn có lối văn kỳ diệu của mấy chương nghe đàn này, thật là cái tài đáng kính, cái khéo thật tuyệt.

*601. *Duyên hội ngộ, đức cù lao*
 Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn.

(1) Xem Văn Hóa Nguyệt San – Sài Gòn tháng 10 – 12 năm 1965.

Có một đoạn kể những suy tính liệu lường này mới thấy Thúy Kiều bỏ mình chuộc cha không phải dễ dàng (Suy nghĩ đã kỹ càng).

*625. *Hỏi tên, rằng Mã giám sinh*
 Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần.

Chữ "gần" lại kỳ diệu, có một lối ngầm mà người bây giờ chỉ đọc sơ qua khiến cái khổ tâm vô hạn của tác giả phải vùi mất.

*677. *Thà rằng liều một thân con*
 Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây
 Phận sao đành vậy cũng vầy
 Cầm như chẳng đổi những ngày còn xanh.

Tình ý rất ráo, bút pháp rất ráo, không biết tác giả lúc hạ bút viết đến đây có bỏ sách mà gào khóc lên một tiếng chẳng?

*695. *Một mình nàng, ngọn đèn khuya*
 Áo đầm giọt lệ, tóc se mái sầu:
 "Phận dầu dầu vậy cũng dầu
 Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời
 Công trình kẻ biết mấy mươi
 Vì ta khăng khít cho người dở dang
 Thề hoa chưa ráo chén vàng
 Lỗi thề thôi đã phũ phàng với hoa!..."

Việc đại hiếu đã xong đến đây mới nhớ đến tình, tác giả miêu tả tâm chí liệt nữ rất có đầu mối. Nếu luận về văn tự, mấy lời ấy đều là lệ máu rưới thành, tiếng khóc và nước mắt cùng ra một lượt (Nhược luận văn tự số ngữ, giai xích lệ sái thành, thanh lệ câu xuất).

*713. *Thúy Vân chột tỉnh giấc xuân
Dưới đèn ghé lại ân cần hỏi han.*

Nguyễn Lượng phê:

Cha bị tù, chị phải bán mình mà cứu việc ngũ say. Đến đây, Thúy Vân hai lần xuất hiện mà xem ra thân phận cô ta khác với Thúy Kiều. *Phụ tù tử mại, chỉ quản hôn thuy, Thúy Vân nhị kiến, thân phận tự biệt*

Vũ Trinh phê:

Thúy Vân xuất hiện ba lần mà lần nào cũng trở như hòn đá. Trong hội Đoàn Trường sao có của ngu xuẩn như vậy? Cô Đạm Tiên còn làm gì được nàng nữa! Nàng chỉ đáng cho theo thói giàu sang mà làm bà quan là phải. *Thúy Vân tam kiến câu tự nhất khối ngoan thạch. Đoàn Trường hội thượng na đắc hữu thủ xuẩn hóa? Đạm Tiên kỳ nại tha hà! Chỉ hợp tùy phú quý tố mệnh phụ nhi.*

*739. *Mất người con chút của tin
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa
Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.*

Quang cảnh này tôi không biết Thúy Kiều làm sao nói ra được, lại không biết tác giả làm sao tả ra được bốn câu thành một hơi liên tục (*Hữu bất tri tác giả như hà tả đắc xuất tứ cú tác nhất khí tục*).

*755. *"Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
Thôi thôi, thiếp đã phụ chàng từ đây!"*

Đây là lời nói sau khi tiếng khóc và nước mắt đã dứt cạn rồi: *Thử thanh lệ câu tận thời ngũ giã.*

*787. Ngập ngừng then lục e hồng
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen
Phẩm tiên rơi đến tay hèn
Hoài công nặng giữ mưa gìn với ai
Biết thân đến bước lạc loài
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

Đây là lời ảo não của Thúy Kiều lúc tình ý đã rối ráo, vậy lời nói lúc này chẳng làm sao được vậy. Giả sử Kim Trọng đến vào lúc ấy, Thúy Kiều có tiếc việc thất thân với chàng không? – Rằng không! (Nhược Kim Trọng dĩ thử thời chí, Thúy Kiều tích thất thân hồ? – Viết phủ!)

*795. Trùng phùng đầu họa có khi
Thân này thôi có còn gì mà mong
Một bước xẩy chân thành hờn vạn cổ
Quay đầu ngoảnh lại kẻ đã trăm năm
Khiến người đau đớn vô cùng.
Nhất thất cước thành thiên cổ hận
Tái hồi đầu thị bách niên thân
Linh nhân thống nguyệt

*857. Giận duyên tử phận bởi bởi
Cầm dao nàng đã tính bài quyền sinh.

Thúy Kiều tuy đã thất thân nhưng một tấm lòng trinh ngờ rằng chưa từng mất, có thể thấy như thế ở những đoạn này.

Thúy Kiều tuy thân dĩ thất, nhi nhất điểm trinh tâm vị thương hoặc thất, dương ư thử đẳng xứ kiến chí

*993. *Nào hay chưa hết trần duyên
 Trong mê đường đã đứng bên một nàng.*

Chỗ nào có Đạm Tiên là chỗ ấy có oan nghiệt.

Xứ xứ Đạm Tiên, xứ xứ oan nghiệt

*1033. *Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
 Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
 Bốn bề bát ngát xa trông
 Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.*

Đoạn này đọc lên thì cảm thấy nỗi sầu biệt ly dâng nên vạn học (*ly sầu vạn học*) lòng oán hận kết thành ngàn mối có thể sánh với hơn mười bài thơ Đường (*khả đề Đường thi thập du thủ*).

*1533. *Ở ăn thì nết cũng hay
 Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.*

Thật đúng là một vị mệnh phụ đảm đương việc nhà. Ta với nàng sinh không cùng thời, ở không cùng chỗ mà nay đọc đến hai câu này như cảm thấy không rét mà run. *Chân chính nhật vị đương gia mệnh phụ. Ngã dĩ quân, sinh bất đồng thời, cư bất đồng địa, chí kim độc chi, do giác bất hàn nhi lật.*

*1795. *Sen tàn cúc lại nở hoa,
 Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.*

1797. *Tìm đâu cho thấy cố nhân?
 Lấy câu vận mệnh khuấy dần nhớ thương.*

1799. *Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương
 Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.*

Có thể thấy sự chung tình của Thúc Sinh không bằng sự chung thủy của Kim Trọng.

Khả kiến Thúc chi chung tình bất như Kim chi hậu.

*2247. *Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.*

Chỗ tả biệt ly, chỗ tả thương nhớ, phạm có năm ba chỗ mà mỗi chỗ một cách, không có chỗ nào trùng lặp giống nhau. Thật là một bậc cao thủ vô hạn trong văn chương.

Tả biệt xứ, tả tư xứ, phạm tam ngũ xứ, các biệt nhất dạng toàn vô nhất bút giá điệp. Chân thị văn chương vô tận tàng cao thủ.

*2569. *Một cung gió thổi mưa sầu
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay.*

Nguyễn Lượng phê:

Chỉ một câu thơ này mà lòng thương cảm vô hạn, tưởng như ngày ấy những tiếng đàn dăm máu trên năm đầu ngón tay của Thúy Kiều đều do từ tâm huyết của tác giả mà trào ra đầu ngọn bút...

Chỉ thử nhất cú vô hạn thương cảm, tưởng đương nhật Thúy Kiều ngũ chỉ thương huyết thanh đô từng tác giả nhất chi bút đầu tâm huyết trung xuất lai

*3113-3126:

3113. *Chàng rằng: – Khéo nói nên lời,
Mà trong lẽ phải có người có ta,*

.....
3125. *Có điều chi nữa mà ngờ,
Khách qua đường để hững hờ chàng Tiều!*

Kim Trọng giải rõ chữ trình ra thật đúng là tri kỷ của Thúy Kiều. Người ta mà giữ được cả tâm lẫn thân thể đều

trình thì quý nhất. Còn như ở đời có kẻ tâm trình mà thể không trình hoặc thể trình mà tâm không trình thì ai mà biết được! Kim Trọng giải xuất trình tự chân Kiều tri kỷ đã. Phù tâm tích song trình, thượng hĩ! Thể hữu tâm trình nhi tích bất trình, diệc hữu tích trình nhi tâm bất trình, ô đặc nhân nhân nhi tri chi.

*3145-3164:

3145. Nàng rằng: – Phận thiệp đã đành,
 Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!

.....

3163. Còn nhiều ân ái chan chan,
 Hay gì vậy cánh hoa tàn mà chơi?

Đọc đến đây mới bảo được Kiều rằng trình nhưng cái trình ấy của nàng có thể thấy được từ khi nàng còn lưu lạc ở chốn thanh lâu. Bây giờ Kiều đã ở vào cảnh đặc ý thì nàng làm ra vẻ thể thôi để tỏ cái trình của mình. Tuy nhiên nói rằng Kiều trình thì cũng không phải là có nhiều người hay là các vương tôn công tử quen thấy người ta khen chê mà không để lọt mắt. Oan thay!

Độc chí thử phương xưng Kiều chi trình nhiên Kiều chi trình dương ư bình khang lưu lạc thời khán chi chí thử tắc xử đặc ý chi sự, tổ cá bằng dạng dĩ bạch kỷ trình chỉ khả vị Kiều tác thái nhĩ...

*3179-3186:

3179. Nghe lời sửa áo cài trâm,
 Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng

.....

3185. Chở che dùm bọc thiếu gì?
 Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay.

Nguyễn Lượng phê: Hai người lại vào trong màn vui một cách khoái lạc chỉ không nói đến chuyện mây mưa Kiều đã giữ được vẹn tiết. Văn chương như vậy thật là diệu ảo. *Nhị nhân phục nhập tú vi bách chủng khoái ngu chỉ bất ngôn vân vũ sự thử Kiều toàn tiết xử diệc văn chương tam muội.*

3197. *Phím đàn điều đặt tay tiên*

Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.

Trong truyện này, tác giả tả Thúy Kiều đánh đàn có năm chỗ (mở đầu bằng đánh đàn thì cũng kết thúc bằng đánh đàn), mỗi chỗ có một tình thái riêng, thật khó được thế, thật khó được thế! Tả Kiều sờ đàn phạm ngũ xứ, nhất xứ hữu nhất xứ tình cảnh, nan đắc nan đắc.



II. BÀI TỰA TRUYỆN KIỀU

của Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân

Trong trời đất đã có người tài tình tuyệt thế, tất thế nào cũng có việc khảm kha bất bình. Tài mà không được gặp gỡ, tình mà không được hả hê, đó là cái căn nguyên của hai chữ *doạn trường* vậy. Thế mà lại có kẻ thương tiếc tài tình, xem thấy việc, trông thấy người, thì còn nhịn thế nào được mà không thở than rên rĩ!

Nghĩ là bậc thánh mới quên được tình, bậc ngu không hiểu tới tình, tình chung chú vào đâu, chính là chung chú vào bọn chúng ta vậy. Cho nên phạm người đã ít tình tất là không có tài, chỉ nửa lòa nửa sáng, sống chết ở trong vòng ảo mĩ, trong cuộc no say, dù có gặp cái cảnh thanh

nhã như hoa thơm buổi sáng, trăng tỏ ban đêm, cũng chỉ
trơ trơ như cây cỏ, như cá chim vậy.

Còn đến bậc tuyệt thế tài tình, mặt ngọc vẻ hoa, lòng
gấm miệng vóc, ngâm thơ liễu như¹, nổi tiếng đài hương;
vịnh phú ngô đồng², khoe tài án bút; nếu một bậc quán
tuyệt thiên thu³, như thế, lại gặp được bậc chân chính tài
nhân kết duyên, tác hợp⁴, khi thơ ngâm hoa nở, khi đàn
gảy trăng lên, nguồn ái ân trọn nghĩa trăm năm, truyện
phong lưu chép thành một lục, người đương vào cái cảnh
ấy đã không gặp phải nỗi khảm kha bất bình, thì người
truyền lại việc ấy còn phải đặt ra truyện *Đoạn Trường Tân
Thanh* làm gì?

Chỉ vì dịp may dễ lỡ, việc tốt thường sai; tiếng hoàn
lặng ngắt, còn trơ bóng trúc lung lay; mặt ngọc vắng tênh,
chỉ thấy hoa đào hớn hở. Có tài mà không gặp được tài,
có tình mà không hả được tình, tài tình đã tuyệt thế, gặp
toàn bước khảm kha, há không phải là con Tào đang tay
ách người quá lắm ru? Ấy chính là truyện *Đoạn Trường Tân
Thanh* vì đấy mà làm ra vậy.

Truyện Thúy Kiều chép ở trong Lục phong tình, ta
không cần bàn làm gì. Lục phong tình cũng đã cũ rồi. Tổ
Như tử xem truyện, thấy việc lạ, lại thương tiếc đến những
nỗi trắc trở của kẻ có tài, bèn đem dịch ra quốc âm đề là

(1) Tạ Đạo Uẩn ngâm thơ liễu như.

(2) Mạnh Hạo Nhiên vịnh cây ngô đồng.

(3) Vượt hơn tất cả xưa nay.

(4) Bối chữ "*Thiên tác chi hợp*" ở Kinh thi, ý nói trời xe duyên vợ
chồng.

Đoạn Trường Tân Thanh, thành ra cái lục phong tình thì vẫn là cái lục cũ, mà cái tiếng đoạn trường thì lại là cái tiếng mới vậy.

Trong một tập thủy chung lấy bốn chữ "tạo vật đổ tài" tóm cả một đời Thúy Kiều: khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc, khi nỉ non tiếng nguyệt, khách dưới đèn đấm khúc tiêu tao; khi duyên ưa kim cái, non bể thể bồi; khi đất nổi ba đào, cửa nhà tan tác, khi lầu xanh, khi rừng tía, côi đi về nghĩ cũng chồn chân, khi kính kè, khi can qua, mùi từng trải nghĩ mà tê lưỡi. Vui, buồn, tan, hợp, mười mấy năm trời, trong cuốn văn tả ra như hết, không khác gì một bức tranh vậy. Xem đến chỗ *giác mộng đoạn trường* tình dậy mà căn duyên vẫn gỡ chưa rồi; *khúc đàn Bạc mệnh* gãy xong, mà oán hận vẫn còn chưa hả, thì dẫu đời xa người khuất, không được mục kích tận nơi nhưng lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột. Thế thì gọi tên là *Đoạn Trường Tân Thanh* cũng phải.

Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết *Bài Tựa* này.

Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như tử làm *Truyện Thúy Kiều*, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ *tài tình* thật là một cái thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy.

Ta lấy một thiên mực nhạt, xa viếng nàng Kiều, tuy lời văn quê kệch, không đủ sánh với bức giao thiên, song đủ tỏ ra rằng cái nợ sâu của hai chữ *tài tình*, tuy khác đời mà chung một dạ. May được nối ở đằng sau quyển *Tân Thanh* của Tố Như tử, cùng làm một khúc *Đoạn trường* để than khóc người xưa.

*Tháng hai, niên hiệu Minh Mệnh,
Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân
viết ở Thân Hoa hiền đất Hạc Giang.
(Bản dịch của Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim)*

✱

III. BÀI TỔNG THUYẾT CỦA VUA MINH MỆNH (1830)

Ví bằng:

Tài làm cho người phải lầm lỗi; tình vì cảnh ngộ phải đổi dời.

Hợp mũ xiêm và khăn yếm vào một người; nêu danh giáo và phong lưu cho muôn thuở.

Danh lưu truyền mà luận không định, vui oan dưới cỏ xanh; tâm dầu đúng mà tích lại sai, ngậm cười nơi suối thảm.

Nếu không một phen bình phẩm, khóc cổ nhân mà tặng hậu nhân; thì sao rõ được ánh sáng bổ khuyết sử mà thành tín sử.

Nhớ xưa:

Cô gái Kiều Minh, con nhà Vương Thị

Đài Đồng Tước khóa chặt gió xuân, đàn khiêu oán cũ;
sớm Ô Y ngâm câu thơ liễu, thơ tả sầu riêng.

Tuy nửa kiếp phong trần, gã Tiêu Lang chưa gỡ xong mối hận; mà tuổi xanh âm điệu, người thương phụ đã nếm phải mùi sầu.

Dẫu nàng chẳng hiểu rõ tình riêng; nhưng ta cũng thương vì tài tử.

Mộng hoàng lương chợt tỉnh, giấc mơ nàng Đạm chẳng phải hư không; thơ hồng điệp riêng đề, khóe mắt chàng Kim xem chừng dễ mến.

Gốc trần duyên chưa tỏ rõ; tình khuê các đã vấn vương.

Lời thề thốt vừa kết mối đồng tâm; cơn tai biến chợt sinh khi vô cớ

Cảnh nhân thời mà đổi khác; việc với lòng thường trái nhau.

Nghìn trùng non nước, chỉ mặt trời than thở nghĩa tình lang; gang tấc đình vi, trông mây bạc bắn khoả lòng hiếu tử.

Trôi giạt yên hoa; lênh đênh bèo bọt.

Thế vậy cũng lý vậy; trời chẳng hay người chẳng.

Tuy nhiên:

Đã có người tài tình hơn đời; mới có cái việc tài tình hơn đời.

Tây Tử khi đã tắm gội, vẽ băng tuyết hiện lên; Vương Tường chẳng mượn đàn thanh, khúc tì bà để lại.

Xét tới tấm lòng u uẩn; mới hay tác dạ kiên trinh

Dẫu có nghe Tư Mã gảy khúc "Cầu hoàng", nhưng khác với Văn Quân bên lò nấu rượu; tuy cũng giống Thôi Oanh ngâm câu "Đài nguyệt" mà vẫn nghiêm với Quân Thụy trong lúc trao thơ.

Vì tiền vàng phá phép công bằng, phải bán mình giữ trọn hiếu đạo; mượn giấy đỏ tả sầu ly biệt, dành cây em chấp mối thân tình.

Dùng dao nhọn sát thân, lòng trinh nữ giữ mình tiết lớn; khuyên áo gấm qui thuận, bậc trượng phu vì nước lòng ngay.

Mười lăm năm bướm lại ong qua, không từng để ý; nghìn muôn dặm mưa dồn gió đập, vẫn giữ vững lòng.

Còn như:

Mắc Sở Khanh lừa, gặp Thúc Sinh xuẩn.

Lỡ bước trong Vu Lan Hội; phụ lòng với Từ Minh Sơn.

Chim được sổ lồng, biết chọn cây nào mà đậu; cá mong thoát lưới, nào ngờ hồng lại sa vào.

Người thức giả vì nàng than thở; gặp cảnh ngộ cũng khó liệu toan.

Nếu không tự lo liệu, khéo chuyển lòng trời; thì vận hội đổi thay, đường cùng lắm lạc.

Trong binh đao làm bạn với hùm beo; giữa sóng gió làm môi cho tôm cá.

Trăm gẫy nghìn mai; một sống muôn chết.

Thì sao được trên sóng khói, gọi hồn người vòng ngọc chuỗi vàng; mà trở lại am nước mây, kết ước cũ duyên kim phận cải.

Nên chi:

Khách bút nghiên hồi ấy; bạn tao đàn dờn sau.

Thương chí nàng cho là hiếu trung; xét lòng nàng cho là trinh tiết.

Sạch mình mà không đến chết, nuốt tiết sánh với Tô Lang; tránh nạn chữ đầu phải gian, thổi tiêu ví cùng Ngũ Tử.

Lúc trước ngâm sâu ở nơi đường cái, tình duyên mà cũng bởi tiết oan; về sau tiêu ở sông Tiền Đường, nghiệp chướng phải chăng là nghĩa khí.

Biết sao đây:

Mặt ngọc không còn thấy; sử xanh khó làm bằng.

Truyện tình tài tử lại ở ngoài vàng ngọc sừng ngà; nỗi lòng giai nhân đều phó mặc gió sương bình lửa.

Thánh Thán đâu còn khói tàn man mác; Hoa Đường đã vắng, vách cũ tiêu điều¹.

Phải nên tìm lại sách xưa; tổ cùng đồng chí.

Truyền thần tả ảnh; họa vẽ thêu hoa.

Thợ trời, thợ người, hộp ngòi bút búa rìu hoa gấm; ngàn đời ngàn thuở, phân lời bàn Bộc thượng tiêu tiêu.

Trên là để vẹn được tấm lòng kiếm điểm ở Luân đài; dưới lại để góp thêm câu chuyện phẩm bình trong nghệ uẩn.

Như thế cũng là một việc hay về tài tình xưa đến nay đó vậy.

Niên hiệu Minh Mệnh thứ 11,

năm Canh Thìn (1830), trung tuần tháng Tám.

Các quan thừa chỉ ở Viện Hàn Lâm dâng mạng kính chép.

(Bản dịch của Vô Khắc Triển và Lê Thước)

-
- (1) Ý nói: Bản của Thánh Thán (tức Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân không còn mà bản của Hoa Đường (tức bản Kiều của Phạm Quý Thích) cũng hết. Cũng có thể hiểu bản Thánh Thán và bản Hoa Đường là một, vì bản Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân có đề là: *Quán Hoa Đường bình luận*. (Có sự trùng hợp: Phạm Quý Thích lại là người làng Hoa Đường)

IV. BÀI TỔNG TỪ CỦA VUA TỰ ĐỨC

(Bản dịch thơ của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm)

- 1- Trên sông Hương tháng ba một buổi
Truyện Thanh Tâm ngồi rồi ngâm nga
Truyện này Thánh Thán soạn ra
Diễn thơ lục bát nước ta Tiên Điền.
- 2- Trãi lăm độ triều miên mưa gió
Tập Hoa Đường còn có nữa đâu
Gặp khi rồi rãi trên lầu
Truyện hay nhẽ để về sau tro tàn.
- 3- Xét tử cũ may còn trọn tập
Họa đồ hình định rắp đem in
Gấm hoa để vịnh từng thiên
Hai mươi hồi, nét mực tiên sáng ngời.
- 4- Luận án lấp mệnh tài đôi chữ
Mười lăm năm trang sử yên hoa
Khoảng năm Gia Tĩnh không xa
Bức tranh tuyết kính Vương gia hoàn toàn.
- 5- Nền phúc hậu trời ban tươi tốt
Hai thuyền quyền, trai tốt Vương Quan
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
Hơn Vân cả chỗ ngón đàn văn thi.
- 6- Hội Đạp thanh gặp kỳ xuân muộn
Dắt hai em viếng mạn tây thiên
Khóc than trước mả Dạm Tiên
Bên hoa khách bỗng xuống yên tự tình.

- 7- Về nhà quăng đèn thanh mớ thấy
Tiểu Kiều trao tập giấy in hoa
Vịnh xong khúc Đoạn trường ca
Tỉnh rồi nhận thấy duyên ta lỡ làng.
- 8- Ngắm mệnh bạc đành rằng như thế
Mối tơ đào riêng để cho ai
Vẽ hoa lọt mắt một người
Chàng Kim hôm sớm bồi hồi nhớ nhung.
- 9- Lối Lam Kiều tường đông ngấp nghé
Kiếp này không xá để kiếp sau
Trước hiên Lâm Thúy không lâu
Chiếc thoa lượm được trên đầu cành cây.
- 10- Rồi quạt với khăn tay trao tặng
Bức tiên thề tình nặng ngàn muôn
Biết đâu trẻ tạo ghen tuông
Gây cho đôi lứa tấn tuồng bể dâu.
- 11- Tang thúc phụ bỗng đâu đưa đến
Vương Ông vì vụ kiện bán tơ
Tấm thân giữ lại khó mà
Trong vòng thế lực, người ta chỉ tiền.
- 12- Mượn em chấp nối duyên thay chị
Vì tình thâm uống phí chu toàn
Tẩy trần một chén tân toan
Kiệu hoa phút đã dặm ngàn xa bay.
- 13- Phẩm tiên lọt vào tay họ Mã
Buôn phần son, trước đã trộm hương
Rắp toan cắt mối đoạn trường
Trong mơ thấp thoáng thấy nương Đạm Tiên.

- 14- Biết trốn nợ oan khiên chẳng được
Ngồi trên lầu thốn thức lệ trào
Sở Khanh dụng chước đà đao
Lầu xanh chịu cánh dạt dào mây mưa.
- 15- Xóm Bình Khang sớm trưa nuốt hận
Tiếng thờn bay đến tận thư phòng
Thúc Sinh tỏ ý mạn nông
Đàn ca suốt sáng, tiệc tùng thâu canh.
- 16- Kém Hoa Dương, mụ đành chịu thiệt
Để thuyền từ giả biệt sông mê
Tân lang gởi chữa êm bẽ
Tình yêu buộc phải cắt lìa sao đành.
- 17- Tài sắc động lòng thương quan phủ
Phán truyền cho đẹp chữ lứa đôi
Kỷ Tâm ngơ ngẩn lạ đời
Mò châu đợi lúc rỗng thời ngủ mê!
- 18- Về thăm vợ quyết bề bưng bít
Có ngờ đâu vợ bịt lại chàng
Bể hoa kế độc lạ nhường!
Gặp nhau khi xuống suối vàng mới mong.
- 19- Vội đi hỏi ông đồng bà cốt
Bảo gặp nàng phải một năm qua
Quả nhiên khi trở lại nhà
Trong bày tôi tớ nhận ra có nàng!
- 20- Bớt rót rượu quỳ dâng tận mặt
Tiểu thư xem đã mát ruột rồi
Cho nàng ra trước Phật đài
Nước canh dương mượn tẩy đời oan khiên.

- 21- Cỏ phía ngoài xanh in lớp lớp
Rêu trong trường phủ rợp chung quanh
Chàng vừa mạo hiểm nghe kinh
Quả tang bắt được thành linh chẳng chơi.
- 22- Nàng hú vía sa nơi địa ngục
Thu bạc vàng trốn lúc trắng tà
Tới am Minh đạo sư bà
Chuông vàng khánh bạc đem ra cúng đường.
- 23- Một đêm nọ Càn nường mới rõ
Bảo vật kia là của Hoạn gia
Hội Vu lan gặp bọm già
Dem nàng bán tại phương xa hải tần.
- 24- Ai run rủi dị nhân người Việt
Đôi tâm tình khăng khít nhau ngay
Tiền trăm cây mối trao tay
Sổ lồng cái én cao bay tức thì.
- 25- Chí hùng anh một khi nổi dậy
Khắp tám phương đâu đấy kinh hoàng
Kiệu hoa thái nữ rộn ràng
Kéo cờ nổi trống lên đường thân nghênh.
- 26- Từ công đứng ngoài dinh đón rước.
Đoàn hùm beo chen trước tiến quân
Ngày xưa tơ tóc oán ân
Móc mưa sấm sét mười phân công bằng.
- 27- Nửa đông nam tiếng lừng cô quá
Quyền bá vương phúc họa trong tay
Chiêu an trúng kế sau này
Kiều nhi than khóc lệ đầy áo khăn.

- 28- Đốc phủ ép xuống sân hầu rượu
Lựa cung đàn nổi điệu bi ai
Trưởng hùm cờ bãi đâu rồi?
Nỡ theo tù trưởng về nơi biên thù.
- 29 – Sóng gió nổi, đêm thì khuya khoắt
Sông Tiền Đường bát ngát mệnh mang
Phải đây hết kiếp đoạn trường
Gửi mình dưới đáy tràng giang cho rồi.
- 30- Hay đâu lọt lưới người ngư phủ
Má đào còn nét cũ chưa phai
Am mây gửi cánh bèo trôi
Truân chuyên khổ não tạm vui tháng ngày.
- 31- Nhà ai lập đàn chay cúng tế
Nhác trông lên linh vị chữ bài
Giác Duyên xiết nỗi rụng rời
Nhủ rằng tôi đã vớt người trầm luân.
- 32- Cả gia đình song thân mừng rỡ
Giã từ sư, cùng trở về quê
Xét mình trải lắm lưu li
Tắm thân bồ liễu xác ve đã tàn.
- 33- Duyên cầm sắt sá bàn thêm then
Duyên cầm kỳ được vẹn là may
Hợp toan trong cảnh sum vầy
Ban đêm đợi nguyệt, ban ngày xem hoa.
- 34- Nguồn phúc ấm đại gia hưởng trọn
Trên song đường, dưới bọn nhi tôn
Tối nay án đó vẫn còn
Ngâm lên một khúc, lệ tuôn ghen ngào.

35- Xưa nay những anh hào kiệt sĩ
Gánh cương thường luân lí trên vai
Cùng thông hơn thiệt chẳng nài
Phòng khuê góp nhật một vài khúc ngâm.

✱

V. BÀI TỰA TRUYỆN KIỀU

của Chu Mạnh Trinh

A. BẢN DỊCH CỦA ĐOÀN TƯ THUẬT

Ôi! Giá sử ngay như trước:

Liêu Dương cách trở, duyên chàng Kim đừng dở việc
ma chay;

Quan lại công bằng, án Viên Ngoại tỏ ngay tình oan
uổng.

Thì¹ đâu đến nỗi:

Son phấn mười mấy năm lưu lạc

Đem thân cho thiên hạ mua cười

Mà chắc rằng:

Biên thù một cõi nghênh ngang, ai xui được anh hùng
cối giáp.

Thì sao tỏ được là:

Người thực nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà
mà lại có cơ quyền.

(1) Chỗ này bản dịch bỏ 4 câu: Sắt cầm hảo hợp,
Cốt nhục đoàn viên,
Ngọc biếc còn dành,
Thoa vàng chẳng gầy.

Thế mới biết:

Người khôn thì hay gặp gian truân; Chuyện đời khéo
lắm trò quanh quẩn

Con tạo hóa vốn thương yêu người tài sắc, nàng đã
biết thế hay chưa; Khách má hồng đừng giận nỗi trắng già,
ta cũng khuyên lời phải chăng.

Chỉ vì một nỗi:

Mối manh chưa tỏ, thể thốt đã nhiều; trăng gió mắc
vào, phồn hoa dính mãi.

Cũng có người bảo:

Tại nước chảy mây trôi lỡ bước; Nên cành đưa lá đón
quen thân.

Nào biết đâu:

Bông hạnh nở ngoài tường; chưa để con ong qua tới.

Cho có muốn:

Lưỡi dao liễu với mạng; lại sợ thành cháy vạ lây

Tấm lòng này như tuyết như gương; mối sầu nọ qua
ngày qua tháng.

Ngọc kia không vết, giá liên thành¹ khôn xiết so bì;
Nước đã trôi xuôi, hồn cự mộng vẫn còn vơ vẩn

Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương.

Lại xem như:

Bút mực tài hoa Đoạn trường mười khúc; Trúc tờ phong
nhã, Hồ cầm một chương

(1) Lấy ở tích *Liên Thành bích*. (Xem chú thích ở trang 8)

Câu thần vắng giọng tiêu tao; bóng nguyệt tưởng chiều
nào nuốt

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Vậy nên:

Khách đa tình say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn
ghi tên tuổi hão; Người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu
sau nhật cái phần hương thừa

Than ôi!

Một bước phong trần, mấy phen chìm nổi; Trời tình mờ
mịt, bể giận mênh mông

Sợi tơ mảnh theo gió đưa đi; Cánh hoa rụng chọn gì
đất sạch

Ai dư nước mắt khóc người đời xưa.

Thế mà:

Giống đa tình luống những sầu chung, hạt lệ Tầm
Dương chan chứa; Lòng cảm cựu ai xui thương mượn, nghe
cây Ngọc Thụ nào nùng

Cho hay danh sĩ giai nhân, cùng một kiếp hoa nghiêm
nặng nợ; Ngán nỗi non xanh đất đỏ, để riêng ai luân lạc
đau lòng

Ta cũng nôi tình, thương người đồng điệu

Cái kiếp hoa không lắm cảm, con hồn xuân mộng băng
khuâng

Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc; Lại
muốn mượn chùm phương thảo, hú vía thuyền quyền

Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi; đem sự tích tóm
làm một tựa.

Bây giờ kể lại còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh thót mưa thu.

Hỡi ôi! Hồn có biết chăng?
Bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc phố!

B. BẢN DỊCH CỦA LÃNG NHÂN

Ví thử:

Gắn bó tự ngày trao quạt, tang Liêu Dương đừng lỡ hẹn duyên hài; đặt bày cho gã bán tơ, án Lôi quận giải ngay niềm oan khuất.

Ắt là:

Sắt cầm êm ả, cốt nhục sum vầy
Ngọc biếc vẫn lành, thoa vàng không gãy.

Lả lơi hoa rượu, khách làng chơi đâu được dịp mua cười; ngang dọc biên thù, tay cung kiếm há thua cơ bó giáp?

Thì sao thấy được:

Chốn khuê các đã đủ điều hiếu hạnh; bạn quân thoa mà biết lẽ kinh quyền!

Mới hay:

Việc đời khuất khúc, chuyện mới ly kỳ; cảnh ngộ éo le nét càng tỏ rõ.

Nàng đà thừa hiểu, từ xưa trẻ tạo vẫn lân tài; ta lại nhũ cùng, đâu phải má hồng đều tủi phận.

Chỉ vì:

Chưa mới manh, đã vội thề bội; mắc trắng gió, mới thành hư hỏng

Hoặc lại bảo: nước chảy mây bay quen mất nét; Hóa cho nên: lá đưa cành đón dễ hư thân.

Nào biết đâu:

Nhị vẫn phong hương, chẳng để bướm ong thông được lối; dao toan cắt hận, nhưng e ao cá cháy theo thành

Mài mảnh gương soi rõ tấm băng trinh; ôm nổi khổ gần qua ngày tủi nhục

Ngọc không mãi bọt, há thua đâu giá trọng liên thành; nước dầu trôi xuôi, vẫn nhớ đến mối tình cự phố.

Vì muốn bàn cho thấu đáo; cũng nên xét đến tâm tình.

Hướng chi:

Bốn dây gió thấm mưa sâu, phủ thiên Bạc mệnh; mười vận hoa thêu gấm dệt, chiếm giải Đoạn trường;

Những nghe đã xót xa lòng, tưởng đến càng mê mẩn bóng.

Hoa đành thua vẻ; liễu muốn ghen màu

Hội phong tao đất Bắc nên trang, khóc cười phải điệu; Nét son phấn miền Nam đáng bậc, đậm nhạt ưa nhìn.

Vậy nên những khách tài hoa, chẳng ngại dễ tên họ bên chéo quần tay áo; lại khiến ngàn năm ghi chép, không nề nhạt phong lưu nơi phấn sót hương thừa.

Than ôi!

Mới lọt vào một kiếp phong trần; đã vương lấy bao phen oan nghiệt.

Trời tình u uất, biển hận vơi đầy.

Sợi tơ mảnh phó mặc gió bay, cánh hoa rụng sá gì bùn lội

Từ trước đã dư người hoài cảm, sao nay còn bận nỗi thương tâm.

Ấy cũng vì:

Tiếng tỳ bà nghe lắng đêm trăng, áo xanh dễ đầm giọt lệ; Khúc ngọc thụ vắng qua mặt sóng, tóc bạc thêm đượm màu sương...

Cho hay danh sĩ giai nhân, nợ sau trước cũng âu người một hội; Dẫu ở non xa nước lạ, kiếp sông hồ khôn thoát hận ngàn thu

Ta vốn đa tình; luống thương đồng điệu.

Cõi sắc Hoa Không chưa giấc ngộ; đài xuân giấc bướm vẫn mơ màng.

Cỏ mỹ nhân một bó ưu hoài, hồn hương có thấu? Tòà kim ốc những hằng vọng tưởng, vóc ngọc còn đâu?

Sẵn bút hoa tả mối sầu tư, đem truyện cũ chia hồi tưởng vịnh.

Giải mãi mà ân tình chưa dứt, giọt mưa đêm còn thánh thót bên khách song; Thiêng chẳng thì hiểu hiện cho xem, bóng người đẹp chừng nhỡn nhớ nơi Lạc phố...



VI. TỰA ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

của Đào Nguyên Phổ (1898)

Nước Việt ta từ Hàn Thuyên đời Trần bắt đầu dùng quốc âm làm thơ phú, rồi thể văn quốc âm mới nổi lên. Thể trên sáu dưới tám, dài ngắn hợp độ, âm tiết dịu dàng, tưởng cũng phỏng theo những câu có sẵn trong kinh sử mà làm ra. Bài tựa *Truyện Tỳ bà* của Kiều Giá sơn nói đã tường

rồi vậy.¹ Người đời phỏng theo cách ấy mà phụ diễn ra quốc âm có đã nhiều. Nhưng mùi đã lờn què, mười phần thì đã đến tám chín, không đáng nói đến. Truyện Phan Trần, truyện Hoa Tiên, người ta đều khen là kiệt xướng, song cũng chưa thoát khỏi còn có câu hay câu dở, chỗ nhả chỗ tục. Muốn cầu cho được áng văn lời như châu ngọc, điệu hợp cung thương thì chỉ một truyện Kim Vân Kiều mà thôi.

Truyện này là của cụ Nguyễn Du, người Tiên Điền, làm Hữu Tham tri bộ Lễ buổi đầu bản triều, y theo cuốn truyện của Thanh Tâm Tài Nhân mà làm ra. Lời lẽ xinh xắn mà văn hoa, âm điệu ngân vang mà tròn trịa, tài liệu chọn rất rộng, sự việc kể rất tường, lược lặt những điểm khúc tình tử của cổ nhân; lại góp đến cả phương ngôn ngạn ngữ nước nhà, mặn mà vụn vặt không sót, què mùa tao nhã đều thu. Nói tình thì vẽ được hình trạng hợp ly cam khổ, mà tình không rời cảnh, tả cảnh thì bày hết thú vị tuyết nguyệt phong hoa, mà cảnh tự vương tình, mực muốn múa mà bút muốn bay, chữ hay phô mà câu hay nói, khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vui, khiến người buồn, khiến người giở đi giở lại ngàn lần, càng đọc thuộc lại càng không biết chán, thật là một khúc Nam âm tuyệt xướng, một điệu tình phổ bậc đầu vậy.

Lời xưa nói: "Làm trai biết đánh tổ tôm, uống chè Chính Thái² xem nôm Thúy Kiều" mới là hợp thức tao nhã. Ngày

(1) Trong bài tựa *Tỳ bà quốc âm truyện* (1896) – Kiều Giá Sơn tức Kiều Oánh Mậu cho rằng thể văn lục bát theo các câu có sẵn trong kinh sử.

(2) Chính Thái là hiệu chè ngon có tiếng ở Hà Nội.

nay nào khách văn chương, bạn thoa quần, cho đến kẻ buôn bán, người thôn hào, không ai là không có một quyển Kiều cầm tay để thưởng thức. Ngay như cả những người không biết lấy một chữ mà cũng thuộc được vài câu, cũng thường khi nằm khi ngồi đem ra ngâm ngợi. Ôi! sao mà lại có văn làm say người đến thế? Còn một điều, tôi lấy làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần, mà xem tựa linh kinh *Quỷ Cốc*¹. Là bói làm sao? Há chẳng phải tại: Thúy Kiều có tài sắc không hai, làm *một bậc tình nhân* tuyệt đỉnh ngàn đời; mười lăm năm lịch duyệt phong trần, nên *một thiên tình sự* tuyệt đỉnh nghìn xưa, diễn ra làm truyện, làm ly đồn tởa, thành *một khúc tình từ* tuyệt đỉnh nghìn thu, đem so với bản của Thanh Tâm Tài Nhân lại càng hay hơn nhiều lắm; người đã kỳ, việc lại kỳ, văn tài càng kỳ, nên chỉ chẳng những làm say người đọc mà lại có thể thông cảm thần mình nữa chẳng?

Truyện Kiều ấn hành đã lâu, nét chữ có chỗ nhầm, người xem do cái nhầm này mà ra cái lẫn khác, phần nhiều cứ lấy ý kiến riêng mà cưỡng giải. Bạn thân tôi là Kiều Giá sơn, đỗ Phó bảng triều Tự Đức, sành văn quốc âm, ngày làm quan ở tỉnh Bắc đã soạn *Truyện Tỳ bà*, nay lại đem truyện này đính chính, kê dẫn điển tích cho người xem hiểu rõ; và nhân văn án của Tham hiệp tiến sĩ Nguyễn Văn Thắng đã định, Giá sơn có làm thêm hai bản án Thổ quan và ngư phủ, lại vịnh cả thơ và đề cả tựa. Ai thấy đều khen

(1) *Quỷ Cốc* là chỗ ở của thầy học Tôn Tẫn, Trương Nghi thời Chiến Quốc rất giỏi thuật số. Đây nói về người giỏi về thuật số, thông hiểu mọi lẽ. Nhân chỗ ở là *Quỷ Cốc* nên thầy tự đặt hiệu là *Quỷ Cốc Tử*.

là bác nhả và khuyên cho in để cống hiến người sành thơ văn. Nhưng Giá sơn vì bận công việc báo quán Đồng Văn, chưa rỗi để làm việc đó.

Năm Ất Mùi (Tức năm 1895) tôi đương học ở Quốc tử giám, có công tử họ ngoại nhà vua cầm đến tặng tôi một bản Kiều mới, nhan đề là *Đoạn Trường Tân Thanh*. Tôi mở ra đọc, thấy châm chước từng chữ, từng câu thay cũ đổi mới; danh bút phê bình, cơ thần linh động. Lại được vua phê cho đôi câu đối. (*Đôi câu đối của vua Tự Đức phê ở đầu sách*); người đẹp văn hay, được đóa thiên hương làm tăng thêm khú sắc. Vậy nên ngâm vịnh quý hơn được ngọc bích, người truyền nhau sao chép, giá giấy đắt như "giấy quý Lạc Đô". Mùa hè năm nay, tôi ở kinh vinh quy, mang sẵn bản Kiều ấy đưa biểu Giá sơn. Giá sơn trông thấy liền mừng cuống lên nhân gia công kiểm duyệt tình tường, rồi khắc in để cho nhiều người thưởng thức. Tôi tin chắc rằng người đời muốn lấy cái mà hun đúc tính tình, kích dương phong nhả, cũng do bản *Truyện Kiều* này mà được vậy.

*Thượng tuần tháng mười một, mùa đông năm Mậu Tuất (1898),
niên hiệu Thành Thái. Đinh Nguyên, nhị giáp Tiến sĩ khoa Mậu Tuất,*

Đào Nguyên Phổ, hiệu **Hoành Hải**
người Cần Giàng, tỉnh Thái Bình ghi.

Trần Lê Nhân dịch

✱

B. ĐẦU THẾ KỶ 20

I. BÀI DIỄN THUYẾT BẰNG QUỐC VĂN

PHẠM QUỲNH

(Trích *Bài diễn thuyết bằng quốc văn* Đọc tại Lễ kỷ niệm Nguyễn Du, nhân ngày mất, 10 tháng 8 âm lịch do Hội Khai Trí – Ban Văn Học – tổ chức ngày 8-9-1924)

... Hiện nay suốt quốc dân ta, trên từ hàng thượng lưu học thức, dưới đến kẻ lam lũ làm ăn, bất cứ già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà, ai ai cũng biết *Truyện Kiều*, ai ai cũng thuộc *Truyện Kiều*, ai ai cũng kể *Truyện Kiều*, ai ai cũng ngâm *Truyện Kiều*, như vậy thời ai ai cũng đều hưởng cái công nghiệp của cụ Tiên Điền ta, ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ cụ và nghĩ đến cái ơn của cụ tác thành cho tiếng nước nhà.

Muốn cảm cái ơn ấy cho đích đáng, hăng thử giả thiết cụ Tiên Điền không xuất thế, cụ Tiên Điền có xuất thế mà quyển *Truyện Kiều* không xuất thế, quyển *Truyện Kiều* có xuất thế mà vì cớ gì không lưu truyền, thời tình cảnh tiếng An Nam đến thế nào, tình cảnh dân tộc ta đến thế nào?

Văn chương người ta thiên kinh vạn quyển, dầu có thiếu mất một quyển cũng chẳng hại gì. Văn chương mình chỉ độc có một quyển, vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là Thánh thư Phúc âm của cả một dân tộc, ví lại khuyết nốt thì dân tộc ấy đến thế nào?

Than ôi! Mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rung mình, chột dạ, sững sốt, rụng rời, tưởng như hòn ngọc ở trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan tành vậy. Rồi mới tỉnh ra, sức nhớ

đến mấy câu Kiều, vỗ bàn đập ghế, gõ díp rung đùi, lên giọng cao ngâm:

*Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mả mai.*

hay là:

*Phong trần mài một lưới gươm,
Những phường giá áo túi cơm sá gì!*

bỗng thấy trong lòng vui vẻ, trong dạ vững vàng, muốn nhảy muốn múa, muốn reo muốn hò, muốn ngao nghể với non sông mà tự phụ với người đời rằng: *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ!...*

Có nghĩ cho xa xôi, cho thấm thía, mới hiểu rằng *Truyện Kiều* đối với vận mệnh nước ta có một cái quý giá vô ngần.

Một nước không thể không có quốc hoa, *Truyện Kiều* là quốc hoa của ta; một nước không thể không có quốc túy, *Truyện Kiều* là quốc túy của ta, một nước không thể không có quốc hồn, *Truyện Kiều* là quốc hồn của ta. *Truyện Kiều* là cái văn tự của giống Việt Nam ta đã "trước bạ" với non sông đất nước này. Trong mấy nghìn năm ta chôn rau cắt rốn, gửi thịt gửi xương ở cõi đất này, mà ta vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ, đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một cái văn tự văn khế phân minh, chứng nhận cho ta có cái quyền sở hữu chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một đấng quốc sĩ, vì nòi giống, vì đồng bào, vì tổ tiên, vì hậu thế, rỏ máu làm mực, "tá tả" một thiên văn khế tuyệt bút, khiến cho giống An Nam được công

nhiên, nghiêm nhiên, rõ ràng, đích đáng làm chủ nhân một cõi sơn hà gấm vóc.

Đấng quốc sĩ ấy là ai? Là cụ Tiên Điền ta vậy. Thiên văn khế ấy là gì? Là quyển *Truyện Kiều* ta vậy.

Ngắm âu người ấy báu này.

Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!

Báu ấy mà lọt đến tay ta, thật cũng là một cái phúc duyên cho ta, nhưng báu ấy ở trong tay Cụ lại chính là một cái tức duyên của Cụ. Thiên văn tự tuyệt bút kia là gồm bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu giọt lệ kết tinh lại mà thành ra, những khi đêm khuya thanh vắng vẫn thường tỉ tê thánh thót trong lòng ta, như

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

vậy.

Cái áng văn chương tuyệt tác cho người đời đó, an tri lại không phải là một thiên lịch sử thống thiết của tác giả?

Truyện Kiều với quan hệ thân thế cụ Tiên Điền như thế nào, lát nữa ông Trần Trọng Kim sẽ diễn thuyết tường tận để các ngài nghe.

Nay tôi chỉ muốn biểu dương cái giá trị của *Truyện Kiều* đối với văn hoá nước ta, đối với văn học thế giới, để trong buổi kỷ niệm này đồng nhân biết cái công nghiệp của bậc thi bá nước ta lớn lao to tát là dường nào.

Đối với văn hoá nước nhà, cái địa vị *Truyện Kiều* đã cao quý như thế; đối với văn học thế giới, cái địa vị *Truyện Kiều* thế nào?

Không thể so sánh với văn chương khắp các nước, ta hằng so sánh với văn chương hai nước có liên tiếp quan hệ với ta, là văn chương Tàu và văn chương Pháp. Văn chương Tàu thật là mông mênh bát ngát, như bể như rừng. Nhưng trong rừng văn bể sách đó, tưởng cũng ít quyển sách được với *Truyện Kiều*, mà xét cho kỹ có lẽ không có sách nào giống như *Truyện Kiều*. Gốc truyện tuy do một bộ tiểu thuyết Tàu mà ra, nhưng vào tay cụ Tiên Điền ta biến hóa hẳn, siêu việt ra ngoài cả lẽ lối văn chương Tàu, đột ngột như một ngọn cô phong ở giữa đám quần sơn vạn hác vậy. Có người sánh *Truyện Kiều* với *Ly tao*, nhưng *Ly tao* là một bài than, từ đầu đến cuối toàn một giọng bi đát thảm thương, so với *Cung oán* của ta có lẽ đúng hơn. Có người lại sánh với *Tây sương*, nhưng *Tây sương* là một bản hát, từ điệu có véo von, thanh âm réo rắt, nhưng chẳng qua là một mớ ca từ cho bọn con hát, không phải là một nền văn chương chân chính. Cứ thực thì *Truyện Kiều* dẫu là đậm thắm cái tinh thần của văn hoá Tàu, dẫu là dung hoà những tài liệu của văn chương Tàu, mà có một cái đặc sắc văn chương Tàu không có. Cái đặc sắc ấy là sự "kết cấu". Nhà văn, nhà thơ Tàu, ngoài những bài thơ văn nho nhỏ ngắn gọn, phàm làm sách chỉ biết cách biên tập, không sành cách kết cấu. Biên tập là cốp nhặt mà dặt liền lại; kết cấu là thu xếp mà gây dựng nên, thế nào cho thành một cái toàn bức các bộ phận điều hoà thích hợp với nhau, không thêm bớt được chút nào. *Truyện Kiều* là một cái toàn bức như thế, mà là một bức tranh thế thái nhân tình vẽ sự đời như cái gương tầy liếp vậy.

Xét về cách kết cấu thì văn chương nước Pháp lại là sở trường lắm. Cho nên *Truyện Kiều* có thể sánh với những áng thi văn kiệt tác của quý quốc, như một bài bi kịch của Racine hay một bài văn tế của Bossuet vậy. Đó là nói về cái thể tài văn chương. Còn về đường tinh thần thời trong văn học Pháp có hai cái tinh thần khác nhau, là tinh thần cổ điển và tinh thần lãng mạn. Tinh thần cổ điển là trọng sự lễ lối, sự phép tắc; tinh thần lãng mạn là trọng sự khoáng đạt, sự ly kỳ. *Truyện Kiều* gồm được cả hai cái tinh thần ấy, vì vừa có cái đạo vị thâm trầm của Phật học, vừa có cái nghĩa lý sáng sủa của Nho học, vừa có phong phú tiêu dao của Trang Lão, lấy lẽ phải ông Khổng mà chế lại sự thần bí của nhà chùa, sự khoáng đạt của hai họ. Nhưng mà ngay trong văn chương nước Pháp tưởng cũng không có sách nào giống hẳn như *Truyện Kiều*, vì *Truyện Kiều* có một cái đặc sắc mà những nền kiệt tác trong văn chương Pháp không có. Đặc sắc ấy là sự "phổ thông". Phàm đại văn chương, không những ở nước Pháp, ở nước nào cũng vậy, chỉ có những người thượng lưu học thức mới thường giám được, kẻ bình dân không biết tới. Người Pháp không phải là ai ai cũng biết đọc kịch Racine hay là đọc văn Bossuet. Người Nam thời ai ai cũng biết ngâm Kiều, kẻ Kiều, "lấy" Kiều để ứng dụng trong sự ngôn ngữ thường, kẻ thông minh hiểu cách thâm trầm, kẻ tầm thường hiểu cách thô thiển, nhưng ngâm nga lên thấy đều lấy làm vui tai, sướng miệng, khoái chí, tỉnh hồn.

Thử hỏi cổ kim Đông Tây đã có một áng văn chương nào cảm người được sâu và được rộng như thế chưa. Tưởng dễ chỉ có một *Truyện Kiều* ta là có thể tự cao với thế giới

là văn chương chung cả một dân tộc 18, 20 triệu người già trẻ, lớn, bé, giỏi, dốt, sang, hèn, đều thuộc lòng và đều biết hay cả.

Như vậy thì *Truyện Kiều* không những đối với văn hoá nước nhà, mà đối với văn học thế giới cũng chiếm được một địa vị cao quý.

Văn chương ta chỉ có một quyển sách mà sách ấy đủ làm cho ta vẻ vang với thiên hạ, tưởng cũng là một cái kỳ công có một trong cõi văn thế giới vậy...

(Trích *Tạp chí Nam Phong*, số 86, tháng 8-1924)



II. LUẬN VỀ CHÍNH HỌC CÙNG TÀ THUYẾT QUỐC VĂN - KIM VÂN KIỀU - NGUYỄN DU

NGÔ DỨC KẾ

... Vận nước thịnh hay suy quan hệ tại đâu? – Tại nhân tâm thế đạo. Nhân tâm thế đạo xấu hay tốt, cội gốc tại đâu? – Tại học thuyết tà hay chính.

Rộng xét năm châu, trải xem lịch sử, dọc ngang mấy vạn dặm, trên dưới mấy ngàn năm, từ đông đến tây, từ xưa đến nay, hễ nước nào khi vận nước thịnh cường tất là khi ấy trong nước chính học sáng rệt: nước nào khi vận suy dốn, tất là khi ấy trong nước tà thuyết lưu hành. Chính học sáng rệt thì thế đạo nhân tâm phải tốt, mà vận nước cũng theo chính học mà nổi lên; tà thuyết lưu hành thì nhân tâm thế đạo phải hư, mà vận nước cũng theo tà thuyết mà đắm mất.

Khi chánh học đương quang minh, thì tà thuyết không có chỗ nào xen vào được; tà thuyết lưu hành trong nước như gió lướt cỏ, như nước vỡ đê, không ai ngăn cản, thì thường vào lúc chánh học đã suy đồi, mà nhất là cuộc đời biến cải, việc nước đổi thay, quốc thị mơ màng, nhân tâm bở ngỡ, nền cũ đã đổ, nhà mới chưa thành. Bậc hiền nhân quân tử thì kín tiếng dấu tăm, nằm co ở nơi thảo dã; mà bọn bỉ phu tục tử thì khua chuông gõ mõ nhảy nhót ở trên vũ đài, lúc ấy chính là lúc tà thuyết thừa cơ mà lấn lướt chánh học.

Thầy thuốc ta nói rằng: khi trong mình mà chính khí hư nhược, thì ngoại tà nhân dịp mà xâm nhập vào, làm cho người phát bệnh, dần dần do biểu mà nhập lý thì thành bệnh khó trị. Thầy phù thủy nói rằng: khi trong mình mà chính thần không bảo hộ, thì quỷ tà nhân dịp mà ám vào, cũng làm cho người phát bệnh, dần dần thì người hoá ra ma. Tà thuyết cũng như thế, vì chánh học suy cho nên tà thuyết thịnh; tà thuyết đã thịnh thì chánh học phải đến tiêu vong, hai đảng ấy tiêu, trưởng, tồn, vong, dù đất nào thời nào cũng không sai một sợi tóc.

Vả lại cái tính loài người, theo điều phải thì khó khăn như trèo ngược núi, theo điều xằng thì dễ dàng như nước chảy xuôi. Vậy cho nên lúc vận nước đã suy thì trăm ngàn người phò trì chánh học mà không đủ, một người xướng lên tà thuyết mà hăm hại nhân tâm thế đạo có thừa, gớm ghê thay! Cái tà thuyết làm sa đắm lòng người không biết đến đâu mà nói. Một người xướng mười người hoạ, cho đến trăm nghìn người hoạ, dần dần phong hành cả nước, lấy trái làm phải, lấy xấu làm đẹp, lấy thối làm thơm, mà

thế đạo nhân tâm, hiện ra một tấn xú kịch: nước không thành nước, người không thành người. Thầy Mạnh Tử sinh ra đời Chiến Quốc, vì lúc ấy cái học thuyết họ Dương, họ Mặc, thịnh hành trong thiên hạ mà Ngài phải lo cự họ Dương, họ Mặc, giảng minh cái học Chu, Khổng để chữa đổi lòng người. Đời sau khen ngợi cái công thầy Mạnh tịch tà thuyết, chính nhân tâm không thua gì công vua Vũ thảo nước lụt đuổi muông dữ để cho thiên hạ được an cư lạc nghiệp. Vì sao mà nói thế? Là vì cái hại tà thuyết mê đắm lòng người có kém gì cái hại nước lụt trôi người, muông dữ ăn người đâu, mà lại thậm hơn nữa.

Nước Việt Nam ta, vài nghìn năm nay, học chữ Hán, theo đạo Khổng. Hán văn tức là quốc văn. Khổng học tức là quốc học. Tuy rằng giang sơn biến cải, triều đại đổi thay có mấy mươi lần, cơn hiểm nguy biến loạn đã nhiều, mà chánh học một dòng vẫn không sa sút; nhân tâm, phong tục, đạo đức, chánh trị đều bởi đó mà ra; nước nhà giống nòi, cũng nhờ đó mà vững được. Từ khi Âu trào tràn khắp thế giới, nước ta có cuộc bảo hộ, mà cái học "*chi, hồ, giả, dã*" mới đổi sang "*a, b, c, d*". Dem Âu học mà đổi Hán học không phải là có hại, song thiên hạ việc gì cũng thế, phá cái cũ thì dễ mà chóng, lập cái mới thì khó mà lâu. Âu học chưa vin được ngọn ngành, mà Hán học đã đứt cả cội rễ; những người chân chánh Âu học, có kiến thức tư tưởng, thì còn trông mong ao ước ở đâu chưa thấy, mà những người chân nho chánh sĩ Hán học thì đã quá nửa mòn mỏi điêu linh.

Chánh phủ thì chỉ có thể chăm lo tác thành lớp nhân tài trong các học đường mà thôi, còn ngoài ra miễn là không

phạm đến chánh trị thì tha hồ mà ngôn luận; nhà in đã sẵn, sở báo cũng nhiều, khi ấy bọn văn sĩ giả dối mới ứng thời xuất hiện. Những người học thức kiến văn chưa được một nắm, nhân cách giá trị chẳng đáng là bao, mới lom lem những học thuyết ông Mạnh (Montesquieu), ông Lư (Rousseau), bập bẹ những cách ngôn họ Trang, họ Liệt, thì đã nghiệm nhiên tự lập làm một đảng văn hào, tự xưng khai hoá quốc dân, mà không ngó lại mình đã khai hoá hay chưa; thôi thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thôi thì tán xằng tán nhảm, nói bậy nói càn, không còn có nghĩa lý chính đáng chi nữa.

Thương hại thay! Trong nước kẻ học thì ít, kẻ không học thì nhiều; học mà có kiến thức thì ít, học mà không kiến thức thì nhiều; những văn chương nhảm nhí, ngôn luận càn xiên ấy đã tràn khắp cả nước, làm cho phải, chẳng điên đảo, đen, trắng lẫn phèo, rồi ra lấy dốt làm thông, tôn nịnh làm thánh, đá vũ phu mà cho là ngọc, nàng Vô Diêm mà cho là sắc khuynh thành; đạo đức ngày càng suy đồi, nhân tâm càng ngày càng theo về đường hư nguy. Cái xã hội Âu chẳng ra Âu, Hán chẳng ra Hán này há không phải bởi các nhân vật giả dối Âu chẳng ra Âu, Hán chẳng ra Hán ấy múa bút khua lưỡi mà gây nên ư? Tác giả có phải cố ý bài bác người đời để mua hờn chác oán làm chi; thiệt là trông ra gai mắt, nghĩ đến đau lòng, muốn nói cũng chẳng nói hết đâu, hãy dẫn ra sau này một chuyện:

Kim Vân Kiều là sách gì? Chưa nói sự tích thiệt không, chưa kể văn chương hay dở, chỉ nhắc đến cái tên sách, thì nghe đã không thể nào nghĩ được. Vì sao thế? – Phạm bộ truyện nào đâu có bao nhiêu nhân vật mặc lòng, chỉ là một

người làm chủ nhân, sự tích là sự tích một người chủ nhân ấy, thì tên sách cũng theo đó mà gọi; nay truyện ấy là sự tích cô Vương Thuý Kiều mà tên sách đặt ba người, một người thì lấy chữ họ mà mất tên, hai người thì lấy chữ tên mà mất họ, thì thiệt là dốt vô cùng. Cái tên ấy chắc là tự nhà khắc bản in đặt ra, chứ ông Nguyễn Du chắc không đặt tên dốt như thế; dù cái tên ấy là nguyên bản của Tàu, thì càng đủ biết rằng truyện ấy đặt ra bởi một anh Tàu dốt nào đó mà thôi. Nói đến sự tích, thì phạm truyện tiểu thuyết đều là lấy một chút sự thực trong lịch sử, hoặc là tự ý nhà văn sĩ bịa ra chứ bất tất có chuyện thiệt, truyện *Thanh Tâm Tài Nhân* (tức là *Truyện Kiều*) là một bộ tiểu thuyết tầm thường không có giá trị gì. Xem trong bộ tình sử của Tàu, biết bao nhiêu truyện ly kỳ hơn nữa. Và dù sự tích ấy mà có thiệt đi nữa, thì một đôi thiếu niên nam nữ, đêm thanh vắng, trèo tường trở ngõ, ước hội truyện trò với nhau, đối với phong hoá đạo đức đã là việc bất chính; mở đầu quyển sách như thế, dù sau có tô vẽ hiếu nghĩa gì đâu nữa cũng không đủ làm gương tốt cho đời.

Nói về văn chương quốc âm của ông Nguyễn Du, thì vẫn là hay thiệt, song cái lối văn vẫn ngâm nga ngợi hát, chỉ là một lối trong đạo văn chương. Văn tuy hay mà truyện là truyện phong tình, thì cái về *ai, dâm, sầu, oán, đạo, dục, tăng, bi*, tám chữ ấy không tránh đàng nào cho khỏi. Cái bản ý ông Nguyễn Du làm truyện *Đoạn Trường Tân Thanh* ấy (tức là *Truyện Kiều*) chỉ là mượn chút văn chương mà ngụ chút tâm sự mình, cho nên ông đã có câu: "*Lời quê góp nhặt nên bài, mua vui cũng được một vài trống canh*". Xem thế thì biết truyện ấy chỉ là một thứ văn chương ngâm vịnh

chơi bời, để lúc thanh nhàn mà đọc đôi câu cho tiêu khiển, chứ không phải là một thứ văn chương chính đại theo đường chính học, mà đem ra dạy đời được đâu.

Ngày trước các cụ tiền bối thường cấm con em xem *Truyện Kiều*; trong xã hội, ai hay đọc *Kiều* nhẽu ngao, thì cho là kẻ đàng điếm. Ý các cụ nghĩ rằng các gã thiếu niên, chí khí chưa định, tình dục đang nồng, xem truyện thì mê, rồi sinh cái tư tưởng trộm ngọc cắp hương, khêu hoa ghẹo nguyệt, say đắm trong trời tình bể ái, mà mềm nhũn cái gan lòng sắt đá, bỏ mất cái chí nguyện cao xa. Cái phép gia đình giáo dục của các cụ như thế, thiệt phải lắm. Vì cái tính trộm ngọc cắp hương, say hoa đắm nguyệt, người sinh ra không dạy cũng biết, vẫn cấm mà không được, huống chi lại thấy trong sách, trong truyện, ngâm nga ngợi hát, thành ra một việc rất phong nhã rất hào hoa!

Thế mà ngày nay đức văn sĩ giả dối ta biểu dương *Truyện Kiều* lên để khai hoá cho quốc dân, đem *Truyện Kiều* làm sách *Quốc văn giáo khoa* (sách dạy), làm sách *Sư phạm giảng nghĩa* (sách thầy). Văn sĩ thường nói rằng: "Học Hán văn là học mướn, học Pháp văn là học mướn, học quốc văn mới là học nhà, *Truyện Kiều* tức là sách ta đó".

Ồi! Học làm quốc văn thì học thế nào? Bài này chưa có thể nói được; song có phải là học nghĩa lý, danh từ về các khoa học, luân lý, cách trí, chính trị, cùng là phép luận lý, phép ký sự, để xem các sách vở ngôn luận của ta cho hiểu, để đem tư tưởng sở đắc trong Pháp học mà phát ra làm trước thuật ngôn luận của ta cho thông không? Hay là học lối thơ phú ca ngâm, nắn một chữ nho cho hay, dùng những điển cho lạ, rung đùi lắc gối, như lối học ngày xưa,

đã vì thế mà người ngu nước yếu, nay lại đổi ra chữ Nôm ư? Hay là những cái danh từ "*Tài tử giai nhân, ba sinh duyên nợ, gương thẻ quạt ước, liễu dựa hoa kè, rày ước mai ao, thâm yêu trộm nhớ*", xưa nay không ai dạy mà không mấy ai không thuộc lòng, trong các bức thư hoa tình không câu nào không Kiều, mà nay còn phải dạy nữa cho thêm hay thêm giỏi, thế là học quốc văn ư? Một anh giả dối lớp lếp, đứng đầu sùng bái một lớp người chỉ nghe lỏm nhìn mờ mờ thì vỗ tay tán thưởng, khiến người phải bịt tai bưng mũi, phải nhức đầu long óc vì những tiếng to: "Quốc văn!!! Kim Vân Kiều!!! Nguyễn Du!!!!".

Cứ như ý họ, thì nước ta ở thế kỷ này mà muốn chế cái tể thuộc "*Thập toàn đại bộ*" cho dân cho nước, thì không chi bằng quyển sách "*Trăm năm trong cõi người ta*". Cứ như lời họ, thì từ lúc Gia Long lại nay, nước Nam ta có cái của rất quý báu mà người mình ngu dại không biết là quý, nay nhờ đức văn sĩ có cái đại nhân, đại thức mà phát minh cái của báu ấy cho dân cho nước được nhờ, kể cả cái công phát kiến không kém gì ông Kha luân Bố (Colomb) tìm được Mỹ châu vậy!

Vậy cho nên trong nước ngày nay, nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê bình nhân vật Kiều, nào là chú thích Kiều, nào là thơ vịnh Kiều, cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất, đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem hiện trạng ấy thì nước Việt Nam ngày nay gọi tên là Kim Vân Kiều quốc, nòi giống Việt Nam ta gọi là đại Kim Vân Kiều tộc, cũng đúng lắm chứ không sai!

Xem trong bộ *Tuỳ Viên thi thoại* có nhà làm bài thơ vịnh Quan Công dùng sự tích *Vân Trường bình chúc* (là lúc "Quan Công cầm đuốc suốt đêm đứng hầu nhị tẩu") mà ông Tuỳ Viên chê rằng đem sự tích tiểu thuyết mà làm vào thơ là người vô học. Bộ *Tam Quốc chí* là bộ tiểu thuyết nhất danh tiếng, sự tích Quan Công, ai chẳng tin thật mà kính thờ, thế mà người ta còn cười đem tích tiểu thuyết làm thơ. *Truyện Thanh Tâm Tài Nhân* là tiểu thuyết hèn mạt bên Tàu, mà nay nước Việt Nam tôn phụng làm chính kinh chính sử, thiệt là rước lấy một cái đại sỉ nhục.

Thậm chí sùng bái *Truyện Kiều* mà nói rằng: "*Truyện Kiều* là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt Nam" – không biết có còn quốc gì nữa không? – Xưng tụng ông Nguyễn Du mà nói rằng: "Nguyễn Du dịch *Kiều* từ đời Gia Long", thế thì từ Gia Long về trước, chưa có *Truyện Kiều*, thì nước ta không quốc hoa, không quốc túy, không quốc hồn, thế thì cái văn trị vũ công mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê sáng chói rực rỡ đó, đều là ở đâu đem đến cho bọn học thuê viết mướn ấy mà thôi; thế thì những bậc đại hào kiệt, đại huân nghiệp, cứu dân giúp nước tái tạo giang sơn, mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được vẻ vang cho giống nòi, không ai đáng kỷ niệm cả, mà chỉ ông văn sĩ "Trăm Năm trong cõi" là làm vẻ vang giống nòi, là đáng kỷ niệm mà thôi? Giống nòi ta vẻ vang ra thế nào?

Thậm nữa lại nói rằng: "*Truyện Kiều* quan hệ văn hoá Việt Nam, *Truyện Kiều* quan hệ quốc vận Việt Nam, nếu không có *Truyện Kiều* thì tình trạng dân tộc Việt Nam chưa biết đến thế nào", thiệt là "Con oanh học nói" xằng xiên

bây bạ, rồ dại điên cuồng, tà thuyết mê dân đến thế là cực. Mà có ai cho là tà thuyết đâu, nay đã nhà treo một bức, cửa yết một tờ, kèn trống rước vào, hương hoa cúng lễ rồi! *Truyện Kiều* là văn hoá Việt Nam, *Truyện Kiều* là sách học quốc văn, in vào trong óc, thấm vào trong lòng, tỉ như ngoại tà đã nhập đến ngũ tạng, quỷ tà đã ám mất linh hồn, thì dù lang y hay giỏi đến đâu, pháp sư cao tay đến đâu, cũng không cứu được nữa! Trịnh Khải ở đời Đường, vì tiếng hay thơ mà làm quan đến Tể tướng (cụ lớn), anh ta lấy làm ái ngại mà tự nói rằng: "Trịnh Khải mà làm Tể tướng thì cuộc đời chẳng nói cũng biết rồi". Ôi! Than ôi! *Kim Vân Kiều* mà cai trị nước Việt Nam, thì xã hội nước Việt Nam không nói cũng biết rồi!

(*Hữu Thanh*, số 21, 1-9-1924)



III. CHÁNH HỌC CÙNG TÀ THUYẾT CÓ PHẢI LÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ CHUNG KHÔNG?

(*Chiêu tuyết những lời bài báng cho một nhà chí sĩ mới qua đời*)

HUỲNH THỨC KHÁNG

Báo *Phụ nữ Tân văn* số 67, ra ngày 28-8-30 có đăng bức thư của ông Phạm Quỳnh chủ bút báo Nam Phong trả lời cho ông Phan Khôi về câu chuyện Học phiệt. Trong thư ông Phạm Quỳnh có kể chuyện ông Ngô Đức Kế ngày làm chủ bút báo *Hữu Thanh* có bài công kích ông về *Truyện Kiều*. Bài ông nói đó tức chi bài *Chánh học cùng tà thuyết* của ông Ngô đăng báo *Hữu Thanh* số 21 ra ngày 1-9-1924 (1-9-1924), là một bài tuyết xướng có giá trị nhứt trong quốc văn, báo giới ta về khoảng vài mươi năm

nay, mà đồng bào ta ai đã đọc đến cũng in sâu vào trong não, không bao giờ quên được. Thế mà 8, 9 năm nay không nghe ông Quỳnh có câu gì biện bác bài ấy hay dở, phải không thế nào? Nay ông Ngô đã qua đời rồi, nhân ông Phan Khôi chỉ trích sự không trả lời ấy, ông Quỳnh mới gỡ mối hiềm riêng chất chứa lâu nay, công nhiên phô giũa công chúng rằng bài báo ấy là "câu chuyện cá nhân, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ đến học vấn, tư tưởng gì cả...". Ông lại bươi những chuyện riêng giữa ông Ngô Đức Kế với ông, hai người đối đãi nhau lúc bấy giờ, để làm chứng câu nói "cá nhân quyền lợi" của ông mà buông lời thô bỉ như là "hàng thịt nguýt hàng cá", "thoả lòng ác cảm", "đạo đức hương nguyệt", v.v... bôi lọ đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời.

Những lời nói trên mà xuất tự một người văn sĩ xằng nào thì không đủ trách, song tự lỗ miệng và ngòi bút một người tân nhân vật, nghiêm nhiên tự nhận cái gánh gây dựng một nền văn hoá mới cho nước nhà, lại chủ trương một cái cơ quan ngôn luận trong nước mười mấy năm nay, mà có lời thô lỗ tỏ cái tâm sự hiềm riêng mà nói xấu cho một người thiên cổ thì không thể bỏ qua được.

Ông Ngô Đức Kế là một người tài học trở từ lúc thiếu niên, nếu như ông có ý thờ cái chủ nghĩa vinh thân phì gia, mượn lối văn chương để mua giàu chác tiếng như ai, thì trong đám người đời mà lên mặt sang trọng thông thái ấy, ông làm đến đâu cũng thừa ra. Thế mà hy sinh cả thầy, chỉ ôm một lòng lo việc chung cho đất nước, trọn đời dày đoạ mà cứ kháng một mực cho đến ngày đầy nắp hòm.

Trong sự nghiệp trước tác của ông, bài *Chánh học cùng tà thuyết* trên chỉ là một bài trong ngàn bài khác.

(K.D. thời Pháp thuộc)

(...) Lịch sử cay đắng của ông, đã nhiều người rõ tôi không cần phải nhắc lại. Nay tôi xin gác lịch sử cá nhân ra ngoài mà chỉ tựu trung phạm vi bài *Bác Kiếu* của ông Ngô cùng bức thư *Học phiệt* của ông Quỳnh mà biện bạch cho luận điểm có giới hạn để độc giả cùng xem.

a) Bài *Bác Kiếu* đầu tiên đại ý nói: *Chánh học cùng tà thuyết* có quan hệ đến vận nước: chánh học xướng minh thì thế đạo nhân tâm phải xấu mà vận nước cũng suy đồi... đoạn giữa nói đến *Truyện Kiều* thì cho là một truyện phong tình không đường nào tránh khỏi cái án tám chữ "ai, dâm, sâu, oán, đạo, đục, tăng, bi"(thương, dâm, sâu, oán, mở đường tà đục và tăng mối buồn rầu), dù văn có hay cũng là thứ văn mua vui (chính ông Nguyễn Du là tác giả *Truyện Kiều* cũng tự nhận thế), chớ không đem ra mà dạy đời được, sau ông mới bài bác những người tán dương *Truyện Kiều* rằng "quốc hồn quốc túy" đem làm sách dạy quốc văn, cho là giả dối, là hoặc thế vu dân... Toàn bài đại cương như thế, nói về nghĩa lý thì quang minh chính đại. Thật là một bài quan hệ trong học giới to tát, mà lời biện bác thì nghiêm, nghĩa chánh có một cái mãnh lực như sét phang trước trán, nước xối sau lưng, khiến cho ai đọc đến cũng tỉnh giấc hồn mê. Độc giả thử xem một bài biện luận xác đáng rạch ròi như vậy, sao lại gọi là câu chuyện cá nhân quyền lợi mà không quan hệ đến học vấn tư tưởng sao? Sao gọi là lập luận thiên di? Như vậy mà cho là không quan hệ, thì những lối văn trèo tường trở ngõ, quạt ước trăng thề, ép liễu nài

hoa, cấp hương trộm ngọc kia mới là quan hệ với học vấn tư tưởng sao? Lập luận ấy mới là chính sao?

b) Ông nói làng văn, làng báo cãi nhau là thói con buôn thì câu nói rất trái lẽ mà không có cân lường. Phạm học vấn tư tưởng có biện chiết mà sau chân lý mới được rõ ràng, thuở nay (nhà học giả cãi biện nhau là một điểm thường thấy) huống đã là nhà báo thì có cái nghĩa vụ truyền bá chân lý, miễn là cãi biện nhau không ra ngoài luận điểm thì thôi. Nay ông nói cãi nhau là "hàng thịt nguýt hàng cá" thì làng văn, làng báo cứ vây hùa nhau, làm con sâu nhái tiếng cho nhau mà không xét đến luận thuyết có phải cùng không hay sao. Hàng rau hàng thịt cãi nhau là chỉ bọn thù vặt nói thảm kia chứ không đem điều ấy mà che cái vấn đề "*Chánh học tà thuyết*" này được. Ông nói bài kia không phải phẩm bình *Truyện Kiều* thì bài ấy nói chuyện gì? Ông tưởng 20 triệu đồng bào đều không có tai, có mắt mà tin như lời ông nói sao?

c) "Đạo đức hương nguyện" là đạo đức thế nào? Cứ như lời ông Mạnh Tử đã giải thích thì hương nguyện đã chịu đời đua tọc, không nói trái với ai, chính là bọn nhu mì. Như con đi Kiều kia và cả cái *Truyện Kiều* nữa mới gọi là nhu mì. Thế mà có kẻ bác học Kiều là đạo đức hương nguyện, thì cái chuyện phong tình ấy đạo đức gì?

d) Ông nói: "Ông Ngô thấy người ta hoan nghinh Kiều mà có ý căm tức nên viết bài phản đối". Phải, căm tức là chính phải, con đi Kiều có cái giá trị gì? Người tô vẽ Kiều kia có công đức gì mà hoan nghinh. Ông đã đề xướng chánh học thì đối với sự bất chánh đáng ấy mà phản đối chính là vì nhân tâm thế đạo mà sinh lòng công phẫn chứ có cái

gì gọi là thù riêng? Chính ông Quỳnh cũng tự nói rằng: họ Ngô cùng ông không có hiềm khích gì kia mà!

e) Ông nói không phải nhu nhược, bị người ta công kích không biết đối phó, thù thật là câu độn từ mà không phải lời nói của một nhà học giả. Đã là học giả thì phải yêu chân lý, người ta công kích mình (bất kỳ việc làm hay lời nói) mà hợp với chân lý, không chỗ chối cãi được, thì mình phải phục tùng, nếu như người ta công kích mà trái lẽ, mình cứ lấy lẽ mà biện bác lại, ấy là thái độ chân chính của một nhà học giả. Bằng như người ta công kích mình, mình không xét phải hay là không, mà cứ công kích lại, người ta nói mình "văn sĩ lớp lép" thì mình tặng lại họ tên họ, tên kia... Ấy là biết đối phó mà không nhu nhược sao? Còn nói ông Ngô có cái lịch sử 10 năm Côn Lôn (đúng ra là 13 năm: 1908-1921) là một vấn đề, bác học Kiều là một vấn đề khác, hai điều đó có dính líu gì đâu? Vả lại trong bài *Chánh học* của ông Ngô, ông có đem 10 năm Côn Lôn ra mà khoe với ai đâu? Ông có làm *Côn Lôn du ký* mà tuyên bố để mua danh đâu? Lúc ấy ông Ngô còn, ông không đối phó, mà đợi đến nay ông Ngô đã khuất rồi mới viện cố này bưng lệ họ để giành lại sự phải cho ông, thật là đủ chứng hai chữ nhu nhược ông nói trên.

Về sự bác Kiều mà ông Quỳnh không trả lời lâu nay tôi vẫn kính trọng tấm lòng phục thiện của ông rõ là thái độ quân tử. Phải như ông Phan Khôi hỏi điều ấy mà ông Phạm Quỳnh cho là chuyện cũ, chỉ lược giải mấy câu, không nói phạm đến danh dự người chí sĩ đã qua đời thì cái lòng quang minh lỗi lạc của nhà học giả, người thức giả ai chẳng kính phục thêm. Nay cứ như bức thư ông trên thì rõ cái

mối thù riêng hiềm vặt, đối với chuyện công kích ấy chất chứa trong trái tim ông đã tám chín năm nay, nhân ông Phan Khôi khêu mối mà ông kéo rầy ra, toàn bức thư ông không chỗ nào "gãi ngứa" vào bài *Chánh học cùng tà thuyết* kia mà chỉ những lời nhạo báng. Cái lối nặc oán ấy là tâm lý gì?

Đọc giả thử xem bài *Chánh học* của ông Ngô cùng bức thư *Học phiệt* của ông Quỳnh mà so sánh thì đủ rõ ai là kẻ có lòng ác tâm riêng.

Sau này, tôi xin chánh cáo cùng anh em trí thức trong nước biết rằng: *Truyện Kiều* chẳng qua chỉ là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải là thứ sách học, mà nói cho đúng *Truyện Kiều* là một thứ dâm thư, rõ không ích mà có hại. Ở xã hội ta từ có kẻ tán dương Kiều, truyền bá học Kiều đến nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sống sắc, chìm nổi bể tình, vứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mối ham mê của mình. Hiện xã hội ta ngày nay mà diễn ra những tuồng thương phong, bại tục kia, cái giống độc con đĩ Kiều gieo vào trong cõi tư tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm ngàn người học Kiều thì khắp trong xã hội ta không thấy cái ích mà chỉ thấy cái hại, mà nếu được một người "đạo đức hẹp hòi" như ông Ngô Đức Kế thì không khác gì cột đá giữa dòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường, có công với thể đạo nhân tâm không phải là ít. Vì cái mãnh lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sục hố kia...

(*Tiếng Dân*, 17-9-1930)



IV. MẤY LỜI CHIÊU TUYẾT CHO VƯƠNG THÚY KIỀU (Góp vào cuộc tranh luận về Truyện Kiều)

LƯU TRỌNG LƯU

... Vương Thúy Kiều sinh vào đời Gia Tĩnh triều Minh, dày đoạ trăm đường, nhớt như một kiếp, tưởng thế là trả xong nợ đoạn trường, nào hay bốn trăm năm sau, còn có người kêu tên họ ra mà xỉ mắng, bắt nhật bắt khoan, nay bảo là phường đi thõa, mai bảo là gái giang hồ!

Người ấy là ông Nghè Huỳnh Thúc Kháng. Nhưng ta thử gẫm xem cái đời người bạc mệnh họ Vương có khác chi cái đời nhà chí sĩ họ Hoàng? Cũng chừng nấy gian lao, cũng bấy nhiêu năm cơ khổ, người trong thanh lâu, kẻ ngoài Côn Đảo, tuy tên gọi có khác nhau, nhưng cũng đều là cái ngục thất bày ra để hãm hại kẻ tài hoa, người hào kiệt: Vương Thúy Kiều vì "thối sai nha" mà lâm bước giang hồ, thì Huỳnh tiên sinh, cũng vì một cơ ấy, mà vương vòng tù tội. Thế mà hai con người ấy lại khác nhau như nước với lửa. Trời đất ôi! Có thể nào như vậy được ư?

Ta hãy nghe Huỳnh tiên sinh mắng Vương tiểu thư:

... *phường trắng gió*
... *đi đứng đầu*
... *dơ lịch sử*
... *chuyện thanh lâu...*¹

Rõ độc địa chưa? Cái lòng người ta có là sắt đá lắm mới thõ ra được cái giọng tàn nhẫn như thế được. Mà không lẽ Huỳnh tiên sinh lại có cái lòng ấy. Chỉ có những người

(1) Trích ở báo *Tiếng Dân*, 1er Novembre 1933 (1-12-1933)

nhắc nhớ buồn rầu, bi quan mới hay ghen ghét, quạu quọ; chứ ai là kẻ muốn hiểu, muốn biết, muốn sống một cách đẹp dễ dịu dàng, thì tưởng phải biết vui vẻ mà yêu, và bao giờ cũng sẵn lòng khoan dung đại độ. Huỳnh tiên sinh vốn là người khoan dung, có đại độ, thì sao lại có cái luận điệu đường kia? Đó là điều tôi chịu, không hiểu được.

Ví như Kiều có hư hốt thật, mà Kim Trọng còn có lòng đại xá thay, thì anh và tôi là kẻ bàng quan sao lại lấy làm điều? Ví như Kiều là gái lang chạ thật, mà người tình nhân là Kim Trọng còn không ghen thay, thì mắc chi anh và tôi, lại đi ghen hộ cho chàng? Ô hay! Sự đời sao lại có thế? Và nếu như ở đời cũng cần có lúc phải ghét, phải khinh, để mà sống, thì Vương Thuý Kiều, tôi dám quyết là hạng người mà ta không nên khinh, nên ghét hơn hết.

Xưa nay, những kẻ buộc tội Kiều thường vin vào 3 điều:

Điều thứ nhất, họ bảo: Kiều là gái lăng lơ, mới thấy Kim Trọng lần đầu đã thâm yêu trộm nhớ.

Điều thứ hai, họ bảo: Kiều khi lạc vào lầu xanh đã có dịp quyền sinh sao lại không làm cho trọn?

Điều thứ ba, họ bảo: ái tình của Kiều không được duy nhất: khi thì thể thốt với một người thư sinh, khi thì giao duyên cùng một bác lái buôn, khi lại gửi thân cho một anh tướng giặc...

Nếu Kiều chỉ có 3 tội ấy thôi thì Kiều là kẻ vô tội.

Trước hết ta hãy tự hỏi: Kiều là gì? – Kiều là hình ảnh rất linh hoạt, rất hoàn toàn của vũ trụ, rất phong phú, rất dồi dào, rất đẹp dễ... Ở trong Kiều, cái gì cũng vượt quá

bực tâm thường; từ cái nhan sắc, chí đến cái tài đức, cái tính tình... Với con người ấy, ta không nên bảo họ phải vô tình như một hòn đá...

Kiều đã gặp Kim Trọng cũng như cánh bướm gặp gió. Cánh bướm phải căng thẳng, thì cái tình của Kiều cũng phải tiết ra một cách mãnh liệt. Cái tình ấy là cái tình thiên nhiên, thuần túy của giống tài hoa, tự đâu đưa đến, mầu nhiệm huyền bí... Có ai hỏi Kiều tại sao Kiều yêu Kim Trọng thì hẳn Kiều cũng không biết đáp thế nào được!

Nhưng nếu ta buộc Kiều chỉ làm một cô gái ngây ngô tầm thường như Vân, thì ta làm gì được thấy có sự hy sinh ghê gớm dường kia: vì nhà mà bỏ một hạnh phúc rất to tát, rất chắc chắn của riêng mình?

Chí như ta trách Kiều có dịp chết, sao lại không chết, thì thật là quá nghiêm khắc. Kiều không phải là một cô tiểu thư sinh ra ở thế kỷ hai mươi là lúc người ta đã biết dùng trí xét đoán trong những sự tin tưởng. Ta phải nhận Kiều là gái ở vào một thời đại mà sự mê tín bói toán弥漫 mông là sự thường. Vậy khi nghe Đạm Tiên báo rằng:

0995. *... Nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?*
0997. *Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dầu muốn quyết, trời nào đã cho!*
0999. *Hãy xin hết kiếp liễu bồ,
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau.*

thì Kiều có thể trái lời được ru? Thế rồi nàng còn phải sống, nhưng mà cái đời nàng từ đây – chính nàng cũng thường tự thú như thế – là cái đời thừa, cái đời bỏ đi. Bảo

là đi? Thì vâng, đi thật ấy! Hết lầu xanh này đến lầu xanh khác, cái thân xác của nàng thật là ong thừa bướm thải! Nhưng các ngài là nhà đạo đức, thì há không thể lượng cho nàng được vài phần ư? Thân xác nàng bị nhơ nhuốc, nhưng tinh thần nàng vẫn trong sạch lắm. Thì ta nên đánh giá nàng ở nơi thân xác hay là ở chốn tinh thần? Trong lúc luân lạc, có phút nào nàng không nghĩ đến tình xưa? Cái hình ảnh Kim Trọng vẫn theo đuổi nàng luôn luôn như hình với bóng. Cũng chớ thấy nàng làm "thiếp" Thúc Sinh, làm vợ Từ Hải mà bảo cái ái tình nàng là không duy nhất. Lấy Thúc Sinh và Từ Hải chẳng qua vì hai người ấy đã có cái công ơn cứu nàng khỏi chốn tối tăm nhơ nhuốc...

Bảo là không có tình nghĩa vợ chồng thì thật là không đúng; nhưng cái tình yêu giữa một người thọ ân với kẻ thi ân, không phải là cái tình yêu thiêng liêng, thuần túy, cao thượng giữa một người tình nhân với một người tình nhân.

Nói tóm lại, muốn xét thân thế Kiều, chớ đứng hẳn trong những lễ giáo nghiêm khắc chặt hẹp của Nho giáo; vì Kiều là một tín đồ trọn vẹn của Phật giáo. Những việc làm của nàng ở kiếp này, đều ấn định từ kiếp trước, cho nên nàng chỉ có một mặt tuân theo.

Vì thế mà nàng thiếu hẳn cái sự cẩn thận chín chắn của con nhà nho. Nàng là người dễ tin, dễ nghe, đã bao phen bị lừa gạt, thế mà vẫn cứ tin, cứ nghe. Có kẻ bảo là một sự dại dột, nhưng sự dại dột ấy không phải ai cũng có thể có được, nếu không phải là kẻ có một mối từ tâm lớn. Một con người ranh mãnh, điêu xảo, thì bao giờ chịu để cho ai đánh lừa mình?

Chỉ có một sự đáng trách, là trong sự báo oán, Kiều đã biểu thị một tấm lòng quá nghiêm khắc, không hợp với một người tin đạo Phật chút nào. Hoặc giả, Kiều cũng như các người tầm thường khác, cũng tin rằng nên lấy sự ác mà trả sự ác, cũng như lấy sự ân mà trả sự ân chăng?

Dù sao, ta cũng không nên vì một cái tỳ vết đó mà vất cả một đời nàng. Cái sự hy sinh to tát của Kiều, có thể chuộc hết, nếu như Kiều có một vài điều lỗi thật! Ta phải công nhận rằng Kiều là một đoá hoa quý do bao nhiêu cái hay, cái đẹp ở trong luân lý cũ kết tinh lại. Vẫn biết Kiều không thể là cô gái lý tưởng của các bạn gái thời nay, nhưng Kiều trong truyện *Đoạn Trường Tân Thanh* của cụ Nguyễn Du là vô tội. Không dám như ông Phạm Quỳnh bảo nó là *Thánh Thù* hay *Phúc âm*, nhưng *Truyện Kiều* đã sẵn có cái giá trị về nghệ thuật, như nó đã có, thì tưởng như đưa ra dạy bọn thanh niên thì cũng là sự thường vậy. Người Đức họ không cấm thanh niên họ đọc *Werther* mà họ vẫn cường, người Anh họ không cấm thanh niên họ đọc *Roméo et Juliette* mà họ vẫn mạnh. Tôi dám chắc, chỉ có những nhà đạo đức mới tự cấm lấy mình thôi. Nếu cấm hết đi như vậy, thì còn biết chi là cái hay cái đẹp ở đời? Trong một nước mà văn nghệ ít ỏi như nước ta, nếu còn bắt người ta không được đọc *Truyện Kiều* thì chắc cái tình cảm của họ phải nghèo nàn lắm. Một người đã vậy, hai mươi triệu người cũng như vậy, thì nước Việt Nam sẽ biến thành cái thế giới khô khan, rét ráo, đầy những mùi đạo đức. Hẳn đó là cái tình trạng mà không ai thêm ao ước. Sự thật, thì tất cả người Việt Nam ngày nay, từ kẻ nhà quê, mợm mợm cho chí kẻ phong lưu dài các đều đã đọc *Truyện*

Kiều, và cũng đều nhận rằng quyển sách của cụ Nguyễn Du là một khúc nhạc êm đềm, thánh thót, đã giúp cho sự sinh hoạt của dân tộc được thêm vẻ điều hoà và êm dịu. Ai muốn làm thánh hiền, thì đi đọc *Ngũ kinh*, *Tứ thư*. Hãy để nó lại cho bọn chúng tôi là hạng người trong những phút mệt nhọc, buồn rầu, chán nản, cần phải ngâm lên những câu như:

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

(Tuần báo *Phụ nữ thời đàm*, năm thứ tư,
tập mới, số 13, ngày 10-12-1933)



V. TRÍCH MỘT SỐ BÀI BÌNH KIỀU KHÁC

1. ... Tiếng nào đã làm được văn không phải là tiếng tầm thường, người nào đã hay về văn cũng không phải là người tầm thường, đất nào đã có người hay văn lại không phải là đất tầm thường...

... Tiên sinh vốn thiên bẩm cao, hậu về tình, hào về khí, hùng về tài, lại bác thâm về học vấn, ma chiết về cảnh ngộ, nên văn chương dung hóa, thấu lý nhập thần, không kể những tập viết bằng chữ Hán như Bắc Hành Thi tập, Nam Trung tạp ngâm, Thanh Hiên tiền hậu tập, còn ngâm vịnh trữ thuật bằng quốc âm cũng nhiều, mà thứ nhất là tập *Đoạn Trường Tân Thanh* (tức là *Truyện Kiều*) thực là một cuốn văn kiệt tác trước sau chưa có bao giờ...

(Trích bài *Bia kỷ niệm Tiên Điền Nguyễn Tiên Sinh*
của Hội Khai Trí Tiến Đức-1929)

2. "... Tả Vân thì:

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da,
đến Kiều thì:

Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Trên nói thua, nhường, sắc trung chi hiền, đến chữ ghen, chữ hờn thì rõ là sắc trung chi thánh. Trong sắc giới mà có phân bậc thánh hiền thì mấy chữ đó chính là tác giả đã khổ tâm chọn lựa, nấu nướng hun đúc để tả ra cho rành không lẫn được với nhau."

Tùng Ngự thuật lại trong bài
Văn pháp Truyện Kiều trong con mắt cụ Thái Sơn Đẳng Nguyên Căn
Tiếng Dân số 1021 (9-2-1937)

3. ... Cảm thương cho một người khuê các có tài sắc nhân gia biến mà phải ba chìm bảy nổi, không được hưởng cả hạnh phúc thanh quý ở gia đình, để ngụ thương cho tự mình là con nhà danh gia thế phiệt thi thữ, nhân quốc biến mà cũng phải chìm nổi theo thì không giữ được tấm lòng trung trinh đối với cố chủ vậy. Cũng vì văn chương bởi tâm sự như thế cho nên có một cái sức mạnh thiêng liêng khiến cho người ta dễ cảm động; ấy quyển Kiều mà hay, chỗ gốc thực ở đó mà văn tài của tác giả lại là phần thứ hai...

... Tôi đã từng nghe ông Tú làng Minh Hương tự Tiểu Minh tên là Phan Thạch Sơ đề thơ Kiều có hai câu rằng:

Hữu Minh nhất đại vô song kỹ
Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ

(Cô dĩ có một không có hai ở trong một đời nhà Hữu Minh
– Lời văn tuyệt hay để lại nghìn năm nước Đại Việt.)

Phê bình, nghị luận về quyển Kiều tưởng như hai câu đây thật là đủ mà phải"....

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu

(Trích Bài Tựa quyển *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*)

4. Nếu "Trời không lập ra một phương mẹo" gì để tháo lầy thời cái vật quý của thiên hạ lọt riêng hẳn vào chàng Kim, mà những kẻ sang hèn bấy giờ ai mà biết Kiều là thế nào? Kẻ sang, kẻ hèn bấy giờ ai được biết *Truyện Kiều* là thế nào?....

– Ôi em Kiều ơi!

Mười lăm năm trời

Quan trái, tướng giặc trái, ba que xỏ lá trái, bán buôn mường mán trái,

Bể trần chìm nổi kiếp hồng nhan nặng tội thế ru mà?

Cũng không nên trách lẫn trời xa, oán lẫn trăng già

Phải biết chữ tài chữ sắc là cái độc trong mình mà là đồ chơi cho người ta....

Tản Đà (*Luận cô Kiều*)

5. ... Những sự tình rườm rà, duy thực mà sơ sài về tâm lý của nguyên văn đã được lọc gạn và biến hóa qua thiên tài đặc xuất của Nguyễn Du mà thành một tác phẩm vừa cổ kính vừa hoa lệ, vừa phong phú vừa chất phác và thiết tha như câu ngạn ngữ phong dao, vừa điêu luyện và nhả trí như bài văn chương dài các, thật là một tổng hợp hoàn thiện của tinh thần Việt Nam chân chánh với tinh thần Hán học rất sâu. nếu ta có thể gọi là ngẫu nhiên sự hội ngộ lạ lùng của bao nhiêu điều kiện, từ tính tình di truyền của người xứ Nghệ và xứ Bắc, trải qua ảnh hưởng của non

sông, của thời đại, cùng cái tâm hồn đa tình, cái học vấn uyên bác, cho đến cái duyên may mắn khiến Nguyễn Du khác di sử đã được đọc sách của Thanh Tâm Tài Nhân, nếu sự hội ngộ ấy có thể gọi là ngẫu nhiên thì tác phẩm bất hủ của Nguyễn Du thật là một điều ngẫu nhiên trong văn học sử nước ta vậy.

Đào Duy Anh

(Trích bài TIỂU SỬ mở đầu *Tập Văn họa kỷ niệm Nguyễn Du*)



C. BÌNH KIỀU SAU 1945.

Ở lần tái bản này, trong mong muốn đưa đến quý vị độc giả một cái nhìn toàn cục về việc bình Kiều, chúng tôi xin trích thêm một số ý kiến của các nhà phê bình nửa sau thế kỷ 20. Những bài bình luận đầy đủ hơn sẽ được giới thiệu trong quyển *Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX*, ở đây chỉ xin trích một số bài. Chúng tôi ghi số thứ tự trước những câu thơ trích dẫn để quý vị độc giả dễ theo dõi.

I. HOÀI THANH:

NHÂN VẬT TỪ HẢI

... Từ Hải không phải là một người thực, nhưng Từ Hải cũng không phải là một sự bịa đặt. Từ Hải là một nhân vật anh hùng ca. Từ Hải là một cái mộng. Từ Hải là cái mộng lớn nhất trong đời cụ Nguyễn Du: cái mộng anh hùng. Năm 1789, Nguyễn Huệ đưa quân ra Bắc đánh đuổi quân xâm lăng của Tôn Sĩ Nghị và đồng thời cũng đánh đuổi vua Lê phản quốc. Nguyễn Du lúc bấy giờ mới hai mươi bốn tuổi đầu. Vì tấm lòng phù Lê, không sáng suốt,

Nguyễn Du đã cố vận động đánh lại Tây Sơn. Việc không thành, Nguyễn Du sau khi ở tù ra, đi ngao du sơn thủy rồi rút cuộc ra làm quan với triều Nguyễn. Nhưng đi ngao du sơn thủy hay ra làm quan với triều Nguyễn đều là những chuyện cùng bất đắc dĩ. Cái mộng anh hùng thời niên thiếu Nguyễn Du vẫn ôm ấp cho đến già và sự tình cờ đã khiến Nguyễn Du thực hiện nó vào con người Từ Hải. Không làm được anh hùng trong thực tế, Nguyễn Du đành làm anh hùng trong mộng. Đó cũng là chuyện thường xưa nay.

Cái điều khác thường là người anh hùng trong mộng của Nguyễn Du không lấy gì làm hợp với cái khuôn anh hùng phong kiến: Từ Hải không nhằm một mục đích giúp Vua, trị nước nào hết. Từ Hải chỉ anh hùng để mà chơi, để cho thoả cái thú làm anh hùng cá nhân của Từ Hải.

Hơn nữa cái thú làm anh hùng của Từ Hải là một cái thú nguy hiểm cho trật tự xã hội. Xét về hành động, Từ Hải là một tên tướng giặc, không hơn không kém. Giữa kỷ cương của xã hội phong kiến, vẽ hình ảnh của một tên tướng giặc như hình ảnh một vị anh hùng cái thế, cái việc của Nguyễn Du đã là một việc lạ. Nhưng lạ hơn nữa là cả cái xã hội phong kiến trong hơn một trăm năm cũng thừa nhận Từ Hải như một vị anh hùng cái thế, tuy vẫn biết Từ Hải là tướng giặc. Kiểu còn có kẻ bàn ra nói vào chứ Từ Hải thì đã tránh được mọi điều dị nghị. Một nhà nho có đôi câu đối:

*Bốn bể anh hùng còn đại gái
Thập thành con dã mấi mưu quan*

Nhưng nhà nho ấy vẫn không nói đến cái tội lớn nhất của Từ Hải, cái tội phạm đến trật tự xã hội, cái tội làm giặc.

Nếu lòng người trong hơn một trăm năm nay không thấy ngột thờ trong cái khuôn phong kiến, nếu vô tình hay hữu ý người ta không mơ ước một lối thoát ra thì bút pháp của Nguyễn Du có tài tình đến đâu cũng khó mà làm cho người ta quên được cái tội tày trời của Từ Hải.

Đành rằng Nguyễn Du cũng đã cố ý cho Từ Hải vào khuôn phép. Từ Hải đã chịu nghe lời Kiều ra hàng Hồ Tôn Hiến. Song những lời khuyên đầu hàng của Kiều là những lời khuyên ti tiện:

2495. *Làm chi để tiếng về sau,
 Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!*
2497. *Sao bằng lộc trọng quyền cao,
 Công danh ai dứt lối nào cho qua?*

Những lời khuyên ấy chỉ Từ Hải mới nghe được, chúng ta nghe không trôi, Nguyễn Du chắc cũng nghe không trôi. Trái với những lời khuyên đầu hàng của Kiều là những ý nghĩ ngang tàng của Từ Hải mà Nguyễn Du đã diễn bằng những lời cực kỳ khoáng trá:

2463. *– Một tay gây dựng cơ đồ,
 Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành.*
2465. *Bó thân về với Triều đình,
 Hàng thân lơ láo, phận mình ra đâu?*
2467. *Áo xiêm buộc trói lấy nhau,
 Vào luồn ra cúi công hầu mà chi?*
2469. *Sao bằng riêng một biên thuỳ,
 Sức này đã dễ làm gì được nhau!*
2471. *Chọc trời khuấy nước mặc dầu,
 Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!*

Một bên là những lý lẽ chẳng đẹp dễ gì do Kiều viện ra, một bên là những ý nghĩ ngang tàng của Từ Hải, dầu Nguyễn Du xếp đặt câu chuyện thế nào mặc lòng, ta vẫn thấy rõ ràng bên nào nặng, bên nào nhẹ. Cái lý của Nguyễn Du chưa chắc đã là cái lý của Kiều, cái tình của Nguyễn Du nhất định là tình Từ Hải. Xem một bức tượng chúa Gia Tô, người ta có thể biết người khắc tượng có tin chúa hay không tin chúa. Xem đoạn văn trên này, mặc dầu ta thấy Nguyễn Du cho Từ Hải ra hàng, nhưng Nguyễn Du vẫn tán thành cái ý không muốn hàng của Từ Hải mà có lẽ Nguyễn Du đã vô tình không biết. Dầu sao người xem truyện thấy Từ Hải ra hàng thì tiếc như đã mất mát một cái gì. Đến khi thấy Từ Hải ra hàng bị lừa, bị giết thì người xem truyện không những tiếc mà còn phẫn uất. Từ Hải chết không nhắm mắt, Từ Hải chết đứng. Cái chết của Từ Hải là một mối oán giận đến nghẹn ngào. Mà không phải oán giận vì một vì tạo hoá vu vơ nào. Oán đây là oán một người có tên tuổi rõ ràng, một người chính thức đại biểu cho triều đình cho cả một chế độ, vì Hồ Tôn Hiến đã được giới thiệu đường hoàng:

2451. *Có quan tổng đốc trọng thần,*
 Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài.
2453. *Đẩy xe, vâng chỉ đặc sai,*
 Tiện nghi bát tiếu, việc ngoài đồng nhung.

Từ Hải chết là vì có lòng ngay thẳng của mình, vì sự hèn nhát của Hồ Tôn Hiến, cái chết của Từ Hải cũng như cái thân thể trầm luân của Kiều là một lời tố cáo.

Kiều là tiếng ta thán của Nguyễn Du và của bao nhiêu người ngột thở trong cái khuôn của phong kiến. Từ Hải là

một giấc mơ, một lối thoát cho những con người đó, trong khi bị bó buộc bị giày vò vẫn ao ước được vẫy vùng giữa khoảng trời cao bể rộng...

(Trích *Quyền sống của con người*
trong Truyện Kiều của Nguyễn Du)



II. DẶNG THAI MAI:

ĐẶC SẮC CỦA VĂN HỌC CỔ ĐIỂN VIỆT NAM QUA NỘI DUNG TRUYỆN KIỀU

... Ngòi bút tả thực của Nguyễn Du cũng hết sức trung thành khi tả những cảnh sống hàng ngày của các hạng người trong xã hội. Bức cảnh cô Kiều sống trong gia đình êm ấm ngày mới cập kê là hiện thực. Bao nhiêu màn cảnh trong mấy lần gặp gỡ giữa Kim Trọng và Kiều vẫn là hiện thực. Hiện thực, khi thì sĩ ghi chép cảnh quan nha bắt bố tra tấn và vợ vét của nhà dân lương thiện. Hiện thực, tư thế, lời lẽ, cử chỉ của Mã giám sinh, của mẹ Tú Bà. Và tất cả cuộc đời cô Kiều suốt mười lăm năm lưu lạc, "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần", qua một thời gian làm lẽ của Thúc Sinh, làm vợ của Từ Hải, vẫn là cảnh hiện thực... Là vì Nguyễn Du khi tả người cũng như khi tả cảnh, khi tự sự cũng như khi phân tích tâm trạng, vẫn luôn luôn chú ý đến một sự thực sâu xa, chân thật! Ấy là sự thực của tâm cảnh. Tâm cảnh của nhân vật lại luôn luôn được biểu hiện bằng những nét mặt, bằng tư thế, bằng những lời nói rất là chân thật và những cử chỉ hết sức linh động. Cũng chính vì vậy mà trong lúc tả cảnh tả người, Nguyễn Du đã gây được cái không khí thích nghi cho hoạt động, ăn nhịp với

tâm trạng của con người, và đồng thời đã gây dựng trong tâm hồn độc giả những tình cảm sâu sắc chân thật: yêu thương hay giận ghét. Nhưng chúng tôi sẽ có dịp nói kỹ hơn về vấn đề này trong khi bàn về cổ điển tính trong nghệ thuật Nguyễn Du.

Lẽ cố nhiên, khi chúng ta nhận thấy tinh thần tả thực và tinh thần phê phán trong tác phẩm của Nguyễn Du, chúng ta cũng nên nhận rõ một sự thực: Nguyễn Du chưa phải là một thi sĩ cách mạng đứng hẳn về lập trường đại chúng cần lao. Và cũng chính vì vậy mà về phương diện nội dung tư tưởng, Truyện Kiều chưa thể cung cấp cho độc giả một nhân sinh quan thích đáng. Nguyễn Du đã nêu rõ mâu thuẫn của thời đại mà con người bị đè nén dưới áp lực của chế độ quan liêu và của kinh tế thương mại. Đó là một ưu điểm của Truyện Kiều. Tuy vậy, trước bao nhiêu vấn đề xã hội nêu lên trong Truyện Kiều, giải pháp của nhà thi sĩ chưa có thể nói là ổn thỏa. Nguyễn Du oán ghét đồng tiền, nhưng lại để quay về với cái ảnh tượng mơ màng của chế độ phong kiến nguyên thủy mà nhà nho vẫn tưởng tượng là một thời kỳ thịnh trị. Nguyễn Du bất mãn với chế độ quan liêu phong kiến nhưng vẫn quyến luyến với ý thức hệ nhà nho: trung, hiếu, tiết, nghĩa. Mâu thuẫn giữa chữ tài chữ mệnh? Nguyễn Du giải quyết bằng chữ tâm! Vấn đề luyện ái? Cô Kiều quả đã có can đảm nghe lời gọi của trái tim và bất chấp cả khuôn phép lễ giáo và tôn pháp của đạo Khổng. Nhưng tinh thần "tranh đấu" của Kiều chưa phải là ý thức tranh đấu cho nữ quyền. Vấn đề hôn nhân? Truyện Kiều có những đoạn hùng hồn để tố khổ cho những người đàn bà lâm vào "cái kiếp lấy chồng chung". Nhưng

tổ khổ chưa phải giải quyết vấn đề nữ quyền. Vấn đề hạnh phúc? Cảnh đoàn viên của cô Kiều trong đoạn "Hậu Kim Trọng" chỉ là tia sáng diu diu, hắt hiu trước bàn thờ cửa Phật, phải đâu là thức ăn của cõi người... Đối với vận mạng, chúng ta đã thấy rằng có lúc cô Kiều đã phải "nghiến răng" nguyên rửa:

2151. *Chém cha cái số hoa đào!*
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi...

Nhưng cuộc đời của cô vẫn chỉ là cái trò đùa của số mạng, trước sau chỉ "nhắm mắt đưa chân... mà xem con tạo xoay vần đến đâu!". Bao nhiêu mâu thuẫn đó đều chưa có thể nói là đã giải quyết được dứt khoát. Đó là mâu thuẫn giữa thực tế với lý tưởng. Lý tưởng của con người muốn vươn lên tới một cảnh sống tươi đẹp, công bằng hơn, giữa những ngày mà chế độ kinh tế chính trị và trình độ ý thức vẫn ràng buộc cặp cánh của tưởng tượng lại trong những điều kiện sống rất gắt gao! Đó cũng là tấn bi kịch trong tâm hồn, trong đời sống của thiên tài thuở trước.

Nhưng không phải vì thế mà ta có thể hạ giá Truyện Kiều. Nhân dân đại chúng có lý do chính đáng để yêu Truyện Kiều.

Trước hết, bởi Truyện Kiều là một pho sách của tình yêu, yêu tự nhiên, yêu nhân loại, yêu lý tưởng. Qua Truyện Kiều, chủ nghĩa nhân đạo cũng là đặc sắc rõ rệt nhất trong văn học cổ điển Việt Nam.

Chúng tôi vừa nói đến bút pháp tả thực trong Truyện Kiều. Một yếu tố thứ hai của tác phẩm chính là yếu tố trữ tình.

Truyện Kiều có những trang trữ tình ưu tú nhất trong văn học nước ta. *Truyện Kiều* là tập thơ của tình yêu. Trước hết là ái tình. Trong một xã hội phong kiến, khi quả tim của đôi lứa luôn luôn bị đè nén trong lễ giáo, nỗi ẩn ức của con người đã tìm được trong tập thơ của Nguyễn Du đôi lời an ủi, một tia hy vọng, hy vọng cho lý tưởng ái tình được tự do, được giải phóng và một dịp để nhận thức bao nhiêu nét tế nhị của quả tim con người qua các cuộc thử thách của tình yêu. Do đó mà độc giả cũng biết ghét tất cả những trạng thái luân lý không tự nhiên đã trói buộc con người một cách vô lý, làm cho cõi lòng nghèo nàn. *Truyện Kiều* còn là tập thơ của thiên nhiên. *Truyện Kiều* dạy cho ta yêu thiên nhiên trong màu sắc, thanh âm, ý vị của nó. Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* là toàn diện: cảnh thiên nhiên chân thật của đồng quê, cảnh chiều hôm, cảnh "non xa trắng gần" khi cô thiếu nữ ngồi nghe "Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"... Cảnh "Ngon triều non bạc trùng trùng"... Bao nhiêu thanh âm màu sắc, bao nhiêu cảm giác của ngũ quan, bao nhiêu ý nghĩ của con người trước tạo vật... Nguyễn Du đã lựa chọn sắp xếp, có lúc vay mượn, nhưng luôn luôn chế biến để họa những bức cảnh phù hợp với tâm trạng, ăn nhịp với bước đường biến chuyển của cuộc đời. Cảnh vật thiên nhiên trong *Truyện Kiều* vừa là một quang cảnh "nhìn qua một tâm trạng" vừa là bức tranh trí họa cho đời sống của con người. Chúng tôi sẽ để dành phân tích kỹ thuật cho một bài nghiên cứu về nghệ thuật của Nguyễn Du. Ở đây chúng tôi chỉ muốn nêu lên một nhận xét là nhà thi sĩ trữ tình thiên tài đó, trong khi tả cảnh vật thiên nhiên với bao nhiêu màu sắc, hình thái, cũng đã giúp cho người đọc một lối nhận thức về vũ trụ, về ngoại giới. Đồng

thời nhà thi sĩ đã làm cho cái nhân giới và tâm giới của chúng ta thêm phong phú, thêm thâm thúy. Cảm giác của chúng ta dồi dào và sắc sảo hơn lên với những cảm giác phức tạp, nhiều vẻ, nhiều màu, mà thi sĩ đã lược nhặt lại và cung cấp cho ta như một bó hoa đầy vật sắc. Tập thơ của Nguyễn Du đã mở rộng tầm mắt con người độc giả Việt Nam ngày trước và cả ngày nay nữa, cho nó chú ý đến một thị dã mới mẻ, muôn màu của vật giới và tâm giới.

Một mặt nữa, cảnh vật thiên nhiên là cụ thể. Khi thi sĩ gây cho ta mối cảm tình sâu sắc đối với cảnh vật thì đồng thời cũng bồi dưỡng nỗi lòng yêu quê hương đất nước. Tình yêu quê hương làng mạc đó chính là một yếu tố để bồi dưỡng tinh thần yêu nước của con người. Quan niệm phê bình văn học nhân dân vẫn chú trọng đến tinh thần yêu nước của các nhà văn hiện tại, chính vì lẽ đó. Qua *Truyện Kiều*, có những bức hoạ, bức cảnh tuyệt diệu mà độc giả luôn luôn có thể đối chiếu với thực tế Việt Nam, làm cho ta tin chắc rằng đó là hình thái, màu sắc của đất nước Việt Nam. Chúng ta không lấy làm lạ khi những người bôn tẩu việc nước và gặp bước đường trắc trở vẫn mở một trang *Kiều*, tìm lấy một lời an ủi, một lý do cho sự hy sinh với lý tưởng của mình. Những câu thơ giản dị như:

2245. *Tấc lòng cố quốc tha hương,*
 Đường kia nỗi nọ, ngổn ngang bời bời.

Cũng đã nói hộ người trong cuộc một niềm tâm sự thiết tha: nỗi lòng yêu nhà, yêu nước, trên bước đường éo le cùng quẩn, khi cảm thấy sự bất lực của mình trước quân thù. Mà nào hoàn cảnh của họ có phải hoàn toàn là cảnh cô Kiều dâu! Trong chốn ngục tối, một nhà chí sĩ biết rằng

mai kia sẽ bị bọn thống trị đưa ra xử cực hình... Nhà chí sĩ sẽ tập Kiều để ngỏ lòng kiên quyết hy sinh cho lý tưởng:

3159. *Cửa nhà dù tính về sau nữa,
Thì con em đó, lọ cầu đây!*

Cho nên bài học của *Truyện Kiều* cũng là bài học yêu lý tưởng, sẵn sàng hy sinh. Mặc dầu lý tưởng của cô Kiều, lý do hy sinh của cô Kiều đối với nhiều người không phải là lẽ sống duy nhất, tha thiết. Nhân dân yêu mãi *Truyện Kiều*. Cũng là vì qua *Truyện Kiều*, mọi người đều thấy rằng non nước, quê hương của ta quả là đáng yêu.

Tinh thần nhân đạo trong văn học, trước hết là tình yêu đối với con người. Về phương diện này, Nguyễn Du là nhà thi sĩ có một tình yêu rộng rãi sâu sắc đối với nhân loại. Người đọc giả thương cô Kiều chính là vì Nguyễn Du đã chảy nước mắt với cảnh ngộ một thiếu nữ tài sắc bậc nhất mà lại bị giày vò dưới một chế độ xã hội quá vô tình.

Qua tập truyện của Nguyễn Du, người ta thấy những cảnh đáng thương nhất trong xã hội phong kiến: một gia đình tan nát dưới chế độ bất công, một mối tình duyên đứt đoạn của một cặp "đôi lứa thiếu niên", cảnh cô thiếu nữ bị mua về bán đi trên thị trường thương mại, bị dày dọa trong chốn thanh lâu, hy sinh cho thú tính một hạng người ích kỷ, cảnh người đàn bà lấy lẽ, đi làm nô tỳ dưới một chế độ bán nô lệ. Kiều chính là hiện thân của một giai nhân, một thiên tài bị dày dọa, qua những cảnh sống éo le, đau đớn. Sau thân thế cô Kiều, người ta thấy lòng thương của Nguyễn Du bao gồm cả phái yếu:

0083. *Đau đớn thay phận đàn bà!*

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Lời than vãn của Kiều cũng là tiếng nức nở của tất cả những người đàn bà bị dày dọ. Chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du cố nhiên mới chỉ biểu hiện bằng những phương thức yếu ớt theo đạo lý chữ "nhân" của đạo Khổng, hoặc theo tinh thần hiếu sinh của đạo Phật, chưa phải là chiến đấu tính cho nhân đạo, cho con người... Nhưng trong xã hội phong kiến đầy tội ác, giọt nước mắt trước đau khổ của loài người cũng là hạt mưa móc cần thiết cho cảnh vật dưới một gầm trời đang hạn. *Truyện Kiều* rất hiếm những bộ mặt bác ái từ bi. Nhưng không phải là hoàn toàn không có. Khi trong đám nha dịch còn chút "từ tâm" trong một kẻ lại già, khi trong nhà thanh lâu, dưới hàm sư tử, Kiều gặp được một ả Mã Kiều, một mục quán gia, một bà vãi Giác Duyên, nhà thi sĩ vội vàng ghi lấy để lại cho nhân loại một niềm an ủi, một lý do hy vọng. Nhưng cũng chính vì thế mà dưới chế độ áp bức, nhân loại càng đáng thương: thì sao mà cái lòng thương người lại hiếm hoi đến thế? Chỉ có những người như vậy mới biết thương người. Đó cũng là một ám thị chứng minh rằng cái chế độ vô nhân đạo đó không có lý do gì để tồn tại vĩnh viễn...

(Trích trong *Tập san Đại học Sư phạm*
số 3, Tháng 8,9,10-1955)

✱

III. DÀO THẦN:

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ TRUYỆN KIỀU: NÉT ĐẶC BIỆT VỀ CÚ PHÁP

... Điều đầu tiên làm cho nhà ngữ pháp phải đặc biệt chú ý là trong *Truyện Kiều* có hầu hết các kiểu câu hoặc mầm mống các kiểu câu của ngôn ngữ hiện đại, đặc biệt là câu phức hợp. Đặc điểm này cũng góp phần quan trọng giúp chúng ta nhận định rằng ngôn ngữ *Truyện Kiều* rất gần với ngôn ngữ hiện đại. Và vì vậy cũng không có gì lạ khi chúng ta thấy trong thời đại hiện nay, cái khuôn ngữ pháp cũ của những câu thơ Kiều vẫn hoàn toàn phát huy được hiệu quả biểu đạt nếu ta lồng những từ ngữ mới vào để có những câu thơ tập Kiều hay lấy Kiều mang nội dung hiện đại. Điều này cũng giải thích vì sao văn Nguyễn Du luôn luôn mới và trẻ đối với thế hệ chúng ta. Đọc những câu thơ như:

2977. *Với nàng, thân thích gần xa,
 Người còn, sao bỗng làm ma khóc người?*

Hay:

2415. *Họa bao giờ có gặp người,
 Vì tôi, cậy hỏi một lời chung thân.*

Chúng ta tưởng đâu như ngôn ngữ thơ hiện nay cũng còn na ná như vậy.

Ngôn ngữ của một tác phẩm lớn bao giờ cũng có một sức sống mãnh liệt và một giá trị mẫu mực lâu dài. Nhưng so với ngôn ngữ thơ của các tác phẩm trước và sau Nguyễn Du chưa xa lắm, câu văn của *Truyện Kiều* vẫn hơn hẳn về cách tạo câu mạch lạc và chặt chẽ, trước nhất là ở những

câu phức hợp. Trong truyện Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự và Nguyễn Thiện, một tác phẩm gần gũi với Nguyễn Du, có nhiều chỗ hình như các tác giả cố diễn đạt ý bằng một câu phức hợp, nhưng rõ ràng là không thành công. Vì thế các vế dán g lẽ có quan hệ chặt chẽ với nhau về cú pháp lại trở nên rời rạc lỏng lẻo, ý biểu đạt do đó cũng kém sáng sủa và chính xác. Chẳng hạn so sánh hai câu thơ tương tự nhau về ý, của Hoa Tiên:

*Thương ư phải sự ép đòi
Lượng xuân đành quyết hẹp hòi chốc ru.*

và của Truyện Kiều:

0345. *Lượng xuân đâu quyết hẹp hòi,
Công đeo đuổi chẳng thiệt thời lăm ru!*

Có thể nói trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du chưa bao giờ bó tay khi gặp một trường hợp ngôn ngữ thơ phải diễn đạt nội dung bằng một kết cấu ngữ pháp phức tạp. Trái lại, nhà thơ còn có khả năng diễn đạt bằng một câu thơ lục bát rất trôi chảy một ý mà ngay cả đến dùng văn xuôi cũng còn cảm thấy khó:

0231. *Đoạn trường là số thế nào?
Bà ra thế ấy vịnh vào thế kia.*
2613. *Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thời là thương.*

Giữa các câu thơ có cấu trúc phức hợp của Nguyễn Du chúng ta thấy một mối liên hệ cú pháp rất hữu cơ và minh bạch. Do đó, thơ trong *Truyện Kiều* có đặc tính là dễ nhớ dễ thuộc nhắc đến câu trên là gợi nhớ đến câu dưới và biết được toàn bộ kết cấu đoạn văn:

2221. Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng la dậy đất, bóng tinh rợp đường,
2223. Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
2225. Bằng nay bốn bề không nhà,
Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?...

Cũng như trong thơ lục bát nói chung, câu thơ lục bát trong *Truyện Kiều* có tính cân đối về cú pháp rất rõ rệt. Nhưng cái cân đối cú pháp ở đây cũng có điểm không hoàn toàn giống như trong các truyện thơ nôm khác. Nguyễn Du có khi chỉ dùng sự cân đối để nêu nhiều sự kiện diễn biến song song, đem lại một ấn tượng nhịp nhàng trong cảm xúc đối với hiện thực:

3223. Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
0565. Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quỳên nhất, cuối trời nhạn thưa.

Cũng có khi cái cân đối nâng lên mức đối chọi để làm nổi bật những cảnh trái ngược, có tác dụng thuyết phục sâu sắc:

1855. Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thảm
1523. Người về, chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi, muôn dặm một mình xa xôi.

Nhưng trong *Truyện Kiều*, sự cân đối không phải là điều luôn luôn đòi hỏi một cách nghiêm khắc, không hề khắt khe gò bó từng câu từng chữ, nó chú trọng phục vụ cho nội dung. Tính cân đối ở đây nhiều khi đạt đến cái

mức tự nhiên như sự sắp xếp hài hoà của bản thân hiện thực:

0915. *Dặm khuya ngất tạnh mù khơi,
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông!*
0917. *Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn!*

Trong những lối tạo câu mang nhiều màu sắc tu từ trong *Truyện Kiều*, nổi bật nhất vẫn là lối đảo ngược. Đây là lối đặt câu trái với trật tự cú pháp thông thường. Thí dụ:

2585. *Còn chi nữa cánh hoa tàn,
2904. Hơn đời trí dững, nghiêngng trời uy linh.*

Trong ngôn ngữ thơ của tác phẩm trước, lối đảo ngược này đã thấy lẻ tẻ xuất hiện. Nhưng ở đây nhiều khi hiện tượng đảo ngược đó nảy sinh chỉ vì tác giả phải đối phó với vần điệu câu thơ. Xem hai câu trong truyện *Sơ Kính tân trang* của Phạm Thái:

- *Lên Hùng Vương rất* non cao...*
– *Vào Yên Tử rất* non cùng...*

ta thấy rõ ràng đây chỉ là do chỗ tác giả bí vần, nếu không phải là một sự tùy tiện hết sức chủ quan mà cú pháp của ngôn ngữ Việt Nam chưa bao giờ chấp nhận. Cũng có khi trong một số trường hợp khác, dụng ý của các tác giả đã khá rõ và tác dụng tu từ đã bắt đầu bộc lộ đến mức không phủ nhận được. Nhưng có lẽ chỉ đến *Truyện Kiều*, lối tạo câu này mới thật phổ biến¹. Có thể thấy rõ Nguyễn Du

(1) Theo thống kê của chúng tôi, có ngót 120 trường hợp trong *Truyện Kiều* viết theo lối đảo ngược này.

hoàn toàn có ý thức nâng nó lên thành một biện pháp tu từ của cú pháp và hơn thế nữa, nó đã trở thành một thói quen trong phong cách ngôn ngữ của nhà thơ.

Tất nhiên trong *Truyện Kiều* cũng còn có đôi chỗ đảo ngược là do yêu cầu vần điệu đơn thuần hoặc do thói quen không tự giác, nhưng tuyệt đại đa số những câu đảo ngược của Nguyễn Du đều có ý nghĩa tu từ rõ rệt.

Do đảo vị trí của tân ngữ lên trước vị ngữ mà những câu thơ của Nguyễn Du đã làm nổi lên được đối tượng cần nhấn mạnh trước tất cả các động tác và sự vật khác. Đọc những câu như:

0161. *Bóng hồng* nhác thấy nẻo xa...*

0307. *Tiếng Kiều* nghe lọt bên kia...*

2202. *Anh hùng đoán* giữa trần ai mới già.*

Ta thấy rõ ràng cái mà tác giả muốn ta lưu ý trước tiên là *bóng hồng*, *tiếng Kiều* và *anh hùng*. Đảo định ngữ lên trước danh từ là lối nhấn mạnh phẩm chất và đặc trưng của sự vật. Trong câu "*nghìn tằm nhờ bóng từng quân*", cái tác giả lưu ý chúng ta trước là đặc trưng "*cao nghìn tằm*" của bóng từng quân chứ không phải là sự có mặt của bóng từng quân đó. Trước khi giới thiệu sự vật xuất hiện, tác giả đã cho ta thấy sự đánh giá của mình đối với sự vật để tỏ rằng sự đánh giá ấy rất quan trọng.

Đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ cũng vậy. Nếu viết là "*Cánh hoa tàn còn chi nữa*" hoặc "*Trí dững hơn đời, uy linh nghiêng trời*" thì quá thông thường, không gây được một cảm xúc mạnh và đột ngột đối với đối tượng được tường thuật. Báo trước diễn biến của đối tượng rồi sau đó mới

đến bản thân đối tượng, chính là một đặc điểm của tu từ cú pháp thường thấy trong ngôn ngữ hiện nay.

Một đặc điểm cần nói rõ là cú pháp đảo ngược trong *Truyện Kiều* tuy đã thành thói quen riêng của tác giả, song không hề gây một ấn tượng khó chịu. Ở Nguyễn Du tất cả đều rất thuần thực như không hề có một sự cố ý cường điệu nào.

Hiểu được đặc điểm này trong cú pháp thơ Nguyễn Du cũng cần nghĩa được tại sao tác giả lại cấu tạo những từ tổ bốn âm tiết kiểu *thắm lấp sâu vùi, nắng giữ mưa gìn, gió tựa hoa kề, ngọn hỏi ngành tra* (chứ không phải là *lấp thắm vùi sâu, giữ nắng gìn mưa, kề hoa tựa gió...*)

Truyện Kiều còn có rất nhiều câu hỏi tu từ và câu cảm thán tu từ, một biện pháp tu từ của cú pháp có một giá trị gợi cảm rất lớn. Cũng như mọi câu hỏi tu từ nói chung, câu hỏi tu từ của Nguyễn Du là một loại câu hỏi không cần được trả lời, vì bản thân nó đã là một câu trả lời, một sự khẳng định hay phủ định nào đấy. Nó chỉ là một cách nói linh hoạt, một lối tạo câu đột xuất để tập trung sự chú ý và để thay đổi ngữ khí trong dòng văn. Câu hỏi tu từ và câu cảm thán tu từ không phải chỉ riêng trong *Truyện Kiều* mới có. nhưng cái đặc sắc của Nguyễn Du vẫn là cách sử dụng câu hỏi tu từ một cách uyển chuyển, khi dồn dập khi điểm xuyết, khi gay gắt, khi nhẹ nhàng tùy theo yêu cầu của nội dung và thái độ của nhân vật, nhờ đó gây được hiệu quả biểu cảm cao nhất trong từng trường hợp:

3099. *Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.,*

3101. Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào?
3103. Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!
3105. Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru?

Bằng câu hỏi tu từ, Nguyễn Du đã xoáy sâu được vào cái xót xa, phần uất và cũng làm bừng lên được cả cái vui rạng rỡ, đậm đà:

2993. Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?

Vì toàn bộ *Truyện Kiều* là một "tiếng kêu thương", xót xa và phần uất nên trong suốt tác phẩm chỗ nào cũng để tìm được câu cảm thán. Ngay vào đầu sách, người ta đã gặp một cái chép miệng nhẹ nhàng:

0001. Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ Tài, chữ Mệnh khéo là ghét nhau.

Mọi câu thơ của Nguyễn Du đều được viết ra với tất cả tâm hồn của mình. Vì thế ở đâu nhà thơ cũng xen vào được cái yêu ghét, mạnh thì trầm trở tán thưởng hoặc nguyên rủa đay nghiến, nhẹ thì hoan hỉ hoặc mỉa mai:

3143. Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
0701. Thê hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thê, thôi đã phụ phàng với hoa!
0085. Phũ phàng chi bấy hoá công!
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.

Trong mạch văn số lần xuất hiện của câu hỏi tu từ và cảm thán tu từ khá lớn. Hai loại câu này đã được nhà thơ dùng cho hầu hết các nhân vật và có đủ cả trong ngôn ngữ trực tiếp, ngôn ngữ nửa trực tiếp lẫn trong ngôn ngữ tác giả. Điều này cũng chứng tỏ ngôn ngữ trong thơ *Truyện Kiều* là một ngôn ngữ gọi cảm đã đạt đến một trình độ cao.

(Đi tìm một vài đặc điểm của ngôn ngữ *Truyện Kiều* –
Tạp chí Văn học – Số 1-66)



IV. NGUYỄN LỘC:

VỀ NGÔN NGỮ NHÂN VẬT TRONG *TRUYỆN KIỀU*

... Ngôn ngữ nhân vật có tính chất ước lệ trong *Truyện Kiều* cũng biểu hiện bằng một số phương thức nhất định có tính chất chung của ngôn ngữ văn học đương thời. Chúng ta gặp khá nhiều điển cố trong lời nói nhân vật: Thúy Kiều nói với Kim Trọng việc nhân duyên của nàng là do cha mẹ định đoạt đã dùng điển cố "lá thắm chỉ hồng"; khi nàng khuyên cha để nàng bán mình, Kiều lại nhắc đến tích "nàng Oanh ả Lý". Kim Trọng khen Thúy Kiều hay thơ đã so sánh nàng với Ban Chiếu, Tạ Đạo Uẩn, và viên quan sử kiện khi dẹp cơn thịnh nộ lời đình, toan đứng ra xe duyên cho Thúc Sinh – Thúy Kiều, đã lấy tích Châu Trần để khen ngợi tình yêu của họ...

Có nhiều điển cố khác nữa trong ngôn ngữ nhân vật. dùng điển cố có tác dụng làm cho ngôn ngữ súc tích, bác học hơn. Nó mở ra những cuộc đời nhiều khi rất phong phú đằng sau vài ba chữ, nhưng mặt khác nó cũng gây khó hiểu trong nhận thức và làm giảm sức rung cảm ở

người đọc. Ngòi bút tài năng và sáng tạo của Nguyễn Du thường đã vượt qua được những trở ngại ấy, và chúng ta vẫn có đầy đủ nguyên vẹn những cảm giác và xúc động khác lắng nghe tiếng nói của nhân vật. bởi vì những điển cố Nguyễn Du dùng được chọn lọc rất chu đáo. Có khi nó trở thành phổ biến trong đời sống văn học Việt Nam, có khi dành cho tương quan về văn cảnh nên chúng ta vẫn có ý niệm đầy đủ về nó mặc dù chưa thật hiểu hết nó.

Bên những điển cố, các nhân vật *Truyện Kiều* còn nói nhiều câu lấy ý trong các bài thơ cũ. Thúy Vân khuyên chị nối lại tình xưa với chàng Kim đã nói:

3075. *Quả mai ba bảy đương vùi,*
 Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì.

chính là những lời lấy trong bài *Phiếu hữu mai* của *Kinh thi*. hay khi Kiều khuyên Kim Trọng:

0503. *Vẻ chi một đoá yêu đào,*
 Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.

cũng là những lời lấy trong bài thơ đào yêu của tác phẩm trên; nhưng ở đây hình tượng trong bài thơ cổ Trung Quốc được dùng lại một cách sáng tạo như một lời ví von trong ca dao vậy.

Một đặc điểm về tu từ của việc dùng từ ngữ Hán Việt là làm tăng phần trang trọng, tạo một không khí cổ kính. Nếu thay các từ Hán Việt trong các bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan bằng những từ ngữ hằng ngày, chúng ta sẽ không còn tìm đâu thấy cái không khí trang trọng đĩnh đạc, nhớ cổ thương kim của các bài thơ ấy nữa. Cùng một xuất phát điểm ấy, ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* có

nhiều yếu tố Hán-Việt trong các bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan bằng những từ ngữ hằng ngày, chúng ta sẽ không còn tìm đâu thấy cái không khí trang trọng đĩnh đạc nhớ cổ thương kim của các bài thơ ấy nữa. Cùng một xuất phát điểm ấy, ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* có nhiều yếu tố Hán-Việt, nhưng phổ biến hơn cả là việc sử dụng các hình thức ẩn dụ, hoán dụ. Hình thức đơn giản nhất của hoán dụ trong *Truyện Kiều* là dùng những từ ngữ có tính chất qui phạm thay thế những từ ngữ thông tục: như dùng "khuôn thiềng" chỉ trời; "lợng xuân" "cối xuân" chỉ bố mẹ; "bóng tùng quân" chỉ người chồng; "thân cát đằng" chỉ phận lẽ mọn; "mảnh hồng nhan", "hồng quần" chỉ người phụ nữ... Và cao hơn là một hệ thống ẩn dụ:

1957. Nàng rằng: – Chiếc bách sóng dào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.
1959. Chút thân quần quai vũng lầy,
Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao!
1961. Cũng liều một giọt mưa rào,
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay.
1963. Xót vì cầm đã bén dây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta...

Một đặc điểm trong việc xây dựng nhân vật của văn học phong kiến là sự thiên về tính chất lý tưởng hóa ở các nhân vật chính diện. Mỹ học phong kiến quan niệm nhân vật chính diện thuộc phạm trù cao cả cho nên nó phải là những con người phi thường. Hoàn cảnh xã hội phong kiến, nhất là trong giai đoạn xuống dốc của nó, không thể đẩy các nhân vật chính diện đến phạm trù phạm trù anh hùng như trong văn học cổ đại, nhưng nó cũng không thể thừa

nhận nhân vật chính diện là con người bình thường trong đời sống hằng ngày; mà phải là con người có nguồn gốc xã hội cao quý, có phẩm chất đạo đức cao quý... Và để thích ứng với một đối tượng phản ánh như vậy, mỹ học phong kiến chọn cho nó một phương thức biểu hiện thiên về tính chất ước lệ tượng trưng. Nó đem cái trang trọng hài hòa có tính chất quy phạm thay thế cho sự sinh động, sắc cạnh, độc đáo trong việc nhận thức và tái hiện cuộc sống.

Chinh phụ ngâm và *Cung oán ngâm khúc* là những tác phẩm nói về nỗi lòng của một người chinh phụ, một cung nữ – những phụ nữ quý tộc – cái đau khổ và bi kịch trong cuộc đời của họ là rất thực, nhưng không phải bình thường.

(Trích từ *Văn học Việt Nam*
nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỷ XIX)



V. TRẦN ĐÌNH SỬ:

GIỌNG ĐIỆU NGHỆ THUẬT VÀ CHỦ NGHĨA CẢM THƯƠNG TRONG TRUYỆN KIỀU

... Giọng điệu *Truyện Kiều* đã được nhận ra từ lâu như một "tiếng kêu thương" (Hoài Thanh), "tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày" (Tố Hữu). Nhưng đó là nhận xét chủ yếu trên phương diện tư tưởng, gắn liền với "cảm hứng nhân đạo và hiện thực", còn giọng điệu cảm thương như một hiện tượng nghệ thuật thì chưa được xem xét cụ thể.

Truyện Kiều đúng là một tiếng kêu thương đau đớn, da diết. Đọc *Truyện Kiều* không ai quên được những lời kêu than thống thiết nhan nhản khắp nơi dưới nhiều hình thức trong tác phẩm:

- Đau đớn thay phận đàn bà
- Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung!
- Thương thay thân phận lạc loài.
- Thương ôi, tài sắc bạc này.
- Thương ôi, không hợp mà tan.
- Xót thay đào lý một cành...
- Thân sao thân đến thế này...

Hơn thế nữa, tác giả xây dựng một môi trường tình thương trong tác phẩm. Hầu như các nhân vật chính diện hoặc có chút lòng tốt ít nhiều đều thể hiện tình thương. Kiều là người có tình thương mạnh mẽ nhất, thương người và thương mình:

0081. Lòng đau sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe, Kiều đã dầm dẫm châu sa.
1233. Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.

Thúc Ông vốn phản đối Thúc Sinh lấy vợ lẽ đến thế, mà cũng có lúc:

- Thương vì hạnh trọng vì tài...
- Quá thương chút nghĩa dè chừng...

Hoạn Thư ghen với Kiều đến mức tàn nhẫn, nhưng cũng có lúc động lòng trắc ẩn:

- Thoắt xem, dường có ngẩn ngơ chút tình.

Và nói:

- Rằng tài nên trọng mà tình nên thương

Ông quan họ Chung cũng ái ngại:

- Vì nàng nghĩ cũng thương thâm xót vầy

Một cô Mã Kiều trong lầu xanh cũng:

– Xót nàng ra mới đánh liễu chịu oan.

Tình thương của những người trong gia đình, các người tình như Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải thiết nghĩ không cần phải dẫn chứng đến nữa. Sở Khanh tuy giả vờ thương, nhưng chỉ có giả vờ như vậy hẳn mới trà trộn vào môi trường tình thương của tác phẩm được:

1065. *Than ôi sắc nước hương trời,*
 Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây!

Tương ứng với tiếng kêu thương, *Truyện Kiều* là một tác phẩm đầm nước mắt. Có thể nói *Truyện Kiều* là tác phẩm nhiều nước mắt bậc nhất trong các truyện Nôm. Kiều xuất hiện với khúc đàn "Bạc mệnh oán" khiến ai nghe cũng "nhấn mây rơi châu". Nghe em trai kể chuyện Đạm Tiên chết trẻ, Kiều liền "đầm đầm châu sa", tối về nằm mộng nàng lại "nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn", khi cha mẹ nghe tiếng Kiều rên rỉ, dậy xem thì đã thấy "Màu hoa lê hã dầm dề giọt sương", rồi khi ngồi một mình nàng lại: "Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch Tương". Khi tiễn Kim Trọng về hộ tang chú thì "Một lời trân trọng châu sa mấy hàng". Khi ra bán mình cho Mã: "Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng". Khi trần trọc nghĩ đến Kim Trọng: "Áo dầm giọt lệ, tóc se mái sầu", "Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn". Khi bị Mã giám sinh bẻ hoa Kiều đau đớn: "Giọt châu tâm tã tuôn mưa". Khi nói điều phát hiện về Mã giám sinh với bố mẹ: "Nhìn càng lã chã giọt hồng". Khi bị bắt về làm thị tì: "Nàng càng giọt ngọc như chan". Khi gặp lại Thúc Sinh tại nhà Hoạn Thư: "Giọt châu lã chã khôn cầm". Sau khi bị trận đánh ghen làm cho ê chề

nhục nhã nằng khóc suốt đêm: "Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, năm canh". Khi Thúc Sinh gặp Kiều ở Quan Âm các thì: "Giọt châu tâm tã, dầm tràng áo xanh". Khi Kiều khóc Từ Hải chết: "Dòng Thu như xối cơn sầu". Kim Trọng khóc Kiều còng dũ dãi: "Vật mình vấy gió tuôn mưa, dầm dề giọt ngọc thần thờ hồn mai... Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi, tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê".

Không chỉ con người khóc, mà tiếng đàn cũng khóc:

1853. Bốn dây như khóc như than,
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.

2569. Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay!

Nước mắt đầm đìa đã làm cho tiếng kêu than trong *Truyện Kiều* thêm đau đớn, thống thiết.

Ứng với lòng thương cảm, Nguyễn Du cực tả những người tài hoa, cao cả nhưng yếu đuối, nhỏ bé, thật thà, đại dốt, họ là đối tượng cho các hành động vu oan giá họa, lừa lọc, vuê dập, đánh đập. Kiều tuy có tài chủ động thu xếp công việc gia đình, nhưng chính nàng là người bị lừa dối phũ phàng nhất: Mã giám sinh lừa, Sở Khanh lừa, Bạc Bà, Bạc Hạnh lừa, Hồ Tôn Hiến lừa. Thúc Sinh thiệt thà đại gái bị lừa, Từ Hải "*ngiênng trời uy linh*" cũng bị lừa. Do vậy mọi người đều thể hiện cho cái nhỏ bé, cái yếu đuối, cái đáng thương. Chúng tôi đã có dịp nhận xét kỹ về ý nghĩa của chữ *chút* trong *Truyện Kiều* (*chút nghĩa dèo dặt, chút phận thuyền quyên, chút nghĩa cũ cang...*) nhằm thể hiện cảm thức về kiếp người nhỏ bé, mong manh, dễ hư nát để đòi hỏi được nâng niu, thông cảm, thương xót. Chúng tôi

cũng nhận xét về nét tính cách sợ hãi, yếu đuối của Kiều được miêu tả không như một phẩm chất tầm thường, thấp kém, mà như một phẩm chất phổ biến, thường tình của con người đáng được đồng cảm.

Gắn với kiếp người nhỏ bé, yếu đuối là những trận đánh đập về thể xác, những cuộc hành hạ về tinh thần. Trận đòi tra khảo của bọn nha lại, trận đòn ép uống của mẹ Tú Bà, "*Uốn lưng thịt đổ, cắt đầu máu sa*"; trận đòn của ông quan muốn xử trắng cho Thúc Ông: "*Đào hoen quện má, liễu tan tác mây*"; trận đòn ra uy của người nhà Hoạn Thư "*Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh*". Rồi những cuộc mua bán. Những cuộc sinh li, tử biệt. Cuộc đánh ghen lạ đời. Cuộc chiêu an bi kịch. Cuộc tái hợp cũng là sự hành hạ về tinh thần! *Truyện Kiều* được dệt bằng chuỗi các sự kiện éo le, oan khổ, đau lòng. Những niềm vui được tạo ra để mà từ bỏ hoặc để cho người đời chà đạp.

(Trích bài đăng trên *Tạp chí Văn học*, số 2-1999)



VI. PHAN NGỌC:

NGÔN NGỮ NHÂN VẬT TỪ HẢI

... Chúng tôi xin thử giải đáp bài toán về ngôn ngữ Từ Hải. Trong *Truyện Kiều*, Từ Hải chỉ nói 52 câu tâm trạng, Nguyễn Du muốn xây dựng Từ Hải thành một con người mà hành động, suy nghĩ nói năng đều khác hết cả mọi người.

Thứ nhất, Từ Hải tự khẳng định mình là một người vượt ra ngoài khuôn sáo của xã hội. Người ta đến lầu hồng là cốt chuyện trăng gió, Từ Hải đến nơi này – *Từ rằng*:

"*Tâm phúc tương cơ. Phải tưởng trăng gió vật vờ hay sao?*". Trong mắt chàng, bọn đến lầu hồng đều là bọn "*trăng gió vật vờ*" đáng khinh bỉ. Người ta đến tìm người đẹp là để nhìn người đẹp, Từ đến tìm người đẹp là để người đẹp nhìn mình: *Lại đây xem lại cho gần, Phỏng tin được một vài phần hay không?* Người khác nghe người đẹp nói đến việc ký thác thân phận thì thế nào cũng đau xót hộ, thương cảm. Từ Hải trái lại, nghe Kiều nói *Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau*, thì cười: *Cười rằng: Tri kỷ trước sau mấy người...* Đối với Từ Hải, chuyện đó là hết sức dễ dàng, chẳng có gì phải lo lắng. Người ta lấy được người đẹp thì lo quần quýt bên cạnh người đẹp, Từ Hải nửa năm hương lửa đường nồng, đã động lòng bốn phương, thanh gươm yên ngựa lên đường... Người đẹp đòi đi theo, Từ cho là nữ nhi thường tình, điều mà con người phi thường phải thoát khỏi, rồi *Quyết lời dứt áo ra đi*. Người ta cảm ơn mình, thì Từ Hải gạt ngay, nói: *Huống chi việc gì cũng việc nhà, Lạ là thâm lạ với là tri ân*.

Từ Hải là hình ảnh trái ngược với toàn bộ những con người trong xã hội cũ mà tác giả gọi là "*những phường giá áo túi cơm*". Từ Hải muốn sống phi thường, suy nghĩ phi thường và hành động phi thường. Điều đặc biệt ta không thể bỏ quên là bất cứ ai gặp Kiều cũng nói đến cái tài, cái sắc của Thuý Kiều, trái lại Từ Hải không bao giờ nhắc đến điều đó. Từ Hải không đi tìm người có tài có sắc. Từ Hải tìm một người hiểu mình. Cái lạ là ở chỗ đó.

Các đặc điểm mà chúng tôi đã phân tích trên đây đều không có trong Kim Vân Kiều Truyện. Kim Vân Kiều Truyện giới thiệu Từ Hải như sau:

"Hồi ấy có một tay hảo hán họ Từ tên Hải, tự Minh Sơn, vốn người đất Việt, tâm tình khoáng đạt, độ lượng lớn lao, coi phú quý như lông hồng, nhìn người đời tựa như cỏ rác, lại anh hùng rất mực lược thao, tinh thông, lúc thiếu thời cũng có học tập khoa cử, vì không đỗ đạt, mới bỏ đi làm nghề buôn, của cải dư dật, lại thích kết giao bè bạn".

... Từ Hải có ba nét tiêu biểu là tự nhận thức được tính chất anh hùng của mình, sẵn sàng giúp người và khao khát tìm người tri kỷ. Cả ba nét ấy đều phi thường như con người Từ Hải, không ai giả mạo nổi. Trong lời nói của mình, Từ dùng chữ *anh hùng* 4 lần, *Anh hùng thấy giữa trần ai mới già*, *Anh hùng mới biết anh hùng...* chữ *quốc sĩ* một lần "*Từ rằng: Quốc sĩ xưa nay..*", chữ *phi thường* một lần "*Làm cho rõ mặt phi thường*". Từ xưng ta 2 lần: "*Một lời đã biết đến ta, cho người thấy mặt là ta cam lòng*". Lời nói của Từ kèm tiếng cười đến 3 lần, và Từ gạt đầu 1 lần.

Thứ hai, Từ coi việc cứu người, giúp người là bổn phận mình, nhất là khi người đó là người tri kỷ "*Một lời đã biết đến ta, Muốn chung nghìn tú cũng là có nhau*". Từ còn muốn giúp cho Kiều gặp lại gia đình thì mới cam lòng. Nhưng điều đặc biệt nhất là Từ khao khát tìm một người tri kỷ. Từ đòi hỏi một người hiểu giá trị của mình, thấy giá trị mình ngay trong lúc mình đang ở trong cảnh trần ai. Trong Kim Vân Kiều Truyện cũng có nhắc đến điều này:

Thúy Kiều nói: "Anh hùng đại độ, chàng là bậc đại nhân ở đất Thái Nguyên, chứ Bình Nguyên Quân cũng không khoáng đạt đến như thế!"

Nguyễn Du đã đổi cái tứ này thành:

2195. *Thưa rằng: Lượng cả bao dong*
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen

Kim Vân Kiều Truyện chỉ nói Từ Hải có độ lượng như Đường Cao Tổ, nhưng Nguyễn Du khẳng định còn dứt khoát hơn rằng Từ Hải sẽ làm đế vương. Câu nói đó rõ ràng là hợp với một người chí khí phi thường như Từ Hải, chính vì câu nói ấy mà sau này Từ Hải sẽ hy sinh. Từ Hải tìm người mất xanh, khen Kiều có "con mắt tinh đời", nhắc Kiều nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên "Nhớ lời nói những bao giờ hay không?". Có một điều rất đáng chú ý, Từ Hải khác hẳn mọi anh hùng trong tiểu thuyết Trung Quốc, và giống như một chàng ăn cướp nổi loạn ở Châu Âu vào đầu thế kỷ 19 trong văn học lãng mạn, những con người này đều tìm một người tri kỷ, và chết hoặc đau khổ vì người tri kỷ ấy.

Chỉ cần so sánh đoạn Từ Hải tâm sự với Thuý Kiều trước khi đầu hàng trong K.V.K.T, và trong *Truyện Kiều*, chúng ta cũng có thể thấy hai bút pháp khác nhau rõ rệt. Trong K.V.K.T, Từ Hải là một đại vương sơn trại của Thuỷ Hử, chàng nêu lên 5 điều bất lợi của việc đầu hàng là: bị ràng buộc, bị bọn quan văn ghen tị, bị điều động đi nơi này nơi khác, mất binh quyền, một người cũng có thể bắt mình, nhân dân bấy lâu vẫn oán giận mình đều muốn báo thù. Đối lập với đoạn trình bày dài dòng này, trong *Truyện Kiều* Từ Hải chỉ nói 10 câu, nhưng 10 câu tâm trạng (2463-2472):

2463. *Một tay gây dựng cơ đồ,*
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành.
2465. *Bỏ thân về với Triều đình,*
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu?

2467. Áo xiêm buộc trói lấy nhau,
 Vào luồn ra cúi công hầu mà chí?
 2469. Sao bằng riêng một biên thuỳ,
 Sức này đã dễ làm gì được nhau!
 2471. Chọc trời khuấy nước mặc dầu,
 Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!

Chúng tôi đã nói Nguyễn Du cố sức xây dựng quá trình diễn biến chủ quan của nội tâm. Vậy phải ngay từ đầu chuẩn bị cho sự đầu hàng của Từ Hải. Ông giới thiệu chàng là một người "giang hồ quen thói vẫy vùng". Chàng là người anh hùng, hơn người, nhưng cái chí của chàng rất hẹp, chàng chỉ quen thói vẫy vùng, chỉ mơ ước làm một Hoàng Sào. Câu "Giương dãn nửa gánh non sông một chèo" là một câu thơ của Hoàng Sào, tức là chàng chỉ muốn chọc trời, khuấy nước, chứ không có cái chí dựng nên một triều đại. Khi đã đạt được cái mộng của mình, chàng mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi, muốn yên thân, tức là muốn tránh gian khổ. Chàng mất cảnh giác, chỉ nghĩ rằng mình đầu hàng thì chịu cảnh hàng thần lơ lảo, chưa biết đầu hàng là chết. Chàng đã hết cái ý chí tấn công, chỉ muốn tự vệ, an hưởng giàu sang. Câu "Giương dãn nửa gánh, non sông một chèo" mà Nguyễn Du dùng (không có trong K.V.K.T.), chính là để chuẩn bị cho câu của Kiều sau này: "Ngàn năm ai có khen dẫu Hoàng Sào", và câu ấy làm chí khí của chàng gãy gục. Nguyễn Du cần thận trình bày sự đầu hàng này là do chính nội tâm của Từ Hải chứ không phải đơn thuần do lời khuyên của Thuý Kiều, cho nên mới nói: "Từ công riêng hăy mười phần hồ đồ" trước khi nghe lời bàn của Thuý Kiều. Trong hành động của Từ Hải có cái vẻ vội vàng, hồ đồ (Từ công hồ hững biết

đâu), mà ta thấy trong cách nói năng của chàng khi mới gặp Kiều. Vì hồ đồ như vậy, cho nên Từ Hải phải chết.

Nguyễn Du là nhà phân tích tâm lý vĩ đại ở chỗ ngôn ngữ nhân vật làm thành cấu trúc chặt chẽ, có sự diễn biến nội tại, rất logic, lại được giải thích bằng ngôn ngữ của tác giả cũng hết sức khớp với cái logic ấy.

(Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều)



VII. XUÂN DIỆU:

BẢN CÁO TRẠNG CUỐI CÙNG TRONG TRUYỆN KIỀU – VỀ NHÂN VẬT THÚY KIỀU

... Rõ ràng là Nguyễn Du không những đã để trái tim mình vào trong nhân vật, mà Nguyễn Du chính là nhân vật; Nguyễn Du tự nói nỗi đau khổ, nỗi giày vò của mình qua Thúy Kiều, thì mới có một giọng thơ như thế. Tản Đà viết: "Cũng vì văn chương bởi tâm sự như thế cho nên như có một sức thiêng liêng khiến cho người ta dễ cảm động; ấy quyển Kiều mà hay, chỗ gốc thực ở đó, mà văn tài của tác giả lại là phần thứ hai, mà để chữ Tâm lên thứ nhất" là chí lý! Đó cũng là một chỗ sâu sắc của Tản Đà. Ngay ở câu trả lời đầu tiên khi gặp nhau như chết sống lại, Kiều đã cho thấy rằng đời mình tan nát, lòng mình tan nát, bản cáo trạng cuối cùng trong *Truyện Kiều* đã bắt đầu:

Đã tu – tu trót – qua thì – thì thôi!

Đoàn viên tái hợp, nhưng nụ cười nở tươi, những sắc mặt vui sướng, "*nỗi mừng biết lấy chi cân?*", nhưng luôn luôn Nguyễn Du cứ nói: – "Đây là một nạn nhân mười lăm năm

của xã hội!"; ai có ngờ chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc và văn tài của Nguyễn Du đã mở ra một chân trời văn chương dào dạt, ở cái nơi mà người ta không ngờ đến; Nguyễn Du đã sử dụng triệt để cuộc đoàn viên, để tính sổ một lần cuối cùng. Bản cáo trạng bất ngờ thật rõ mồn một trong chương đoàn viên này! Tại ta đọc nhiều lần mà vẫn vô ý, nên không thấy hết đó thôi. Nguyễn Du không đọc cáo trạng bằng lý thuyết, bình luận, mà đưa ra một cáo trạng bằng xương thịt, bằng máu của tâm hồn: *Đây là nạn nhân còn sống sót của mười lăm năm chúng bay!*

Trong tiệc hoa đoàn viên vui vậy, Thuý Vân uống chén rượu tàng tàng dờ say, đứng lên đặt vấn đề Thuý Kiều nên thành hôn với Kim Trọng:... *"Bây giờ giường võ lại lạnh..."*. Lời lẽ Thuý Vân dừng lại ở hai câu của Nguyễn Du:

3075. *Quả mai ba bảy đương vừa,
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì.*

Quả mai ba, bảy là lấy ý trong thơ *Xiêu mai (Kính thi)* nói quả mơ ở trên cành còn bảy quả, ba quả, là tiết cuối xuân, tuy là kỳ hôn giá có muộn, mà lấy nhau cũng còn vừa. Tản Đà lại khen: "Câu này ngẫm thật buồn cười, như cô Kiều lúc đó còn có thể nói *đào non*, thời tác giả cũng thật tài tình vậy!". Thật là học trò biết khen thầy! Tài tình thật đi chứ! Nguyễn Du rút Thuý Kiều từ trong trái tim mình ra, không yêu mến sao được! Kiều ba mươi tuổi vẫn là *đào "non"* (sau đây, Nguyễn Du mới giải thích bởi vì: *"Hoa tàn mà lại thêm tươi – Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa"*).

Kiều tưởng rời nơi tu hành về nhà là về nhà, không ngờ cuộc đời lại đòi hỏi nàng một mức nữa, qua lời Thuý

Vân. Ôi cái con em gái khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang kia, mày phúc hậu lắm, mày đâu có biết ý tứ gì. Sao em lại khêu cái vết thương tưởng đã lành của chị!

3077. *Dứt lời nàng vội gạt đi:
– Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ?*
3079. *Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dãi gió dầm mưa đã nhiều.*
3081. *Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi!*

Nhưng Thuý Kiều có gạt đi cũng không được nữa. Kim Trọng đã bắt lấy lời Thuý Vân. Theo tôi tất cả cái giá trị của Kim Trọng là lời nói chí tình phía sau, mà tôi dẫn trước lên đây:

3175. *Bấy lâu đây bể mò kim,
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?*

Bấy lâu anh lặn lội tìm em, là vì yêu em, nhớ em, chứ đâu có phải vì... chuyện ấy!

3083. *Chàng rằng: – Nói cũng lạ đời,
Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao?*

....

3089. *Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan chia gánh chung tình làm hai?*

Kim Trọng không biết nói gì hơn là nhắc lại lời thề, sống chết với lời thề ấy, và dùng cách trách yêu.

Kiều bấy giờ mới nói đến cái thân thể của mình, trong đó cái thân của mình rất quan trọng. Nguyễn Du để cho Kiều nói đến chữ tình, đặt sau đó mượn lời Kim Trọng

nói một điều làm hả dạ hả lòng người đọc, chiêu tuyết cho Kiều:

3119. *Như nàng lấy Hiếu làm Trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?*

Lời nói của Kiều là gì, nếu không phải là bản cáo trạng xã hội, do chính nạn nhân lập nên? Trong quyển truyện, đã bao lần Kiều trách phận thương thân, ví dukhi phải làm đi lần thứ nhất: "*Mặt sao dày gió dạn sương – thân sao bướm chán ong chường bấy thân*"; nhưng đến đây, nhớ lại cả mười lăm năm luân lạc, Kiều như đã nát hết cả tấm thân; lúc tái hợp này rõ ràng là khi Nguyễn Du uất ức lên cao độ nhất:

3097. *Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.*
3099. *Bấy chầy gió tấp mưa sa,
Mấy trắng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.*
3101. *Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thế, còn toan nổi nào?*

Ta thử đọc lại đoạn này mà vận vào thân, xem thử có tủi nhục đến tận trong xương thịt mình hay không? – Giày vò đến thế thì đến bao nhiêu thân cũng phải nát, huống chi là một cái thân em! *Đã xong thân thế, còn toan nổi nào?* Câu thơ hành văn bỏ lửng: *Cái thân thế của em đã xong* hay chưa, còn muốn gì nữa hử anh? – *Nổi ê* chề tủi cực theo mạch văn còn tiếp:

3103. *Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
Dám đem trần cấu dụi vào bố kinh!*

3105. *Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lấm ru!*
3107. *Từ rày khép cửa phòng thu,
Chẳng tu, thì cũng như tu mới là!*
3109. *Chàng dù nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ.*
3111. *Nói chi kết tóc xe tơ,
Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời!*

Ôi cái đêm "động phòng hoa chúc dạ" nào kia, Kiều sao lại có thể như thế được! Kiều tự liên hệ mình với cái hoa đèn! Hoa đèn bao giờ cũng trong sạch, dầu có thể lâm thời vẩn hay đục, nhưng thấp lên thì bao giờ ngọn lửa cũng trong! Kiều thẹn mình với cái hoa của đèn, Kiều nhắc lại sự đi tu, không phải Nguyễn Du tuyên truyền cho việc đi tu, mà đây là nạn nhân ê chề quá, sự từ chối ở 2 câu cuối vẫn là cái giọng tố cáo của một nạn nhân.

Tác giả, trong lời Kiều, đã mượn hình tượng trước là đòi hỏi "*hoa thơm phong nhị, trắng vòng tròn gương*", sau là than tiếc "*mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn*"; dùng lời Kim, tác giả lại cãi lại: "*Tan sương đầu ngõ*" để thấy hoa, "*vén mây giữa trời*" để tỏ trăng, và "*Hoa tàn mà lại..., Trăng còn mà lại..*" (trên tôi đã dẫn). Đó chẳng qua là một bút pháp thông thường. Như ta đã biết, Kim Trọng lập luận rằng không nên cố chấp trong việc hiểu chữ "trinh"; đáp lại Kiều lần thứ hai này, Kim Trọng cũng lại kết ý bằng trách yêu, nhưng lần này tiêu tao hơn, tủi thân là một người bị ruồng bỏ (như Tiêu lang mất vợ):

3125. *Có điều chi nữa mà ngờ,
Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!*

Lễ của Kim Trọng cũng cứng, cha mẹ lại cũng quyết như thế, Kiều phải nhận lời. Nhưng tại sao lại:

Cúi đầu, nàng những ngẩn dài thở than?

Nguyễn Du viết văn rất ý tứ, chuẩn bị cho lần thứ ba Kim Kiều đối đáp. Lễ thành hôn, và đêm động phòng. Một câu thơ trong những câu thơ hay nhất của Nguyễn Du:

Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.

Văn hay trước hết chưa phải ở hình tượng, âm thanh, sáng kiến... là những điều quan trọng lắm lắm, mà văn hay trước hết ở cái thể, ở sự phân tích được tâm lý của hoàn cảnh. Đọc văn cũng vậy, như xem người, chưa nên lác mắt vì quần áo, trang sức, mà cho đến mặt đẹp cũng chưa đáng sợ! Hãy xem vầng trán suy nghĩ gì? Và hai con mắt nó là gương của tâm hồn.

Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.

3137. *Những từ sen ngó đào tơ,*

Mười lăm năm mới bây giờ là đây.

Chao ôi nếu không đặt mình vào trong cái thế của sự vật, thì làm sao thấy hết cái hay của ba câu thơ trên đây! Nói *Truyện Kiều* trước các bạn trẻ, tôi thường nói đùa với cái lứa tuổi hai mươi ấy: - "Các bạn làm sao hiểu được cái hay của ba câu thơ này? Ai có ở cái tuổi, cái cảnh đó, tự vận được vào thân, thì mới thấy hay. Các bạn làm gì có *tình xưa* mà *ngậm ngùi*? Mà đến *duyên mới* e cũng chưa có...". Ca dao Nam bộ dễ thương lắm sao:

Anh thương em từ thuở má hồng,

Bây giờ em khôn lớn, có chồng em bỏ anh!

Cái tâm lý của tình yêu như thế đó, yêu con sông muốn yêu từ suối, yêu con suối muốn yêu từ nguồn, đi về tận cái thưở "má bông". Chồng ba mươi nhăm tuổi, vợ ba mươi tuổi, đã mấy mặt con, chồng nhìn vợ, nhớ từ lúc vợ còn là cô gái nhỏ mười lăm mười sáu, tìm hiểu nhau đến năm hai mươi... "Sen ngó đào tơ" chẳng qua là những chữ có sẵn, bảo là sáo cũng được; nhưng đặt vào đây...thương biết bao! Từ khi em còn non, từ lúc em cần anh bảo vệ giữ gìn... Ấy thế mà Kim xa bằng Kiều mười lăm năm, mất biệt Kiều đi mười lăm năm. – "Bây giờ là đây", thế mới sáng bốn chữ"ngậm ngùi tình xưa ở trên".

(Trích trong *Thi hào dân tộc Nguyễn Du*)



VIII. ĐẶNG THANH LÊ:

THÚY KIỀU, CON NGƯỜI CỦA HIỆN THỰC KHỔ ĐAU, CON NGƯỜI CỦA VẬN MỆNH BI KỊCH

... Nhân vật của Nguyễn Du là một con người luôn luôn có ý thức về "kiếp đoạn trường" của bản thân, nhưng đồng thời, luôn luôn hướng tới ánh sáng của hạnh phúc, Thúy Kiều chỉ từ bỏ thiên hướng này khi cuộc sống phủ định nguyện vọng của nàng.

Vận mệnh và tính cách có màu sắc bi kịch này quán xuyên nội dung tác phẩm, khắp *Truyện Kiều* phảng phất một không khí buồn, quán xuyên kết cấu tác phẩm: Trong hệ thống "Hội ngộ – Tai biến – Đoàn tụ", Nguyễn Du dành phần lớn tác phẩm để viết về quãng đời "Tai biến" của Kiều, và trong toàn bộ tác phẩm, kể cả những giây phút đỉnh ước, tình tự của phần "Hội ngộ", hay trở về với người

yêu trong phần "Đoàn tụ", hạnh phúc của nàng không bao giờ trọn vẹn; quán xuyến hình tượng nhân vật: Thuý Kiều luôn luôn sống trong tâm trạng bi kịch.

Nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành, tài đàn tuyệt diệu và tài thơ mẫn tiệp của nàng rút cục cũng chỉ để "đem bán vào thuyền lái buôn". Sự chà đạp lên tài hoa, nhan sắc con người là một tội ác của chế độ phong kiến, nhưng nếu quan niệm mâu thuẫn chủ yếu trong *Truyện Kiều* là mâu thuẫn giữa trí thức và tài năng với chế độ như ý kiến sau đây:

"Mâu thuẫn với chế độ xã hội bất công với tài năng của con người là một mâu thuẫn tuyệt đối... Nguyễn Du đã diễn tả mâu thuẫn đó một cách hệ thống từ mở đầu Truyện Kiều cho đến cuối".

... "Bao giờ còn chế độ xã hội bất công, nhất là ở giai đoạn suy vong của chế độ này, tài hoa chỉ là một mối hận hết sức thâm trầm. Đó là cảm hứng chủ đạo nhất, sâu sắc nhất, bi thiết nhất của Nguyễn Du"¹... có lẽ cũng có phần cần bàn bạc.

Bởi vì nổi bật trên tất cả kiếp đoạn trường và nỗi đoạn trường là sự chà đạp lên hạnh phúc tình yêu và ước mơ công lý của người phụ nữ nhan sắc, tài hoa, đa sầu, đa cảm và hết sức vị tha này. Nói một cách khác, Nguyễn Du đặc biệt chú trọng trình bày, miêu tả mâu thuẫn sâu sắc giữa khát vọng hạnh phúc của con người bị áp bức bởi những thế lực xấu xa, tàn bạo của chế độ phong kiến.

(1) Hoàng Xuân Nhị: Căn bản của chủ nghĩa nhân đạo chống phong kiến trong *Truyện Thúy Kiều* – Tập san DHSP số 3 tháng 8 – 10 năm 1955.

"Giữa đường đứt gánh tương tư" – vì hạnh phúc gia đình, vì vận mệnh cha và em, Kiều hy sinh hạnh phúc cá nhân. Đó là lý tưởng đạo đức và cũng là hạnh phúc của đời nàng (*Cổ xuân tuối hạc càng cao, Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành... Thà rằng liêu một thân con, Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây...*) nhưng vì đây chỉ là một phương diện của hạnh phúc nên Kiều tiếp tục đi vào một bi kịch khác. Thuý Kiều, con người của một thời đại đã có ý thức sâu sắc hơn, phong phú hơn về đau khổ cũng như về khát vọng của mình, không thể đơn giản chấp nhận chỉ một phương diện nào của hạnh phúc. Ngoài hạnh phúc gia đình, nàng còn sống với khát khao tình yêu tuổi trẻ. Ngoài tình thương cha mẹ, hai em, còn tình yêu với chàng Kim.

(Trích *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*)



IX. LÊ ĐÌNH KỶ:

KỂ TỪ KHI GẶP CHÀNG KIM...

... Sau Thuý Kiều, Kim Trọng là nhân vật chính của truyện. Nguyễn Du cũng dành cho Kim Trọng số trang nhiều nhất, sau Kiều. Kim Trọng đã vĩnh viễn đi vào đời Kiều ngay từ màn đầu, và ở màn cuối, Kim Trọng lại hiện ra và cùng Kiều kết thúc câu chuyện.

Kim Trọng là người tình nhân số một, không chê trách vào đâu được. Kim Trọng mới nghe tiếng Kiều, từ Liêu Dương cách trở đã trộm nhớ thầm mong, nhắc trông bóng Kiều từ xa đã thấy "mặn mà", thoáng gần lại đã "chập chờn cơn tỉnh cơn mê", gặp mặt rồi thì tìm mọi cách để được gần gũi. Khi biết Kiều lưu lạc thì đi đến cùng trời cuối đất

tìm cho kỳ được mới thôi. Nếu Từ Hải đã tát bể oan cho Kiều, thì tình yêu của Kim Trọng sẽ trả lại cho Kiều cái mà Kiều đã mất: lòng tin ở cuộc sống và ở chính mình. Bản án của đời Kiều mà Đạm Tiên và Tam Hợp đã từng đọc lên với những lời lẽ ma mị, Từ Hải đã đập tan nó bằng những đạo quân và Kim Trọng bằng tấm lòng của mình.

Kim Trọng từ già Liêu Dương:

Xăm xắm dề nỏ Lam kiều lần sang.

đến với Kiều vừa ung dung, vừa quyết liệt, trong một tâm trạng và một khung cảnh thiên nhiên không thể quên được:

0259. *Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,*

Nhớ nơi kỳ ngộ vội đời chân đi.

0261. *Một vùng cỏ mọc xanh rì,*

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu!

Những câu thơ phơi phới nhờ đã được chấp thêm đôi cánh của tình yêu. Cho đến cả cái buồn khó hiểu của ngọn gió chiều và của ngàn lau kia cũng như khêu gợi thúc giục chàng, trên đường đi tới người yêu. Có được nơi gần Kiều đã khó, ở gần rồi thấy được Kiều lại càng khó hơn nữa. Nhưng có cảnh "thâm nghiêm kín cổng cao tường" nào mà làm nhụt được Kim Trọng! Kim Trọng suốt mấy tháng ròng:

Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.

Thì nhất định có lúc trông thấy được Kiều. Thấy được Kiều thì nhất định có cách gần gũi được Kiều, bề ngoài thì hình như là chiếc thoa ngẫu nhiên đánh rơi đã nối liền hai

người, nhưng cũng phải là Kim Trọng thì mới nhận được chiếc thoa ấy và giữ Kiều lại được:

0315. *Bấy lâu mới được một ngày,
Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là.*

Có là gỗ đá mới không dừng chân lại được. Thì Kiều đã dừng lại. Đã dừng lại thì phải tiến lên nữa. Cứ thế mà cái phút đầu tiên đã nhanh chóng biến thành chuyện trăm năm giữa hai người.

Một mùa xuân trôi qua cho đến khi Kiều lợi dụng được một buổi vắng nhà để trở lại với Kim Trọng. Suốt một mùa xuân, Kim Trọng đắm đắm nhìn về phía "tường đông" lảng lửng tầm hơi Kiều, nhưng có lẽ được trời này không có gì sướng hơn là được nghe một lời trách móc như của Kim Trọng:

0379. *Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng,
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông:*

0381. *- Trách lòng hờ hững với lòng,
Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu.*

0383. *Những là đắp nhớ đổi sầu,
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râu.*

Nhưng đối với Kim Trọng thì xa Kiều cả một mùa xuân hay trong giây lát cũng là không thể chịu nổi. Kiều vừa ở nhà Kim Trọng về, nhà vẫn vắng. Kiều lại trở sang thì bắt gặp Kim Trọng đang ở trong cái cảnh một con người vừa được hưởng hạnh phúc choáng ngợp, thì hạnh phúc đã tan biến...

(Trích Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du)



X. ĐỐ ĐỨC HIỂU:

BUỒN TRÔNG...

... Bốn câu lục bát "*Buồn trông...*" trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mang nhiều ý nghĩa: một bản nhạc buồn thấm về người con gái lưu lạc quê người, về thân phận cô đơn của con người, được diễn đạt bằng những câu thơ mà nhịp độ du dương như chìm dần, chìm mãi vào hư vô. Bốn câu lục bát "*Buồn trông...*", với cấu trúc thơ cổ điển hoàn hảo và đầy chất thơ, là những cảnh mệnh mang tình người; bốn cảnh bát ngát trời mây, biển cả, đồng nội, gió cuốn, nhạt mờ, một màu xanh ngưng đọng và tĩnh lặng.

"*Buồn trông...*" nằm trong một cấu trúc với mô hình đối xứng và cân đối như một cơ cấu hình học. Thúy Kiều nhìn ra "*bốn bề bát ngát*" (sẽ được miêu tả thành bốn cảnh nhớ quê hương: nhớ người yêu, xót thương thân phận mình, nhớ mẹ, nhớ cha). Xem mô hình trang sau.

CẤU TRÚC. Mô hình Tình và Cảnh:

Mở đầu là hai câu: "*Bề bàng..... tấm lòng*". Nhấn mạnh ở "*nửa tình*", và "*nửa cảnh*"; và kết thúc là hai câu đối xứng: "*Chung quanh...vài bốn câu*". Câu lục bát mở đầu và câu lục bát kết thúc ấy "ôm" tám câu lục bát tả tình và tả cảnh (tức thế giới bên trong và thế giới bên ngoài) hợp thành một cấu trúc hoàn chỉnh, kiểu hình học (có thể hình dung một hình thoi cụt), đó là đối xứng thứ nhất. Đối xứng thứ hai: bốn câu lục bát tả tình đối xứng với bốn câu lục bát tả cảnh, cân đối nhau, để triển khai với lời mở đầu: "*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*"; trong hai pa nô cân xứng này, câu lục bát (1) tả tình đối xứng với câu lục bát (1) tả cảnh, nói về Kim Trọng; Câu bên trong: thứ nhất, hai câu lục

bát (1) và (2), nói về mối tình Kim Kiều, đối xứng với hai câu lục bát (3) và (4), về cha mẹ; thứ hai, câu (1) Kim Trọng, đối xứng câu (2), Thúy Kiều; và câu (3) mẹ, với (4) cha.

Theo Roman Jakobson (xem Những vấn đề Thi Pháp), cơ sở của thơ là cái đối xứng. Quy tắc câu thơ, luật thơ chính là quy tắc, luật của sự đối xứng, nhất là trong thơ cổ nó là cái đẹp, nó là một chất thơ của thơ (*Thuyền về có nhớ bến chăng, bến thì một dạ khăng khăng nhớ thuyền: Thuyền, nhớ bến câu lục, đối xứng với bến, nhớ thuyền câu bát; Thuở trời đất nổi cơn gió bụi / Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên... Nửa in gối chiếc / Nửa soi dặm đường v.v...*)

Trong thơ phương Đông, tình và cảnh (tức con người và thiên nhiên) chan hoà với nhau "Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng". Con người là một bộ phận của thiên nhiên, không thể tách rời, có sự tương ứng hữu cơ, máu thịt giữa con người và thiên nhiên. Và nhiều khi như ở đoạn thơ này, tình của con người là chủ thể, còn cảnh là hình ảnh tượng trưng, cụ thể hóa và điệp trùng hoá tình cảm (cũng như: *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*); tình là yếu tố thứ nhất, cảnh là yếu tố thứ hai. có hiểu như vậy, mới thấy bốn cảnh "*Buồn trông...*" ảo mờ, không đường viền, nhìn qua đau thương và nước mắt.

BẢN NHẠC. Nhìn toàn cảnh, đó là bức tranh trải rộng bốn phương trời (*bốn bề bát ngát xa trông*; bốn cảnh cổ điển; bốn bức Ngư, Tiều, Canh, Mục; bộ Tứ bình; bốn Tố nữ v.v...) bốn cảnh mật mờ. Tuy là những cảnh thị giác, song qua tâm trạng Thúy Kiều, những cảnh này vang lên một bản nhạc, bản nhạc của cô đơn, quạnh quẽ, và được diễn đạt bằng những nhịp thơ, hình ảnh, những tiếng vang vọng

đầy thương nhớ. Những điệp ngữ "*Buồn trông...*" mở đầu bốn cảnh, ngày càng day dứt, mênh mông, ngày càng trống vắng. Thơ là một kiến trúc đầy âm vang (theo Souriau).

Trước hết, đó là những âm vang của nhịp điệu: nhịp điệu câu thơ 2/2, nhịp đôi đều đều du dương lặng lẽ, êm ả như vông đưa, trong suốt bảy câu thơ đầu, diễn tả một nỗi lòng vô vọng, mờ ảo, nơi đất khách quê người xa lạ: *Buồn trông / cửa bể / chiều hôm... Buồn trông / gió cuốn / mặt duềnh*. Chỉ đến câu thơ cuối nhịp mới chuyển một cách đột ngột, cùng với tiếng sóng, sang nhịp 4/4: *Ầm ầm tiếng sóng / kêu quanh ghế ngồi*; Kiều giật mình trở về hiện tại khủng khiếp, "lưu lạc bên trời góc bể". Đó còn là âm vang những điệp từ, từ câu trên xuống câu dưới, nối tiếp nhau, hợp thành một giai điệu đầy âm thanh vang dội: "*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa / Hoa trôi man mác biết là về đâu... nội cỏ dầu dầu... một màu xanh xanh... Ầm ầm tiếng sóng*". Nó âm vang bên ngoài thiên nhiên, trong tâm hồn Kiều và trong lòng người đọc.

Tất cả các âm vang ấy hát ca trong một không gian mờ昧, trong một thời gian dở dang nửa tối nửa sáng ("*cửa bể chiều hôm*", hoặc "*vẻ non xa, tấm trắng gần*", như chính cuộc đời dang dở của chính nàng Kiều lúc này).

Cần lưu ý đến âm thanh của câu bát cuối cùng (*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*). Miêu tả thị giác bỗng chuyển thành miêu tả thính giác. Như đã nói nó chuyển từ một giấc mơ dài sang sự thật; "*Chung quanh những nước non người / Đau lòng lưu lạc...*".

Và cuối cùng, về phương diện truyện (Truyện Kiều là một truyện thơ) đoạn thơ này có một nhịp kể chậm chậm, như hát ca, ngưng nghỉ giữa hai bảo tố, với một tempo

nhanh, sôi sục, giục giã, – cảnh Tú Bà đánh đập Kiều và cảnh tiếp theo, Sở Khanh chằng lưới bắt Kiều.

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya, Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.		
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, Tin sương luống những rày trông mai chờ.	(1)	Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Chân trời góc bể bơ vơ, Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.	(2)	Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Xót người tựa cửa hôm mai, Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?	(3)	Buồn trông nội cỏ dầu dầu, Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Sân Lai cách mấy nắng mưa, Có khi gốc tử đã vừa người ôm.	(4)	Buồn trông gió cuốn mặt duềnh, Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
Chung quanh những nước non người, Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu.		

Tóm lại, với những ẩn dụ (thuyền biển, hoa trôi, nội cỏ, gió cuốn), cấu trúc đối xứng và những âm vang – những đặc điểm cơ bản của thơ... "Buồn trông..." là một bài thơ cổ điển hoàn hảo.

ĐỖ DỨC HIỆU
(Tiếng Nói Tri Âm – Nhà xuất bản Trẻ – 1994)

Phần thứ hai

VỊNH KIỀU

I. *Truyện Kiều* vốn có sức cuốn hút kỳ lạ với mọi tầng lớp nhân dân nên nhiều người đã say sưa đọc và nghiền ngẫm. Rồi từ những tình cảnh, sự kiện, nhân vật trong truyện, họ muốn nói lên cảm nghĩ của mình bằng những vần thơ. Vịnh Kiều chính là làm thơ về *Truyện Kiều*, về các nhân vật trong truyện, hoặc theo diễn biến của từng hồi, từng đoạn trong *Truyện Kiều*. Qua câu thơ, các tác giả phát biểu ý nghĩ, cảm tưởng của mình nhân một cảnh tình hoặc một nhân vật trong truyện hay trước một thực tế cuộc sống có liên quan đến *Truyện Kiều*. Cũng có khi, qua bài thơ người ta muốn tỏ cái chí của mình, bày tỏ thái độ đối với nhân tình thế thái. Lại cũng có khi chỉ để giải trí mua vui trong những lúc trà dư tửu hậu.

Ngày xưa các bậc túc nho thường lấy việc ngâm vịnh thi phú nói chung làm một thú chơi tao nhã. Trong khi thù tạc, *Truyện Kiều* cũng là một đề tài thơ không cạn và nảy sinh *thú vịnh Kiều*. Về hình thức có vịnh Kiều bằng chữ Hán, có khi bằng chữ Nôm, về thể loại thường là *Đường luật thất ngôn bát cú*, cũng có khi là *tuyệt cú*, *lục bát* hay *hát nói*...

Nói đến vịnh Kiều thì đầu tiên phải kể đến bài *Đề từ* của tiến sĩ Phạm Quý Thích, người huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông hơn Nguyễn Du 6 tuổi và cùng ra làm quan dưới triều nhà Nguyễn. Nguyên chữ Hán như sau:

ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH ĐỀ TỪ

Phạm Quý Thích

*Giai nhân bất thị đáo Tiền Đường
Bán thế yên hoa trái vị thường
Ngọc diện khởi ừng mai thủy quốc
Băng tâm tự khả đối Kim Lang
Đoạn Trường mộng lý căn duyên liễu
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy
Tân Thanh đáo để vị thủy thường.*

Sau đây là bản dịch của tác giả:

*Giọt nước Tiền Đường chẳng rửa oan
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng
Vẻ ngọc chưa phai chốn thủy quan
Nửa giấc Đoạn trường tan gổn điệp
Một giây Bạc mệnh dứt cầm loan
Cho hay những kẻ tài tình lắm
Trời bắt làm gương để thế gian.*

Bài này được in trong bản khắc *Truyện Kiều* đầu tiên bằng chữ Nôm ở phố Hàng Gai đầu thế kỷ 19. Đến nay ngoài bản dịch của tác giả đã có 8 bản dịch khác nữa.

Chỉ trích *Thúy Kiều*, đầu tiên là học trò của Phạm Quý Thích: Chu Doãn Trí, người Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh. Ông cũng có bài vịnh *Thúy Kiều* bằng chữ Hán nhưng trên một quan điểm khác. Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch như sau trong *Việt ngâm thi thoại*:

Hóa nhi đâu có ghét hồng nhan
Vì bởi hồng nhan tạo mối oan
Hoa tín vừa thông xuân sự sớm
Chén thể chưa cạn khối tình tan
Lầu xanh đâu cũng chàng Kim Trọng
Phấn lợt còn lưu bác Thổ Quan
Một khúc Tân Thanh truyền Nhạc phủ
Đến nay đàn hát khắp Trảng An.

(Xem bản phiên chữ Hán và bản dịch của Bùi Hạnh Cẩn ở phần Tư liệu)

Những bài bình Kiều ở thế kỷ 19 đã được chúng tôi giới thiệu trong quyển *Truyện Kiều và các nhà Nho thế kỷ XIX*. Về vịnh Kiều bằng chữ Hán ta có 30 bài của Hà Tôn Quyền (1780-1839), 30 bài của Nguyễn Văn Chi thời vua Thành Thái, Rồi hơn hai chục bài của vua Tự Đức và nhiều bài khác của Chu Thấp Hi, Chu Mạnh Trinh...

Vịnh Kiều bằng chữ Nôm, trước hết cũng phải kể đến các bài ứng tác của Hà Tôn Quyền. Năm 1830, được vua Minh Mệnh hỏi, cụ đã ứng khẩu làm ngay 15 bài thất ngôn tứ tuyệt. Rồi đến Nguyễn Đình Giạc với 30 bài theo thể lục bát có nối vần giữa các bài. Từ Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến đến Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị rồi Chu Mạnh Trinh với trên hai chục bài vịnh Kiều đoạt giải nhất trong cuộc thi bình vịnh *Truyện Kiều* vào năm 1905 ở Hưng Yên...

Số người làm thơ vịnh Kiều từ bấy đến nay khá đông. Những tác giả có nhiều bài vịnh Kiều phải kể đến Tùng Vân Đạo Nhân (42 bài), Nguyễn Hữu Khanh (40 bài), Huyền Mặc Đạo Nhân (36 bài), Phạm Xuân Khôi (31 bài), Đạm Nguyên (20 bài)...

Trước cách mạng tháng Tám, ta còn phải kể đến Tản Đà, Huỳnh Thúc Kháng...

Thơ Nôm vịnh Kiều khuyết danh cũng rất nhiều. Từ thế kỷ 19 đã có:

- Tăng đình hậu nho tổng vịnh: quốc âm nhị thủ
- Tăng đình hậu nho đề quốc âm thi: phạm nhị thập thủ (20 bài còn lại 9 bài)
- Hựu tăng đình hậu nho đề vịnh quốc âm thi: tam thập thủ (35 bài)

Rồi Kiều oán Kim Trọng 12 bài, Kim Trọng oán Kiều 10 bài...

Trong *Tập thơ vịnh Kiều*, Nguyễn văn Y sưu tập được trên 400 bài thơ vịnh Kiều trước năm 1970 với gần 200 đề tài. Ta thấy gần như tất cả các nhân vật trong *Truyện Kiều* đều được đề vịnh như trong 42 bài của Tùng Vân Đạo Nhân, 40 bài của Hương Sơn cư sĩ Nguyễn Hữu Khanh...

Các tác giả vịnh Kiều thật đa dạng, khen chê trái ngược nhau, mỗi người lại tái tạo thế giới và nhân vật *Truyện Kiều* theo lăng kính của mình. Họ đã xét các nhân vật ấy như những con người có thật để ứng xử theo cách nhìn đời của họ. Đa số các bài vịnh Kiều đều làm theo thể thơ Đường luật nên thường sử dụng lối đối chặt chẽ trong một hình thức cô đọng và súc tích cho ta cảm nhận mới về tình cảnh và con người trong truyện. Với nhân vật chính diện họ ca ngợi và có khi bênh vực còn với những nhân vật phản diện họ mỉa mai, khắc sâu tính cách của chúng cho rõ nét cụ thể hơn. Kể cả những nhân vật rất phụ chỉ xuất hiện trong

một hai câu thơ cũng được các tác giả đề cập đến. Xin nêu ở đây hai bài vịnh của Huyền Mặc Đạo Nhân:

SAI NHA

Bán tơ thăng ấy đổ loanh quanh
Dắt lại xôn xao bọn nhặng xanh
Nách thước tay đao làm khốc hại
Gói may khung cửu phá tan tành
Lòa mây ngờ án già mang tội
Dậy đất kêu oan kẻ xót tình
Ai lạ vì tiền phương chúng nó
Túi tham đầy vết sạch sành sanh.

và NGÔ VIỆT THƯƠNG GIA

Nơi Kinh Bắc một khu hiền sáng sủa:
Người đi đâu mà buông đó để không?
Nét vàng dấu chữ còn phong
Cây trồng xanh tốt đá trông sẵn sàng
Nền Đồng Tước chi nhường màu bích tỏa
Gác Quan Âm nào kém vẻ sơn hồ
Cười ai áng lợi nhỏ to
Xa xôi bể Việt sông Ngô chưa về!

II. Riêng một số đứng trên quan điểm phong kiến về đạo đức để chỉ trích Thúy Kiều thì như trên đã nêu người đầu tiên là Chu Doãn Trí:

Lầu xanh đâu cũng chàng Kim Trọng
Phấn lợt còn lưu bác Thổ Quan

Rồi đến Nguyễn Công Trứ nghiêm khắc trong việc phê phán Thúy Kiều, cho nàng không phải là con người hiếu nghĩa gì:

*Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đố đem chữ "Hiếu" mà làm được ai*

Hoặc khi có vấn đề về quan điểm chính trị thì các tác giả phê phán mạnh mẽ hơn như Phan Văn Trị:

*Cái nghĩa chàng Kim là đáng mấy
Thoi vàng họ Mã giá bao nhiêu?
Liêu Dương ngàn dặm xa chi đó
Nỡ để Lâm Tri bướm dập dêu.*

Tôn Thọ Tường đầu giặc Pháp, làm một số bài Vịnh Kiều như bài *Vịnh Kiều, Tôn phu nhân qui Thục...* nói bóng gió như muốn giải thích cho hành động đầu hàng của mình. Thấy Tường không giữ tròn tiết tháo lại còn dùng thơ ca bào chữa, Phan Văn Trị đã lên tiếng và họa lại để vạch rõ ý đồ trong các bài thơ đó, ông chê Tôn Thọ Tường:

*Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa
Như vậy cũng gọi cửa trâm anh.*

Cư sĩ Nguyễn Hữu Khanh, một nhà Nho khá phóng khoáng cũng chê Kiều dù ông rất mê *Truyện Kiều*:

*Cũng đừng trách mệnh lẫn ghen tài
Vì mối tơ tình buộc dấy thôi
Mô cô thương hoài con đi đợi
Dưới hoa mê tít cậu đồ choai*

*Duyên dẫu dặt lại lòng dan dúi
Oan nợ xúi nên bước lạc loài
"Giữ ngọc, gìn vàng" ai dẫn đó
"Chung tình" mang sẻ khắp cho ai!...*

Và sau này các cụ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng cũng đã phải vạch rõ ý đồ của Phạm Quỳnh trong việc sùng bái *Truyện Kiều*. Cụ Ngô thù chê Kiều:

*Mượn giấc chiêm bao mơ dĩ Dạm
Vào dinh Tổng đốc gạ cu Hồ
Khen cho mụ Hoạn tình đời thật
Mèo mả gà đồng rõ mặt mo.*

Cụ Huỳnh đã có tới năm bài vịnh Kiều, đã chê trách Thúy Kiều thậm tệ:

*Đã mang thân thế nương nhà thổ
Còn trách ông cha vụng kiếp tu...
... Theo trai gác xó lời cha mẹ
Làm đi dành thân tiếng ngựa trâu!*

Rồi kết thúc bằng những câu như:

*Biết chăng hỡi cụ Tiên Điền vậy?
Muôn ác tà dâm ấy sự đầu...
... Tiên Điền cụ có hay chưa nhỉ
Sách dạy ngày nay: Đĩ đứng đầu.*

Mai Khê chê Kiều:

*Tình cũng nên dẫu, hiếu cũng dẫu
Dù có văn nhân tô điểm lại
Má hồng khôn rửa sạch thanh lâu.*

Đặc biệt, Nguyễn Thiện Kế càng nặng lời hơn:

*Đàn chưa giải oan cho tướng giặc
Thành còn nghiêng nước với quan triều
Nghìn năm ai chẳng phùng trăng gió
Danh tiếng phần riêng một Thúy Kiều.*

Rồi Nguyễn Mạnh Bổng cũng không tha, cho Thúy Kiều là:

*Động tình lập kế chim Kim Trọng
Biết thú dâm ghì lấy Mã Sinh
Niệm Phật ở chùa đi xoáy của
Lấy chồng ăn lẽ nữ quên tình
Toan về làm lẽ cô em vậy
Cô thật khôn ngoan đủ thập thành?...*

III. Trong những năm 70,80 thuộc thế kỷ 20, Câu lạc bộ Thi hữu Sài Gòn có nhiều cuộc giao lưu thơ vịnh Kiều và xướng họa thơ văn quanh *Truyện Kiều* và lối chơi thơ vịnh Kiều vẫn còn được tiếp tục vào nửa sau thế kỷ này. Cuộc xướng họa nhan đề *Vương Thúy kiều – Nhị thập tiết vịnh* của nhóm thi hữu Sài Gòn với các tác giả Ngọc Nam, Thủy Vân Tâm, Trường Đắc, Trình Xuyên... Các bài thơ xướng họa này được sáng tác theo 20 đề tài như sau:

Cảm Đề

1. Sơ tả về Kiều
2. Kiều du Xuân
3. Kiều viếng mộ Đạm Tiên
4. Kiều gặp Kim Trọng
5. Kiều tưởng nhớ Kim Trọng
6. Kiều mộng thấy Đạm Tiên

7. Kiều lên gặp Kim Trọng
8. Kiều thất thân với họ Mã
9. Kiều ly gia
10. Kiều mắc kế Tú Bà
11. Kiều mắc lừa Sở Khanh
12. Kiều gặp Thúc Sinh
13. Kiều vương Hoạn Thư
14. Kiều xuất gia
15. Kiều gặp Giác Duyên
16. Kiều mắc lừa xanh lần hai
17. Kiều gặp Từ Hải
18. Kiều xui Từ Hải ra hàng
19. Kiều gặp Hồ Tôn Hiến
20. Kiều gieo mình xuống Tiền Đường

Mỗi đề tài có một bài xương và 6, 7 bài họa lại tất cả gồm khoảng 130 bài mà ở đây chúng tôi chỉ xin trích một vài bài.

Một số bài vịnh Kiều theo từng chủ đề như

– Vịnh Thúy Kiều gồm 10 bài Thập thủ liên hoàn của Chu Mạnh Trinh

– Phóng vận: Phú đắc "Tài tình chi lăm cho trời đất ghen" gồm 13 bài

– Thanh ni hồi tục hay Ni cô hoàn tục về việc Thúy Kiều bỏ áo cà sa trở lại đời thường gồm 34 bài.

Tư liệu khá phong phú, chúng tôi chỉ xin trích một số, độc giả sẽ thấy được *Truyện Kiều* đã chiếm lĩnh tâm hồn người Việt một cách sâu sắc đến nhường nào.

Nói chung trong các bài vịnh Kiều, các tác giả thường nhận xét, đánh giá các nhân vật đặc biệt là nhân vật chính Thúy Kiều hoặc cũng có khi vịnh theo từng hồi nhưng tất cả đều thương cảm cho cuộc đời đau khổ của nàng. Nói chung thơ vịnh Kiều thường chỉ bày tỏ lòng cảm thương đối với nhân vật, thái độ đối với đạo đức của nhân vật hoặc tư tưởng đối với cuộc đời. Mà nhiều người muốn thử sức với việc vịnh Kiều nên có những bài rơi vào tình trạng sáo mòn chung chung thiếu phần đặc sắc. Nhiều bài thơ trung bình, có bài chỉ quanh đi quẩn lại những hình ảnh, ngôn từ quen thuộc. Những bài vịnh Kiều hay đều phải thoát ra khỏi khuôn sáo, qua đó gửi gắm tâm trạng riêng một cách sâu sắc mà gợi được cảm hứng nơi người đọc.

Truyện Kiều bất hủ của Nguyễn Du đã từng khơi dậy lên cho biết bao sáng tác thơ văn và các hình thức văn hóa khác trong nước, đặc biệt có một tập thơ *Cảm tác Kim Vân Kiều*, dựa theo *Truyện Kiều* gồm 87 bài thơ thất ngôn bát cú liên hoàn gồm 700 câu thơ. Thực ra đây là trên tám chục bài thất ngôn bát cú vịnh Kiều theo từng cảnh. Tác giả là một nhà thơ trẻ: Hương Thu – Cô sinh viên khoa văn Đại học Sài Gòn 1975 đã hoàn thành tập thơ này vào những năm 1980. Tập thơ được nhóm Thi hữu Sài Gòn biết đến những năm 80, chưa xuất bản. Chúng tôi có giới thiệu trong quyển *Từ lấy Kiều, đổ Kiều... đến các giai thoại về Truyện Kiều*. Kiệt tác của Nguyễn Du quả là tuyệt diệu, nó mãi mãi là nguồn cảm hứng cho các thế hệ thi nhân.

IV. Nhiều nhà thơ vịnh Kiều lại theo cách tiếp nhận mới: Các bài "vịnh Kiều hiện đại" thường gắn chặt với cuộc sống, đề tài và các thể thơ đều được mở rộng để thể hiện tinh thần dân tộc trong thời đại mới. Tố Hữu, Tế Hanh, Vương Trọng... dù có dùng thể thơ quen thuộc cũng vẫn cho ta những tác phẩm có giá trị, để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Nhiều tác giả lấy cảm hứng từ *Truyện Kiều* và *Nguyễn Du* viết nên những vần thơ đặc sắc trong đó có nhiều nhà thơ tên tuổi – đặc biệt Chế Lan Viên viết tới 14 bài thơ, Tế Hanh 6 bài về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*...

Lê Thu Yến đã bước đầu chọn ra được 123 bài của 95 tác giả trong quyển *Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ của người đời sau*.

V. Về các nhà thơ nước ngoài vịnh Kiều trước hết phải kể đến René Crayssac, nhà thơ và là nhà dịch thuật người Pháp, đã phải mất bốn năm mới hoàn thành được bản dịch công phu từ *Truyện Kiều* ra thơ 12 chân (*en alexandrins*) của Pháp. Xúc động trước mối tình đẹp đẽ giữa Kim – Kiều, ông cũng làm bài vịnh Kiều bằng tiếng Pháp – một bài sonnet sau đây:

"Non, ne m'appelles pas votre femme chérie:
Trop d'abeilles et trop de papillons joyeux
Hélas! ont butiné le calice soyeux
De KIÉOU qui maintenant n'est qu'une fleur flétrie...

Le corps souillé, l'esprit honteux, l'âme meurtrie,
Si j'acceptais l'hymen, que serais-je à vos yeux?

La corolle a perdu les parfums précieux
Qui jadis embaumaient sa chaste et simple vie..."

Mais KIM entre ses bras ayant saisi la Fleur
Et la pressant avec amour contre son cœur,
A longs traits respira les frissonnants pétales...
O prodigue: de KIEOU s'exhalait un parfum,
Un pur et doux parfum de piété filiale
Milles fois plus grisant que l'arome défunt!

René Crayssac

Sau đây là bài thơ phỏng dịch ra thơ lục bát của Thái Kim Đình trong *Thơ văn quanh Truyện Kiều*:

Ôi đừng gọi thế chàng ơi,
Thiếp dâu còn xứng là người vợ yêu!
Nhờn như ong bướm đã nhiều,
Hoa tàn cánh rã thân Kiều hôm nay.

Xác như hồn chết trí ngây,
Nhân duyên chi để dơ lây mắt người.
Ngây thơ thơm thảo cuộc đời,
Hương trinh đã mất đi rồi, còn chi!

Chàng Kim lòng nặng yêu vì,
Choàng tay ôm ấp hoa kia vào lòng.
Cánh hoa run phủ hương nồng,
Màu hoa hiếu nghĩa sạch trong dịu dàng.
Lạ thay hương tự thân nàng
Khiến chàng ngây ngất gấp ngàn hương xưa.

TƯ LIỆU VỊNH KIỀU

A. THẾ KỶ 19

I. THANH TÂM TÀI NHÂN ĐỀ TỪ CỦA PHẠM QUÝ THÍCH (5 bản dịch khác)

1. Hồng nhan ví chẳng đến Tiền Đường

Nửa kiếp yên hoa nợ vẫn mang
Mặt ngọc dễ hầu vùi đáy nước
Tuyết băng không thẹn đối lòng chàng
Đoạn Trường tỉnh giấc nguồn cơn rõ
Bạc mệnh đàn xong mối hận vương
Một mảnh tài tình muôn thuở lụy
Tân Thanh đau xót tỏ tình thương.

LÊ THUỐC dịch

2. Sông Tiền chưa chắc hẹn giai nhân

Cái nợ yên hoa chót nợ nần
Sóng bạc nữ gieo người quốc sắc
Lòng son gửi lại khách tình quân
Mộng tàn giấc điệp, này thôi kiếp
Đàn đứt dây đồng, vẫn giận thân
Một mảnh tài tình, muôn thuở lụy
Thương ai géo giắt đã nên vẩn.

LÃNG NGÂM TƯ dịch

3. Tiền Đường nếu chẳng nổi phong ba

Món nợ lâu xanh gỡ chữa ra
Mặt ngọc há đem vùi đáy nước
Chàng Kim có thể hiểu lòng ta
Đoạn trường mộng tỉnh căn duyên hết
Bạc mệnh đàn nghe oán hận xa
Một mảnh tài tình muôn thuở lụy
Có ai thương xót kiếp tài hoa.

MINH ĐẠO NGUYỄN BÁ NGHỊ dịch

4. Tiền Đường chẳng đón giai nhân

Yên hoa nửa kiếp hàm oan nợ dài
Há đem mặt ngọc sóng vùi
Lòng băng vẫn xứng với người tình chung
Mộng sầu biết số long đong
Cung đàn dù đứt, hơn trong dạ đầy
Chút tài gây lụy xưa nay
Tân Thanh khúc ấy khóc vay ai nào.

HOÀNG TÂM PHƯƠNG dịch

5. Ví chẳng đến kiếp sóng đôi

Yên hoa còn nợ nửa đời chưa xong
Nỡ vùi mặt ngọc đáy sông
Lòng băng tuyết chẳng thẹn cùng Kim lang
Căn duyên vì giấc *Đoạn trường*
Cung đàn *Bạc mệnh* oán thương còn dài
Tài tình là lụy muôn đời
Khúc *Tân Thanh* ấy vì ai đau lòng.

NGUYỄN CAN MỘNG dịch

Chúng ta biết Chu Doãn Trí có bài Vịnh Thúy Kiều bằng chữ Hán nhưng trên một quan điểm khác với thầy học Phạm Quý Thích như sau:

*Lão thiên bất thị đồ chu nhan
Chỉ vị tình căn khởi trái oan
Xuân tín vị thông hương mộng loạn
Tài lang nhất khúc thể bôi hàn
Thanh lâu đảo xứ giai Kim Trọng
Hồng phấn tàn thời hữu Thổ Quan
Chỉ quái Tân Thanh truyền Nhạc phủ
Chỉ kim ca xướng mãi Trùng An.*

Sau đây là bản dịch của Bùi Hạnh Cẩn:

Trời già chẳng phải ghét hồng nhan
Chỉ vị nời tình há nợ oan
Xuân tín chưa thông quê mộng loạn
Tài lang một vắng chén thể khan
Lầu xanh tới chốn đều Kim Trọng
Má phấn tàn phai lại Thổ Quan
Một khúc Tân Thanh vào Nhạc phủ
Đến nay ca hát khắp Trùng An.

(Bản dịch của cụ Huỳnh Thúc Kháng đã nêu ở đầu chương)

✱

II. THƠ ỨNG TÁC VỊNH KIỀU CHỮ NÔM CỦA HÀ TÔN QUYỀN (1780-1829)

1. THANH MINH

*Chín chục thiều quang lẻ sáu mươi
Chị em sắm sửa bộ hành chơi*

Bỗng đâu gặp gỡ nên dan díu
Mấy đoạn căn duyên dở khóc cười.

2. ĐIỀU ĐẠM TIÊN

Ngán ngấm tình ai nước mắt đầy
Khóc người nằm đó biết chẳng hay
Má đào mệnh bạc lời chung cả
Xin mượn lời xưa viếng kẻ nay.

3. NGỘ KIM TRỌNG

Bỗng chốc người đâu gặp gỡ chi
Trăm năm chẳng biết có duyên gì
Trước đây Nam Bắc chia đôi ngả
Đem chữ tương để dưới chữ ti.

4. MỘNG ĐẠM TIÊN

Còn chút tình anh vẫn chữa tan
Chiêm bao lẫn quất ở bên màn
Cùng nhau kể lẽ câu tiên định
Thức dậy còn ngán lệ chưa tan.

5. NGỘ KIM TRỌNG

Hai chữ nhân duyên những đợi chờ
Kể từ gặp gỡ đến bây giờ
Trăm năm thể thốt lời ghi tạc
Một chiếc thoa vàng một bức thư.

6. NGỘ GIA BIẾN

Chửa vui sum họp đã pha phôi
Tình hiếu mà đem thử bắc coi
Ngán nỗi Trời xanh ghen má phấn
Bao giờ kể lại chuyện đầu đuôi.

7. MẠI THÂN

Xót người khuê khổn bấy lâu nay
Tắc cổ khôn đem báo đức đầy
Không chịu một hai thua Ả Lý
Nghĩ hay, hay nghĩ mặc sau này.

8. NGỘ SỞ KHANH

Buồng đào đã khéo đợi đào tơ
Gặp đứa vô lương khéo đánh lừa
Từ đây vàng thau không kén chọn
Gái thân nào biết có bây giờ.

9. GIÃ THÚC SINH

Bình bồng bao quản nước đầy vơi
Cái nợ ba sinh trả chửa rồi
Ngán nỗi giấm chua hơn lửa cháy
Má hồng phận bạc trắng đường vôi.

10. ĐẦU QUAN ÂM CÁC

May nhờ con tạo điểm tô,
Má hồng tưng đất cũng di tu.
Khá thương chàng Thúc tình ngơ ngẩn,
Lại đến thăm chùa nói nhỏ to.

11. QUI CHIÊU ẨM AM

Xin vào cửa Phật bạch Như Lai,
Mở đóng không ngờ vách có tai.
Nham hiểm lòng người xin liệu trước,
Đêm khuya lần bước chiếc tăng hài.

12. NGỘ BẠC HẠNH

Cái kiếp phong trần khéo dọa đầy
Cởi ra rồi lại buộc vào ngay
Chẳng là ác nghiệt trên chưa hết
Còn nhớ chiêm bao giấc mộng say.

13. NGỘ TỬ HẢI

Thuyền quyền lại sánh với anh hùng,
Ăn oán đói đường trả sạch không.
Lo việc triều đình ai dự đến,
Mà còn bàn bạc chức hóa công.

14. NGỘ GIÁC DUYÊN

Tiếng khóc đưa ai nước mắt đầy,
Tấm lòng phó mặc khúc sông này.
Tiền Đường không phải mồ hồng phấn,
Người cũ đâu mà gặp lại đây.

15. TRÙNG PHÙNG KIM TRỌNG

Đổi thay nhận yến ngoại mười năm,
Sen ngó đào tơ đã mấy lần.
Không chắc bây giờ mà lại gặp,
Cầm kỳ xin tạ khách tri âm.
Trần Văn Giáp sao lục

(Báo Thanh Nghị: số 21, ngày 16 tháng 9 năm 1942)

*

III. TỔNG VỊNH TRUYỆN KIỀU
CỦA NGUYỄN ĐÌNH GIÁC
(Vịnh 30 hồi theo thể thơ lục bát có nối vần)

Hồi thứ 1. CHỊ EM ĐI CHƠI HỘI ĐẠP THANH

Lạ thay buổi mới lạ lòng,
Nọ mỗ vô chủ, kìa ông hữu tình.
Hay đâu trong hội Đạp thanh,
Đố ai dứt mối tơ mảnh cho xong.

Hồi thứ 2. MỘNG THẤY ĐẠM TIỀN

Người đương tơ tưởng tình chung,
Đạm Tiên đâu bỗng mơ màng giấc mai.
Trông nhau ai biết rằng ai,
Tỉnh ra còn nhớ mười bài học sang.

Hồi thứ 3. GẶP KIM TRỌNG Ở VƯỜN HOA

Bấy lâu cách trở sông Tương,
May đâu thiếp lại gặp chàng hôm nay.
Chữ tình chẳng mới từ đây,
Thì xin quạt ấy thoa này làm ghi.

Hồi thứ 4. KIM TRỌNG VỀ CHỊU TANG

Còn đương trò chuyện nắn nò,
Bỗng xui kẻ ở người đi vội vàng.
Đồng tâm hai chữ dễ vàng,
Liều Dương chàng tới, dài trang thiếp về.

Hồi thứ 5. VỤ KIẾN BỞI THẮNG BÁN TƠ GÂY NÊN

Sự đâu đem đến bất kỳ,
Duyên thì chưa định tội thì tại ai.

Một mình nghĩ một lo hai,
Hiếu chưa trả được tình ai xin chờ.

Hồi thứ 6. BÁN MÌNH CỨU CHA

Một lời tuy có ước xưa,
Ơn cha nghĩ chữa tóc tơ đến bồi.
Bắc cân tình hiếu mà coi,
Chữ duyên giữ mãi cho người được ru.

Hồi thứ 7. CẬY EM THAY LỜI THỀ

Nói ra lòng những thẹn thò,
Nghĩ tình ruột thịt hẹn hò một hai.
Duyên em xin đổi cho người,
Cho đành lòng kẻ thiên nhai một bề.

Hồi thứ 8. LẤY MÃ GIÁM SINH

Người đâu phong cách lạ ghê,
Một đêm hoa túi bốn bề trắng treo.
Thân sen bao quần bùn rêu,
Ai hay bạc mệnh vẫn theo người tài.

Hồi thứ 9. GẶP TÚ BÀ Ở LẬU XANH

Ngán thay duyên phận lạ đời,
Nghe câu bảy chữ nhớ lời ba sinh.
Thôi thôi mình lại biết mình,
Tình nhân ai có hay tình chẳng ai.

Hồi thứ 10. BỊ SỞ KHANH LỬA

Cái thân đã bán cho người,
Nghĩ mình son phấn trách người bạc đen.

Ai hay buôn bán một thuyền,
Mãi kia Sở nợ gia truyền kiếm ăn.

Hồi thứ 11. CÙNG THÚC SINH KẾT DUYÊN

May đâu tài tử giai nhân,
Đã xa Kim Trọng lại gần Thúc Sinh.
Nghĩ lâu đến việc gia đình,
Một mình, mình lại một mình băn khoăn.

Hồi thứ 12. ĐƯỢC PHÉP LẤY THÚC SINH

"Mộc già" vẫn thực là văn,
Tiếng thanh lâu mới mười phần sạch không.
Một mình lo thủy lo chung,
Lượng trên còn thế, lệnh trong xa đồn.

Hồi thứ 13. BỊ BẮT VỀ VÔ TÍCH LÀM NÔ Tỻ

Nghĩ cho duyên phận mà buồn,
Dem thân Ngọc Nữ làm con thị tỳ,
Hay thiên cung có điều gì,
Xuống trần giả nợ thôi thì không oan.

Hồi thứ 14. HẦU RƯỢU THÚC SINH, HOẠN THU

Gẫm xem chén rượu, cung đàn,
Người đổ mặt, kẻ thâm gan lạ lòng.
Hay đâu cũng tiếng vợ chồng,
Hàm sư tử để chim lồng cho an.

Hồi thứ 15. QUY QUAN ÂM CÁC

Gác kinh đây được hơi nhân,
Chữ tình sắp bỏ, chữ oan gỡ dần.

*Độc làm chi bấy chúa xuân,
Oan kia theo với tình nhân đến liên.*

Hồi thứ 16. TẠM TRÚ CHÙA CHIÊU ẨN

*Nghĩ mình phải lúc truân chuyên,
May đâu gặp được Giác Duyên nương nhờ.
Tấc lòng duyên mới tình xưa,
Khéo đâu oan nghiệt vẫn lìa mà theo.*

Hồi thứ 17. BẠC BÀ ÉP LẤY CHỒNG

*Vẻ chi một đóa đào yêu,
Máu tham hề thấy thì theo mà nhăm,
Hoa rơi khôn chắc tay cầm,
Cũng liễu nhắm mắt đi thăm xem sao?...*

Hồi thứ 18. LẠI BÁN VỀ LẦU XANH

*Lầu xanh quen dĩ trướng đào,
Giám sinh, Bạc Hạnh kết giao bao giờ.
Nhớ người ngày vịnh câu thơ,
Biết đâu tri kỷ mà đưa mình vào.*

Hồi thứ 19. CÙNG ANH HÙNG KẾT DUYÊN LÀNH

*Khách đâu gặp đấng anh hào,
Tình ngư thủy, nghĩa tât giao đầu tầy.
Tuy rằng phỉ chí rồng mây,
Người xưa nghĩ đến dạ này xót xa.*

Hồi thứ 20. BÁO ÂN TRẢ OÁN

*Từ ngày gặp buổi phong ba,
Tấc lòng ân oán chất đà lấm thây.*

Ân sâu xin giả nghĩa dày,
Oán sâu cũng oán cho tày không tha.

Hồi thứ 21. KHUYÊN TỪ HẢI RA HÀNG

Chiều hàng lễ đến trường hoa,
Nghĩ trong việc nước việc nhà khó ghê.
Đành xin chịu tiếng một bề,
Trước là phú quý, sau về cố hương.

Hồi thứ 22. ĐÚT RUỘT KHÓC TỪ HẢI

Mấy năm Ngô Sở ngang tàng,
Hùm thiêng cũng mắc vào hang má hồng.
Tiếc thay thực kẻ anh hùng,
Lòng riêng muốn những vợ chồng thơm danh.

Hồi thứ 23. GÂY ĐÀN HẦU HỒ TÔN HIẾN

Người đang tắc dạ buồn tênh,
Cung đàn gây khúc thương tình xót xa.
Dẫu rằng phương diện quốc gia,
Nói dây chưa dễ hướng là hôi tanh.

Hồi thứ 24. NƯỚC TIỀN ĐƯỜNG RỬA OAN

Đạm Tiên lời mộng rành rành,
Bến sông đâu tá? Thân mình là đây!
Lòng băng đem gửi nước mây,
Nghiep sau thôi hẳn từ rầy sạch lầy.

Hồi thứ 25. SÔNG TIỀN ĐƯỜNG MÂY NƯỚC ÛN ÛN

Nào hay con tạo cân bằng,
Lời thần hẹn trước nghe hằng không sai.

Sư thuê ngư phủ câu người,
Lều tranh lại tạm theo đời ít lâu.

Hồi thứ 26. EM VÂN THAY CHỊ KẾT DUYÊN LÀNH

Chàng Kim duyên nghĩ cũng mầu,
Người không thì gặp, người cầu thì không.
Duyên em đã nối tơ hồng,
Tang kia kiện nợ tắc lòng còn căm.

Hồi thứ 27. KIM TRỌNG DÒ HỎI TIN TỨC

Nhớ người hai chữ đồng tâm,
Chim không bóng, cá không tâm dễ mà.
Ngày ngày trông thấy kim thoa,
Nghe gần sông nước nghĩ xa tiên phàm.

Hồi thứ 28. GẶP LẠI NHAU Ở THẢO AM

Nàng từ nương bóng thảo am,
Cảnh tiên, thú Phật mượn làm khuây khoa.
Mười lăm năm thấy một nhà,
Còn ngờ nắng quáng đèn lò còn xem.

Hồi thứ 29. TRỞ VỀ QUAN NHA

Ngẫm duyên kỳ ngộ mà xem,
Tìng đưa muối thoát lên thêm đỉnh chung.
Hoa thơm trắng sáng nào nùng,
Ông tơ bó kết chỉ hồng mới cam.

Hồi thứ 30. CHỖN HUYỆN ĐƯỜNG
MỪNG CẢNH ĐOÀN VIÊN

Bấy lâu kẻ Bắc người Nam
Tĩnh ra một cuộc tiên phàm trông nhau.

Rày thôi như ý sở cầu,
Giác Duyên nghĩa cũ nhớ lâu chẳng là¹

*

IV. NGUYỄN KHUYẾN VỊNH KIỀU

1. TỔNG VỊNH NÀNG KIỀU

Kiều nhi giấc mộng bất như cười
Tĩnh dậy xuân xanh quá nửa rồi
Số kiếp bởi đâu mà lận đận
Sắc tài cho lắm cũng lồi thoi
Cành hoa vườn Thúy duyên còn bén
Ngọn nước sông Tiền nợ chứa xuôi
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi
Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi.

2. KIỀU ĐI THANH MINH

Ví chẳng đua chơi hội Đạp Thanh
Làm sao mang lấy nợ ba sinh
Kẻ còn người khuất hai hàng lệ
Trước lạ sau quen một chữ tình
Nghĩ đến tuổi vàng thương phận bạc
Nỡ đem lá thắm phụ xuân xanh
Trong khuôn tài sắc trời hay ghét
Trắng gió xưa nay chẳng một mình.

3. KIỀU BÁN MÌNH

Thằng bán tơ kia giở giới ra

(1) Theo tài liệu của Lê Thuộc thì 30 bài này do Nguyễn Đình Giác soạn.

Làm cho bận đến cụ Viên già
Muốn êm phải biện ba trăm lạng
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa
Đón khách mượn màu son phấn mụ
Bán mình chuộc lấy tội tình cha
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
Đời trước làm quan cũng thế a?

4. HOẠN THU GHEN

Chị Hoạn ghen tuông khéo dở đời
Cơ duyên lỏng lẻo buộc chân người
Cánh bướm mặt bể vừa êm sóng
Vó ký chân đeo bổng đến nơi
Con ở gần ngõ nhìn mặt chủ
Nhà thầy tương hưởng mất đồ chơi
Ông trời rõ khéo chua cay nhỉ
Một cuộc bày ra cũng nực cười.



V. CÁC BÀI VỊNH KIỀU KHUYẾT DANH

A. TẶNG ĐÍNH HẬU NHO TỔNG VỊNH

(Quốc âm nhị thủ)

KỲ NHẤT:

Trời sá ghen dẫu khách má hồng
Đoạn tràng nợ lắm chữa đền xong
Hiếu tình đeo nặng đôi vai gánh
Thân thể xoay quanh một giấc nồng
Giọt nước Tiền Đường oan dễ trắng
Ngắm trăng Hiên Thuý vẻ còn trong

Một thiên chép để làm gương lại
Trời sá ghen đâu khách má hồng.

KỶ NHÌ:

Chẳng nọ than thân nọ trách trời
Má hồng ai có khác chi ai
Tiền Đường ví thuở nay đành kiếp
Kim Trọng ví đâu trước nặng nhời
Khi biến khi thường nào phải một
Chữ tài chữ mệnh để hòa hai
Mười lăm năm ấy gương ngàn thuở
Ả Lý, nàng Oanh được mấy người.

B. TĂNG ĐÍNH HẬU NHO ĐỀ QUỐC ÂM THI
(Phàm nhị thập thủ)

ĐỀ NHẤT HỒI

Được buổi xuân chơi mới rủ nhau
Thiếu quang chín chục có bao lâu
Hương tàn khói lạnh người nằm đó
Liễu đón hoa chào khách gặp đâu
Bóng xế chênh chênh tà ngọn núi
Nước trong leo lẻo cuốn quanh cầu
Nỗi niềm tâm sự cùng ai tỏ
Một bước dùng dằng một bước đau.

Hậu Thế:

Sao chữ duyên kia với chữ tình
Cùng trong gặp gỡ tiết Thanh minh
Cỏ hoa đau đón người nằm đó
Trắng gió bắn khoăn khách lạ mình

Đã hản quen dẫu người một hội
Bỗng dưng mang lấy nợ ba sinh
Ngón ngang trăm mối vì ai tá
Tha thân nào ai biết ngọn ngành.

ĐỆ NHỊ HỒI

Hồng lâu vắng vẻ thuở đêm thanh
Gẫm nỗi người thêm ngán nỗi mình
Trưởng rủ vẫn còn mơ giấc điệp
Thoi đưa dẫu đã giục tin oanh
Để đem phận bạc quay lò tạo
Khéo dất thoa vàng chạm chữ tình
Là nợ hay duyên nào đã chắc
Hãy xin hương lửa hỏi ba sinh

ĐỆ NGŨ HỒI

Thôi thôi mãnh sắt đã vào lò
Còn chi nói rày sự kém thua
Lỡ bước xây cơ nhà lặn dận
Liều mình đau nỗi bác già nua
Cành hoa dầu héo cây còn tốt
Ngọn sáp hâu tàn lệ chữa khô
Non nước xa khơi người vắng vẻ
Biết chẳng ai có thấu tình cho

.....

ĐỆ CỬU HỒI

Thề thốt bên tai với giọng thơ
Cũng là phong phết cũng trai lơ
Gan già vẫn vững như tay truột (tuột)
Dạ thực không hay mắc mẹo lừa

Mấy lạng bạc trao trắng đã ngả
Ba hàng chữ nhận nét chưa mờ
Lầu hồng há biết phường trăng gió
Ngộ bước khi ra phải hở cơ...

ĐỆ THẬP BÁT HỒI

Gió gác duyên đưa khéo lạ lòng
Thuyền duyên rày lại gặp anh hùng
Vinh hoa đã bỏ khi lâu lạc
Ân oán giờ xem cũng thủy chung
Đưa miệng tiểu thư khôn rất mực
Giả tình, sư trưởng nặng bao xong
Mới hay báo phục là thiên đạo
Mấy kẻ trần gian lọt khỏi vòng.

C. HỮU TĂNG BỔ HẬU NHO ĐỀ QUỐC ÂM THI (Tam thập ngũ thủ)

1. DU THANH MINH

Vừa tiết xuân sang liễu rủ màn
Dập dìu ai cũng hội Thanh minh
Tro tàn phấp phới đường xe ngựa
Gò đồng xa gần nức yến anh
Nấm đất đau thương người chín tuổi
Trên cầu gặp gỡ khách ba sinh
Tình kia cảnh nọ càng lai láng
Trở gót khi về bóng đã chênh.

2. NGÔ KIM TRỌNG

Trong tiết Thanh minh hội dập dìu
Tình riêng ai tỏ Trọng cùng Kiều

Vó câu lối cũ cương dùng lại
Mắt phượng đưa nhìn tưởng muốn theo
Không bút mượn đưa lời tâm sự
Sẵn trâm muốn vẽ chữ đồng liêu
Mảnh tơ ắt hẳn xe từ đấy
Gặp gỡ mà nên nợ Thuý Kiều

3. QUY TƯƠNG TƯ

Bóng trăng xê xế dãi bên lầu
Ngồi với trăng mà ngỡ những dâu
Trăm mối vò tơ lần khắc gỡ
Một mình nương gối suốt canh thâu
Ba sinh âu hẳn còn vương nợ
Tấc dạ nay khôn lấp mối sầu
Mới biết tương tư là thế ấy
Cho hay chớ trách kẻ gieo cầu...

.....

9. THỤ GIÁM SINH SÍNH

Thương hại cùng nhau chốc bấy lâu
Xa xôi ai có biết cho nhau
Phải đem vàng đá ghi lời trước
Giữ với non sông trả nghĩa sau
Dành phận lưu ly chi sá quản
Những ngày xa cách nghĩ mà đau
Cũng liều nhắm mắt đưa chân vậy
Xem thử xoay vần mãi đến đâu.

13. LÂU THƯỢNG ĐỀ SẦU

Quê người vò võ biết bao lâu
Buồn tựa song đào đối trước sau

Non nước lênh đênh quanh trước án
Đoá hoa xiêu dạt biết về đâu
Làn phần ngỗ tứ ngoài muôn dặm
Mặt nước chân mây vẫn một màu
Phong cảnh với ai, phong cảnh ấy
Cảm tình lưu lại một vài câu

24. CHÂU THAI ĐÃI TỪ CÔNG

Vò võ quê người chốc bấy nay
Niềm riêng riêng nặng có hai hay
Năm canh luống những chiêm bao vẫn
Nghìn dặm khôn ngàn chấp cánh bay
Mấy độ sen tàn màu nắng lạt
Đòi phen cúc nhuộm vẻ sương say
Ba sinh đã biết duyên hay nợ
Một gánh tương tư nặng một ngày

D. KIỀU OÁN KIM TRỌNG (Trích)

Ôi Kim lang, hỡi Kim lang
Nghĩa cũ tình xưa nghĩ lại càng
Chỉ thắm hời chưa xong ước gỡ
Mối sầu đâu vội giục giăng ngang
Nước non nữ phụ tình cha chả!
Tơ tóc thêm buồn phận gấm gan.
Dưới nguyệt chén đồng nào những thuở
Bây chừ trâm gãy lại gương tan.
Gương tan trâm gãy bỗng khi không
Phút chốc mà ra phụ tấm lòng
Son phấn khéo ghen chi chị Tào
Bướm ong để thẹn với vua Đông.

Năm canh huyện Tích năm canh luy
 Mấy dặm trời Liêu mấy dặm trông.
 Bèo giạt mây tan ra đến thế!
 Mây bèo biết có cuộc tương phùng?
 Tương phùng phút chốc bỗng tương tư
 Trướng phùng màn hoa luống dật dừ.
 Chiu chít buồn nghe chim rẽ bạn
 Bơ vơ mỗi đợi nhận đem thư
 Đêm thơ thẩn nguyệt năm canh lặn
 Ngày ngâm ngùi lòng sáu khắc dư
 Nghĩ lại hồng nhan xưa mấy kẻ
 Cái đời bạc mệnh có đâu trừ
 Có đâu trừ dựng số đào hoa
 Bất thế nào ra phải thế nào
 Gặp mặt mới mừng duyên hội ngộ
 Bán mình rồi chạnh đức cù lao
 Mẹ cha ơn nặng trời khôn tột
 Chồng vợ tình chung núi ví cao
 Cũng muốn vẹn toàn đôi nghĩa cả
 Chữ tình chữ hiếu biết nài sao...

E. KIM TRỌNG OÁN KIỀU (Trích)

... Ba đông vừa mới rảnh mình tang
 Lại chốn xưa thêm nhớ bạn vàng
 Non nước xót vì tôi chậm bước
 Bèo mây ra để bậu đeo mang
 Mấy lời tâm thệ xuôi theo nước
 Một gánh tương tư gãy giữa đường
 Túc tối chẳng thù đành tử biệt
 Nữ nào rẽ phụng lại lìa loan

Lìa loan rẽ phụng bởi vì dẫu
 Khiến kẻ tần mẫn gởi mối sầu
 Trời đất những lăm đèn thảo nặng
 Nước non hay nổi phụ tình sâu
 Ba sinh chẳng trọn thể lời nợ
 Chín tuổi còn mang cái nợ nhau
 Cắc có cũng vì con tạo hóa
 Xuôi người khi trước ngược người sau.
 Trước sau xuôi ngược ngán cho đời
 Biết thuở nào ta gặp gỡ người
 Giấc điệp mơ màng năm trống nguyệt
 Lòng xuân lai láng bốn phương trời
 Huê đào năm ngoái còn cười đó
 Mây liễu châu mây bóng đã khơi
 Tưởng buổi chén thề cùng quạt ước
 Đá vàng thêm nặng bấy nhiêu lời.
 Bấy nhiêu lời nặng bấy nhiêu tình
 Kể lẽ sao cho xiết nỗi mình
 Cung oán tê mê đồn mấy ngón
 Rượu sầu giụng gạo rót năm canh
 Nợ lời anh võ còn gieo rắc
 Sao bóng tỳ bà đã vắng tanh
 Trời biển ngậm ngùi thêm nỗi phận
 Quê người đất khách bước linh đình...



B. VỊNH KIỀU ĐÀU THẾ KỶ 20

I. CHU MẠNH TRINH:

THANH TÂM TÀI NHÂN THI TẬP (Trích)

Hồi 1. KIỀU ĐI THANH MINH

Mùa xuân ai khéo vẽ nên tranh
Nô nức đua nhau hội đạp thanh
Phận bạc ngậm ngùi người chín tuổi
Duyên nay đun dủi khách ba sinh
Dây hoa nép mặt gương lồng bóng
Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình
Man mác vì đâu thêm ngán nỗi!
Đường về chiêng đã gác chành chành.

Hồi 2. HỘI NGỘ VƯỜN THÚY

Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa
Hiu hiu án sách ngọn đèn tà
Gương loan phẳng phất hồn cung quế
Giấc bướm mơ màng khách trưởng sa
Mười vạn sầu tuôn đôi gót ngọc
Trăm năm duyên bén một cành thoa
Mái Tây bồ lúc chờ trăng dựng
Rày đã vườn xuân tỏ mặt hoa.

Hồi 3. KIỀU THỂ NGUYỄN VỚI KIM TRỌNG

Dan díu vì ai luống ngẩn ngơ
Để ai gió đón lại trăng chờ!
Sông Ngân chưa bắc cầu Ô thước
Phận liễu còn e trận gió mưa

Lựa mối tơ tình năm ngón dạo
Dẹp lò lửa dục một lời thưa
Đuốc hoa muốn vẹn niềm băng tuyết
Nào phải trắng hoa khéo ốm ờ.

Hồi 4. KIỀU CẬY EM THAY LỜI

Sự đâu sóng gió nổi cơn đen
Chín chữ củ lao phải báo đền
Ân nặng quản chi liễu phận thiếp
Tình thân âu sẽ chấp duyên em
Nước non nghìn dặm đôi hàng lệ
Tâm sự năm canh một bóng đèn
Uớm hỏi Liêu Dương người có biết?
Đây là trâm quạt của làm tin.

.....

Hồi 9. KIỀU MẮC LẶN SỞ KHANH

Những nghĩ chim lồng chấp cánh bay
Họa khi vận rủi có hồi may
Làng nho người cũng coi ra vẻ
Bợn xỏ ai ngờ mắc phải tay¹
Hai chữ tin hồng cao gác nguyệt
Một roi vó kỷ tếch đường mây
Mẫu đơn vui dập cơn mưa gió
Cái nợ yên hoa khéo dọa đây.

(1) Khi chấm thơ, Nguyễn Khuyến không bằng lòng hai câu này nên đã phê:

Rằng hay thì thật là hay
"Nho" đối với "xỏ" lão này không ưa.

Hồi 10. TÚ BÀ DẠY NGHỀ CHƠI

Bước tới lui ra luống ngại ngừng
Thôi thôi ta đã mắc vào vòng
Bán buôn quen những lời chênh lệch
Nghề nghiệp này thêm cách lạ lùng
Trắng tỏ đài gương người thẹn bóng
Hoa đua trưởng gấm khách tô hồng
Xin đừng cậy sắc khoe tài nữa
Muốn học điều hay phải tốn công.

Hồi 11. KIỀU GẶP THÚC SINH

Tài sắc thương thay cũng một đời
Lầu xanh lần lửa buổi hôm mai
Dấu bèo đã chắc đâu là đất
Lòng kiến may ra thấu đến trời
Chín khúc chưa nguôi cơn gió thảm
Nghìn vàng đã chuốc chén hoa cười!
Bỏ tay nào biết là chàng Thúc
Cũng góm gan cho thói bốc rời!

Hồi 12. KIỀU LẤY THÚC SINH

Mãng vui quán Sở lại lầu Tần
Lựa sợi tơ vương chấp mối duyên
Núi tác hợp nhờ tay tạo hóa
Bể trầm luân thoát nợ phong trần
Lửa hương tình lại ươm duyên mới
Mưa gió hoa cùng rụng về xuân
Tuồng lúc cung đàn khi cuộc rượu
Trăng thề soi bóng vẹn mười phân...

.....

Hồi 17. KIỀU GẶP TỪ HẢI

... Những nghĩ nường mình chốn cửa không
Gỡ ra sao khéo buộc vào vòng
Nước non lại gặp thần mây trắng
Quả kiếp còn đeo nợ má hồng
Bể khổ nào ai tay tế độ
Cõi trần mấy kẻ mặt anh hùng
Lạ cho lời nói nên tri kỷ
Hương bén mùi duyên lửa lại nồng.

Hồi 18. KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN

Phấp phới lầu trang gió thổi cờ
Rồng mây cá nước lúc duyên ưa
Hạ oai sấm sét gươm ba thước
Tạ đức cao sâu thiệp một tờ
Nếm thử ngọt cay sau mới trải
Đền xong ân oán trước đâu ngờ
Vì cây nên phải thương dây quấn
Ả Hoạn rầy xem sáng mắt chưa?

Hồi 19. TỪ HẢI RA HÀNG

Phút bỗng đem thân bỏ chiến tràng
Ba quân xơ xác ngọn cờ hàng
Xá chi bèo bọt tôi vì nước
Thẹn với non sông thiệp phụ chàng
Cung oán nỉ non dân Bạc mệnh
Duyên may run rủi lưới Tiền Đường
Mười lăm năm ấy người trong mộng
Chẳng những là đây mới Đoạn trường.

Hồi 20. TÁI HỢP

Một đàn giải kết mới thông linh
Những nghê hồn trắng lại hiện hình
Mừng rỡ xiết bao cười, nói, khóc,
Bâng khuâng nào biết nợ, duyên, tình
Hoa chưa phai thắm hương còn ngát
Người lại thêm xuân giá vẫn thanh
Chuồn chén thề xưa so phím cũ
Ngắm ai riêng những ước cho mình.



Sau đây xin giới thiệu bốn bài của các tác giả tham gia Cuộc thi vịnh Kiều đầu thế kỷ 20 cùng với Chu Mạnh Trinh. Hai bài bằng Hán văn của Chu Thấp Hy với bản dịch của Bùi Giáng, hai bài viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Kỳ Nam và Nguyễn Tấn Cảnh.

TỔNG ĐỀ

Nhất trụ yên hoa thập ngũ niên
Du du vận sự chi kim truyền
Minh tuy khả lãnh tình chung tại
Thân từng kham bí hiếu dĩ tuyền
Tảo ngộ phù sinh y đoạn ngành
Chỉ tương u oán ngũ bằng huyền
Tiền Đường thượng hữu tu lai kiếp
Kim xuyên hương thoa chứng cựu duyên.

CHU THẤP HY

DỊCH THƠ:

Lạc bước giang hồ trải mấy niên
Thê thương vận sự sử xanh truyền
Thê tuy dang dở, tình chung thủy
Thân dầu lênh đênh, hiếu vẹn tuyền
Bạc Mệnh cung cầm ai oán bấy
Phù sinh một kiếp Đoạn Trường riêng
Tiền Đường trắng nợ chờ lai kiếp
Thoa xuyên hương còn ngát cứu duyên.

BÙI GIÁNG dịch

ĐỀ TỪ

Truyện nhập yên hoa ngộ thử sinh
Vị khang thê uyển cánh liên thanh
Cù lao sinh ngã thân hà tích
Ân oán tình tha nguyện dĩ bình
Thập ngũ niên dư cam khổ hướng
Nhất thiên lý ngoại thủy chung tình
Tỳ bà vô hạn thương tâm lệ
Sải tấc Tiền Đường mộ vũ thanh.

CHU THẬP HY

DỊCH THƠ:

Lỡ từ lạc bước hại đời xanh
Đau xót cho người, dứt ruột thêm
Đáp trả sinh thành thân há tiếc
Bảo đền ân oán, dạ đành quên
Mười lăm năm trải thừa cay đắng
Ngàn dặm đường qua vẫn vẹn tình

Nào nuốt cung cầm tuôn lệ thảm
Tiền Đường thê thiết chảy trôi nhanh.

BÙI GIÁNG dịch

VỊNH KIỀU
(Hồi thứ hai)

Giấc bướm còn mê nổi đoạn trường
Ruột tằm ai vấn sợi tơ vương
Bút đầu sẵn để thêu lời gấm
Thoa bỗng đem sang đổi xuyến vàng
Quả kiếp chắc chi lời mộng triệu
Tĩnh tình thôi cũng nét văn chương
Chưa xong điều nghĩ thêm mùi nhớ
Tài sắc tài danh cũng một làng

NGUYỄN KỲ NAM
Tri Tân số 63, 1942

VỊNH KIỀU
(Hồi thứ ba)

Lầu hồng vắng vẻ thuở đêm thanh
Ngán nỗi người thân ngán nỗi mình
Trương rủ vẫn còn mơ giấc điệp
Thoi đưa đầu đã giục tin oanh
Dễ đầu phận bạc quay lò tạo
Khéo dặt thoa vàng chớm chữ tình
Là nợ là duyên nào đã chắc
Hãy xin hương lửa hỏi ba sinh

Nguyễn Tấn Cảnh
Tri Tân số 43, 1942

II. HUYỀN MẶC ĐẠO NHÂN: VỊNH TÌNH CẢNH CÁC NHÂN VẬT

1. NHAN SẮC THÚY KIỀU

Xa nhác dung quang ở trước đèn
Bóng hồng còn nức miệng người khen
Trong gương bạc mệnh chau mày liễu
Trên cỗi hồng trần dạo gót sen.
Mặt sắt cũng ngầy vì má đỏ.
Màu son đánh lửa cả con đen
Cảo thơm tô lại trang xanh thắm
Luống để hoa hờn lại liễu ghen.

2. TÀI DIỆU THÚY KIỀU

Ngàn thu phát tiết nét anh hoa
Sắc sảo em thua chị mặn mà
Một khúc Đoạn trường ngầy mặt khách
Mười thiên bạc mệnh rợn hồn ma
Thuộc lòng kinh kệ, sư càng nể.
Tình mắt trần ai, giặc chịu già
Tài độ với nàng, ngàn đã đáng
Bốn trăm bán rẽ một cành thoa.

3. DUYÊN PHẬN THÚY KIỀU

Ới chị em ôi! Vàng lộn than
Con người thế ấy chịu đem oan
Chỉ hồng buộc giả chàng Kim Trọng
Lá thắm trôi quàng gã Thổ Quan.
Mây trắng hờn duyên chồng quá kiếp
Áo xanh tủi phận vợ nhân gian

Ông tơ xe đỏ thẳng tơ cỡi
Cha số đào hoa nhuộm tím gan.

4. CẢNH NGỘ THÚY KIỀU

Những liễu má phấn với lầu xanh
Nàng đã tự xưa biết phận mình
Ngàn nhẽ chữ Tài ghen chữ Mệnh
Xảy ra bên Hiếu cản bên Tình
Đáng nơi phải lứa không Kim Trọng
Dẫn lối đưa đường có Mã Sinh
Nắng dài mưa dẫu thân đã trải
Biết đâu gương vỡ lại còn lành?

5. TỔNG VỊNH MỘT ĐỜI KIỀU

Giá ngọc treo cao phẩm
Giọt châu khóc đoạn trường
Tài hoa chung số bạn
Kiếp quả kết duyên nàng!
Đời ở nhiều đen bạc
Người ngồi ít vững vàng.
Thổ quan hoa mới bẻ
Hương lai với Kim Lang.

6. NGHĨ LỜI TUYỆT MẠNG TẠI SÔNG TIỀN ĐƯỜNG CỦA THÚY KIỀU

Máu gà đổ mặt sắt
Nước lưu nhuộm hơi đồng
Những kẻ vin cành quýt
Nào ai xót má hồng.

Nghĩ trăm điều hổ thẹn
Thương cáo số long đong!
Phận bạc cam đành phận
Sông Tiền trút đỏ sông!



III. HƯƠNG SƠN CƯ SĨ NGUYỄN HỮU KHANH: 40 BÀI THƠ VỊNH KIỀU (TRÍCH)

1. THÚY VÂN

I. Đoan trang ngọc nói với hoa cười
Đầy đặn khuôn trăng, nở nét ngài
Duyên chị đã đành xin chấp nối
Ngọc đường, kim mã ấy duyên ai?...
II. Tình chị, thôi em đã hiểu rồi
"Giả vờ" mà thử hỏi nhau chơi
Tơ duyên nếu chấp người hôm nọ
Không lạy thì em cũng chịu lời!..
III. Mây thua nước tóc tuyết nhường da
Cười nói đoan trang thế mới là
Tài sắc mặn mà đành kém chị
Nhân duyên phúc lộc, chị nhường ta.

2. THÚY KIỀU

I. Cũng đừng trách mệnh lẫn ghen tài
Vì mối tơ tình buộc đấy thôi
Mồ cở thương hoài con đi đợi
Dưới hoa mê tít cậu đồ choai
Duyên đâu dắt lại lòng dan díu
Oan nọ xui nên bước lạc loài

"Giữ ngọc, gìn vàng" ai dặn đó
"Chung tình" mang sẻ khắp cho ai!...
II. Như Kiều nên trọng lại nên thương
Nợ trước duyên sau cũng nhẹ nhàng
Chữ "mệnh" chữ "tài", thời xoá tuốt
Nghìn thu chữ hiếu đủ làm gương

3. THỔ QUAN

I. Cự lớn sao mà lại tính quanh
Quần hồng mang gán với quần xanh
Duyên Kiều trái mấy còn chưa đủ
Nên dặt thêm cho đủ mọi vành...
II. Tơ hồng vương víu lạ cho duyên
Ngơ ngác, vui mừng, mọi thấy tiên
Nghĩa nặng đập dềnh mau lối kiêu
Tình sau đùng đỉnh nhẹ tay thuyền
Này qua Tổng đốc vừa trao lại
Sao cụ Long Vương nữ cướp tiên
Theo vớt vội vàng chi chẳng thấy
Mùi hương lai láng nước sông Tiền

4. KIM - KIỀU HỢP VỊNH

Gặp gỡ nhau từ hội Đạp thanh
Lân la vừa dập mối tơ tình
Kẻ về tang chú nên xa mặt
Người chuộc oan cha phải bán mình
Dàn, hạc dẫu riêng nơi gác tía
Cờ, hoa vui gương chốn lầu xanh
Còn trời, may hây còn duyên nhủ!
Nay chiếc gương loan vỡ lại lành

5. KIM TRỌNG, THỔ QUAN HỢP VỊNH

(Trong bài này vì có chữ Kim với chữ Thổ... nên tác giả dùng các danh từ thuộc Ngũ hành – Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ – để tô điểm màu sắc bằng những chữ: cây, nước, lửa)

Hương lửa duyên Kiều khéo cọt nhau
Kim Lang duyên trước, Thổ lang sau
Cây trong vườn Thuý hoa chưa thắm
Nước mặt sông Tiền ngọc đã sâu
Chú mán ngăn ngơ khi vớt trượt
Anh đồ hờ hững lúc về lâu
Mười lăm năm ấy, tình chung cả
Hai bác riêng chia một gánh sầu



IV. TẢN ĐÀ VỊNH KIỀU

I. SỞ KHANH

Xỏ lá ai bằng cậu Sở Khanh!
Kiếm ăn lại ở đám lầu xanh
Mảnh tiên "tích việt" vừa khô mực
Con ngựa "truy phong" đã phụ tình
Thôi với thanh lâu người một hội
Ba mươi lạng bạc đời Gia tỉnh
Để mãi ngàn sau tiếng Sở Khanh

2. THÚC SINH

Hỏi Thúc Sinh viên bé tội gì?
Tuồng chi cả lẽ với trăng hoa?
Gác son ngời bó trời thua vợ
Sân gạch quì đôi đĩ kiện cha

Tài tử giai nhân nhâm thế nhỉ?
Nhân gian địa ngục khóc chi mà!
Lâm Tri, Vô Tích bao nhiêu sự?
Nòi giống thư hương cũng thế là!

3. THÚY KIỀU LÚC RA TU CHÙA HOẠN THƯ

Sự đời lắm lúc nghĩ buồn tênh
Oan nợ chi theo mãi với tình
Nợ những chuông vàng cùng khánh bạc
Này thôi má phấn với đầu xanh.
Liều Dương mất đứt chàng Kim Trọng
Vô Tích lời đầu cậu Thúc Sinh
Cái số đoạn trường sao quái lạ
Khéo xoay xoay mãi tít mù xanh.

4. THÚY KIỀU HẦU RƯỢU HỒ TÔN HIẾN

Tiếng sấm ân tình bốn mặt ran
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn
Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan
Tổng đốc có thương người bạc phận
Tiền Đường chưa chắc mả hồng nhan
Trơ trơ nắm đất bờ sông nọ.
Hồn có xa nghe mấy tiếng đàn.



C. NHỮNG BÀI PHÊ PHÁN THÚY KIỀU

I. NGUYỄN CÔNG TRÚ (1778 – 1858)

HÁT NÓI VỊNH KIỀU

Đã biết má hồng thời phận bạc
Trách Kiều nhi chưa vẹn tấm lòng vàng
Chiếc quạt, thoa dành phụ nghĩa Kim Lang
Nặng vì "Hiếu" nhẹ vì "Tình" thời cũng phải
Từ Mã giám sinh cho đến chàng Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu
Mà bướm chán ong chường cho đến thế
Bạc mệnh chẳng lầm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đố đem chữ "Hiếu" mà làm được ai
Nghĩ đời mà ngán cho đời!

HỌA BÀI HÁT NÓI VỊNH KIỀU CỦA NGUYỄN CÔNG TRÚ

Biết trước má hồng rồi bạc phận
Khen Kiều nương giữ được tấm lòng vàng
Cậy gia đình trả giúp nghĩa Kim lang
Tình, hiếu vẹn đôi đường nên mới phải
Trời chẳng lựa cho ngay Từ Hải
Khi bán mình đem lại chốn thanh lâu
Giống hoi tanh thương ngọc tiếc hương đầu
Mà tử tiết ngán cho câu miện thế
Lẽ giáo biết điều nên hiếu nghĩa

Phong tình làm chứng chẳng tà dâm
Đục trong từng bấy nhiêu năm
Cõi trần ai muốn hiểu lắm mặc ai
Biết thân trách chẳng khỏi đời.

Sơn Chung Đỗ Nhật Tân

II. TÔN THỌ TƯỜNG (1825 – 1877)

PHAN VĂN TRỊ (1830 – 1910)

VỊNH KIỀU

Mười mấy năm trời nợ trả xong
Sông Tiền Đường đục lại ra trong
Mảnh duyên bình thủy còn hong nả
Chút phận tang thương lắm ngại ngừng
Chữ hiếu ít nhiều trời đất biết
Gánh tình nặng nhẹ chị em chung
Tấm lòng thiên cổ thương mà trách
Chẳng trách chi Kiều, trách hóa công.

Tôn Thọ Tường

THƠ HỌA

Tài sắc chi mi, hỡi Thúy Kiều?
Cũng thương yêu nhứt một hai điều
Vĩ dầu Viên Ngoại oan vu lớn
Sao chẳng Đề Oanh sớ sách kêu?
Cái nghĩa chàng Kim là đáng mấy
Thoi vàng họ Mã giá bao nhiêu?
Liêu Dương ngàn dặm xa chi đó
Nỡ để Lâm Tri bướm dập diu.

Phan Văn Trị

VỊNH KIỀU ĐI TU

Chày kinh giống tỉnh giấc Vu San
Mái tóc qui y nửa trắng vàng
Gương "Huệ" thử soi màu phấn lột
Cửa "Không" đành gởi cái xuân tàn
Chạnh niềm hoa liễu vài câu kệ
Mến cảnh tang du một chữ nhân
Ngoảnh lại lâu xanh thương những kẻ
Trầm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

Tôn Thọ Tường

Sau đây là bài họa của Thủy Vân Tâm:

*Đến lúc bình cơn mộng Túy San
Nhìn gương hay ố ngọc phai vàng
Dây oan quyết tháo nhanh đầu gút
Cội phúc mong nương muôn dưới tàn
Mỡ gỏi chuông đồng xưa ý tục
Sàn tre chiếu cỏ dưỡng tâm nhân
Sớm chiều sám hối cầu chư Phật
Rửa lớp bùn nhơ rạng sắc nhan.*

Thủy Vân Tâm

III. HUỲNH THÚC KHÁNG

Sau đây là năm bài vịnh Kiều bát cú liên hoàn của cụ Huỳnh phê phán phong trào sùng bái Kiều của Phạm Quỳnh có chung một nhan đề: TRÁCH KIỀU

I.

Á cũ qua rồi mới chữa Âu!
Học Kiều xúm xít bọn mày râu

Đã mang thâm thể nương nhà thổ
Còn trách ông cha vụng kiếp tu
Một khúc đoạn trường khêu lửa đục
Mấy dây bạc mệnh chác hơi sâu
Biết chẳng hơi cụ Tiên Điền vậy?
Muôn ác tà dâm ấy sự đầu.

II.

Muôn ác tà dâm ấy sự đầu
Tình đầu đầu mà hiểu đầu đầu
Theo trai gác xó lời cha mẹ
Làm đi đành thân tiếng ngựa trâu
Nghiêng nước trợn cười gương mấy kiếp
Đắm người để sắc tội ngàn thu
Tiên Điền cụ nghĩ mua vui vậy
Biết nổi người sau đại thế ru!

III.

Biết mỗi người sau đại thế ru!
Phong trào đưa giọng chuyện phong lưu
Vấn vợ người ấy phường trăng gió
Đau đớn lòng ai cuộc bể dâu
Nòi giống khôn thiêng dân một nước
Anh hùng nhiều ít tiếng năm châu
Tiên Điền cụ có hay chưa nhỉ
Sách dạy ngày nay: Đĩ đứng đầu.

IV.

Sách dạy ngày nay: Đĩ đứng đầu
Xúm nhau sùng bái gái nhà Ngô

Cột đồng Mã Viện xô chưa đổ
Sóng ác Kiều Nương đắm lại sâu
Ô điểm ngàn năm nhớ lịch sử
Báo chương phân nửa chuyện thanh lâu
Ai ơi! Gọi cụ Tiên Điền dậy
Đừng để non sông chịu tiếng vu.

V.

Đừng để non sông chịu tiếng vu.
Phật nhà không lạy lạy người Tàu
Trưng Vương đèn cổ mùi hương lạnh
Triệu Ẩu bia còn nét chữ lu
Thiện chẳng thấy bày bày những ác
Ơn kia không biết biết chi cừu
Tiên Điền cụ biết thời nay nhỉ?
Á cũ qua rồi mới chữa Âu!

Huỳnh Thúc Kháng

Gần đây để minh oan cho Kiều (đối lại với ý tưởng phê phán Kiều của cụ Huỳnh) ông Văn Phong – Phạm Văn Luật có làm ba bài họa lại các bài II,III,IV như sau:

II.

Đất nước tài hoa sắp ở đâu
Cân bằng tình hiếu mấy ai đâu
Thương hoài phụ mẫu tuy phần ngựa
Nhớ mãi tình lang mắc số trâu
Dám bạo đem mình gương vạn thuở
Bền gan chung thủy tiếng ngàn thu

Tiên Điền sáng chói trời văn nghệ
Quốc tế đều nhìn hãnh diện ru.

III.

Quốc tế đều nhìn hãnh diện ru
Lưu văn trải đạo hợp trào lưu
Nên đem chuyện ác răn trần thế
Biết lấy gương lành đáp nghĩa dẫu
Ngưng Bích khóa xuân ngồi vẽ hạnh
Tiền Đường đắm ngọc rạng màn châu
Tiên Điền xứng đáng tuyên dương mãi
Sách Cụ ngàn năm: Sách gởi dẫu.

IV.

Sách Cụ ngàn năm: Sách gởi dẫu
Cô Kiều hóa Việt trời làng Ngô
Văn chương lưu loát tỏ tình đậm
Tâm lý sâu xa diễn nghĩa sâu
Gìn gốc núi sông nền vững chắc
Giữ hồn dân tộc mộng bền lâu
Tiên Điền ghi tạc danh muôn thuở
Đừng để người xưa bị tiếng vu!

Văn Phong Phạm Văn Luật

IV. NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN:

KIỀU NÊN KHEN HAY NÊN CHÊ?

Kể từ chơi hội Đạp Thanh
Bên đường thấy nắm cỏ xanh rậm rì
Dù lòng thương đến ca nhi
Hương hoa gọi chút, can gì khóc thương?

Chàng Kim vừa gặp giữa đường
Thấy người, thấy mặt, chừa tường tiêu hao
Dưới hoa khép nép cúi chào
Mà lòng riêng đã ra chiều thâm yêu
Tới khi về đến buổi chiều
Đường kim, mũi chỉ ra chiều biếng chăm
Đào viên thơ thẩn dạo thăm
Mảng chi đến nỗi rơi trâm hơi nằng
Có chẳng nhác thấy bên tường
Bóng chàng thấp thoáng tìm đường dò la
Đầu cành sẵn giắt kim thoa
Khơi dòng lá thắm lán la tự tình
Nhà lan được buổi thanh danh
Quanh mình nhẹ gói lén mình lẩn sang
Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng
Thư hiên nổi gót cùng chàng thông dong
Lời phong nguyệt, nghĩa non sông
Giải là gương lộn, bóng lỏng bình hương
Tuy không liễu ngô hoa tường
Mà nền phong hóa coi thương thế ru
Nghiêm thân mắc phải oan tù
Theo gương Oanh, Lý đền bù ơn sâu
Bán mình chẳng nghĩ trước sau;
Oan kia gỡ được mối sầu vấn vương
Sao không bán ruộng bán nương
Ít nhiều liệu khát mong đường mình tra
Án dù còn chút mập mờ
Lao tù luống chịu cho qua tháng ngày

Mẹ con ở muộn vá may
Rời ra khổ tận có ngày cam lai
Cớ sao bỏ phí một đời?
Dem thân ngà ngọc cho người giầy vo?
Thuý Kiều nàng thật khéo lo!
Toan điều rửa nhục tính cơ liễu mình
Can gì lụy đến cha sinh
Mà còn khéo nghĩ một tình cũng hai
Lầu xanh gặp bước chông gai
Phen này cũng lại tính bài quyền sinh;
Sao không một thác cho đành?
Hay là học thói thường tình nữ nhi
"Suối vàng này quyết một khi"
Làm ra thế ấy thật thì dám đâu?
Ví chẳng quyết hẳn mình nào...
Một dao quăng vắng, ai nào có hay?
Truyện Kiều xem đến đoạn này
Tạm ngừng hạ bút, kết vài bốn câu
Nàng Kiều là gái đa sầu
Đa tình, lại cũng nông sâu chưa tường
Trước kia sớm biết suy lường
Thì chi đến nỗi lụy đường trần ai?
Sau này gặp bước lạc loài
Thì liễu một thác cho rồi ngày xanh
Chiếc thân khỏi nỗi linh đình
Mà lòng giữ được hiếu trinh vẹn toàn
Gương trong chẳng chút bụi trần...

Nguyễn Thị Hồng Vân

V. NGÔ ĐỨC KẾ

Trộm cắp trắng hoa đủ mọi trò
Giá ba trăm lạng tính so cò
Hiếu vờ may gặp cơn gia biến
Nhân hão vì tham cái lễ to
Mượn giấc chiêm bao mơ đi Đạm
Vào dinh Tổng đốc gạ cu Hồ
Khen cho mụ Hoạn tình đời thật
Mèo mả gà đồng rõ mặt mo.

VI. MAI KHÊ

CHÊ KIỀU

Đã lâm phen trước lại phen sau
Tình cũng nên đâu, hiếu cũng đâu
Dù có văn nhân tô điểm lại
Má hồng khôn rửa sạch thanh lâu.

Tạp chí Nam Phong (Số 99, 1929)

VII. NGUYỄN THIỆN KẾ

Lúc túng thân tiên cũng hóa liễu
Duyên đâu hờ hững nợ đâu nhiều
Bán mình nào thấy chàng Kim hỏi
Đánh đi tha hồ mụ Bạc tiêu
Đàn chữa giải oan cho tướng giặc
Thành còn nghiêng nước với quan triều
Nghìn năm ai chẳng phùng trăng gió
Danh tiếng phần riêng một Thuý Kiều.

VIII. NGUYỄN MẠNH BỔNG

Ai bảo rằng cô một gái lành
Con nhà nề nếp giống trâm anh
Động tình lập kế chim Kim Trọng
Biết thú đam ghì lấy Mã Sinh
Niệm Phật ở chùa đi xoáy cửa
Lấy chồng ăn lẽ nữ quên tình
Toan về làm lẽ cô em vậy
Cô thật khôn ngoan đủ thập thành?
Ừ bảo thương cha phải bán mình
Sao em ăn ở thế cho đành
Dụ h giá kìa giết ông Từ Hải
Nghe tán này theo cậu Sở Khanh
Mấy độ lâu xanh còn chữa chán
Bao lần quy Phật cũng không thành
Ngứa nghề trở lại toan làm bé
Dời vẫn khen em hiếu với tình?

Phụ Nữ Tân văn – 1929

*

D. MỘT SỐ BÀI VỊNH KIỀU MỚI

1. KÍNH GỬI CỤ NGUYỄN DU

*Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...*

*Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên ghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?*

Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!
Nỗi niềm xưa, nghĩ mà thương:
Dấu lìa ngõ ý, còn vương tơ lòng...
Nhân tình, nhấm mắt, chưa xong
Biết ai hậu thế, khóc cùng Tố Như?¹
Mai sau, dù có bao giờ...
Câu thơ thuở trước, đâu ngờ hôm nay!

Tiếng đàn xưa đứt ngang dây
Hai trăm năm lại càng say lòng người
Trải bao gió dập sóng dồi
Tấm lòng thơ vẫn tình đời thiết tha
Đau đớn thay phận đàn bà
Hỡi ôi, thân ấy biết là mấy thân!

Ngẫm xem qua kiếp phong trần
Đời vui nay đã nửa phần vui đây.
Song còn bao nỗi chua cay
Gớm quân Ưng Khuyển ghê bầy Sở Khanh
Cũng loài hổ báo ruồi xanh
Cũng phường gian ác hôi tanh hại người!
Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

(1) Lấy ý hai câu thơ của Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Hỡi người xưa của ta nay
Khúc vui xin lại so dây cùng Người!
Sông Lam nước chảy bên đời
Bỗng nghe trống giục ba hồi gọi quân...

Tố Hữu – 1965

2. BÌNH LUẬN VỀ KIỀU

Những tay bình luận bình thường
Mới cho người anh hùng *Truyện Kiều* là Từ Hải
Hàm én mây ngài đâu có phải
Cuối cùng chỉ chết đứng mà thôi.

Người anh hùng trong *Truyện Kiều* là Kiều
Một cô gái chịu đựng bao gian khổ
Bị vùi dập trong đồng bùn chế độ
Suốt cả đời giữ trọn mối tình yêu...

Kiều cô đơn giữa một lũ yêu ma
Hoạn Thư, Sở Khanh, khuyến ửng, khuyến phệ
Miếng mồi ngon cho những tên đồ tể
Mã giám sinh, Tú Bà.

Kiều cao hơn những người đàn ông mình đã gặp
Hơn Kim Trọng trong đau khổ yêu thương
Hơn Thúc Sinh bởi bao phen vùi dập
Hơn Từ Hải về nỗi niềm cố quốc tha hương.

Lời nói Kiều còn xúc động lòng ta
Dẫu ta sống trong một thời đại khác
Khi nụ cười còn có thể sinh ra từ nước mắt
Như nỗi đau có thể hóa lời ca.

TẾ HANH – 1984

3. NGÂU HỨNG ĐÀN KIỀU

Ngàn thu gầy một nét hoa
Tổ Như ơi, tiếng đàn sa giọt buồn
Còn đây hương nguyện gọi hồn
Tâm linh dưới mộ xanh rờn lối đi
Đàn đau nhỏ khúc ai bi
Nhị đào thà bẻ tình si cho người
Khen cho con mắt tình đời
Cỏ xanh rợn cỏ, hồng ai oán hồng
Đã yêu yêu đến nát lòng
Tiếng đàn đau, tiếng đàn trong... chuông chiều
Dấu chân còn đó phiêu diêu
Đăm đăm đỏ một chữ liễu chưa xong
Khối - tình - mưa - gió - trắng trong
Bao thu dồn lại mỗi trông một người
Tiếng đàn xưa... tiếng mưa rơi
Mà nay xao động khoảng trời như không
Bốn dây một tiếng tơ lòng
Con tim vẫn đập nơi sông Tiền Đường,
Xanh xanh mộ cỏ mà thương...

LÊ MINH HOÀI

(Văn Nghệ số 14, 3-4-1993)

4. HOA ĐÀO NGÀY TẾT

Đâu bỗng không mua náo chúc sầu;
Sầu người, buồn cảnh, có vui đâu!
Trương tô, giáp mặt, hoa đào về...
Nào! Vạch da cây vịnh bốn câu!

Đào nguyên lạc lối đâu mà đến?
Đây: Kẻ đi muôn dặm một mình!
Khi cúi đầu, khi vò chín khúc
Chân mây mặt đất, một màu xanh.

Tường đông ong bướm đi về mặc
Ai bấy lâu nghe tiếng má đào
Mới thấy đây mà lòng đã chắc
Đào càng treo giá, ngọc càng cao.

Lời lời châu ngọc hàng hàng găm...
Sao một lời là một vụn vào?
Tơ phím này trông ra ngọn cỏ
Bao tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
(Tập chí Bách Khoa - 1973)

5. VỊNH NÀNG KIỀU

Nàng sinh trước tôi vài thế kỷ
Để nợ tình vương mãi kiếp quanh bên
Vẫn tiếng đàn xưa vẫn hương đượm trắng thêm
Vẫn xe pháo ngày xuân đầy cỏi thực
Những cảnh sống vàng son,
những mối tình tang tóc
Phận má hồng dài những nỗi đau thương!
Nàng bán mình trong những quán bia ôm
Trong điệu "sex" vũ trường những đêm vui tàn tạ
Một bước sa chân, một cảnh đời nghiệt ngã
Nhưng Sở Khanh không tiếc ngọc dầy vò!

Ôi sắc đẹp vĩnh hằng trong những vết tay nhớ
Những số phận bủa vây Kiều muôn thuở!

Giọt mưa sa trong đất cần tan vỡ
Những trăm năm oan trái cuộc tình xưa
Từ Nguyễn Du bao số phận còn chờ
Ta cũng nài tình viết lời ai điếu!

HOÀNG TUẤN

(*Văn Nghệ*, số 34, 21-8-1993)

Phần thứ ba

BÓI KIỀU

I. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÓI KIỂU

1. Trước hết xin lướt ít dòng về việc bói toán. Trong cuộc sống luôn biến đổi, người ta dù giàu, dù nghèo, sang hèn hay quyền cao chức trọng, cuộc sống ai mà chẳng có lúc gặp khó khăn. *Nhân dục vô nhai*, ước muốn của con người là vô cùng, được vật chất thì thấy thiếu về tinh thần và ngược lại. Dù tạm ổn cả về hai mặt ấy thì đòi hỏi của con người cũng ngày một cao hơn: *danh lợi, tình yêu, tuổi thọ...* Ai cũng muốn mình được sung sướng hơn, cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn từ đó nảy sinh mơ ước. Khi vấp vấp thì muốn biết căn nguyên, khi mơ ước thì muốn tìm hiểu diễn biến tương lai và con người luôn luôn phải đứng trước nhiều ngã đường để lựa chọn. Ngoài ra trong xã hội làm sao hết được bất công. Con người vốn sinh ra bình đẳng nhưng mỗi người lại ra đời trong một gia đình cụ thể với những đặc điểm riêng về thể chất, tính cách, năng khiếu... và đâu phải hễ có tài là được hưởng phúc. Mấy ai lại được *Chữ Tài chữ Mệnh dồi dào cả hai*. Và lại: *Chữ Tài liền với chữ Tai một vần*. *Luật thừa trù, luật nhân quả, thuyết tài mệnh tương đồ* là những thực tế của cuộc đời.

Rồi còn biết bao nhiêu điều bất ngờ trong cuộc sống. Khi khoa học chưa phát triển thì con người quá nhỏ bé trước thiên nhiên hùng vĩ phải tin vào thần linh ma quỷ. Nhưng ngay cả khi khoa học đã phát triển cao thì đâu đã

giải quyết được mọi bất công, làm sao đã giải thích được mọi bất ngờ trong cuộc sống.

Và người ta sẽ tìm đến ai có thể vừa an ủi được về mặt tinh thần, vừa giải đáp được những lo âu thắc mắc lại hướng dẫn ít nhiều trước các ngã đường cần lựa chọn. Ta tìm đến những người bạn tâm tình. Nhưng có phải bao giờ cũng tìm được những người như vậy, nhất là người ấy lại có thể hé cho ta ít nhiều hy vọng ở tương lai. Nghề bói toán sinh ra từ đó.

2. Các thầy bói ở ta, tuy không được đào tạo chính quy song họ cũng phải tìm tòi, học hỏi. Qua kinh nghiệm thực tiễn lâu dài hàng ngàn năm trong nghề nghiệp, họ dần dần tìm ra những cách thức để thu hút khách hàng và lẽ đương nhiên, cũng như bất cứ nghề nào khác, ở đây cũng có luật đào thải tự nhiên. Quá trình lịch sử lâu dài của nghề bói toán đã cho phép phân loại các đối tượng theo yêu cầu của từng người khi đến xem bói. Người ta đã dùng **BÁT QUÁI** và **THẬP CAN** để biểu thị và phân loại người đến xem bói theo một trong mười tám yêu cầu sau đây:

BÁT QUÁI:

- | | | |
|---------|---------------|-------------------------------|
| 1. CÀN | - Niên vận: | Cả năm tốt hay xấu. |
| 2. KHẮM | - Công danh: | Thăng bổ sớm hay muộn |
| 3. CẤN | - Tài lợi: | Tiền của dồi dào hay hao hụt. |
| 4. CHẤN | - Âm tín: | Muốn hỏi tin tức của một ai. |
| 5. TỐN | - Tranh tụng: | Kiên tụng được hay thua. |
| 6. LY | - Bình an: | Vận nhà bị hay thái. |
| 7. KHÔN | - Hôn nhân: | Việc vợ chồng tốt hay xấu. |
| 8. ĐOÀI | - Thương mại: | Buôn bán lỗ hay lãi. |

THẬP CAN:

- | | | |
|----------|--------------|-------------------------------|
| 9. GIÁP | - Thiên di: | Đổi dời chỗ ở êm hay động. |
| 10. ẤT | - Tật bệnh: | Bệnh nặng hay nhẹ ra sao. |
| 11. BÍNH | - Khoa đồ: | Thi đỗ hay hỏng. |
| 12. ĐINH | - Tử tức: | Đường con cái ra sao. |
| 13. MẬU | - Xuất hành: | Ra đi may hay rủi. |
| 14. KỶ | - Truy tìm: | Tìm kiếm thấy hay mất. |
| 15. CANH | - Ưu tư | Lo sự lành hay dữ. |
| 16. TÂN | - Thăm yết: | Đi thăm có được không. |
| 17. NHÂM | - Kỹ nghệ: | Nghề nghiệp lợi hay hại. |
| 18. QUÝ | - Tâm sự: | Tình riêng có toại hay không. |

Với mỗi loại khách hàng, người thầy bói phải có câu trả lời cụ thể qua một thời gian ngắn làm các động tác phụ trợ để nghiên cứu đối tượng và sắp xếp chuẩn bị cách "phân". Qua kinh nghiệm thực tiễn họ thường có một loạt các phương án để trả lời theo mỗi yêu cầu kể trên: có đáp án khẳng định và đặc biệt có những đáp mơ hồ, hai nghĩa. Thầy bói sẽ tùy theo nét mặt, thái độ của thân chủ mà hướng câu trả lời về phía này hay phía kia. Nói chung câu trả lời ít có giá trị đích thực ngoài việc an ủi về tinh thần cũng như tạo cho thân chủ ít nhiều hy vọng. Kết hợp với niềm tin sẵn có cùng ý nghĩa mơ hồ của lời giải đáp, nhiều khi ta lại thấy "thầy đoán trúng".

Nói về bói toán, Nguyễn Du đã viết một câu rất chí lý lấy từ kinh nghiệm dân gian:

1701. *Chẳng qua đồng cốt quàng xiên
Người dẫu mà lại thấy trên côi trần.*

Mà trong chúng ta ai chả có lúc đã từng tự nhủ: *Chẳng qua đồng cốt quàng xiên...* nhưng rồi cũng có lúc lại dao động hoang mang.

Và tiếc thay tuy là *đồng cốt quàng xiên* nhưng đôi khi nó lại cho một kết quả đúng (Khi tung đồng xu thì khả năng sấp, ngửa là hoàn toàn như nhau – trong phép xác suất gọi là *đồng khả năng*). Do đó bói toán mới khó loại trừ.

II. BÓI KIỀU CÓ TỪ BAO GIỜ

Như ta đã biết, trong *Bài Tựa* viết năm 1898 cho bản *Đoạn Trường Tân Thanh* của Kiều Oánh Mậu (in năm 1902), Đào Nguyên Phổ đã từng thắc mắc: "*Ôi! Sao mà lại có văn hay làm say người đến thế? Còn một điều tôi lấy làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần mà xem tựa linh kinh Quỷ Cốc, là bởi làm sao?... Vì sao lại có thể làm say mê mọi người đến như vậy?*".

Có lẽ là vì dù chỉ có 3.254 câu thơ nhưng đó là quyển bách khoa thư của một vạn tâm hồn, cuốn sách của muôn ngàn tâm trạng mà ở trang nào ta cũng thấy bóng dáng của thực tiễn cuộc đời.

Chính vì vậy, người dân say mê *Truyện Kiều* đến nỗi không biết từ bao giờ, có ai đó đã bắt đầu việc bói Kiều, lấy *Truyện Kiều* làm nơi an ủi tinh thần, tìm lời giải đáp cho tương lai, cho quá khứ, cho sự lựa chọn đường đi trong cuộc sống của mình, bói Kiều trước hết là biện pháp trấn an tinh thần vậy.

Cách bói dân dã là mượn một quyển Kiều, rồi tâm niệm điều ao ước, nổi băn khoăn và tin tưởng thành tâm (Có khi thắp hương khấn vái) đọc câu:

– “Lạy vua Từ Hải,
Lạy vãi Giác Duyên,
Lạy Tiên Thúy Kiều,
Con tên là... ở... xin được...
ba (hay mấy) câu đầu, cuối hoặc giữa trang”...

hoặc:

– “Khẩn chư vị:
Thúy Kiều, Thúy Vân,
Vương Quan, Kim Trọng,
Ông bà viên ngoại,
Từ Hải, Giác Duyên,
Sống khôn chết thiêng
Xin về ứng quả:
Thấy hoa đừng bẻ,
Thấy trẻ đừng chơi,
Thấy quán đừng ngồi,
Mau mau chóng chóng,
Về giúp tôi bói quả...”

Và theo luật “*trai tay trái, gái tay mặt*” (đàn ông xem trang bên trái, đàn bà trang bên phải) để tìm câu ứng nghiệm. Sau khi nhận được câu trả lời, tự mình suy ngẫm, so sánh với tình cảnh thực tại của bản thân để suy nghĩ và tự đưa ra lời giải thích.

Thi pháp kể chuyện trong *Truyện Kiều* làm cho người kể và các nhân vật của tác phẩm hết sức gần gũi với người đọc nên những lời khẩn vái trên cho thấy người bói Kiều xem các nhân vật chính diện của tác phẩm (Từ Hải, Giác Duyên, Thúy Kiều...) như những con người đã từng tồn tại

trong thế giới có thực và rất gần gũi với cuộc sống. Điều này không mấy tác phẩm có được.

Trong nghề bói toán, như trên đã nói người ta cũng đã tổng kết để phân loại yêu cầu của khách hàng theo 18 loại yêu cầu. Dựa vào tâm lý người xem, các thầy bói thường chọn những câu Kiều có ý nghĩa chung chung để từ đó có thể thay đổi cách đoán định. Những cặp câu Kiều như vậy rất nhiều, các thầy bói đều thuộc lòng rồi tùy liệu đem ra sử dụng.

Chẳng hạn với yêu cầu muốn biết *kết quả việc thi cử* ra sao tức mục 11: *BÍNH* – Khoa đồ thì ba đáp án sau đây sẽ theo từng mức độ:

- a) *Tấm thân rày đã nhẹ nhàng*
Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai. (Tốt)
- b) *Mới hay tiền định chẳng lầm*
Sợ thay mà lại mừng thăm cho ai (Trung bình)
- c) *Dứt tay vội bước vào nhà*
Chữ Tài, chữ Mệnh khéo là ghét nhau (Không tốt)...

Trong đó ngoài những câu trả lời khẳng định tốt hay xấu, nhiều câu mang tính mơ hồ, lấp lửng để người đọc tự suy luận hay ông thầy tùy theo đối tượng đến bói mà đưa ra lời giải đáp... Và ở đây chúng tôi sẽ giới thiệu một số câu tập Kiều trả lời thành 15 đáp án cho từng yêu cầu trong 18 đề mục kể trên.

Cũng đã có những phương pháp bói Kiều phức tạp hơn. Chẳng hạn gieo năm ba đồng xu rồi dùng một số biện pháp khá rắc rối mà thực chất là để lần lượt tìm ra được các con số cho phép tìm lời giải đáp bằng những câu tập Kiều.

Những phép *bói Kiều* này chúng tôi đã trình bày trong quyển *Tập Kiều – một thú chơi tao nhã* hay *Thú Chơi Tập Kiều*. Nhưng cách làm đó chỉ làm cho việc *bói Kiều* có một vẻ huyền bí mà thôi.

III. CÂU KIỀU NÓI HỘ TA ĐƯỢC NHIỀU ĐIỀU

1. Những câu thơ *Kiều* thường có nhiều ẩn dụ nên khi vào trong câu *bói Kiều*, chúng như những đề án mở để người *bói* giải thích những linh cảm của mình. Không những chỉ là đề án mở, bản thân câu *Kiều* lại như có sự thu hút, mời gọi người mở. Hàng mấy thế kỷ nay người Việt Nam vẫn say sưa lý giải, đi tìm những ứng nghiệm của câu sấm Trạng Trình, chúng như được viết ra để dự báo tương lai dưới một hình thức đầy vẻ huyền bí. Tự bản thân những câu sấm đã mang tính chất mời gọi người đời sau dùng kiến thức, kinh nghiệm để lý giải... Kinh dịch có 64 quẻ nhưng thực ra là 64 ký hiệu với một ngôn ngữ mang tính khái quát nhiều khi mơ hồ đã khiến cho "Kinh dịch trở thành lời đoán quẻ cho nên ngữ nghĩa khá mơ hồ chung chung như mọi lời *bói* của bất kỳ môn *bói* nào" (Nguyễn Duy Hình, *Chu dịch phổ thông*). Và những câu *Kiều* khi được đưa vào *bói Kiều* cũng mang tính chất như vậy. *Bói Kiều* cũng là một cách đọc *Truyện Kiều* tuy với ít nhiều mê tín dị đoan.

Trong quyển *Quyển sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du*, khi đề cập đến cảm tình của bình dân đối với *Truyện Kiều* dẫn đến việc *bói Kiều*, Hoài Thanh đã viết:

"... Những tình, những cảnh trong đời *Kiều* cũng là những tình, những cảnh trong đời họ. Cái việc *Kiều* phải

hy sinh tình ái vì cha không xa gì bao nhiêu chuyện gả bán ngày xưa, cái việc Kiều lâm vào cảnh tội đời, bị chủ nhà hành hạ lại càng không xa với những cảnh đời trước mắt. Nói rộng ra, người bình dân thấy cuộc sống diễn ra muôn hình, vạn trạng trong Truyện Kiều cũng như trong thực tế. *Truyện Kiều* là cả một thế giới. Vô luận trong cảnh ngộ nào, họ cũng thấy có một vài câu Kiều hợp cảnh. Họ không làm những bài *tập Kiều* như các nhà nho. Nhưng với họ những câu thơ Nguyễn Du cũng đã vượt ra ngoài phạm vi câu chuyện nàng Kiều và đi vào cuộc sống xã hội. Những câu diễn đạt một chân lý thông thường biến thành tục ngữ, điều ấy đã đành. Cả những câu diễn tình, diễn cảnh đáng lẽ phải dính chặt với thân thế người trong truyện cũng muốn lìa tình cảnh riêng của Thúy Kiều để gia nhập cái vốn từ ngữ chung của dân tộc. Những câu như:

1953. *Tông đường chút chữa cam lòng,*
 Cẩn rằng bề một chữ đồng làm hai.

Hay là:

1247. *Vui là vui gương kéo mà,*
 Ai tri âm đó mặn mà với ai.

người ta vẫn nhắc lại luôn mà nhiều khi cũng không còn nhớ là từ đâu ra. Chỉ bước thêm một bước là đến cái chuyện *bói Kiều* trong đó những câu Kiều không còn dính líu gì với câu chuyện nàng Kiều nữa. Điều này rất đáng cho ta suy nghĩ. Một câu thơ của Coóc-nây (Corneille), của Ra-xin (Racine), trừ những câu diễn đạt một chân lý thông thường, không mấy khi tách hẳn ra ngoài nguyên tác. Có lẽ cũng bởi quan niệm về cá nhân rất sắc, rất chặt chẽ trong văn học phương Tây..."

2. Nhà văn Nguyễn Công Hoan viết câu chuyện tình trắc trở giữa Lan và Diệp trong tác phẩm *Tắt lửa lòng*, đã chọn đầu đề từ câu Kiều:

3045. *Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!*

Bởi Kiều đi tu, Lan cũng đi tu và đều tưởng đã: *Lửa lòng tắt mọi đường trần duyên* (câu 1932).

Mối tình tan vỡ giữa Mai và Lộc được nhà văn Khái Hưng đưa vào cuốn tiểu thuyết nhan đề *Nửa chừng xuân* là từ câu Kiều viết về Đạm Tiên:

0065. *Kiếp hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân, thoát gầy cành thiên lương.*

Rồi còn có: Truyện ngắn *Con người Sở Khanh* (Phạm Duy Tốn – 1919), *Châu về Hiệp phố* (Phú Đức – 1926), tập thơ *Mây Tần* (Nguyễn Bính – 1942)... và cuốn tiểu thuyết *Nhật tình* của nhà văn Mạnh Phú Tư viết năm 1941 với câu đề từ mở đầu sách:

Mặn tình cát lữ, nhật tình tao khang (câu 1480)

Chỉ trong hơn một chục năm trở lại đây từ những năm 90 của thế kỷ 20, đến nay đã có gần hai chục quyển sách mới xuất bản có nhan đề được lấy từ những câu Kiều như: *Những điều trông thấy* (Tập thơ trào phúng, đả kích của Bảo Định Giang – Hội Văn nghệ TP Hồ Chí Minh xuất bản, 1992), tập thơ *Gươm đàn nửa gánh* (Lê Tú Lệ – NXB Trẻ, 1996), *Đốt lò hương ấy* (Bảo Định Giang – NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1997)... Rồi tập truyện ngắn *Dấu lửa ngó ý* (Nguyễn thị Minh Ngọc – NXB Trẻ, 1998), *Ai tri âm đó* (Nguyễn Thị Minh Ngọc – NXB Trẻ, 1998), *Chân trời góc bể*

(Nguyễn Dậu – NXB Hà Nội, 2000). Các tập phê bình tiểu luận *Lời quê góp nhặt* (Nguyễn Thụy Kha – NXB Hội nhà văn 1999), *Lời quê chấp nhặt* (Nguyễn Thạch Giang – NXB Khoa học Xã hội – Hà Nội 2001), *Vườn khuya một mình* (Phê bình tiểu luận, chân dung văn học của Văn Tâm – NXB Văn hóa Thông tin 2001), *Tìm hoa quá bước* (Phê bình tiểu luận, chân dung văn học của Hoài Anh – NXB Văn học 2001), *Của tin gọi một chút này...* (Tập tạp văn của Trương Phiến – NXB Trẻ, 2002)... đến tập truyện phim của Nguyễn Hồ – *Một cuộc bể dâu* (NXB Văn học, 1999) và tập truyện, tạp văn *Nghề văn cũng lắm công phu* của Nguyễn Khải (NXB Trẻ, 2003), tập chuyện tình yêu của người Việt *Phong tình cổ lục* của Vũ Ngọc Khánh (NXB Văn hóa Thông tin, 2004)...

Viết xong tác phẩm quan trọng nhất của đời mình là quyển *Thi nhân Việt Nam*, các tác giả Hoài Thanh – Hoài Chân đã trân trọng dành cả hai trang đầu tiên chỉ để ghi *Lời đề từ* rút từ *Truyện Kiều*: *Của tin gọi một chút này làm ghi...*

Câu Kiều nói hộ ta rất nhiều điều.

IV. VÌ SAO CÓ HIỆN TƯỢNG BÓI KIỀU

1. Sấm là những lời lẽ tiên tri đoán định xa xôi về sau, có tính bí ẩn về sự kiện lớn trong tương lai có quan hệ đến đời sống của một cộng đồng như sấm *Trạng Trình*. Nhưng khi cần đoán định những việc đã qua hay sắp tới, thường là sự may rủi, việc sống chết của con người thì theo mê tín người ta đi xem bói. Nhiều người hay tin một cách mù quáng vào số mệnh, thần thánh, ma quỷ và những điều huyền hoặc nên nặng đầu óc mê tín. Khi gặp được những

câu Kiều có sức khái quát cao, người ta nghĩ đến số phận của mình và tìm thấy ở đây một lời mách bảo về cuộc đời, về niềm tin vào cuộc sống rồi cùng với đầu óc mê tín, tin vào những suy đoán của chính mình. *Truyện Kiều* – qua câu chuyện của một nữ nhân vật bị vùi dập khổ đau – đã chứa đựng một nội dung hiện thực sâu sắc lại có sức khái quát được nhiều mảnh đời nên đã có sức quyến rũ kỳ lạ đối với dân tộc và dần dần đi vào đời sống tâm linh của mọi người. Qua diễn biến của câu chuyện, Nguyễn Du lại có cái nhìn rất phù hợp với quan niệm mỹ học đạo đức dân gian nên có sự gặp gỡ giữa nội dung tác phẩm và kinh nghiệm sống của độc giả, giữa số phận của nhân vật và cuộc sống của con người. Đó cũng là kết quả của quá trình chuyển hóa tâm lý của độc giả từ say mê yêu quý đến tin tưởng vào tác phẩm kỳ diệu này. Trong *Truyện Kiều*, những trạng thái chủ yếu của con người trong hạnh phúc và khổ đau lại được ngòi bút thiên tài của Nguyễn Du thể hiện rất đa dạng, phong phú và cô đọng trong một vài câu. Chính vì vậy, những câu Kiều đã có khả năng sống một cuộc sống độc lập ngoài ngữ cảnh để hòa nhập trong một bối cảnh mới và do đó người ta đã muốn mượn những câu Kiều để nói hộ tâm trạng mình. Từ đó nảy sinh hiện tượng *bói Kiều*.

2. Mà không chỉ như vậy. Vì sao có hiện tượng *bói Kiều*? Trước hết *Truyện Kiều* là tác phẩm bao quát nhiều tâm trạng, nhất là những tâm trạng vui buồn, hạnh phúc, khổ đau. Mà đời Kiều đã trải qua biết bao nhiêu cảnh ngộ trong suốt mười lăm năm lưu lạc trên một không gian thật là rộng lớn. Hai tâm trạng chủ yếu trong cuộc đời là hạnh

phức khổ đau đều đã được thể hiện rất đa dạng trong *Truyện Kiều*. Mà nỗi đau thì thiên hình vạn trạng, từ nỗi đau tinh thần lẫn vật tâm can đến nỗi đau thể xác bị dọa dầy, biết bao nhiêu cảnh huống với biết bao nhiêu cấp độ lại thường xảy đến rất bất ngờ. Với biết bao tình cảnh, sự kiện thật là đa dạng và phong phú, *Truyện Kiều* là quyển sách của muôn ngàn tâm trạng, những tâm trạng mang tính điển hình và cô đọng. Câu Kiều như mô tả được tâm trạng của người đọc trong từng bối cảnh cụ thể và tác phẩm như đến được tận tâm can người đọc. Trong hệ văn chương thời trung đại, *Truyện Kiều* với những câu thơ mang tính đa nghĩa như mở ra cho người đọc đang có những vướng mắc trong tâm tư. Qua những câu Kiều, người đọc như thấy được gửi gắm nỗi lòng riêng. Mỗi câu thơ trong kiệt tác của Nguyễn Du tưởng như đều có số phận, có cuộc đời, nên người xưa mới lấy Kiều ra để bói. Và dường như ở mỗi một độ tuổi, cùng với thời gian, người Việt Nam chúng ta sẽ hiểu Kiều theo một cách khác nhau: sâu sắc, chín chắn, bình tĩnh hơn.... qua những kinh lịch từng trải ở đời.

3. Người Việt Nam không phải ai cũng mê tín, nhưng người ta vẫn bói Kiều. Trong quyển *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, giáo sư Phan Ngọc giải thích về hiện tượng bói Kiều như sau:

"Trước hết, người Việt Nam đọc Kiều thì sợ hãi về trình độ phân tích sâu sắc, mới mẻ của tác phẩm. Anh ta bái phục sự phân tích ấy bởi vì các thao tác phân tích kỳ diệu của nó khiến anh ta cảm thấy chỉ có Kiều mới nói được cái thâm kín trong lòng anh ta. Mỗi người xem văn học là xem với tất cả kinh nghiệm sống của mình. Vô hình trung

có một sự đua tài ở đây. Nếu tác phẩm chứng tỏ tác giả hiểu cuộc sống còn kém người đọc thì lập tức người đọc coi thường, trái lại người đọc sẽ bị chinh phục khi tác giả phơi bày được tâm trạng của người đọc hay hơn chính người đọc tự phân tích mình. Trường hợp các nhà văn thông thạo về tâm lý là thế. Trường hợp Nguyễn Du còn cao hơn một bậc, dưới ngòi bút của ông, con người bị phanh phui hết kiệt, mọi bí ẩn bị bóc trần. Người đọc bàng hoàng, sửng sốt, khiếp sợ tưởng chừng như trong câu thơ có một ma lực gì, tại sao những ý nghĩ thâm kín nhất của mình mà mình vẫn cố tự che giấu ở đây lại bị bóc lộ. Lúc đầu người ta xem *Truyện Kiều* để giải trí. Sau đó sinh nghiệm Kiều, mỗi lúc buồn, mỗi khi gặp một trắc trở trong đời, người ta lại đọc và mỗi khi đọc người ta lại phát hiện ra vô số quan hệ mới mà trước đây người ta không thấy. Người còn trẻ đọc Kiều thấy khác với khi mình đã già. Sau đó dần dần nảy sinh sự mê tín. Thứ hai, người ta tìm thấy tâm trạng mình nên tưởng đâu trong Kiều nói được cả tương lai của mình. Thế là xuất hiện thói quen: "*Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều xin cho con ba đồng, v.v*"...

Một quyển sách bói có hai nghĩa, nghĩa thực và nghĩa ẩn. Ta lấy quyển sách bói thông thường nhất của phương Đông là *Kinh Dịch* làm thí dụ. Người bói rút thăm hay xem mai rùa hay dùng một thao tác nào đấy như ném đồng tiền, qua đó anh ta quy ra điều anh ta muốn nói với một hào trong *Kinh Dịch*. Sau đó anh ta dựa vào cái hào này mà đoán. Ngôn ngữ trong *Kinh Dịch* rất kỳ quặc, toàn những câu ngô nghê không đầu vào đâu cả. Nhưng đằng sau những câu ngô nghê ấy lại ẩn nấp những quan hệ khá rộng

lớn, cho phép ta căn cứ vào yêu cầu của mình để biết kết quả sẽ đạt được hay thất bại. Người *bói Dịch* bổ sung câu nói trong *hào* bằng những kiến thức thực tiễn của mình, bằng kinh nghiệm giải thích *dịch* của các thế hệ trước và rút ra những kết luận cần thiết. Khác với *bói Kiều*, công việc đơn giản hơn, nghĩa câu văn rõ hơn so với nghĩa câu văn của *Kinh Dịch*, nhưng trong ba câu mà ta cần *bói* cũng chứa đựng một quan hệ khác nằm ngoài ngữ cảnh. Ba câu ấy thường chứa đựng một tính tổng thể trọn vẹn cho phép ta kết luận về kết quả của công việc mình muốn hỏi.

Tóm lại chúng tôi đã phân tích cái quy luật tình cảm khiến người ta đi từ chỗ tìm hiểu tâm trạng của mình trong *Kiều*, đến chỗ *bói Kiều*. Tất cả đều bắt nguồn từ phong cách của Nguyễn Du, từ phương pháp phân tích tâm lý siêu việt tàn nhẫn của ông”...

4. Trong bài *Bói Kiều nhìn từ góc độ tiếp nhận văn học*, (Tạp chí Khoa học ĐHSP – TPHCM), Phan Công Khanh viết:

“*Truyện Kiều* là quyển sách của tâm trạng. Điều đáng nói là những tâm trạng ấy thường thể hiện hết sức cô đọng. Với số lượng chữ rất hạn chế, từng cặp lục bát, thậm chí từng dòng thơ *Truyện Kiều* có khả năng biểu đạt trọn vẹn một bối cảnh, một tâm trạng dưới dạng một câu hoàn chỉnh. Chúng có khả năng tạo một đời sống độc lập ngoài ngữ cảnh bằng cách hòa nhập vào một bối cảnh mới. Đặc điểm này cho phép bất cứ ai cũng có thể mượn thơ *Kiều* để mô tả tâm trạng của mình. Hoàn thành quyển “Thi nhân Việt Nam”, các tác giả đã trang trọng đề lên đầu sách câu thơ “*Của tin, gọi một chút này làm ghi*” mà theo họ “*Đọc đi đọc lại riêng lấy làm đắc ý lắm*”. Những người tổng kết phong

trào Thơ mới như gỏi gấm trợn vẹn tình yêu, niềm tin, tâm huyết vào cái công trình "lấy hồn tôi để hiểu hồn người" ấy. Một thứ "của tin" thực sự nhưng được trao tay một cách khiêm tốn: "một chút này". Thật ra trong văn học Việt Nam (và cả văn học thế giới) không thiếu những câu thơ như vậy nhưng tập trung vào một tác phẩm như trường hợp *Truyện Kiều* thì quả là hiếm.

"Nhưng đó là trường hợp người đọc có thể tự do lựa chọn câu Kiều phù hợp với tâm trạng của mình trong ngân hàng chữ nghĩa của họ. Giở một trang Kiều bất kỳ để bói, sự tự do này đã bị tước mất. Làm sao người bói có thể tìm đúng địa chỉ tâm trạng của mình trong 3.254 câu thơ? Dĩ nhiên, sự ra đời của *bói Kiều* không thể nào giải thích trong phạm vi văn học. Chúng tôi xin bước đầu đưa ra ý kiến của mình từ góc độ nghiên cứu của đề tài.

"Theo Jakobson, để giải mã một thông điệp cần có một bối cảnh mà xét về mặt chức năng, đó là lời dẫn. Lời dẫn khác nhau có thể đưa đến những cách hiểu khác nhau. Trong trường hợp *bói Kiều*, lời dẫn chính là linh cảm, là tâm trạng của người bói. Trạng thái tinh thần này sẽ định hướng cho việc giải mã những câu thơ Kiều đã bị tách ra khỏi hệ thống văn bản. Trong thực tế, linh cảm của con người có thể mách bảo cho họ những gì sắp xảy ra. Và những câu thơ Kiều như một công cụ hỗ trợ có tác dụng giúp người bói giải thích những linh cảm ấy. Nếu giữa lời dẫn và câu thơ có sự ăn khớp nhất định, *bói Kiều* có thể đưa đến một kết quả khá chính xác. Ở trường hợp ngược lại, nghĩa là khi bắt gặp một câu Kiều không hoàn toàn phù hợp với tâm trạng mình, người bói sẽ cảm thấy khó

hiếu, có thể họ phải xin một câu Kiều khác và làm tăng thêm cơ hội bắt gặp mình trong vô vàn những câu thơ Kiều. Đó là trường hợp của nhân vật Ngọc mà Ngô Tất Tố đã miêu tả trong "Lều chông".

"Theo chúng tôi, có thể hình dung việc người đọc tự do lựa chọn câu thơ Kiều để mô tả tâm trạng bản thân với việc *bói Kiều* như hai giai đoạn của một quá trình. Ban đầu, người đọc nhận thấy nhiều câu thơ Kiều có thể mô tả hoàn toàn chính xác tâm trạng của họ trong những bối cảnh cụ thể nào đó. Dần dần hiện tượng này phổ biến đến mức họ kinh ngạc, thấy tác phẩm như thấu hiểu cả tâm can của mình. Trong cuộc sống, không phải bao giờ con người cũng có thể nắm bắt được tâm trạng bản thân, nhất là khi có sự xuất hiện của linh cảm. Trong trường hợp như vậy, một thao tác ngược lại được xuất hiện, thay vì huy động trí nhớ, người ta giở một trang Kiều bất kỳ để tìm kiếm một câu thơ mô tả tâm trạng của mình. Lâu dần, sự ứng nghiệm đã hình thành *bói Kiều*".

V. NHỮNG TRÙNG HỢP NGẪU NHIÊN ĐẾN KỲ LẠ

1. Bói là đoán việc đã qua hay sắp tới thường là việc sống chết hay may rủi của con người, theo mê tín. *Bói Kiều* là dựa vào những câu Kiều mà đoán việc cũng là một dạng mê tín. *Sấm* là lời dự đoán có tính chất bí ẩn về sự kiện lớn trong tương lai có quan hệ đến đời sống một xã hội, một dân tộc, theo thuật số. *Sấm ký* và *bói toán* cùng thuộc thế giới tâm linh là khả năng biết trước một biến cố nào đó sẽ xảy ra đối với mình, với người theo quan niệm duy tâm. Trong thế giới tâm linh ở ta, Trạng Trình còn để lại

một tập *Sấm ký* với mấy chục giai thoại khá hấp dẫn có chỗ đến kỳ lạ khó tin do những câu chữ trong đó có cái trừu tượng ở cả thời gian và không gian. Gần đây, ở quê hương Trạng, nội cũng như ngoại, các bô lão lại nhắc tới lời tiên tri:

*Bao giờ Tiên Lãng chia đôi
Sông Hàn nổi lại thì tôi lại về.*

Và cho rằng hai câu này ứng với việc khơi lại con sông đào chia huyện Tiên Lãng, chiếc cầu phao mới bắc qua sông Hàn để đại biểu toàn quốc về thăm quê Trạng và đền thờ Trạng được trùng tu nhân Hội nghị khoa học Kỷ niệm 400 năm ngày mất của Trạng năm 1985 (*Tôi lại về!*). Tất cả những giai thoại này đã được chúng tôi đề cập đến trong quyển *Giai thoại và Sấm ký Trạng Trình*.

Tuy nhiên, chúng ta chỉ nên coi việc bói Kiều là một trò chơi xác suất, chứ không có gì thần bí cả. Nói về những cái bất ngờ thì ngay trong các câu Kiều cũng có *nhiều điều kỳ lạ đến khó tin như những câu sấm Trạng Trình*. Trong quyển *Từ lấy Kiều, đổ Kiều...* đến các giai thoại về, chúng tôi đã viết và nay xin nêu thêm:

Truyện Kiều luôn luôn hấp dẫn chúng ta, luôn luôn đem đến cho ta những điều mới lạ và độc đáo. Có người quá say mê đến trở thành mê tín. Họ đã *dò thử từng câu thơ trong Truyện Kiều* và xem số thứ tự của từng câu. Họ đã thấy gì và nói gì?

1. Ta hãy thử xem:

Câu 1930. Ngày pho thử tự, đêm nổi tâm hương

Năm 1930: Thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương và Tổng bí thư Trần Phú nung nấu bản *Luận cương chính trị của Đảng* để rồi năm 1931-1932, phong trào cách mạng bị khủng bố, Đồng chí bị kẻ thù bắt giam, ngược đãi tại nhà lao Chợ Quán và qua đời với câu Kiều:

1931. Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.

2. Rồi sau khi Cách Mạng Tháng 8 thành công thì lại có câu:

1946. Chúa Xuân để tội một mình cho hoa

Năm 1946: Pháp trở lại xâm lược Việt Nam và miền Nam tạm thời phải chịu "một mình" đau khổ để đến câu:

Câu 1975-1976. Dẫu rằng sông cạn đá mòn
Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ!

Bắc Nam luôn luôn gần bó, nước Việt Nam là một (Lời Hồ Chủ tịch: *Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng nước Việt Nam luôn luôn là một, chân lý đó không bao giờ thay đổi...*), năm 1975-1976, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và thành lập nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

3. Tất cả đều có vẻ khiên cưỡng. Nhưng điều bất ngờ và bất ngờ đến kỳ lạ là câu Kiều thứ 1954:

Câu 1954. Cấn rằng bể một chữ đồng làm hai.

Năm 1954: Ký hiệp định Giơnevơ tạm thời chia cắt đất nước làm hai miền, chờ *hiệp thương tổng tuyển cử* vào năm 1956 không thành với hai câu:

1955. *Thẹn mình đá nát vàng phai*

1956. *Trăm thân dễ chuộc một lời được sao!*

4. Đây là câu chuyện của ta, còn về phía địch thì sao? Năm 1971-1972, Mỹ buộc phải ký hiệp định Paris "cao chạy xa bay" rút quân khỏi Việt Nam, để mặc bọn ngụy trước sức tấn công như vũ bão của quân và dân ta, quan hệ giữa bọn thầy với tớ ấy thật đúng như câu Kiều số 1971-1972:

1971. *Liệu mà xa chạy cao bay,*

1972. *Ái ân ta có ngần này mà thôi!*

5. Lại đem câu Kiều mà xét với số phận của chính *Truyện Kiều*: Câu chuyện về *Truyện Kiều* và nàng Kiều cũng có người cho là lạ. Người khen đã nhiều mà người chê cũng lắm hết đợt này đến lần khác. Khen thì hết lời đưa đến tận mây xanh, nào *quốc hồn, quốc túy*... Mà chê bai, vùi dập thì xuống tận bùn đen đến mức gọi là *con đĩ Kiều*... Ở thế kỷ 19 chê Kiều là: Chu Doãn Trí, Nguyễn Công Trứ, Phan Văn Trị. Sang thế kỷ 20 là Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng đến Tản Đà. Rồi Mai Khê, Nguyễn Thiện Kế, Nguyễn Mạnh Bổng... đến Nguyễn Bách Khoa, Minh Tranh, Trần Đức Thảo... Sau biết bao sóng gió khen chê suốt hơn 150 năm để chỉ đến khi kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, Hội Đồng Hòa Bình thế giới và nhân dân ta tôn vinh Nguyễn Du là *Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào dân tộc* vào năm 1965, *Truyện Kiều* mới có vị trí xứng đáng ngày càng rạng rỡ như ngày nay, hoàn toàn hết cái cảnh *Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng*. Thực như ứng với câu Kiều thứ 1965:

1965. *Liệu bài mở cửa cho ra,
Ấy là tình nặng ấy là ân sâu.*

6. Ta lại còn có thể kể ứng với ngày Phụ nữ quốc tế 8-3 thì câu thứ 83 của *Truyện Kiều* lại là:

0083. *Đau đớn thay phận đàn bà
vân vân..... và vân vân...*

Những điều đó nói lên cái gì? Ít nhất cũng là ở chỗ người ta đã tìm cách khai thác *Truyện Kiều* ở bất kỳ khía cạnh nào có thể được để tìm ra những điều thú vị, trước hết là cho bản thân mình. Và còn nhiều câu khác nữa nhưng đó chỉ hoàn toàn là sự ngẫu nhiên trùng hợp mà thôi.

7. Như trên đã nói, câu Kiều thật đa nghĩa. Các nhà chính trị cũng đã dùng câu Kiều để thay điều muốn nói. Bác Hồ đã lấy Kiều trên 50 lần trong các bài viết và bài nói của mình. Ngay cả trong *Di chúc* Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân trước khi đi vào thế giới vĩnh hằng cũng có hai câu lấy Kiều:

*Còn non còn nước còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng gấp mười ngày nay.*

Tiếp Tổng thống Xucacnô, Bác đã hai lần lấy Kiều mà trong Lời tiễn Tổng thống tại sân bay Gia Lâm, Bác nói:

Thời gian Tổng thống lưu lại ở Việt Nam chúng tôi lần này quá ngắn ngủi! Nhưng vì Tổng thống đi vắng đã hơn 2 tháng, nhân dân Indônêxia vẫn chờ đợi lãnh tụ kính mến của họ một ngày dài như ba thu. Thật là:

2247. *Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
Trông mòn con mắt phương trời dăm dăm*

Vì vậy nhân dân Việt Nam không tiện yêu cầu Tổng thống ở lại với chúng tôi lâu hơn nữa... (Báo Nhân Dân ngày 30-6-1959)...

Còn Tổng thống Mỹ Clin-ton thì kết thúc bài *Đáp từ* tại buổi chiêu đãi của Chủ tịch nước ta Trần Đức Lương tối 17/1/2000, cũng nhắc đến một câu Kiều:

Nhân dân Hoa Kỳ vui mừng vì đã đến lúc chúng ta có thể trở thành đối tác. Như *Truyện Kiều* đã nói: "*Sen tàn cúc lại nở hoa, Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*". Nay những ký ức băng giá về quá khứ đã bắt đầu tan. Những phác thảo của một tương lai ấm áp chung đã bắt đầu hình thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tận hưởng mùa xuân mới này (Báo *Nhân Dân* ngày 18.1.2000).

Bác Hồ nhắc đến câu Thuý Kiều nhớ về Từ Hải, còn Tổng thống Mỹ Clin-ton lại đọc câu Kiều ở đoạn Thúc Sinh sắp về với Hoạn Thư mà sau đó là một trận đòn ghen ghê gớm. Như vậy câu Kiều nói hộ ta được nhiều điều mà nếu xét thêm những bất ngờ trùng hợp có thể có thì vẫn còn những điều để nói...



Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số câu tập Kiều đã được các nhà bói toán sử dụng để trả lời cho 18 đề mục đã trình bày ở trên (Mỗi đề mục có 15 câu trả lời).

* Cách thông thường nhất để bói Kiều là xin quẻ rồi tự mình nghiền ngẫm với hoàn cảnh của mình mà đoán định tương lai theo quyển *Truyện Kiều* in ở giữa sách này. Nếu cảm thấy khó hiểu hay có điều nghi ngại thì có thể xem cả đoạn hoặc bói lại.

* Trong 18 đề mục đã trình bày ở trên: Mỗi đề mục – có in ở Mục lục – đều có 15 đáp án.

Thí dụ, hỏi về việc *hôn nhân*, vợ chồng tốt hay xấu, thì tra mục 7. *Khôn*. Nếu xin được quẻ thứ hai thì đáp án thứ hai là:

Rằng hay thì thật là hay

Lúa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương

Nếu được quẻ thứ năm thì đáp án là:

Quản bao tháng đợi năm chờ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai ...

Trường hợp muốn hỏi việc đi thi đỗ hay trượt, ta lại xem mục 11. *Bính, Khoa đồ*. Nếu được quẻ thứ tư thì đáp án là:

Kim từ nhẹ bước thanh vân

Hoa xuân đương nhị nguyệt xuân còn dài

Nếu được quẻ thứ 11 thì đáp án là:

Nghe lời sửa áo cài trâm

Đã tin điều trước ắt nhằm điều sau...

TƯ LIỆU BÓI KIỀU

Mười tám đề mục Bói Kiều

CÁCH BÓI KIỀU

* Như trên đã nói, cách bói thông thường và dân dã là mượn một quyển Kiều, rồi tâm niệm điều ao ước, nổi băn khoăn và tin tưởng thành tâm (Có khi thắp hương khấn vái) đọc câu:

– “*Lạy vua Từ Hải,
lạy vãi Giác Duyên;
lạy Tiên Thúy Kiều,
con tên là... ở... xin được...
ba (hay mấy) câu đầu, cuối hoặc giữa trang*”...

Rồi mở một trang Kiều xin mấy câu trong *Truyện Kiều* (in sẵn trong sách này) để tự mình đoán định. Xem thêm mấy bài viết về *bói Kiều* ở phần III ở cuối sách để biết người Việt Nam ta đã bói Kiều như thế nào.

Để bói Kiều được hiệu quả, không nên xem bói Kiều như một trò giải trí, lúc nào cũng bói, mất thiêng. Chỉ khi nào trong lòng có những điều vướng mắc không giải thoát được mà khi bói phải thật thành tâm bởi bói Kiều mang hình thức của nét văn hóa tâm linh.

** Nếu dùng các đáp án ở đây, ta phải xem điều mình ước thuộc mục nào trong 18 đề mục nêu trên (và trong Mục lục) rồi xin lấy con số tương ứng. Chẳng hạn hỏi về đường công danh thì tra mục 2 – *Khảm*. Hỏi về đường con cái, tử tức thì tra ở mục 12 – *Đinh*... Sau khi xin quẻ, dở được trang nào thì tính tổng các

chữ số của trang để tìm con số tương ứng (được trang 83 thì cộng các chữ số có $8+3 = 11$, ta tìm quẻ thứ 11 trong mục đó – được trang 195 thì cộng các con số sẽ có $1+9+5 = 15$, ta tìm quẻ thứ 15 trong mục). Nếu cộng các chữ số vượt quá 15, thì chỉ lấy số hàng đơn vị, bỏ đi chữ số hàng chục, thí dụ mở được trang 199 ta có tổng các chữ số là $1+9+9 = 19$, ta chỉ lấy quẻ thứ 9 trong mục cần hỏi.

Cụ thể, đường công danh, mục 2 thì quẻ thứ 11 là:

*Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi...*

Quẻ thứ 9, mục 2 là:

*Năm mây bỗng thấy chiếu trời
Bấy giờ vượt biển ra khơi quản gì...*



1. CÀN (Niên vận: cả năm tốt hay xấu)

- 1) *Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.*
- 2) *Phận sao đành vậy cũng vậy
Hay là khổ tận đến ngày cam lai.*
- 3) *Xót vì cầm đã bén dây
Phận hèn dù rủi dù may tại người.*
- 4) *Những là nường nấu qua thì
Gỡ ra cho nợ còn gì là duyên.*
- 5) *Dù khi sóng gió bất tình
Liều bỏ mình giữ phận mình cho hay.*

- 6) Trùng phùng dầu họa có khi
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
- 7) Sao bằng lộc trọng quyền cao
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng dang.
- 8) Gửi thân được chốn am mây
Còn ngày nào cùng dư ngày ấy thôi.
- 9) Chân trời góc bể bơ vơ
Lắm người cho đến bây giờ mới thôi.
- 10) Ở ăn thì nết cũng hay
Hắn rằng mai có như vậy cho chăng.
- 11) Cười rằng đã thế thì nên
Xấu chàng mà có ai khen chi mình
- 12) Đường đường một đấng anh hào
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai
- 13) Huệ lan sức nức một nhà
Ấy là tình nặng ấy là ơn sâu.
- 14) Vả chẳng thần mộng mấy lời
Non vàng chưa dễ đến bồi tấm thương.
- 15) Sấm sanh lẽ vật rước sang
Một cười này hẳn nghìn vàng chẳng ngoa...

2. KHẨM (Công danh: Thăng bổ sớm hay muộn)

- 1) Trải qua một cuộc bể dâu
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi.
- 2) Phận rêu dầu vậy cũng dầu
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.

- 3) Nghe thôi kinh hãi xiết đâu
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng.
- 4) Bất tình nổi trận mây mưa
Kiếp phong trần đến bao giờ mới thôi.
- 5) Trông người lại ngẫm đến ta
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng.
- 6) Trăm năm trong cõi người ta
Một là đặc hiệu hai là đặc trưng.
- 7) Cười rằng cá nước duyên ư
Xót mình dãi gió dầm mưa đã nhiều.
- 8) Bấy chầy gió táp mưa sa
Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng.
- 9) Năm mây bỗng thấy chiếu trời
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì.
- 10) Tạ lòng lay trước sân mây
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.
- 11) Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi.
- 12) Rắp mong treo ấn từ quan
Phải cung rày đã sợ làn cây cong.
- 13) Mấy lời tâm phúc ruột rà
Lọ là thâm tạ mới là tri ân.
- 14) Trên vì nước dưới vì nhà
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.
- 15) Một niềm vì nước vì dân
Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.

3. CẤN (Tài lợi: Tiền của dồi dào hay hao hụt)

- 1) Hẳn ba trăm lạng kém đâu
Miêu sâu chưa trả nghĩa sâu cho vừa.
- 2) Trong tay sẵn có đồng tiền
Phủ nguyên sánh phượng đẹp duyên cưới rông.
- 3) Dạy rằng may rủi đã đành
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no.
- 4) Nợ tình chưa trả cho ai
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!
- 5) Khen cho những miệng rông dài
Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
- 6) Nổi mừng biết lấy chi cân
Phỏng tin được một vài phần hay không?
- 7) Hỡi ôi nói hết sự duyên
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian.
- 8) Cơ trời đâu bể đa đoan
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.
- 9) Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.
- 10) Mừng thầm cờ đã đến tay
Hoa chào ngõ Hạnh, hương bay dặm phần.
- 11) Rồi đây bèo hợp mây tan
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
- 12) Có trời mà cũng tại ta
Mình làm mình chịu ai mà kêu thương

- 13) Tắm thân rày đã nhẹ nhàng
Một cười này hẳn nghìn vàng chẳng ngoa.
- 14) Bao nhiêu của mấy ngày đàng
Tóc mây một món dao vàng chia đôi.
- 15) Gọi là gặp gỡ giữa đường
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.

4. CHẤN (Âm tín: Tin tức của một ai)

- 1) Bốn bề bát ngát xa trông
Tinh kỳ giục giã đã mong độ về.
- 2) Còn đương suy trước nghĩ sau
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
- 3) Xót người lưu lạc bấy lâu
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
- 4) Nhận từ quán khách lân la
Phòng không để đó người xa chưa về.
- 5) Dưới trăng quyên đã gọi hè.
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.
- 6) Lòng còn gửi áng mây Hàng
Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi
- 7) Tuần sau bỗng thấy hai người
Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham.
- 8) Nghe tin nở mặt nở mày
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần.
- 9) Đến nhà vừa thấy tin nhà
Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.

- 10) Trải bao thổ lặn ác tà
 Gia đồng vừa gửi thư nhà mới sang.
- 11) Hư không đặt để nên lời
 Điều này hẳn miệng những người thị phi.
- 12) Trở về minh bạch nói tường
 Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.
- 13) Lo gì việc ấy mà lo
 Một năm nữa mới thăm dò được tin.
- 14) Xin chàng liệu kíp tại nhà
 Cho người thấy mặt là ta cam lòng.
- 15) Hữu tình ta lại gặp ta
 Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.

5. TỐN (Tranh tụng: Kiện tụng được hay thua)

- 1) Ngại ngừng ngọn hỏi ngành tra
 Thua cơ mụ cũng cầu hòa dấm sao.
- 2) Nghĩ đà bưng kín miệng bình
 Rày lần mai lửa như hình chưa thông.
- 3) Tha ra thì cũng may đời
 Ngắn ngày thôi chớ dài lời làm chi.
- 4) Mặt sao dầy gió dạn sương
 Dơ tưởng nghĩ cũng kiếm đường tháo lui.
- 5) Thôi đừng rước dữ cầu hờn
 Có ta đây cũng chẳng cơn có gì.
- 6) Còn nhiều ân ái với nhau
 Xem tình ra cũng những màu đỏ dang.

- 7) Đêm ngày giữ mực giấu quanh
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười.
- 8) Cúi đầu quì trước sân hoa
Có nghe lời trước chớ dă lụy sau.
- 9) Phận bồ từ vẹn chữ Tòng
Ngoài thì là lý song trong là tình.
- 10) Lượng trên quyết chẳng thương tình
Thôi thì đẹp nỗi bất bình là xong.
- 11) Quyết ngay biện bạch một bề
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
- 12) Cùng nhau theo gót sai nha
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ.
- 13) Lửa tâm càng dập càng nồng
Cóm tay thêu dệt ra lòng treu người.
- 14) Đã đưa đến trước cửa công
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
- 15) Một lời thuyên đã êm dằm
Đã tin điều trước ắt nhằm điều sau.

6. LY (Bình an: Vận nhà bĩ hay thái)

- 1) Đã nên có nghĩa có nhân
Âm công cất một đồng cân đã già.
- 2) Nhìn xem đủ mặt một nhà
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
- 3) Một nhà sum họp trúc mai
Nghìn năm dằng đặc quan giai lần lần.

- 4) Người sao hiểu nghĩa đủ đường
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
- 5) Mãng vui rượu sớm trà trưa
Bàn vây điểm nước, đường tơ hoạ đàn.
- 6) Ai ngờ lại hợp một nhà
Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai.
- 7) Lời tan hợp, nổi hàn huyền
Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.
- 8) Vợ chồng chén tác chén thù
Kiếp này chẳng kéo đền bù mới xuôi.
- 9) Vinh hoa bỏ lúc phong trần
Bầu tiên chúc rượu câu thần nói thơ.
- 10) Hai tình vẹn vẻ hòa hai
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
- 11) Còn nhiều hưởng thụ về lâu
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì.
- 12) Huệ lan sức nước một nhà
Xuân già còn khỏe, huyền già còn tươi.
- 13) Việc nhà tạm đã thông dong
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
- 14) Cửa hàng buôn bán cho may
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.
- 15) Nạn xưa trút sạch lâu lâu
Duyên xưa tròn trận phúc sau dỗi dào.

7. KHÔN (Hôn nhân: Việc vợ chồng tốt hay xấu)

- 1) May thay giải cấu tương phùng
Trăm năm tạc một chữ Đồng đến xương.
- 2) Rằng hay thì thực là hay
Lúa đôi ai lại đẹp tây Thôi Trương.
- 3) Một lời đã biết đến ta
Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm.
- 4) Tiếc hoa không ngậm ngủi xuân
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn.
- 5) Quần bao tháng đợi năm chờ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
- 6) Sá chi liễu ngộ hoa tương
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh.
- 7) Gieo thoi trước chẳng giữ giàng
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
- 8) Rõ ràng thực lúa đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao.
- 9) Tình riêng chưa dám rả rã
Buộc chân thôi cũng xích thằng nhiệm trao.
- 10) Vì ai ngăn đón gió đông
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đôi phen.
- 11) Ví dù giải kết đến điều
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
- 12) Nhân khi bàn bạc gần xa
Sự mình cũng rắp lân la giải bày.

- 13) Một lời tuy có ước xưa
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì.
- 14) Nói càng hổ thẹn trăm chiều
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
- 15) Trai anh hùng gái thuyền duyên
Chữ Tình càng mặn, chữ Duyên càng nồng.

8. ĐOÀI (Thương mại: Buôn bán lãi hay lỗ)

- 1) Phong sương đượm vẻ thiên nhiên
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi.
- 2) Mặn nồng một vẻ một ưa
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
- 3) Muôn nghìn người thấy cũng yêu
Xâm xâm dề nẻo Lam Kiều lẫn sang.
- 4) Rằng mua ngọc đến Lam Kiều
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.
- 5) Một lời thuyền đã êm dầm
Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.
- 6) Thoắt buồn về thoắt bán đi
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh.
- 7) Những là nấn ná đợi tin
Hoài công nằng giữ mua gìn với ai.
- 8) Dưới trần mấy mặt làng chơi
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma.
- 9) Cò kè bớt một thêm hai
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng.

- 10) Quan phòng then nhật lưới mau
Trước là vữa vốn còn sau thì lời.
- 11) Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Này trong khuê các đâu mà đến đây.
- 12) Cùng trong một tiếng tơ đồng
Dem vào để đó lộn sông ai hay.
- 13) Xương mai tính đã rữ mòn
Mình thâm được mối bán buôn có lời.
- 14) Nghìn vàng gọi chút lễ thường
Tóc mây một món dao vàng chia đôi.
- 15) Người một nơi hỏi một nơi
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.

9. GIÁP (Thiên di: Đối đời êm hay động)

- 1) Mượn điều trúc viện thừa lương
Tính sao cho vẹn mọi đường thì vàng.
- 2) Khi ăn ở, lúc ra vào
Xưa sao sâu thăm, nay sao vui vầy.
- 3) Lòng riêng mừng sợ khôn cầm
Ở đây hoặc có giai âm chẳng lìa.
- 4) Công tư vẹn cả hai bề
Túi đàn cặp sách để huê dọn sang.
- 5) Hỏi nhà, nhà đã đời xa
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.
- 6) Quần chi lên thác xuống ghềnh
Khuôn thiêng lừa lọc đã đành có nơi.

- 7) Nơi gần thì chẳng tiện nơi
Ngập ngừng nàng mới tìm lời giải khuyên.
- 8) Người quen thuộc kẻ xung quanh
Hãy xin báo đáp ân tình cho phụ.
- 9) Biết bao công mướn của thuê
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.
- 10) Hỏi thăm đi trú nơi nao
Rẽ mây trông tổ lối vào Thiên Thai.
- 11) Ở đây âm khí nặng nề
Thành thân rồi sẽ liệu về cố hương.
- 12) Bước ra một bước một dừng
Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi.
- 13) Sinh rằng riêng tưởng bấy lâu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.
- 14) Ở đây tai vách mạch rừng
Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua.
- 15) Chung quanh những nước non người
Thấy trắng mà then những lời non sông.

10. ẤT (Tật bệnh: Bệnh nặng hay nhẹ)

- 1) Trùng sinh ơn nặng bể trời
Cõi trần mà lại thấy người cầu nguyên.
- 2) Sự rằng cũng chẳng hề chi
Đã tu, tu trót qua thì thì thôi.
- 3) Ăn năn thù sự đã rồi
Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay.

- 4) Mặt nhìn mặt càng thêm tươi
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
- 5) Xuân huyền lo sợ xiết bao
Họa dần dần bớt chút nào được chăng.
- 6) Những là lạ nước lạ non
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
- 7) Kẻ thang người thuốc bởi bởi
Non vàng chưa dễ dền bởi tấm thương.
- 8) Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau
Nói lời trước mặt rồi châu vắng người.
- 9) Nỗi niềm tưởng đến mà đau
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm.
- 10) Thuốc thang suốt một ngày lâu
Cười rằng tri kỷ trước sau mấy người.
- 11) Sắn bìm chút phận con con
Lần lữa ai biết hầy còn hôm nay.
- 12) Sen tàn cúc lại nở hoa
Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho.
- 13) Độ sinh nhờ đức cao đầy
Sống thừa còn tưởng đến rầy nửa sao.
- 14) Nào hay chưa hết trần duyên
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.
- 15) Lại càng mê mẩn tâm thần
Đã xoay đến thế còn vẩn chưa tha.

11. BÍNH (Khoa đồ: Đi thi đỗ hay trượt)

- 1) Ngập ngừng then lục e hồng
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.
- 2) Vâng trình hội chủ xem tường
Thì trao giải nhất chi nhường cho ai
- 3) Dắt tay vội rước vào nhà
Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau.
- 4) Kim từ nhẹ bước thanh vân
Hoa xuân đương nhị ngày xuân còn dài.
- 5) Chế khoa gặp hội tràng văn
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
- 6) Bây giờ tỏ mặt đôi ta
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
- 7) Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi
Hoa quan chấp chới hà y rõ ràng.
- 8) Đều là sa sút khó khăn
Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.
- 9) Nền phú hậu bậc tài danh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.
- 10) Mới hay tiền định chẳng lầm
Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai.
- 11) Nghe lời sửa áo cài trâm
Đã tin điều trước ắt nhằm điều sau.
- 12) Cửa trời rộng mở đường mây
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.

- 13) Giận duyên tử phận bởi bởi
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
- 14) Cùng nhau trông mặt cả cười
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.
- 15) Tấm thân rày đã nhẹ nhàng
Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai.

12. ĐINH (Tử tức: Đường con cái)

- 1) Rằng con biết tội đã nhiều
Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
- 2) Một trai con thứ rớt lòng
Chút thân bồ liễu còn mong có rày.
- 3) Khen tài nhả ngọc phun châu
Chầy chằng là một năm sau vội gì.
- 4) Đến bây giờ mới thấy đây
Tắc riêng như cắt gánh đầy đồ đi.
- 5) Chắc rằng mai trúc lại vầy
Mình nào lại quá mình này nữa chằng.
- 6) Bóng nga thấp thoáng dưới màn
Ngẫm cơ hội ngộ đã đành hôm nay.
- 7) Có khi vui miệng vui cười
Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na
- 8) Tông đường chút chứa cam lòng
Đổi thay nhận yến đã hồng đầy niên.
- 9) Xót con lòng nặng chề chề
Chàng càng thêm nề thêm vì mười phân.

- 10) Càng trông mặt càng gần
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
- 11) Ông bà trông mặt cầm tay
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.
- 12) Đành lòng chờ đó ít lâu
Đúng trông chàng cũng trở sầu làm tươi.
- 13) Thôi con còn nói chi con
Đền khuya chung bóng trăng tròn sánh vai.
- 14) Mụ càng tô lục chuốt hồng
May ra khi đã tay bằng tay mang.
- 15) Lăn lăn thỏ bạc ác vàng
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.

13. MẬU (Xuất hành: Ra đi may, rủi)

- 1) Rằng trăm năm cũng từ đây
Bi hoan mấy nỗi đêm chảy trắng cao.
- 2) Buộc yên quấy gánh vôi vàng
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.
- 3) Tiễn đưa một chén quan hà
Tấm lòng thương nhớ biết là có người.
- 4) Nhớ ơn chín chữ cao sâu
Chân trời cố quốc biết đâu là nhà
- 5) Trông lên mặt sắt đen sì
Quan san ngàn dặm thể nhi một đoàn.
- 6) Đoạn trường thay lúc phân kỳ
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn.

- 7) Còn điều chi nữa mà ngờ
Đám xa xôi mặt mà thua thót lòng.
- 8) Ngại ngừng dọn gió e sương
Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà.
- 9) Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau.
- 10) Ngoài nghìn dặm chốc ba đông
Nghe chim như nhấc tấm lòng thân hôn.
- 11) Nửa năm hương lửa đương nồng
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.
- 12) Thương nhau xin nhớ lời nhau
Khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi.
- 13) Lại đây xem lại cho gần
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
- 14) Dặm hồng bụi cuốn chinh an
Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời.
- 15) Tính rằng mặt nước chân mây
Mình nào lại quá mình này nữa chẳng.

14. KỶ (Truyện tâm: Tìm kiếm thấy hay mất)

- 1) Đây đây sự đã quả nhiên
Cũng người một hội một thuyền đầu xa.
- 2) Trước thầy sau tớ lao xao
Nọ nghe rằng có con nào ở đây.
- 3) Nguyên người quanh quất đầu xa
Cũng trong thân thiết ruột rà chẳng ai.

- 4) Bấy giờ ai lại biết ai
Cậy tay thấy thợ mượn người dò la.
- 5) Hàn gia ở mé tây thiên
Rêu trùm kẽ gạch cỏ len mái nhà.
- 6) Rằng sao nói lạ lòng thay
Không đường chưa dễ mà bay đường trời.
- 7) Rõ ràng của dẫn tay trao
Gần đây nào phải người nào xa xôi.
- 8) Xót người lâu lạc bấy lâu
Bóng chim tăm cá biết đâu mà tìm.
- 9) Người còn thì của hãy còn
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.
- 10) Xót nàng chút phận thuyền quyền
Trong khi ngộ biến tông quyền biết sao.
- 11) Quanh co theo giải giang tân
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
- 12) Mặt nhìn ai nấy đều kinh
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
- 13) Mất người còn chút của tin
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay.
- 14) Phải điều cầu Phật cầu Tiên
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
- 15) Rằng: Trong tác hợp cơ trời
Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ.

15. CANH (Ưu tư: Lo sợ lành, dữ)

- 1) Thang mây đón bước ngon tường
 Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu.
- 2) Thương tình con trẻ thơ ngây
 Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình.
- 3) Tiếc thay trong giá trắng ngần
 Lạc đàn mang lấy nợ nần yếm anh.
- 4) Cội xuân tuổi hạc càng cao
 Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn.
- 5) Gạn gùng ngành ngọn cho tường
 Để rò rốn bể khôn lường đáy sông.
- 6) Lần lần tháng trọn ngày qua
 Miệng người đã lẩm tin nhà thì không.
- 7) Chên chên bóng nguyệt xế màn
 Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai.
- 8) Được rày tái thế tương phù
 Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi.
- 9) Ngổn ngang trăm mối bên lòng
 Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.
- 10) Thương ôi tài sắc bậc này
 Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
- 11) Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người
 Còn ra khi đã da mồi tóc sương.
- 12) Về chi một mảnh hồng nhan
 Hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình.

- 13) Mây ai trắng mới in ngần
Lại mang lấy tiếng dừ gần lành xa.
- 14) Còn duyên may lại còn người
Trong cơ âm cực đường hồi khôn hay.
- 15) Xem qua sư mới dạy qua
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.

16. TÂN (Thám yết: Đi thăm có được gặp hay không)

- 1) Tình nhân lại gặp tình nhân
Lời tan hợp chuyện xa gần thiếu dẫu.
- 2) Làn thu thủy nét xuân sơn
Bóng hoa đầy đất vẻ ngân ngang trời.
- 3) Thờ ơ gió trúc mưa mai
Mưa vui cũng được một vài trống canh.
- 4) Ngày vui ngắn chẳng tày gang
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên.
- 5) Tàng tàng chén cúc dở say
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên.
- 6) Cửa thiền vừa cũ cuối xuân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
- 7) Lơ thơ tơ liễu buông mành
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
- 8) Bước lữ theo ngọn tiểu khê
Thảo am đó cũng gần kẻ chẳng xa.
- 9) Dập dìu tài tử giai nhân
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

- 10) Dùng dăng nửa ở nửa về
Hàn huyền vừa cạn mọi bề gần xa.
- 11) Bỗng đâu lại gặp một người
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không.
- 12) Bóng tàu vừa lạt về ngân
Lông buông tay khấu bước lần dặm băng.
- 13) Thôi đà mắc lặn thì thôi
Trước hàm rồng cá gieo mỗi thuyề tinh.
- 14) Khi nên trời cũng chiều người
Hai bên gặp gỡ một lời kết giao.
- 15) Lần lần tháng trọn ngày qua
Miệng người đã lấm tin nhà thì không.

17. NHÂM (Kỹ nghệ: Nghề nghiệp thành hay bại)

- 1) Tình cờ chẳng hẹn mà nên
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
- 2) Trăm năm tính cuộc vương tròn
Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ.
- 3) Người nách thước kẻ tay đao
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.
- 4) Rủi may âu cũng sự trời
Thế nào xin quyết một bài cho xong.
- 5) Bầy hàng cổ xuý xôn xao
Về nào chẳng mặn nét nào chẳng ươ.
- 6) Xem thơ nức nở khen thâm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.

- 7) Cung thương lâu bậc ngũ âm
Giá đành tú khẩu cấm tâm khác thường.
- 8) Sương in mặt tuyết pha thân
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
- 9) Nàng rằng đã quyết một bề
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay.
- 10) Dẫu rằng sông cạn đá mòn
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.
- 11) Làm cho trông thấy nhân tiên
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.
- 12) Bây giờ sự đã vẹn toàn
Một lời quyết hẳn muôn vàn kính thêm.
- 13) Lựa chi những khúc tiêu tao
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong.
- 14) Sự rằng phúc họa đạo trời
Tái sinh trần tạ lòng người từ bi.
- 15) Lòng riêng mừng sợ khôn cầm
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là.

18. QUÝ (Tâm sự: Tình riêng có toại nguyện hay không)

- 1) Trong khi chấp cánh liền cành
Đạo tông phu lấy chữ Trinh làm đầu.
- 2) Lệnh quan ai dám cãi lời
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
- 3) Trăng thề còn đó trơ trơ
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai.

- 4) Hổ sinh ra phận thợ đào
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cằn.
- 5) Chứng minh có đất có trời
Hai bên gặp gỡ một lời kết giao.
- 6) Sấm Thương chẳng vẹn chữ Tòng
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi.
- 7) Tấm thân rày đã nhẹ nhàng
Mà lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân.
- 8) Có khi biến có khi thương
Ngồi chờ nước đến xem đường còn quê.
- 9) Trăng già độc địa làm sao
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.
- 10) Nghe càng đắm ngấm càng say
Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành.
- 11) Chị sao phận mỏng phúc dày
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm
- 12) Nghĩ đời mà ngán cho đời
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
- 13) Thừa công đức ấy ai bằng
Khôn ngoan rất mực nói năng phải lời.
- 14) Những là phiền muộn đêm ngày
Thôi thôi ta đã mất tay ai rồi.
- 15) Dịp đầu may mắn lạ dường
Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.

Phụ lục BÓI KIỀU QUA BÁO CHÍ

1. SAU CUỘC KHỞI NGHĨA YÊN BÁI:

ĐẦU NĂM NGUYỄN THÁI HỌC BÓI KIỀU

PHONG CẨM

Sau cuộc khởi nghĩa thất bại ở Yên Bái, Hưng Hóa, Lâm Thao (9,10-2-1930), một số các nhà cách mạng Việt Nam Quốc Dân đảng chạy về miền xuôi, mạn ngược để trốn tránh sự lùng bắt của thực dân Pháp.

Lúc bấy giờ hương vị của ngày xuân đầm ấm hãy còn tràn ngập tâm hồn của người dân Việt, nhưng âm thầm có một nhóm người *nào có biết xuân là gì*. Đêm nay đúng là đêm mừng 2 Tết Canh Ngọ, Nguyễn Thái Học, Cô Giang, Ký Con, Chánh Tôn, Lương Ngọc Tồn, Vũ Hoàng, tất cả sáu người trốn về xã Hùng Thắng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, ẩn mật trong nhà một đồng chí tá điền.

Đêm xuân, họ dừng chân lại đây cốt tạm nghỉ bước gian nan để tránh sa vào lưới bẫy kẻ thù, mà cũng để bàn định lại kế hoạch cho ngày mai, họ không tin rằng cuộc cách mạng đã bùng nổ có thể tan rã khi mà họ còn ở ngoài vòng kiềm tỏa. Người vững niềm tin nhất có thể là đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Nhưng giữa một đêm xuân gợi nhớ như đêm nay, các nhà cách mạng không tránh khỏi đôi chút ngậm ngùi để lòng luyến nhớ đến gia đình thân quyến.

Giờ này những người thân yêu của họ ở đâu làm gì? Có được đoàn tụ với họ hàng thân thích dưới mái nhà xưa, hay cũng trải qua cảnh lạc loài buồn thương như họ?

Đã sang nửa đêm, trời lạnh, mọi người trần trọc không ai ngủ được. Ngọn đèn dầu xung quanh họ khi mờ khi tỏ bập bùng như một ảo ảnh cuộc đời. Buồn quá, rồi để xua đuổi mối tình tư gia làm mềm yếu lòng mình, Nguyễn Thái Học trùm chăn ngồi dậy vặn to ngọn đèn, pha trà để uống. Các bạn Học cũng ngồi dậy, có cái gì vướng víu nơi lòng làm họ không chợp mắt được.

Có người đề nghị nên đánh tam cúc để giết thời giờ. Một vài anh em đồng ý, còn Học thì thản nhiên ngồi uống trà đoạn với tay lên án lấy quyển *Truyện Kiều* để ngâm những vần thơ tuyệt tác của thi nhân.

Lật qua lật lại vài trang, chẳng biết nghĩ sao Nguyễn Thái Học nhìn xung quanh rồi bảo các bạn mình:

– Đầu năm, mỗi người chúng ta cũng nên thử bói một quẻ Kiều...

Một hai đồng chí phá lên cười:

– Ái dà, làm cách mệnh mà cũng tin bói toán nữa à?

Nghe tiếng cười, cô Giang từ trong một ổ rơm bò ra hỏi:

– Các anh vui gì mà ồn lên thế?

Một đồng chí trẻ Nguyễn Thái Học rồi đáp:

– Anh Cai (biệt danh của Học) đòi bói Kiều.

Ký Con đang nằm, vùng trời dậy:

– Bói thì bói.

Thế là các nhà cách mạng xúm xít vây quanh ngọn đèn dầu. Các đồng chí đồng ý nhường cho Học bói trước.

Nguyễn Thái Học ngồi xếp bằng. Hai tay ấp lấy quyển Kiều trang trọng nâng lên ngang mặt như người lễ Phật, miệng lâm râm khấn vái:

– Hải Dương tỉnh, Nam Sách huyện, Hùng Thắng xã, Canh Ngọ niên, chính nguyên sơ nhất nhật, tôi là Nguyễn Thái Học quê làng Thổ Tang, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên... lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy Vương Thúy Kiều, lạy chàng Kim Trọng, lạy chư vị...

Lương Ngọc Tốn chợt xen vào:

– Đừng lạy chư vị lâu xanh nhé!

Đoàn Trần Nghiệp tức Ký Con thích chí phá lên cười. Nguyễn Thái Học nghiêm mặt quay sang bảo:

– Các anh đừng đùa hầy để tôi khấn nốt. Thế rồi anh lại tiếp: lạy chư vị trong truyện xin cho tôi bói một quẻ, lấy 4 câu về trang tả, có lành ứng lành, có dữ ứng dữ...

Khấn xong, hai tay Học mở lấy quyển Kiều đưa ra trước ánh đèn, đọc to lên:

2015. *Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.*

2017. *Liệu đường cao chạy xa bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi.*

Nguyễn Thái Học vừa dứt lời, Lương Ngọc Tốn vội vớ lấy quần áo chạy ra cửa. Các đồng chí nhìn Tốn ngơ ngác hỏi:

–Ồ, anh chạy đi đâu?

Lương Ngọc Tồn bảo:

- Ngụy đến nơi rồi. Ta chạy đi, quẻ bói bảo rằng hùm đang há miệng, liệu mà xa chạy cao bay.

Ký Con phải kéo Lương Ngọc Tồn lại và cố trấn tĩnh mới lấy lại được sự thăng bằng trong người đồng chí bạn.

Cuộc bói Kiều lại tiếp tục. Đến lượt Vũ Hoằng nhà cách mạng cùng quê với Phó Đức Chính. Sau khi khẩn xong, Hoằng mở quyển Kiều ra chọn bốn câu:

3019. *Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm.*

3021. *Tính rằng sông nước cát lồi,
Kiếp này ai lại còn cầm gậy đây!*

Quẻ bói trước và quẻ bói này cùng một điềm dữ. Tuy không tin nhảm mà trên gương mặt các nhà cách mạng cũng thoáng hiện nét buồn. Cô Giang lặng nhìn người yêu là Nguyễn Thái Học rồi nhìn các đồng chí với một vẻ thần thờ chưa từng thấy. Ký Con lẳng lặng cầm quyển Kiều ném lên bàn rồi bảo:

- Hơi đâu bận tâm với những cái mê tín dị đoan.

Và giục Học với các đồng chí nên đi ngủ để lấy lại sức khỏe hầu đối phó với kẻ thù hung bạo đang rình rập khắp nơi.

Đêm mừng hai Tết năm ấy trôi qua trong sự lặng lẽ, và những ngày gian khổ kế tiếp trôi qua. Sáu nhà cách mạng dừng lại ở Hùng Thắng, chỉ sống một đêm xuân đoàn tụ rồi phân tán mỗi người một nơi, tiếp tục xây dựng lại sự nghiệp cách mạng đã đổ nát: cô Giang trở về Bắc giang,

Ký Con lạc vào Nam Định, Lương Ngọc Tốn đến Hải Phòng, để rồi lần lượt rơi vào lưới rập của thực dân Pháp.

Họ bị đưa về Hỏa lò Hà Nội được ít lâu thì đến lượt Nguyễn Thái Học. Sau khi chia tay các đồng chí, Học còn ở lại Hải Dương để tiếp xúc với các nhà cách mạng ở hải ngoại về, định đưa Học sang Tàu ẩn mật một thời gian vì lúc bấy giờ Học bị lòng bắt ráo riết, thực dân đã ra giải thưởng về cái đầu của Học. Đáng lẽ, biết rõ thời thế Học nên xuất ngoại, nhưng vì quá tự tin vào sức lực mình, coi nhẹ cái chết, Học không chịu xuất dương.

Một hôm cải trang làm phu mỏ trốn qua Phả Lại, khi đến ấp Cổ Vịt, Nguyễn Thái Học bị vây bắt đưa về Hỏa lò Hà Nội, để ra trước Hội đồng Đề hình.

Tháng 6 năm 1930, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí bị đưa lên đoạn đầu đài ở Yên Bái. Cô Giang cũng đến Yên Bái chứng kiến cái chết của chồng rồi về Thổ tang dùng súng lục tự tử chết theo Học dưới gốc cây đa.

Đến nay, đã hai mươi mấy năm, câu chuyện đầu năm bói *Kiểu* của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học thỉnh thoảng vẫn còn được nhắc nhở ở miệng các nhà cách mạng còn sống sót. Tin nơi bói toán hay không đó là thuộc quyền tự do tín ngưỡng của mọi người, sở dĩ chúng tôi thuật lại chuyện này, không khác gì hơn nêu ra đây một giai thoại trong cuộc đấu tranh cách mạng.

(Tập chí *Phổ Thông*, số 52, ngày 1.3.1961)



2. NGÔ ĐÌNH DIỆM BÓI KIỀU

ĐỒ TOI

Người ta đồn họ Ngô có nuôi ít nhất hai thầy bói. Họ nói họ Ngô cần phải bói hoài hoài, vì không lúc nào họ Ngô không nơm nớp lo sợ; rồi họ kể nhiều chuyện nghe vui vui, tuy không bảo đảm là đúng sự thật. Chẳng hạn như chuyện sau đây. Ngày nọ cây cột cờ gãy ở trước dinh Độc Lập, cả nhà lấy làm âu lo, không biết dòng họ mình bữa nào sẽ gãy theo đây? Vậy thì hỏi thầy bói. Nhiều quẻ có vẻ hay mà họ Ngô ta không trọn tin. Nghe có một ông di cư chuyên môn bói Kiều tài lắm, cho đòi thầy bói vào; cụ ta bói nhằm câu:

1641. *Dưới hoa dầy lũ ác nhân,
Ầm ầm khóc quỷ kinh thần mọc ra.*

Ông di cư thở ra, lo sợ: đây là một quẻ xấu số vô cùng, mà phải bàn làm sao cho êm tai cụ đây? Ông ta ngâm cam. Cụ cứ giục. Riết ông ta phải nói rằng: sẽ có một bọn Khuyển Ưng dậy lên áp đảo chính quyền, tấn công họ Ngô. Lời thật mất lòng, nên ông ta vô khám.

Không bao lâu, quả nhiên dinh Độc Lập bị tấn công, nhưng họ Ngô vô hại. Bấy giờ họ Ngô tuy vậy vẫn còn lo sợ cho một cuộc đảo chánh sẽ tới, chợt nhớ lão thầy bói Kiều, bèn hạ lệnh đem thầy ta từ khám Chí Hòa ra dinh Độc Lập bói cho một quẻ nữa. Kỳ này cụ Ngô bói nhằm câu:

0403. *Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên dùng bút thảo và bốn câu.*

Ngẫm nghĩ hồi lâu, thầy di cư ta than thở:

– "Thôi phen này con lại phải đi xa!".

Cụ Ngô liền hỏi:

– "Sao mi không bói mà định đi đâu xa?".

Thầy bói ta khép nép thưa: – "Bẩm cụ, con nói ra thì tức khắc con phải từ giã Chí Hòa mà ra Côn Đảo!".

– "Mi ăn nói thế nào? Thấy quẻ ứng thế nào thì cứ bàn ngay thế ấy!".

Thầy ta run rẩy đáp: – "Bẩm cụ, kỳ trước bọn ác nhân từ dưới đất mọc ra, nghĩa là bộ binh tấn công dinh Độc Lập. Kỳ này bọn họ từ trên trời tấn công xuống. Vì nàng Kiều đã mách: *Tay tiên gió táp mưa sa... khoảng trên*. Đó tức thị là từ trên trời, chúng sẽ thả bom như mưa xuống dinh".

Cụ ta nghe hoảng hồn:

– "Mà mi xem có thiệt hại chi không hề?"

– "Con thấy thì không đến nỗi nào, vì nàng Kiều bảo rằng: *Khoảng trên đừng bứt*, nghĩa là chúng nó bỏ bom nửa chừng rồi dừng lại: chúng nó bỏ chừng ba bốn trái rồi thôi".

– Rồi hậu quả thế nào?

– Đây là nói chuyện nàng Kiều đề thơ lên bức tranh của Kim Trọng, làm cho bức tranh thêm hay lên, khiến Kim Trọng phải: *"Khen tài nhả ngọc phun châu, Nàng Ban a Tạ cũng đâu thế vậy"*. Vậy thì rốt cuộc chẳng có thiệt hại gì, trái lại còn thêm danh tiếng uy thế cho cụ.

Thầy bói lại trở về Chí Hòa, may khỏi ra Côn Đảo. Không bao lâu, quả thật dinh Độc Lập bị bỏ bom, mà họ Ngô không chết một ai, làm cho thiên hạ đồn tung là họ Ngô lớn mạng, chưa tới số.

Họ Ngô bị sập nhà, dọn qua dinh Gia Long ở, mà lòng chưa yên. Thầy bói Kiều bị đòi ra thêm lần nữa. Chuyến này cụ chấm một hồi sáu câu Kiều:

1131. *Một đoàn đồ đến trước sau,
Vuốt râu xuống đất, cánh râu lên trời?*

1133. *Tú Bà tốc thẳng đến nơi,
Hăm hăm áp điệu một hơi đến nhà.*

1135. *Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Dang tay vui liễu dập hoa rơi.*

Ông di cư liền sụp xuống lạy cụ. Cụ không hiểu, hỏi:

– "Mi làm trò gì thế? Sao không bàn xem nào hề?"

– "Dạ con không dám ạ!"

– "Ta bảo hung thì nói hung, kiết thì nói kiết".

– "Bẩm cụ, đây là cuộc nổi dậy thứ ba: người ta bảo cụ có đào hầm từ dinh Gia Long này ra phố Lê Thánh Tôn, nhưng dầu có quả thế chẳng nữa, cụ cũng không tài nào thoát ngõ đường hầm được, vì nàng Kiều đã bảo: Vuốt râu xuống đất, kia mà. Còn lên trực thăng cũng chả xong, vì nàng Kiều đã dạy: Cánh râu lên trời!"

– "Thế là ta sẽ bị bọn giặc vây bắt hỉ?"

– "Kể đến bắt cụ có lẽ là một sĩ quan, cấp tá, vì nàng Kiều bảo là Tú Bà, nói lái lại là Tá bù".

Cụ ta xanh mặt, lo sợ hỏi:

– "Rồi kết cục thế nào?"

– "Hai câu cuối cùng:

*Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Dang tay vui liễu dập hoa rơi*

Thế là bọn giặc sẽ áp đến bắt cụ, rồi sẽ không cần mang ra tòa án tra tấn, chúng nó sẽ thủ tiêu; Cụ sẽ thiệt mạng, như nàng Kiều đã phải tự sát vậy".

Sau kỳ bói này thầy ta ôm chiếu ra Côn Lôn, đến sau ngày 1-11-1963 mới trở về với vợ con.

(*Bình Minh*. Số đặc biệt – Số 76 Bis. Trg 12,15)

*

3. ĐẦU NĂM XIN QUÊ NÀNG KIỀU

KHÁNH CHI

Tôi không còn nhớ nổi bắt đầu từ khi nào gia đình tôi có tập tục *bói Kiều* vào ngày đầu năm mới. Chỉ có điều cùng với tuổi con gái, cùng với vui buồn thơ ngây, mộng mơ lãng mạn của một thuở nép dưới bóng cha mẹ đều có hình ảnh sáng mờng một tết mấy chị em tôi xúng xính áo mới ngồi trên chiếc ghế salon phòng khách để nghe cha tôi thì thầm khẩn vái: "Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều"...

Cả nhà tôi chẳng có ai mê tín, chẳng có ai đi xem bói toán, thậm chí cũng chẳng ai xem chỉ tay, chỉ chân... Thế nhưng đầu năm mới nào, gia đình tôi cũng *bói Kiều*. Ba tôi là giáo viên dạy văn, lại là một người làm thơ, chữ nghĩa, không phải chỉ là việc bói toán để nghe những điều về vận mệnh, tương lai. Mà nó là một cái gì trong sạch, thiêng liêng của hồn văn chương chữ nghĩa đối với một gia đình làm văn. Có lẽ vì vậy mà chúng tôi không sợ buồn, không sợ xui trong những ngày nhà nhà đầy kiêng cử như thế. Sau này tôi lớn lên, khi kể chuyện gia đình mình hay *bói*

Kiều ngày mồng một, nhiều người bảo: – *Truyện Kiều* câu nào cũng buồn, câu nào cũng trắc trở, bói làm chi cho nó mất vui đầu năm.

Thế nhưng không hiểu tại sao, trong gia đình tôi, điều đó chưa từng xảy ra. Tuổi con gái hồn nhiên trong trẻo của chúng tôi chưa từng bắt vào những câu Kiều buồn. Có chăng chỉ là những câu răn dạy, chỉ dạy cái cách sống, lễ chiêm nghiệm, lễ hiểu, lễ cảm mọi buồn vui, được mất mà thôi. Phải chăng nàng Kiều linh ứng lắm thật. Nếu không lớp người xưa đã không có ý nghĩ đến chuyện bói sự đời, vận mạng, tình yêu... bằng Kiều.

Chẳng phải lúc nào, trong tuổi thơ ấy, chúng tôi cũng có thể hiểu hết được những câu Kiều. Như cha tôi thường bảo:

– “Kiều hay lắm, trong mỗi câu đều có số phận, có cuộc đời. Nên người xưa mới lấy Kiều ra để mà bói”.

Và vì vậy, có khi những buổi sáng mồng Một Tết của gia đình tôi lại trở thành những buổi bình giảng văn chương của cha tôi. Sau khi chúng tôi cùng khấn thầm xin vua Từ Hải, vãi Giác Duyên, tiên Thúy Kiều để lật một trang Kiều, xin bao nhiêu câu, bao nhiêu dòng, cha tôi bắt đầu ngâm nga những câu Kiều của mỗi người bắt được. ông giảng tới bối cảnh của câu thơ, của Kiều khi đó, sau này, rồi ông bàn rộng ra về cái điểm báo cho tương lai trong năm của mỗi người. Kiều là hiếu nghĩa, là thủy chung, là tài hoa, là những lễ triết lý sâu xa của tài sắc, của số phận, nên cha tôi giảng vòng vòng rồi cũng rút cho chúng tôi những bài học hay, những răn dạy hay để mà suy nghĩ đầu năm trước

bàn thờ tổ tiên, trước cái không khí trang trọng thiêng liêng của một năm mới bắt đầu.

Năm tôi 16 tuổi, các bạn gái của tôi, của chị hai tôi cũng mê được cha tôi *bói Kiều*, giảng Kiều, những ngày đầu năm, họ kéo nhau đến nhà tôi để được mừng tuổi, ngồi cắn hạt dưa và khép nép nghe cha tôi ngâm Kiều. Mãi sau này, khi chúng tôi đã trưởng thành, đã bước vào đời và mỗi đứa có một số phận, cha tôi mới nhắc lại chuyện của từng đứa ngày xưa. Cha tôi bảo cái khí sắc tương lai của các cô gái đã hiện lên trên nét mặt từ thuở ấy, nên bắt được câu Kiều nào, cha tôi cố giảng cho trúng cái thần khí ấy, kẻ thanh tao, người u buồn, kẻ vô tư, người đa cảm...

Tôi còn nhớ ngày xưa trong số bạn bè của chị tôi có một người con gái đẹp. Chị là con gái nhưng lại thối sáo rất hay, thích làm thơ và rất lãng mạn. Ước mơ thời con gái của chị là sẽ yêu một tướng cướp, rồi cảm hóa con người đó, đưa người yêu về với cuộc sống lương thiện. Chị vấp nặng trong mối tình đầu vì những mơ mộng không thực tế của mình. Năm ấy đến *bói Kiều* ở nhà tôi, chị bắt được câu:

2655. *Sự rằng: Phúc họa đạo trời.*

Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.

2657. *Có trời mà cũng tại ta.*

Tu là cội phúc tình là dây oan.

Cha tôi giảng cho chị những gì tôi không nhớ, chỉ thấy nước mắt chị chảy hai hàng, nhưng khuôn mặt cũng dần dần nhẹ nhõm, bừng sáng. Sau này, chị em tôi thắc mắc, cha bảo:

- "Miễn con người hiểu được nguồn cơn những họa phúc của mình thì lòng cũng thanh thản hơn nhiều".

Nhiều năm sau này, khi đã trở thành người vợ, người mẹ, không phải là sự đầy đủ trọn vẹn, nhưng có lần chị nhắc: chị hiểu được ý nghĩa của mọi sự chấp nhận và vui sống với lẽ đời từ ngày nghe cha tôi giảng hai chữ "đạo trời" ấy.

Những năm tháng tôi xa nhà đi học ở Liên Xô, hành trang bí mật mang theo người, tôi không nói cha mẹ biết là cuốn *Truyện Kiều* mới tinh. Những sáng mồng một đầu năm nơi quê người, khi ngoài trời tuyết rơi trắng xóa, tôi cũng thấp nhang, lăm rằm khấn vái rồi giờ Kiều ra bói. Không có cha giảng Kiều, tôi tự tìm hiểu lấy ý nghĩa của những câu Kiều thông qua những bước thăng trầm của cuộc đời mình.

Không chỉ mồng Một, đầu năm tôi mới bói Kiều, những lúc trong lòng có điều gì không giải thoát được, tôi cũng lấy Kiều ra để bói. Kiều như người bạn, người chị, người chị đã dẫn dắt tôi qua những gập ghềnh của tâm lý. Kiều mang đến cho tôi, bạn bè, gia đình, quê hương.

Dường như ở mỗi độ tuổi, con người sẽ hiểu Kiều theo một cách khác nhau: sâu sắc hơn, chín chắn hơn, bình tĩnh hơn... theo thời gian. Những năm gần đây gia đình tôi mỗi khi ngồi vào bói Kiều, đã chật hết hàng ghế salon. Con dâu, con rể của ba má tôi cũng thích được bói Kiều đầu năm. Đến cả chàng rể tây của ba má tôi năm đầu tiên ăn tết ở Việt Nam cũng xin được bói Kiều. Các cháu nội, cháu ngoại chờ mừng tuổi cũng tròn mắt nghe ông đọc Kiều, giảng Kiều.

Những câu Kiều vui, những câu Kiều buồn lại được ông nâng lên thành những bài học làm người, làm cha, làm mẹ, làm vợ, làm chồng, làm con, làm cháu. Trong kệ sách của cha mẹ tôi, cuốn *Truyện Kiều* luôn được để ở một vị trí dễ nhìn, dễ lấy nhất. Cuốn Kiều ấy cha tôi mua từ thời thanh niên, từ trước khi ông và mẹ tôi quen nhau. Nó cũ kỹ với những trang giấy vàng như bị hong khói lâu ngày, nhưng nó gắn bó biết bao nhiêu với kỷ cương, nề nếp, phong cách sống của gia đình tôi.

Con trai tôi năm nay mười hai tuổi, nó đã nhớ phong tục gia đình. Sáng mùng một này nó cũng chỉ đợi cả nhà ăn sáng xong để chạy đi lấy nhang, với cuốn sách đưa cho ông. Và rồi, nó cũng là đứa nhớ nhất những câu tôi bắt được đầu năm. Để cả năm, hễ tôi có chuyện vui, chuyện buồn nó lại ngâm thơ nhắc:

– “Đầu năm mẹ bắt trúng câu gì mẹ nhớ không?”.

Thật tình là có lúc tôi cũng không nhớ, thế mà nó đọc lại lâu lâu những câu Kiều mà tôi bắt được... và, những lúc như thế, mẹ con tôi ôm nhau lòng đầy thanh thản.

(*Báo Đại đoàn kết*, số Xuân Quý Mùi, 2003)



4. LÝ THÚ BÓI KIỀU

DẶNG MINH PHƯƠNG

Có nhiều ý kiến lý giải nguyên nhân bói Kiều, một hiện tượng rất phổ biến ở nước ta từ hàng trăm năm nay. Người bói Kiều thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau, từ người bình dân đến trí thức cấp cao. Cách bói kiều cũng không giống nhau. Trong

bài viết ngắn này, tôi chỉ xin ghi lại câu chuyện bói Kiều của một số nhà trí thức được rất nhiều người biết tiếng.

Trong "Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều", giáo sư Phan Ngọc đặt câu hỏi: "Tại sao người ta lại bói Kiều". Theo ông, dưới ngòi bút của Nguyễn Du, con người bị phanh phui đến cùng kiệt, mọi bí ẩn bị bóc trần. Đọc Kiều, người ta tìm thấy tâm trạng mình nên tưởng đâu trong Kiều nói được tương lai của mình. Từ say mê biến thành lòng tin cậy. Thế là xuất hiện thói quen: "*Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thuý Kiều, xin cho con ba đồng*"...

Năm 1944, ông Trần Trọng Kim được người Nhật ở Hà Nội bố trí cho đi Xin-ga-po vì ông này thân Nhật sợ Pháp bắt làm tù, cùng với một số người khác như các ông Dương Bá Trạc, Trần Văn Ân, Đặng Văn Ký. Đến Xin-ga-po, ăn uống kham khổ, bị bệnh, thuốc thang chẳng có, các ông rất buồn rầu, muốn trở về lại Việt Nam. Một hôm ngồi trò chuyện với nhau, ông Dương Bá Trạc nói: "Tôi thường không tin vào sự bói toán, nhưng tôi nghiệm thấy bói Kiều lắm lúc hay lắm. Khi xưa tôi đi thi Hương, bói một quẻ biết là đỗ, mà rồi đỗ thiệt. Sau bị đẩy ra Côn Lôn, lại một hôm bói một quẻ, đoán là sắp được về, mấy ngày sau quả là được về thật. Ông Trần Trọng Kim nói: "Bây giờ ông thử bói một quẻ xem". Ông Dương Bá Trạc nói: "Để sáng mai". Sáng hôm sau, ông vui vẻ bảo:

- Về, chúng ta sắp được về!
- Sao ông biết?
- Tôi vừa bói một quẻ Kiều được hai câu này:

*Việc nhà đã tạm thông dong
Tinh kỳ giục già đã mong độ về.*

Theo cái nghĩa câu ấy là chúng ta sắp được về. Sau đó, ông Dương Bá Trạc bị ốm nặng, mất ở Xin-ga-po, còn các ông Trần Trọng Kim, Đặng Văn Ký, Trần Văn Ân thì được cho đi Băng-cốc để về Việt Nam¹.



Sau Cách mạng Tháng Tám, ông Phạm Khắc Hoè, nguyên Tổng lý ngự tiền văn phòng của triều Nguyễn, cùng đi với ông Vĩnh Thụy (cựu hoàng Bảo Đại) ra Hà Nội vì ông Vĩnh Thụy được Hồ Chủ tịch mời ra làm cố vấn. Vài tháng sau, ông Hòe trở về Huế mấy ngày rồi quay ra Hà Nội. Khi ông chuẩn bị ra đi, bà Nam Phương, vợ ông Vĩnh Thụy, mời ông ở lại Huế chơi ít ngày. Ông còn đắn đo. Vợ ông nói: "Xem chừng ông còn lưỡng lự, thử bói một quẻ xem sao".

Em ông Hòe liền nói: "Cách mạng thành công đã hai tháng rồi mà anh chị còn "duy tâm" thế à?"

Ông Hòe trả lời: "Đó là một thói quen mà mình rất thích vì bao giờ người ta cũng cố giải thích được quẻ bói theo ý muốn của mình".

Nói thế rồi ông chấp hai bàn tay, kẹp quyển Kiều vào giữa và đưa lên ngang trán nhắm mắt khấn thì thầm rồi giở ra lấy ngón tay bên trái chỉ vào một câu đọc to lên:

(1) Theo hồi ký của Trần Trọng Kim, Phạm Khắc Hoè, nhật ký của Lê Văn Hiến.

*Dưới dòng nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Bà Hoè reo lên nói: "Thế là cô Kiều bảo cậu ở lại để đi gặp bà Vĩnh Thụy một lần nữa tại Cung An Định là nơi mặt trước mặt có dòng nước chảy trong veo và bên cạnh có cầu, có cây liễu bóng chiều thướt tha!"

– Nhưng đi lên ga Huế thì cũng có cầu, có nước chảy trong veo. Cần đọc thêm hai câu trên nữa thì mới đoán được quẻ. Ông Hòe nói rồi đọc tiếp:

*Bóng tà như giục cơn buồn
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.*

Đó là cảnh chia tay lúc chiều tà. Hay quá! Hay quá! Cụ Nguyễn Du cũng chiều lòng mình. Và ông lên tàu ra Hà Nội¹.



Cụ Lê Văn Hiến, Bộ Trưởng Bộ Tài chính trong kháng chống Pháp kể chuyện:

"Ở chiến khu Việt Bắc, một hôm vào tháng 5-1949, sau khi họp hội nghị xong, các vị bộ trưởng ngồi nói chuyện vui. Một người cầm quyển Kiều bói cho từng người một, mỗi người một câu. Bói xong trở thành câu chuyện rất buồn cười, tưởng như nàng Kiều đã đoán biết và bóc trần ra hết sự bí mật của từng người. Ví dụ, bói cho Hồ Chủ Tịch, trúng câu:

(1) Theo hồi ký của Trần Trọng Kim, Phạm Khắc Hoè, nhật ký của Lê Văn Hiến.

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng
Roi câu vừa dống dặm trường
Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.*

Làm cho các ông phán rộng ra là thắng lợi sắp đến và Hồ Chủ Tịch sẽ về thủ đô! Đến khi bói đến mình (Lê Văn Hiến) thì gặp ngay câu:

*Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Các vị biết việc riêng của mình nên tán ra là hai họ Lê (Lê Văn Hiến và Lê Thị Xuyên) sắp lập gia đình với nhau. Nàng Kiều kể cũng tỉnh!"



Thời kháng chiến chống Pháp, có lần nhà thơ Xuân Diệu cùng với nhà thơ Gia Ninh đi công tác ở Nghệ An. Hai ông đi bộ mệt quá, định nghỉ lại ở một làng ven quốc lộ. Bà con ở địa phương khuyên là nên đi thêm ba bốn ki-lô-mét nữa về phía tây vì làng này hay bị máy bay Pháp ném bom. Hai ông không muốn đi nhưng cũng sợ nguy hiểm. Xuân Diệu liền móc quyển Kiều khổ nhỏ mà ông luôn mang theo bên mình, lấy ra bói, đúng vào câu:

*Rạng ra gửi đến xuân đường
Thúc Ông cũng vội giục chàng ninh gia.*

Thế là Xuân Diệu giục Gia Ninh cùng đi lên xóm trên. Chiều hôm ấy máy bay đến bắn phá ngôi làng mà hai ông vừa rời đi.

Một lần khác, Xuân Diệu đi công tác vào khu 4 thời chống Mỹ. Chiếc xe com-măng-ca Bắc Kinh mà Hội Nhà văn cấp cho Xuân Diệu và một số người khác đi đã quá cũ, máy móc ọp ẹp. Cứ chạy vài mươi cây số lại ngừng, mọi người phải cùng nhau đẩy. Xuân Diệu tức quá, lấy quyển Kiều ra bói, gặp câu:

*Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh
Quy sư quy Phật tu hành bấy lâu.*

Ông nói: Xe nó ở Bắc Kinh đã quy sư quy Phật mà bắt ra tuyến lửa, nó không đi là phải. Mọi người cười thú vị, lại tiếp tục đẩy xe.

Chắc chắn kết quả bói Kiều không phải hoàn toàn "linh nghiệm" trong mọi trường hợp. Điều người ta cảm thấy rõ là bói Kiều đem lại niềm vui, hứng thú.

Nhân Dân hằng tháng số 106 (Tháng 2-2006)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đề tập biên* – Bản chữ Hán – Nôm chép tay của Thư viện Quốc gia Hà Nội – Ký hiệu VNV240
3. *Một số tài liệu nghiên cứu về Nguyễn Du* – Tài liệu đánh máy của Thư viện Quốc gia Hà Nội – Lê Thước biên soạn – 1965. Ký hiệu VV118/69
4. *Thanh Tâm Tài Tử thi tập tự* – Chu Mạnh Trinh – Thư viện Quốc gia Hà Nội
5. *Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du* – Hội Quảng Trị – Huế xuất bản – 1942
6. *Tập kỷ yếu KỶ NIỆM 200 NĂM NĂM SINH NGUYỄN DU* – Nhà xuất bản Khoa học xã hội – Hà Nội, 1966
7. *Chân dung Nguyễn Du* – Nam Sơn, Sài Gòn xuất bản, 1960
8. *Nguyễn Du – về tác gia và tác phẩm* – NXB Giáo dục, 1998
9. Chu Mạnh Trinh – *Thanh Tâm Tài nhân thi tập* – Văn Minh (Hải Phòng) xuất bản – 1911
10. Nguyễn Tấn Chiếu – *Thơ phú án Kiều* – Imprimerie Thái Sơn, Sài Gòn – 1934
11. Dương Quảng Hàm – *Việt Nam văn học sử yếu* – Hà Nội 1941.
12. Đào Duy Anh – *Khảo luận về Kim Vân Kiều* – Quan Hải tùng thư – Huế 1943.

13. Hoài Thanh: *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* – Hội Văn hóa Việt Nam xuất bản, 1949
14. Xuân Diệu – *Thi hào dân tộc Nguyễn Du* – NXB Văn học, Hà Nội 1966
15. Lê Đình Ky – *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du* – NXB Khoa học xã hội – Hà Nội 1970
16. Nguyễn Văn Y – *Thơ vịnh Kiều* – Lạc Việt (Sài Gòn) xuất bản – 1973
17. Đặng Thanh Lê: *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* – NXB Khoa học xã hội – Hà Nội 1978
18. Phan Ngọc – *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* – NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1985

Cùng một số báo, tạp chí: *Nam Phong, Hữu Thanh, Tri Tân, Thanh Nghị...*, *Nghiên cứu Văn Sử Địa, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, Tạp chí Văn học...*

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Lời giới thiệu của giáo sư Phan Ngọc	7
Cùng bạn đọc – NXB Hà Nội (1991)	11

PHẦN I BÌNH KIỀU

I. Bình Kiều	13
II. Bình luận của những vị đồng thời với Nguyễn Du	14
III. Thế kỷ 19 sau khi Nguyễn Du qua đời	21
IV. Đầu thế kỷ 20	25
V. Những cuộc bút chiến đầu thế kỷ 20	30
VI. <i>Truyện Kiều</i> trong chiến tranh (1945-1975)	33
VII. <i>Truyện Kiều</i> từ sau 1975	37
TƯ LIỆU BÌNH KIỀU	43
A. Thế kỷ 19	43
B. Nửa đầu thế kỷ 20	71
C. Nửa sau thế kỷ 20	98

PHẦN II VỊNH KIỀU

TƯ LIỆU VỊNH KIỀU	143
A. Thế kỷ 19	156
B. Đầu thế kỷ 20	177
C. Những bài vịnh phê phán Thúy Kiều	190
D. Một số bài vịnh Kiều mới	199

PHẦN III BÓI KIỀU

	205
I. Đôi điều về việc bói Kiều	206
II. Bói Kiều có từ bao giờ?	209
III. Câu Kiều nói họ ta được nhiều điều	212
IV. Vì sao có hiện tượng bói Kiều	215
V. Những trùng hợp ngẫu nhiên đến kỳ lạ	221

TƯ LIỆU BÓI KIỀU

ĐÁP ÁN 18 ĐỀ MỤC BÓI KIỀU	228
---------------------------	-----

1. CÀN	<i>Niên vận:</i> Cả năm tốt hay xấu.	229
2. KHÂM	<i>Công danh:</i> Thăng bổ sớm hay muộn.	230
3. CẤN	<i>Tài lợi:</i> Tiền của dồi dào hay hao hụt.	232
4. CHẤN	<i>Âm tin:</i> Muốn hỏi tin tức của một ai.	233
5. TỐN	<i>Tranh tụng:</i> Kiện tụng được hay thua.	234
6. LY	<i>Bình an:</i> Vận nhà bĩ hay thái.	235
7. KHÔN	<i>Hôn nhân:</i> Việc vợ chồng tốt hay xấu.	237
8. ĐOÀI	<i>Thương mại:</i> Buôn bán lỗ hay lãi.	238
9. GIÁP	<i>Thiên di:</i> đổi dời chỗ ở êm hay động.	239
10. ÁT	<i>Tật bệnh:</i> bệnh nặng hay nhẹ ra sao.	240
11. BÍNH	<i>Khoa đố:</i> thi đỗ hay hỏng.	242
12. ĐINH	<i>Tử tức:</i> đường con cái ra sao.	243
13. MẬU	<i>Xuất hành:</i> ra đi may hay rủi.	244
14. KỶ	<i>Truy tâm:</i> tìm kiếm thấy hay mất.	245
15. CANH	<i>Ưu tư:</i> lo sự lành hay dữ.	247
16. TÂN	<i>Thám yết:</i> đi thăm có được không.	248
17. NHÂM	<i>Kỹ nghệ:</i> nghề nghiệp lợi hay hại.	249
18. QUÝ	<i>Tâm sự:</i> tình riêng có toại hay không.	250

PHỤ LỤC: BÓI KIỀU QUA BÁO CHÍ	252
--------------------------------------	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập:

TRÚC PHƯƠNG

Sửa bản in:

Ý NHƯ

Bìa:

MAI QUẾ VŨ

Vị tinh:

CẨM HÀ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

310 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM

ĐT: 8376585-8376587-8376589-8376590

Fax: 84.8.8376586 - Email: nxbsaigon@vnn.vn



In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí nghiệp in FAHASA.
Giấy phép xuất bản số 52-2007/CXB/19-02-2007/VHSG ký
ngày 17-01-2007. In xong và nộp lưu chiểu quý 1/2007.

Bình Kiều Vịnh Kiều Bói Kiều



NHỮNG TÁC PHẨM VIẾT VỀ TRUYỆN KIỀU CỦA CÙNG TÁC GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN

Truyện Kiều đối chiếu	NXB Hà Nội, 1991
Bình Kiều, Vịnh Kiều, Bói Kiều	NXB Hà Nội, 1991
Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX	NXB Văn Nghệ TP.HCM, 1994
Tập Kiều - một thú chơi tao nhã	NXB Văn Hóa Thông Tin, 1994
Từ lấy Kiều, đổ Kiều... đến các giai thoại về Truyện Kiều	NXB Văn Học, 2000
Truyện Kiều và Kim Vân Kiều Truyện	NXB Văn Học, 2000
Tìm hiểu điển tích Truyện Kiều	NXB Văn Học, 2000
Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều	NXB Giáo Dục, 2002
Truyện Kiều đọc ngược	NXB Thanh Niên, 2002
Lục bát hậu Truyện Kiều	NXB Thanh Niên, 2002
Đổ Kiều, nét đẹp văn hóa	NXB Thanh Niên, 2004
Bói Kiều như bình kiều vịnh kiều bói kiều	NXB Thanh Niên, 2004
Truyện Kiều trên	NXB Thanh Niên, 2004
Truyện Kiều và	NXB Thanh Niên 2005
Thế giới nhân vật Truyện Kiều	NXB Thanh Niên, 2005



1 007040 900207
32.000 VNĐ

Giá: 32.000đ